

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI



GIÁO TRÌNH

Môn học: **TUYỂN ĐIỂM DU LỊCH VIỆT NAM**

Ngành: **QUẢN TRỊ DVĐL & LỮ HÀNH**

Trình độ: **CAO ĐẲNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6953/QĐUBND ngày 06 tháng 10 năm 2017)

HÀ NỘI, 2019

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm

MỤC LỤC

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN	2
MỤC LỤC	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ	9
LỜI GIỚI THIỆU	10
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH	11
1. Khái niệm về điểm du lịch, tuyến du lịch	11
1.1. Điểm du lịch	11
1.2. Tuyến du lịch	12
1.3. Chương trình du lịch - Tour du lịch.....	12
1.4. Vai trò của tuyến điểm du lịch	13
2. Các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng các tuyến điểm du lịch	15
2.1. Vị trí địa lý	15
2.2. Tài nguyên du lịch.....	15
2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	16
2.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa	18
2.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật	19
2.3.1. Cơ sở hạ tầng	19
2.3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	20
2.4. Cư dân địa phương	21
2.5. Nhu cầu du lịch của du khách.....	21
3. Phương thức vận chuyển trên tuyến điểm du lịch	22
3.1. Đường bộ	22
3.2. Đường thủy.....	26
3.3. Đường sắt	28
3.4. Đường hàng không	29
4. Các chỉ tiêu cơ bản để xây dựng tuyến điểm du lịch	30
5. Phân vùng du lịch Việt Nam	33
Chương 2: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ	34
1. Khái quát chung	34
1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng.....	34
1.2. Tài nguyên du lịch.....	35
1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	35
1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa	36
1.3. Hệ thống đường giao thông	37
2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu	38

2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng	38
2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu	38
3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch.....	38
4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng.....	41
4.1. Tuyến Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (QL3)	41
4.1.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Thái Nguyên	41
4.1.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Bắc Kạn.....	41
4.1.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Cao Bằng	42
4.2. Tuyến Bắc Giang – Lạng Sơn (QL1).....	42
4.2.1. Các điểm tham quan ở tỉnh Bắc Giang	42
4.2.2. Các điểm tham quan ở tỉnh Lạng Sơn	42
4.3. Tuyến Vĩnh Phúc - Tuyên Quang – Hà Giang (QL2C/ Cao tốc Nội Bài – Lào Cai; QL2; QL4C)	43
4.3.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Vĩnh Phúc.....	43
4.3.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Tuyên Quang.....	43
4.3.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Hà Giang.....	43
4.4. Tuyến Hòa Bình – Sơn La - Điện Biên (QL6)	44
4.4.1. Các điểm tham quan ở tỉnh Hòa Bình	44
4.4.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Sơn La	44
4.4.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Điện Biên	44
4.5. Tuyến Phú Thọ - Yên Bái - Lào Cai (QL2/Cao tốc Nội Bài – Lào Cai, QL32	45
4.5.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Phú Thọ.....	45
4.5.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Yên Bái	45
4.5.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Lào Cai	45
Chương 3: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ DUYÊN HẢI ĐÔNG BẮC	47
1. Khái quát chung	47
1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng.....	47
1.2. Tài nguyên du lịch.....	48
1.2.1. Tài nguyên tự nhiên.....	48
1.2.2. Tài nguyên văn hóa	51
1.3. Hệ thống đường giao thông của vùng	53
2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu	53
2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng	53
2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu.....	54
3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch.....	54
4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng.....	57

4.1. Tuyến Hà Nội – Hải Dương - Hạ Long - Hải Phòng (QL5, QL18, Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng)	57
4.1.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Hải Dương	57
4.1.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Quảng Ninh.....	58
4.2. Tuyến du lịch Hà Nội – Hưng Yên – Thái Bình – Nam Định (QL 1A, QL5, QL10, QL39)	58
4.2.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Hưng Yên	58
4.2.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Thái Bình.....	58
4.2.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Nam Định.....	58
4.3. Tuyến Hà Nội – Hà Nam – Ninh Bình (QL1A; cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ)	59
4.3.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Hà Nam	59
4.3.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Ninh Bình	59
Chương 4: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG BẮC TRUNG BỘ	61
1. Khái quát chung	61
1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng	61
1.2. Tài nguyên du lịch	62
1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên	62
1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa	63
1.3. Hệ thống đường giao thông	64
2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu	64
2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng	64
2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu	64
3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch	65
4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng	70
4.1. Tuyến Thanh Hóa – Nghệ An – Hà Tĩnh (QL 1A)	70
4.1.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Thanh Hóa.	70
4.1.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Nghệ An.....	70
4.1.3. Các điểm tham quan du lịch ở Hà Tĩnh	71
4.2. Tuyến Huế - Quảng Trị - Quảng Bình (QL 1A; QL1A/QL15)	71
4.2.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế.	71
4.2.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Quảng Trị.....	72
4.2.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Quảng Bình.	73
Chương 5: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ	74
1. Khái quát chung	74
1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng	74
1.2. Tài nguyên du lịch	74
1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên	74
1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa	76

1.3. Hệ thống đường giao thông	78
2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu	79
2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng	79
2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu	79
3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch.....	79
4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng.....	83
4.1. Tuyến Đà Nẵng – Quảng Nam – Quảng Ngãi (QL1A, QL14).....	83
4.1.1. Các điểm tham quan du lịch tại Đà Nẵng	83
4.1.2. Các điểm tham quan du lịch tại Quảng Nam	83
4.1.3. Các điểm tham quan du lịch tại Quảng Ngãi	84
4.2. Tuyến Quy Nhơn – Phú Yên.....	85
4.2.1. Các điểm tham quan du lịch ở Quy Nhơn	85
4.2.2. Các điểm tham quan du lịch tại Phú Yên	85
4.3. Tuyến Khánh Hòa - Ninh Thuận – Bình Thuận	86
4.3.1. Các điểm tham quan du lịch ở Khánh Hòa	86
4.3.2. Các điểm tham quan du lịch ở Ninh Thuận.....	86
4.3.3. Các điểm du lịch ở Bình Thuận.....	86
1. Khái quát chung	88
1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng.....	88
1.2. Tài nguyên du lịch.....	89
1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	89
1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa	94
1.3. Hệ thống đường giao thông	98
2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu	98
2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng.....	98
2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu.....	98
3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch.....	99
4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng.....	100
4.1. Tuyến tham quan các điểm du lịch tại Đà Lạt	100
4.2. Tuyến Đắk Nông - Đắk Lắk – Gia Lai - Kon Tum.	101
4.2.1. Các điểm tham quan du lịch ở Đắk Lắk.....	101
4.2.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Đắk Nông.....	101
4.2.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Gia Lai	101
4.2.4. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Kon Tum.....	102
Chương 7: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG ĐÔNG NAM BỘ.....	103
1. Khái quát chung	103

1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng	103
1.2. Tài nguyên du lịch	103
1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	103
1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa.....	106
1.3. Hệ thống đường giao thông	110
2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu	110
2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng	110
2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu	110
3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch	110
4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng	117
4.1. Tuyến du lịch trong trung tâm Tp.Hồ Chí Minh	117
4.1.1. Các điểm tham quan du lịch ở Tp.Hồ Chí Minh.....	117
4.1.2. Các tuyến tiêu biểu.....	118
4.2. Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Vũng Tàu – Côn Đảo (QL 1A/ĐCT Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, QL 51)	119
4.3. Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Bình Dương	120
4.4. Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Bình Phước	120
4.5. Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Đồng Nai	121
4.6. Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Tây Ninh	121
Chương 8: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	123
1. Khái quát chung	123
1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng	123
1.2. Tài nguyên du lịch	123
1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.....	123
1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa.....	126
1.3. Hệ thống đường giao thông	129
2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu	129
2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng	129
2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu	129
3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch	130
4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng	132
4.1. Tuyến Tiền Giang – Bến Tre – Vĩnh Long	132
4.1.1 Các điểm du lịch ở Tiền Giang.....	132
4.1.2. Các điểm du lịch ở Bến Tre.....	132
4.1.3. Các điểm du lịch ở Vĩnh Long.....	132
4.2. Tuyến Cần Thơ – Sóc Trăng – Bạc Liêu – Cà Mau	133

4.2.1. Các điểm du lịch ở Cần Thơ.....	133
4.2.2. Các điểm du lịch ở Sóc Trăng.....	133
4.2.3. Các điểm du lịch ở Bạc Liêu.....	133
4.2.4. Các điểm du lịch ở Cà Mau.....	134
4.3. Tuyến An Giang – Kiên Giang	134
4.3.1. Các điểm du lịch ở An Giang	134
4.3.2. Các điểm du lịch ở Kiên Giang.....	135
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	136

DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ

Hình 2.1: Sơ đồ cung đường tuyến Thái Nguyên – Bắc Kạn – Cao Bằng.....	42
Hình 2.2: Sơ đồ cung đường tuyến Bắc Giang – Lạng Sơn.....	43
Hình 2.3: Sơ đồ cung đường tuyến Vĩnh Phúc – Tuyên Quang – Hà Giang.....	44
Hình 2.4: Sơ đồ cung đường tuyến Hòa Bình – Sơn La – Điện Biên	45
Hình 2.5: Sơ đồ cung đường tuyến Vĩnh Phúc – Phú Thọ – Yên Bái – Lào Cai ...	46
Hình 3.1: Sơ đồ cung đường tuyến Hà Nội – Hải Dương - Hạ Long - Hải Phòng	58
Hình 3.2: Sơ đồ cung đường tuyến Hà Nội – Hưng Yên – Thái Bình – Nam Định	59
Hình 3.3: Sơ đồ cung đường tuyến Hà Nội – Hà Nam – Ninh Bình.....	60
Hình 4.1: Sơ đồ cung đường tuyến Thanh Hóa – Nghệ An – Hà Tĩnh	71
Hình 4.2: Sơ đồ cung đường tuyến Huế - Quảng Trị - Quảng Bình.....	73
Hình 5.1: Sơ đồ cung đường tuyến Đà Nẵng – Quảng Nam – Quảng Ngãi.....	85
Hình 5.2: Sơ đồ cung đường tuyến Quy Nhơn – Phú Yên	86
Hình 6.1: Sơ đồ cung đường tuyến tham quan tại Đà Lạt.....	101
Hình 6.2: Sơ đồ cung đường tuyến Đắk Lắk – Đắk Nông – Gia Lai - KonTum..	102
Hình 7.1: Sơ đồ cung đường tuyến city tour Thành phố Hồ Chí Minh	118
Hình 7.2: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Địa đạo Củ Chi – bến Dược	118
Hình 7.3: Sơ đồ cung đường tuyến Trung tâm thành phố - Rừng Sác Cần Giờ..	119
Hình 7.4: Sơ đồ cung đường tuyến Trung tâm thành phố - khu du lịch Suối Tiên – Vườn cò Thủ Đức	119
Hình 7.5: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Vũng Tàu	120
Hình 7.6: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Bình Dương	120
Hình 7.7: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Bình Phước.....	121
Hình 7.8: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Đồng Nai	121
Hình 7.9: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Tây Ninh	122
Hình 8.1: Sơ đồ cung đường tuyến Tiền Giang – Bến Tre – Vĩnh Long.....	133
Hình 8.2: Sơ đồ cung đường tuyến Cần Thơ – Sóc Trăng – Bạc Liêu – Cà Mau	134
Hình 8.3: Sơ đồ cung đường tuyến An Giang – Kiên Giang	135

LỜI GIỚI THIỆU

Du lịch là một ngành kinh tế quan trọng không chỉ trên thế giới mà còn cả ở Việt Nam. Nói đến du lịch, nhiều người cho rằng đây là “ngành công nghiệp không khói”, là “con gà đẻ trứng vàng”. Từ đầu thập niên 9 của thế kỷ XX cho đến nay, du lịch trở thành một ngành kinh tế đem lại hiệu quả cao về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường ở Việt Nam. Trong đó, hoạt động kinh doanh lữ hành có vị trí đặc biệt quan trọng, đóng vai trò phân phối sản phẩm trong du lịch và sản phẩm của các ngành kinh tế khác, tạo ra nguồn thu lớn đóng góp cho sự phát triển kinh tế quốc dân. Để kinh doanh lữ hành có hiệu quả, thể hiện đúng vị trí và vai trò của ngành nghề kinh doanh này thì các nhà kinh doanh lữ hành phải có kiến thức du lịch nói chung và kiến thức về nghiệp vụ lữ hành nói riêng...

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được xây dựng với nhiều môn học có tính thực tiễn, rèn luyện kỹ năng nghề cho sinh viên phù hợp với những đòi hỏi của thực tế nghề nghiệp của sinh viên sau khi ra trường. Học phần Tuyển điểm du lịch là môn học chuyên ngành có vai trò quan trọng không thể thiếu trong chương trình đào tạo của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các điểm, tuyến du lịch và cách thức xây dựng chương trình du lịch. Tuy nhiên, trong thực tế môn học này chưa có hệ thống bài giảng chính thức, nên việc biên soạn giáo trình môn học này là vô cùng cần thiết đối với công việc giảng dạy của giảng viên cũng như việc học tập của sinh viên.

Xuất phát từ thực tiễn và yêu cầu của công tác đào tạo nhân lực du lịch của xã hội hiện nay, trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội tiến hành biên soạn giáo trình Tuyển điểm du lịch, dùng cho sinh viên hệ Cao đẳng, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Giáo trình được biên soạn có nội dung gồm 9 chương:

Chương 1: Tổng quan về tuyển, điểm du lịch

Chương 2: Tuyển điểm du lịch vùng Trung du miền núi Bắc Bộ

Chương 3: Tuyển điểm du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc

Chương 4: Tuyển điểm du lịch vùng Bắc Trung Bộ

Chương 5: Tuyển điểm du lịch vùng duyên hải Nam Trung Bộ

Chương 6: Tuyển điểm du lịch vùng Tây Nguyên

Chương 7: Tuyển điểm du lịch vùng Đông Nam Bộ

Chương 8: Tuyển điểm du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Tây Nam Bộ)

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng chắc chắn giáo trình không tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được sự phê bình, góp ý của các bạn đồng nghiệp và các bạn đọc. Tôi cũng xin phép được bày tỏ lòng biết ơn tới các tác giả có tài liệu mà tôi đã tham khảo và trích dẫn trong quá trình biên soạn giáo trình này.

Tác giả

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH

Giới thiệu

Mục tiêu:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm về điểm du lịch, tuyến du lịch, chương trình du lịch

+ Phân tích được các nhân tố hình thành tuyến điểm du lịch

+ Trình bày được các chỉ tiêu cơ bản khi xây dựng tuyến điểm.

+ Hệ thống đường giao thông ở Việt Nam

- Về kỹ năng

+ Nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng tuyến điểm.

+ Nhận biết được hệ thống đường giao thông ở Việt Nam

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Thể hiện tính cẩn thận, chu đáo, tỉ mỉ trong công việc

Nội dung chính

1. Khái niệm về điểm du lịch, tuyến du lịch

1.1. Điểm du lịch

Điểm du lịch là một vị trí cụ thể trên lãnh thổ, có quy mô nhỏ, chiếm một diện tích nhất định trong không gian. Tuy nhiên, quy mô cụ thể của các điểm du lịch cũng mang tính tương đối. Điểm du lịch thường là nơi tập trung tài nguyên du lịch hấp dẫn tạo ra sức thu hút khách. Đôi khi điểm du lịch lại gắn với cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Xét theo góc độ lãnh thổ du lịch, điểm du lịch là những điểm dừng của khách du lịch để tham quan hoặc nghỉ ngơi giải trí. Tuy nhiên, thời gian lưu lại của du khách tương đối ngắn (không quá 1 -2 ngày) vì sự hạn chế của đối tượng du lịch, trừ một vài trường hợp ngoại lệ (ví dụ, điểm du lịch với chức năng chữa bệnh, nhà nghỉ của cơ quan...).

Ví dụ: điểm du lịch Văn Miếu Quốc Tử Giám, điểm du lịch chợ nổi Cái Răng, điểm du lịch phố cổ Hội An, điểm du lịch Cúc Phương...

Theo khoản 7 Điều 3, Chương I – Luật Du lịch Việt Nam (năm 2017) “Điểm du lịch là nơi có tài nguyên du lịch được đầu tư, khai thác phục vụ khách du lịch”.

Những điều kiện cần thiết phải thỏa mãn để hình thành điểm du lịch bao gồm:

- Phải có những điều kiện tài nguyên đa dạng, phong phú, độc đáo và có sức hấp dẫn đối với du khách. Điều này có nghĩa là điểm đó có thể có nguồn nước khoáng có giá trị chữa bệnh, có thể giới động thực vật hoang dã phong phú, có nơi nghỉ ngơi, có nơi trú chạn, có bãi tắm đẹp, có hang động kì vĩ... Những vùng núi hoặc bán sơn địa có khả năng đáp ứng điều kiện này một cách tốt nhất.

- Phải đảm bảo điều kiện vệ sinh cần thiết

- Phải được xây dựng tốt có lối đi lại thuận tiện và luôn được duy trì tốt.

- Phải có cơ sở lưu trú khách sạn, motel, nhà nghỉ, bungalow, camping..

- Phải có cửa hàng và các điểm bán hàng, đặc biệt là hàng thực phẩm

- Phải được trang bị đầy đủ như nơi tập luyện thiết bị y tế, nơi chơi thể thao, bể bơi...

Trong thực tế điểm du lịch được hình thành và được quyết định bởi ba nhóm nhân tố:

+ Thứ nhất: là nhóm nhân tố liên quan đến sức hấp dẫn của điểm du lịch như vị trí địa lý, tài nguyên du lịch, các nhân tố chính trị và xã hội (không khí chính trị hòa bình, chính sách của nhà nước, tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ, mức giá, chất lượng phục vụ, các sự kiện có tính định kỳ, quản cáo du lịch, cải tiến giao thông...)

+ Thứ hai: gồm nhân tố đảm bảo giao thông cho khách đến điểm du lịch (bao gồm những điều kiện đã và có khả năng xây dựng, phát triển mạng lưới và phương tiện giao thông khác nhau)

+ Thứ ba: gồm những nhân tố đảm bảo cho khách tham quan lưu trú lại ở điểm du lịch. Đó là cơ sở ăn uống (cửa hàng ăn uống, điểm tâm, giải khát...), các cơ sở lưu trú, cơ sở phục vụ vui chơi, giải trí.

1.2. Tuyến du lịch

Tuyến du lịch là một đơn vị tổ chức không gian du lịch, được tạo bởi nhiều điểm du lịch khác nhau về quy mô, chức năng, sự đa dạng của các đối tượng du lịch với nhau trên lãnh thổ.

Theo Khoản 9, Điều 4, Chương I - Luật du lịch Việt Nam (năm 2017): “Tuyến du lịch là lộ trình liên kết các khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch, gắn với các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không”.

Việc xây dựng các tuyến du lịch dựa vào các cực hút, các cửa khẩu quốc tế quan trọng và hệ thống đường bộ, đường biển, đường sông và đường hàng không, hệ thống đô thị và các cơ sở lưu trú cũng như giá trị của các điểm du lịch. Từ đó, hình thành nên các tour du lịch đáp ứng nhu cầu tham quan du lịch của du khách trong nước và quốc tế.

1.3. Chương trình du lịch - Tour du lịch

Chương trình du lịch là lịch trình tổ chức các chuyến du lịch theo một kế hoạch, lộ trình đã được hoạch định trước đó là sản phẩm du lịch.

Tour du lịch là một thuật ngữ lấy nguyên gốc danh từ “tour” trong tiếng Anh, có nghĩa “chuyến đi du lịch”. Tour du lịch là sản phẩm du lịch đã được định giá theo một lộ trình có sự đặt trước về thời gian, địa điểm và những dịch vụ liên quan. Theo đó, khái niệm tour du lịch gần nghĩa nhất với khái niệm chương trình du lịch. Tour du lịch cần được phân biệt rõ với tuyến du lịch. Tuyến du lịch là lộ trình nối các điểm du lịch khác nhau (về mặt không gian), còn tour du lịch là chương trình du lịch (về mặt sản phẩm du lịch có quy định giá bán và lịch trình chuyến đi).

* Nội dung của chương trình (tour) du lịch bao gồm:

- Tổng quỹ thời gian n ngày và (n - 1) đêm

- Tuyến hành trình (lộ trình)

- Kế hoạch hoạt động chi tiết cho từng ngày

- Phương án vận chuyển, ăn uống, lưu trú cùng hoạt động thăm quan, vui chơi, giải trí...

- Các điều khoản trong điều kiện của chương trình, mức giá

* Căn cứ vào phương thức tổ chức chương trình du lịch bao gồm :

- Các chương trình theo nguyện vọng của khách. Đây là loại chương trình phổ biến đối với khách lẻ và thường được các đại lý du lịch có quy mô nhỏ áp

dụng vì nó mang tính chất mạo hiểm.

- Chương trình du lịch do đại lý du lịch chủ động xây dựng và thực hiện. Đây là hình thức phổ biến đối với các đại lý du lịch có quy mô lớn.

- Chương trình kết hợp giữa hai loại trên.

* Căn cứ vào nội dung và tính chất của chương trình có thể chia ra :

- Chương trình du lịch dài ngày

- Chương trình du lịch ngắn ngày

* Căn cứ vào giá, chương trình có thể chia ra :

- Chương trình du lịch theo giá trọn gói

- Chương trình du lịch theo giá một phần (bao gồm giá của một số hàng hoá và dịch vụ cơ bản).

Theo khoản 8 Điều 3 – Chương I - Luật du lịch Việt Nam: “Chương trình du lịch là văn bản thể hiện lịch trình, dịch vụ và giá bán được định trước cho chuyến đi của khách du lịch từ điểm xuất phát đến điểm kết thúc chuyến đi.”.

1.4. Vai trò của tuyến điểm du lịch

Tuyến du lịch trong hoạt động du lịch có thể được hiểu là nguyên liệu để lập nên sản phẩm du lịch là chương trình du lịch. Trong lĩnh vực lữ hành để có một sản phẩm giới thiệu cho du khách nhà kinh doanh phải thực hiện đồng thời nhiều động tác trong đó cơ bản nhất là thành lập tuyến du lịch. Từ những tuyến du lịch này, qua phân tích, qua chọn lựa mới trở thành chương trình du lịch, lúc này ta nói rằng nguyên liệu đã trở thành sản phẩm du lịch. Như vậy muốn trở thành sản phẩm du lịch tốt (là những chương trình du lịch có chất lượng) chúng ta phải có những nguyên liệu tốt (là những tuyến du lịch). Những tuyến du lịch này phải đạt được những yêu cầu hay (mục tiêu) sau:

- Mục tiêu kinh tế:

Bất cứ hoạt động kinh doanh nào nói chung và hoạt động kinh doanh du lịch nói riêng, trong quá trình hoạt động du lịch phải đảm bảo mục tiêu quan trọng là mục tiêu kinh tế. Mục tiêu kinh tế của tuyến du lịch được hiểu là giá trị thu hút du khách của tuyến đó. Những tuyến du lịch được coi là có giá trị thu hút du khách khi tuyến đó đảm bảo sự phong phú và đa dạng về mặt nội dung, độc đáo về mặt loại hình. Như vậy một cách gián tiếp những tuyến du lịch có sức hút lớn là tuyến có giá trị đảm bảo hiệu quả kinh tế cho những tour du lịch (dựa vào tuyến đó) sau này.

- Mục tiêu an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội:

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội là hai mặt của một vấn đề, là ổn định xã hội. An ninh chính trị và trật tự xã hội là mục tiêu quan trọng trong việc thành lập tuyến điểm. Nó là những yếu tố tác động trực tiếp đến hoạt động du lịch. Hai mặt này tương hỗ cho nhau, làm nền tảng cho nhau. Cả hai mặt an ninh và chính trị và trật tự xã hội đều phát triển đồng biến với phát triển du lịch. Tuy nhiên sự ảnh hưởng của mỗi mặt đến du lịch lại khác nhau. Trong hai yếu tố này, khi thành lập tuyến điểm yếu tố an ninh chính trị phải được ưu tiên đưa lên hàng đầu vì an ninh chính trị, sự ổn định quốc gia làm tăng sức hút đối với khách du lịch, tạo cảm giác an toàn cho du khách yên tâm thực hiện chương trình du lịch của mình. Những quốc gia thường xuyên xảy ra nội chiến, khủng bố, mất an ninh... thì không phát triển du lịch được. Phân tích tác động của an ninh chính trị và trật tự xã hội đối với du lịch dưới hai góc độ:

+ Về góc độ kinh tế, sự ổn định chính trị và an toàn xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế phát triển. Các tổ chức kinh doanh du lịch có điều kiện xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở kỹ thuật phục vụ du khách. Mặt khác, những quốc gia ổn định về an ninh chính trị và trật tự xã hội sẽ có nhiều điều kiện giao lưu quốc tế trong nhiều lĩnh vực: ngoại giao, kinh tế, thương mại, du lịch... đây là cơ hội để chúng ta tìm kiếm nguồn đầu tư, tìm kiếm hợp tác và tìm hiểu thị trường để phát triển du lịch, làm tăng số lượng khách du lịch và tăng doanh thu cho ngành.

+ Dưới góc độ văn hóa xã hội: sự ổn định an ninh chính trị là nền tảng để phát triển văn hóa. Tất cả những vấn đề thuộc về bản sắc dân tộc, những hội hè, những sinh hoạt văn hóa chỉ phát triển toàn diện trên một mảnh đất hòa bình. Sự phát triển văn hóa làm tăng thêm tính độc đáo và đa dạng bản sắc văn hóa dân tộc. Đây là yếu tố quan trọng trong lĩnh vực tài nguyên du lịch góp phần thu hút du khách của một tuyến. Chính vì vậy, khi thiết kế thành lập tuyến chúng ta cũng phải xem xét đến yếu tố này. Trật tự xã hội là bộ mặt của một quốc gia, một cộng đồng, một bộ phận dân cư... khi khách du lịch đến thăm một điểm du lịch, một cộng đồng dân cư, thì cảm giác đầu tiên của họ là trật tự xã hội. Trật tự xã hội thể hiện ở lòng hiếu khách, mức độ phát triển văn minh của một địa phương mà du khách đến thăm. Từ đó khách cảm nhận được sự nồng hậu, sự văn minh của quốc gia mà họ đến. Trật tự xã hội góp phần làm tăng thêm chất lượng của một điểm, một tuyến, một chương trình du lịch, làm tăng thêm khả năng thỏa mãn nhu cầu của du khách. Chính điều đó làm hấp dẫn du khách đến với những tuyến, những điểm du lịch của chúng ta.

- Mục tiêu môi trường:

Môi trường là mục tiêu quan trọng trong việc thực hiện tuyến du lịch. Đây là yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh du lịch.

+ Sự tác động của môi trường dưới góc độ quản lý nhà nước: tất cả các hoạt động kinh doanh trước khi lập dự án đều phải trải qua một quá trình bắt buộc đó là quá trình đánh giá tác động đến môi trường. Đây chính là việc phân tích dự báo và đưa đến những kế hoạch xử lý tác động của du lịch đến môi trường và ngược lại. Những vấn đề này liên quan đến tất cả các lĩnh vực trong đời sống. Trong những công đoạn này việc đề ra những giải pháp thích hợp để bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cuối cùng quan trọng nhất.

Đánh giá tác động của môi trường trong việc hình thành tuyến điểm là phân tích tác động tích cực và tiêu cực của môi trường với du lịch, những ảnh hưởng của cảnh quan thiên nhiên, văn hóa, xã hội để từ đó có một giải pháp quản trị thích hợp và hiệu quả. Mục tiêu môi trường không chỉ có ý nghĩa như chúng ta mới phân tích mà nó còn là trách nhiệm trong chiến lược phát triển du lịch của những đơn vị, quốc gia và toàn cầu.

Dưới góc độ kinh doanh du lịch: đây là tác động tích cực vì bản thân môi trường trong sạch, thảm động thực vật phong phú, nguồn nước và bầu không khí trong lành. Một xã hội thuần khiết và đa dạng về văn hóa luôn là sự hấp dẫn lớn đối với khách du lịch. Môi trường càng trong sạch thì du lịch càng phát triển, ngược lại môi trường càng ô nhiễm thì du lịch càng lạc hậu.

+ Tác động của du lịch đến môi trường: đây là tác động tiêu cực (nếu không có biện pháp), thông thường khi du lịch phát triển sẽ có rất nhiều những hậu quả kèm theo. Ví dụ: ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí, thảm thực vật bị hủy hoại do sự săn bắn đốt lửa của du khách, các bãi biển bị ô nhiễm do vứt rác bừa bãi của con người. Như vậy những tuyến du lịch được thành lập, muốn khai thác hiệu quả và lâu dài thì các nhà thiết kế phải luôn luôn nghiên cứu những tác động của du lịch đến môi trường để có những biện pháp xử lý kịp thời.

- Mục tiêu xã hội:

Tour du lịch chính là sản phẩm du lịch, sự đa dạng độc đáo quần hút của một sản phẩm chính là sự đa dạng, độc đáo của những tuyến, những điểm cấu thành nên sản phẩm du lịch đó. Yếu tố văn hóa chính là yếu tố cơ của một tuyến du lịch. Trong quá trình thiết kế, thành lập tuyến nhà thiết kế phải chú ý sao cho tuyến của mình càng có những nét văn hóa độc đáo thì càng càng có sự lôi cuốn du khách.

Mục tiêu văn hóa trong việc thành lập tuyến du lịch không chỉ có ý nghĩa làm tăng sự phong phú, hấp dẫn cho công trình du lịch mà nó còn có ý nghĩa thể hiện bản sắc văn hóa của nước nhà. Khách du lịch đến Việt Nam thông qua những giá trị văn hóa (nó thể hiện qua nhiều mặt) họ hiểu thêm về người Việt Nam, họ biết được phong tục tập quán của từng vùng, địa phương và hơn hết họ hiểu được giá trị tâm hồn của người Việt Nam.

2. Các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng các tuyến điểm du lịch

2.1. Vị trí địa lý

Vị trí địa lý là một trong những nguồn lực quan trọng để phát triển du lịch nói chung và xây dựng các điểm, tuyến du lịch nói riêng. Vị trí địa lý bao gồm: vị trí địa lý về mặt tự nhiên (phạm vi lãnh thổ có giới hạn và tọa độ địa lý), vị trí về kinh tế - xã hội và chính trị.

Theo August Losch, có hai yếu tố quyết định vị trí của không gian kinh tế, đó là: sự tập trung về không gian của các vấn đề kinh tế và chi phí vận chuyển. Đối với các hoạt động du lịch, yếu tố quyết định của điều kiện vị trí là điểm du lịch nằm trong khu vực phát triển du lịch và khoảng cách từ điểm du lịch đến các nguồn gửi khách du lịch gần.

Khi phân tích và đánh giá vị trí địa lý, cần đặt nó trong khung cảnh của vùng, quốc gia, khu vực và quốc tế (nếu có).

2.2. Tài nguyên du lịch

Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến việc hình thành chuyên môn hóa các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động dịch vụ. Tài nguyên du lịch bao gồm các thành phần và những kết hợp khác nhau của cảnh quan tự nhiên cùng cảnh quan nhân văn, có thể được sử dụng cho dịch vụ du lịch và thỏa mãn nhu cầu về chữa bệnh, nghỉ ngơi, tham quan hay du lịch. Về thực chất, tài nguyên du lịch là các điều kiện tự nhiên, các đối tượng văn hóa – lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp và mục đích du lịch.

Theo khoản 4 Điều 3 – Chương I – Luật du lịch Việt Nam (năm 2017): “Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên và các giá trị văn hóa làm cơ sở để hình thành sản phẩm du lịch, khu du lịch, điểm du lịch nhằm đáp ứng nhu

cầu du lịch. Tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa”

Tài nguyên du lịch là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển du lịch. Nếu không có tài nguyên du lịch hoặc tài nguyên du lịch quá nghèo nàn thì hoạt động du lịch không thể phát triển mạnh mẽ được. . .

Vai trò của tài nguyên du lịch đối với hoạt động du lịch được thể hiện ở các mặt sau:

- Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành các sản phẩm du lịch.
- Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch.
- Tài nguyên du lịch là một bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ cư lịch.

2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Theo khoản 1 - Điều 15 – Chương III – Luật du lịch Việt Nam (2017): “Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố địa chất, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái và các yếu tố tự nhiên khác có thể được sử dụng cho mục đích du lịch”

Tài nguyên du lịch tự nhiên có vai trò quan trọng đối với hoạt động du lịch, là cơ sở để tổ chức các hoạt động du lịch, các loại hình du lịch tận dụng nguồn tài nguyên vốn có, sức hấp dẫn của nó để thu hút khách du lịch đem lại nguồn ngoại tệ lớn từ hoạt động du lịch.

Các thành phần của tự nhiên có tác động mạnh nhất đến du lịch là địa hình, khí hậu, nguồn nước và tài nguyên thực động vật.

- Địa hình

Địa hình hiện tại của bề mặt Trái Đất là sản phẩm của các quá trình địa chất lâu dài. Mọi hoạt động sống của con người trên cùng một lãnh thổ đều có sự phụ thuộc vào địa hình. Đối với hoạt động du lịch, quan trọng hơn cả là đặc điểm hình thái của địa hình, nghĩa là các dấu hiệu bên ngoài của địa hình và các dạng địa hình đặc biệt có sức hấp dẫn đối với du khách.

+ Các đơn vị hình thái chính của địa hình là núi, đồi và đồng bằng; chúng được phân biệt bởi độ cao tương đối: núi (trên 100m), đồi (10 - 100m), đồng bằng (dưới 10m). Khách du lịch thường ưa thích những nơi có phong cảnh đẹp, đa dạng. Những vùng có nhiều đồi, núi và thường tránh những nơi bằng phẳng mà họ cho là tẻ nhạt, không thích hợp với du lịch.

+ Trong các loại địa hình thì miền núi có ý nghĩa lớn nhất đối với du lịch. Đây là các khu vực thuận lợi cho việc tổ chức thể thao mùa đông, các nhà an dưỡng, trạm nghỉ, các cơ sở chuyển tiếp lộ trình, các đỉnh núi cao có thể nhìn thấy toàn cảnh và thích hợp với môn thể thao leo núi. Trong miền núi, cùng với địa hình thì khí hậu và động thực vật tạo nên tài nguyên du lịch tổng hợp có khả năng tổ chức các loại hình du lịch ngắn ngày cũng như dài ngày.

Ngoài các dạng địa hình chính, với ý nghĩa phục vụ du lịch cần chú ý đến những kiểu địa hình đặc biệt, có giá trị rất lớn cho tổ chức du lịch như kiểu địa hình karst và kiểu địa hình ven bờ biển.

+ Địa hình các-xtơ là kiểu địa hình được tạo thành do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hoà tan (đá vôi, đolômit, thạch cao...). Ở nước ta chủ yếu là đá vôi. Một trong những dạng địa hình các-xtơ được quan tâm nhất đối với du lịch là

các hang động các-xơ. Ngoài ra, các kiểu địa hình các-xơ khác cũng có giá trị lớn như kiểu các-xơ ngập nước và các-xơ đồng bằng.

+ Địa hình ven bờ các kho chứa nước lớn (đại dương, biển, hồ...) có ý nghĩa quan trọng đối với du lịch, có thể khai thác để phát triển nhiều loại hình du lịch như tham quan, nghỉ mát, tắm biển, thể thao dưới nước...

- Khí hậu

Tài nguyên khí hậu được xác định trước hết là tổng hợp của các yếu tố nhiệt độ, độ ẩm không khí và một số yếu tố khác nhau như: áp suất khí quyển, thành phần lý hoá của không khí, gió, lượng mưa, ánh sáng mặt trời và các hiện tượng thời tiết đặc biệt...

Trong hoạt động du lịch khí hậu thu hút đối tượng tham gia và tổ chức du lịch thông qua các chỉ tiêu khí hậu sinh học đối với con người. Nhu cầu của du khách thường đến những nơi có điều kiện khí hậu điều hoà, thuận lợi cho sức khỏe. Các yếu tố của khí hậu thích hợp hoặc không thích hợp cho sức khỏe của du khách và phát triển du lịch thể hiện qua bảng chỉ tiêu khí hậu đối với sinh học của con người.

Là nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động du lịch, khí hậu có tác động trực tiếp lên cả cung và cầu du lịch, tạo nên tính mùa vụ trong du lịch. Khí hậu có tính chất quyết định đối với độ dài của thời vụ du lịch, đóng vai trò chính trong việc hạn chế sự cân bằng của các cuộc hành trình du lịch. Phụ thuộc vào điều kiện khí hậu hoạt động du lịch có thể diễn ra quanh năm hoặc trong một vài tháng (mùa du lịch cả năm, mùa đông, mùa hè).

- Nguồn nước

Tài nguyên nước phục vụ mục đích du lịch khá đa dạng, bao gồm: nước trên mặt, nước dưới đất và các nguồn nước khoáng. Trong đó, nước trên mặt có ý nghĩa lớn nhất đối với du lịch.

Giới hạn nhiệt độ lớp nước trên mặt thích hợp nhất cho hoạt động du lịch tối thiểu là 18 - 20°C. Các đối tượng nước chính được khai thác phục vụ du lịch tập trung trên mặt là các dải bờ biển, mạng lưới sông ngòi, ao, hồ, các suối, thác nước tự nhiên hoặc nhân tạo. Nguồn nước trên mặt không chỉ cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của khu du lịch mà còn tạo ra các loại hình du lịch đa dạng như du lịch hồ, du lịch sông nước.

Trong tài nguyên nước cần đặc biệt chú ý đến nguồn nước khoáng. Nước khoáng là nước thiên nhiên (chủ yếu ở dưới đất) chứa một số thành phần vật chất đặc biệt (các nguyên tố hoá học, các khí, các nguyên tố phóng xạ) hoặc có một số tính chất vật lý, (nhiệt độ, độ pH) có tác dụng đối với sức khoẻ con người. Đây là nguồn tài nguyên có giá trị cho du lịch, nghỉ ngơi, an dưỡng và chữa bệnh; có sức hấp dẫn cao đối với nhiều du khách.

- Sinh vật

Tài nguyên sinh vật là dạng tài nguyên đặc biệt, có giá trị tạo nên cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, hấp dẫn đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ ngơi, giải trí, khám phá và nâng cao nhận thức cho du khách.

Đối với một số loại hình du lịch như du lịch sinh thái, tham quan, nghiên cứu khoa học thì tài nguyên sinh vật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng ở tính đa dạng sinh học, sự bảo tồn các nguồn gen quý giá đặc trưng cho các vùng tự nhiên khác nhau

trên thế giới.

2.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa

Theo khoản 2 - Điều 15 – Chương III – Luật du lịch Việt Nam (2017): “Tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc; giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các giá trị văn hóa khác; công trình lao động sáng tạo của con người có thể sử dụng cho mục đích du lịch”

- Di tích lịch sử - văn hoá

Di tích lịch sử văn hóa nói chung có thể được phân chia thành: các di tích văn hoá khảo cổ, di tích lịch sử, di tích văn hoá - nghệ thuật và các danh lam thắng cảnh. DTLSVH là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi nước, mang những dấu ấn đậm nét về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá - nghệ thuật của mỗi quốc gia qua các thời đại lịch sử.

Để đánh giá ý nghĩa của các di tích lịch sử văn hóa phục vụ mục đích du lịch, cần chú ý một số chỉ tiêu thể hiện số lượng và chất lượng di tích:

- + Số lượng di tích (tất cả các loại)
- + Mật độ di tích (tất cả các loại)
- + Số lượng di tích được xếp hạng (ý nghĩa của chúng)
- + Số lượng di tích đặc biệt quan trọng

Hai chỉ tiêu đầu phản ánh về mặt số lượng các di tích trên lãnh thổ, còn hai chỉ tiêu sau thể hiện mặt chất lượng của các di tích. Mỗi chỉ tiêu nói trên có một ý nghĩa khác nhau, nhưng quan trọng hơn cả là chỉ tiêu mật độ di tích và chỉ tiêu số lượng di tích được xếp hạng. Đây được coi là những chỉ tiêu quan trọng nhất về mặt số lượng cũng như chất lượng di tích.

- Lễ hội và văn nghệ dân gian

Lễ hội và văn hóa dân gian là loại hình sinh hoạt văn hoá độc đáo, đa dạng và phong phú của nhân dân. Sức hấp dẫn của các lễ hội và văn hóa dân gian đối với hoạt động du lịch bởi lẽ “nó tạo nên tâm tưởng muôn màu mà mọi sự ở đó đan quyện vào nhau; thiêng liêng và trần tục, nghi lễ và hồn hậu, truyền thống và phóng khoáng, giàu có và khốn khổ, cô đơn và đoàn kết, trí tuệ và bản năng...” (Tạp chí người đưa tin UNESCO 12 - 1989).

Các lễ hội đã tạo nên một môi trường mới, huyền diệu, giúp cho con người có điều kiện tiếp xúc với bí ẩn của nguồn khởi mọi sinh vật sống. Lễ hội dân tộc trở thành dịp cho con người hành hương về với cội rễ, bản thể của mình. Trong kho báu di sản của quá khứ để lại cho chúng ta hôm nay, các lễ hội dân tộc có lẽ là một trong những thứ quý giá nhất. Vì thế, các lễ hội lành mạnh không bị mất đi mà ngày càng được nhân rộng, phát triển cả về hình thức lẫn nội dung.

Lễ hội gồm có hai phần: phần lễ và phần hội. Đánh giá các lễ hội phục vụ mục đích du lịch cần lưu ý các đặc điểm về: tính thời gian của lễ hội, quy mô của lễ hội và một số hình thức lễ hội chính.

- Nghề và làng nghề thủ công truyền thống

Nghề và các làng nghề thủ công truyền thống từ lâu đời đã trở thành đối tượng của hoạt động du lịch - nơi người ta hướng tới để khám phá, tìm hiểu và

chiêm nghiệm, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa những giá trị vật chất và giá trị tinh thần một cách hài hòa và sinh động nhất.

- Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học

Ngày nay, khoảng cách về không gian địa lý được rút ngắn rất nhiều nhờ những thành tựu trong lĩnh vực giao thông, viễn thông và Internet, trên Trái Đất không còn những nơi bí ẩn, những nơi chưa được khám phá. Nhưng về nhiều mặt, các dân tộc vẫn còn xa lạ với nhau. Đó chính là sức hút trong du lịch dân tộc học. Sự hấp dẫn du lịch của các đối tượng này được tạo nên bởi nét văn hóa độc đáo, riêng biệt trong từng tập quán cư trú, sản xuất, tổ chức xã hội, sinh hoạt, trang phục truyền thống hay văn hóa ẩm thực của mỗi dân tộc.

- Các đối tượng văn hóa thể thao hay những hoạt động có tính sự kiện

Những đối tượng văn hóa, thể thao như các trung tâm khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn, các bảo tàng, các trung tâm tổ chức liên hoan âm nhạc, phim ảnh quốc tế mang tính chất sự kiện, thể thao... đều có sức thu hút khách du lịch tới thăm quan, nghiên cứu, vui chơi với nhiều mục đích khác nhau. Do vậy, tất cả các thành phố có các đối tượng văn hoá, hoặc tổ chức các hoạt động văn hoá - thể thao đều trở thành những trung tâm du lịch văn hoá.

Theo Pirogionic: “Du lịch là một ngành kinh tế có định hướng tài nguyên rõ rệt”. Như vậy, tài nguyên và môi trường là nhân tố cơ bản để tạo ra sản phẩm du lịch. Du lịch không thể phát triển nếu thiếu tài nguyên và tách rời khung cảnh môi trường du lịch hoạt động. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp tổ chức lãnh thổ du lịch của ngành du lịch, đến việc hình thành chuyên môn hoá các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động du lịch.

2.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

2.3.1. Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng là cơ sở tiền đề, là đòn bẩy của mọi hoạt động kinh tế, trong đó có hoạt động du lịch. Cơ sở hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt trong đẩy mạnh du lịch phát triển. Nhân tố quan trọng hàng đầu của phương diện này là mạng lưới và phương tiện giao thông. Ngoài ra, hệ thống thông tin liên lạc, các công trình cung cấp điện, nước cũng là những phần không thể thiếu phục vụ trực tiếp cho du lịch.

- Hệ thống giao thông vận tải

Mạng lưới giao thông thuận tiện chính là yếu tố kích thích du lịch trở thành một hiện tượng phổ biến trong xã hội, một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt ở các quốc gia.

+ Mạng lưới giao thông: bao gồm chất lượng loại đường, phương tiện giao thông và cần chú ý đến các vị trí của các tuyến đường.

+ Phương tiện giao thông chủ yếu là: đường ô tô, đường sắt, đường sông, đường biển, đường hàng không, các phương tiện giao thông chuyên phục vụ du lịch: caravan, tàu thủy, máy bay đặc biệt, đường dây cáp...

- Hệ thống thông tin liên lạc

Là điều kiện cần thiết đảm bảo nhu cầu trao đổi thông tin cho khách du lịch trong nước và quốc tế. Nhu cầu thông tin liên lạc là những nhu cầu trao đổi các dòng tin tức của xã hội, được thỏa mãn bằng nhiều loại hình thông tin khác nhau như: vệ tinh thông tin, máy vi tính, điện thoại, điện báo...

- Hệ thống điện

Là điều kiện cần thiết đảm bảo nhu cầu tối thiểu của khách tại các điểm đến. Các nhà máy điện, cơ cấu mạng lưới điện tạo nên các điểm, khu, cụm, trung tâm du lịch, khả năng đảm bảo điện của địa phương cho hoạt động du lịch, cân đối giữa khả năng cung cấp và nhu cầu tiêu thụ điện trong toàn vùng.

- Hệ thống cấp, thoát nước

Gồm có nước phục vụ cho sinh hoạt và các dịch vụ du lịch. Nguồn cung cấp nước trong cơ sở hạ tầng cần được lưu ý ở hai khía cạnh: khả năng cung cấp nước, chất lượng nguồn nước và hệ thống cung cấp nước đáp ứng nhu cầu du lịch.

2.3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Phân hệ cơ sở vật chất kỹ thuật cung ứng những điều kiện sinh hoạt, có vai trò rất quan trọng trong việc lưu giữ khách, nhất là khách quốc tế.

Toàn bộ các công trình kỹ thuật tạo nên cơ sở hạ tầng du lịch, bao gồm: cơ sở lưu trú, cơ sở phục vụ ăn uống, khu vực vui chơi giải trí và các dịch vụ khác.

- Cơ sở lưu trú du lịch

Trên thế giới có rất nhiều loại hình lưu trú như: khách sạn/khách sạn nội (hotel/motel), làng du lịch (tourist village), khu nghỉ dưỡng (resort), căn hộ du lịch (tourist apartment), biệt thự du lịch (tourist villa), bãi cắm trại du lịch (tourist camping), nhà nghỉ du lịch (tourist guest house), nhà dân cho thuê lưu trú du lịch (tourist homestay)... Đó là hệ thống các tòa nhà với các phòng nghỉ và các trang thiết bị, tiện nghi phục vụ du khách và được đánh giá theo những tiêu chuẩn đặc trưng của lĩnh vực kinh doanh du lịch như: mức độ tiện nghi, thẩm mỹ, chất lượng lao động và an toàn vệ sinh.

- Cơ sở phục vụ ăn uống

Bao gồm hệ thống các nhà hàng (restaurants), tiệm ăn nhẹ (snack - bar), quán ăn tự phục vụ (cafeteria), câu lạc bộ giải trí ban đêm (night club)... là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch, có thể tồn tại độc lập hoặc đi kèm với bộ phận lưu trú, bao gồm các yếu tố đảm bảo điều kiện tiện nghi cho hoạt động ăn uống của du khách.

- Cơ sở phục vụ vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng và mua sắm

Gồm các trung tâm thể thao, bể bơi, sân tennis, công viên, khu vui chơi giải trí; trung tâm văn hoá, thông tin, nhà hát, rạp chiếu phim, triển lãm....; các trung tâm chữa bệnh, nghỉ dưỡng, các phòng tắm hơi, massage; các cửa hàng bán thực phẩm, hàng lưu niệm... chúng thường gắn liền với các cơ sở lưu trú hoặc tồn tại độc lập với các cơ sở này nhưng vẫn thường nằm trong các trung tâm du lịch.

- Các dịch vụ khác

+ Cơ sở vận chuyển phục vụ du lịch: là hệ thống hạ tầng giao thông, cơ sở vật chất kỹ thuật của các nhà cung cấp dịch vụ vận chuyển khách du lịch.

+ Cơ sở phục vụ các hoạt động trung gian: gồm cơ sở vật chất kỹ thuật của các đại lý đảm nhận chức năng tổ chức xây dựng, bán và thực hiện các chương trình du lịch

+ Cơ sở vật chất kỹ thuật dịch vụ bổ sung: bao gồm các công trình, thiết bị (như trạm xăng dầu, tiệm giặt là, bưu điện...) nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho khách trong việc tiêu dùng các dịch vụ và sử dụng triệt để các yếu tố tài nguyên.

Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật có vai trò đặc biệt quan trọng trong

việc phát triển du lịch và quyết định mức độ, hiệu quả khai thác tiềm năng du lịch của lãnh thổ nhằm thoả mãn nhu cầu của khách. Vì vậy, muốn quy hoạch để phát triển lãnh thổ du lịch hay xây dựng các điểm, tuyến du lịch cần gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.

2.4. Cư dân địa phương

Dân cư là lực lượng sản xuất quan trọng của xã hội. Cùng với hoạt động lao động, dân cư còn có nhu cầu nghỉ ngơi và du lịch. Số lượng người lao động tăng lên sẽ tham gia vào các loại hình du lịch khác nhau. Số lượng người lao động trong hoạt động sản xuất và dịch vụ ngày càng đông gắn liền trực tiếp với kinh tế du lịch. Việc nắm vững số dân, thành phần dân tộc, đặc điểm nhân khẩu, cấu trúc, sự phân bố và mật độ dân cư có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển du lịch. Nhu cầu du lịch của con người tùy thuộc vào đặc điểm xã hội, nhân khẩu của dân cư.

Việc xây dựng, phát triển tuyến điểm du lịch cần phải nghiên cứu, phân tích kết cấu dân cư theo nghề nghiệp, lứa tuổi để xác định nhu cầu nghỉ ngơi du lịch vì đây là nhân tố có tác dụng thúc đẩy du lịch phát triển. Sự tập trung dân cư vào các thành phố, sự tăng dân số, tăng mật độ, độ dài của tuổi thọ, sự đô thị hóa... liên quan mật thiết với sự phát triển của tuyến điểm du lịch.

2.5. Nhu cầu du lịch của du khách.

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch và sự thay đổi của nó theo thời gian và không gian trở thành một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình ra đời và phát triển của tuyến điểm du lịch.

Du khách đi du lịch, nghỉ ngơi vì họ cảm thấy việc đở thỏa mãn được một số nhu cầu và ham muốn. Do đó, muốn phục vụ tốt cho nhu cầu của du khách thì phải nghiên cứu và hiểu rõ các nhu cầu của con người.

- Nhu cầu vật chất (physical):

Nhu cầu vật chất được xem là nhu cầu cơ bản của con người. Sau một thời gian lao động mệt nhọc, căng thẳng, người lao động dành dụm được một ít tiền để tiêu dùng cho thời gian nghỉ. Trong thời gian du lịch, nghỉ ngơi họ muốn trốn thoát khỏi cuộc sống hàng ngày nhằm mục đích phục hồi sức khỏe. Họ ăn thật no, uống thật nhiều và nghỉ ngơi thoải mái. Những người sống trong những hoàn cảnh khác nhau, họ tìm những hình thức nghỉ ngơi khác nhau. Một người quản trị bận rộn muốn tìm một nơi vắng vẻ, yên tĩnh, không có điện thoại, không bị ai quấy rầy. Những người ở phương bắc muốn trốn tránh tuyết mùa đông. Một nhân viên văn phòng tìm sự phiêu lưu ở một nơi xa lạ. Yếu tố giải thích cho các thí dụ khác nhau này là sự “tương phản”. Chìa khóa để thu hút và làm thỏa mãn du khách đang tìm cách thỏa mãn nhu cầu vật chất là nhìn vào cuộc sống hàng ngày của người đó và cung cấp một cái gì khác biệt.

- Nhu cầu an toàn (Safety):

Khi du khách chăm sóc sức khỏe cho cơ thể có ý nghĩa là họ đang tìm cách sống lâu. Đây là một nhu cầu cơ bản. Từ xưa con người đã hiểu đi du lịch là để bồi dưỡng sức khỏe. Xu hướng đang gia tăng ngày nay là du khách tham gia vào các sinh hoạt giải trí như bơi lội, đi bộ, đi xe đạp, câu cá hoặc chèo thuyền, trượt tuyết, chơi quần vợt, đá bóng.

- Nhu cầu gắn gũi gia đình, bạn bè (Belonging):

Con người có ý muốn được giao lưu và tiếp xúc với những người khác. Do địa

bản cư trú cách xa nhau nên tạo ra nhu cầu thăm viếng họ hàng và bạn bè. Du lịch của dân di cư, họ muốn quay về cội nguồn, nơi mình đã ra đi, trở về để thăm lại cảnh vật xưa, họ lưu trú với bạn bè.

- Nhu cầu tự trọng (Esteem):

Hai mặt của động lực này là sự quý trọng chính mình, tự trọng và sự tôn trọng từ người khác. Khi du khách đi dự hội thảo để gia tăng kiến thức kinh doanh, họ quan tâm đến sự phát triển cá nhân. Điều này làm cho họ cảm thấy tự tin hơn về kỹ năng làm việc, sự tự trọng của họ cũng được gia tăng. Trong quá trình đi du lịch, du khách cũng tìm sự tôn trọng của người khác. Du khách quan tâm đến việc những người khác nghĩ gì về họ và họ cảm thấy rằng những gì họ mua sắm và những nơi họ đến du lịch sẽ phản ánh giá trị của họ.

- Sự ham muốn kiến thức (Knowledge and understanding):

Đi du lịch mở rộng kiến thức, “đi một ngày đàng học một sàng khôn”. Du khách thông qua hành trình du lịch để nâng cao và làm phong phú kho kiến thức của mình về tự nhiên, về văn hóa của những nơi đến du lịch.

- Nhu cầu ham mê vẻ đẹp (Aesthetics):

Những du khách quan tâm đến môi trường hay những người muốn thưởng ngoạn danh lam thắng cảnh đang tìm cách thỏa mãn nhu cầu này.

-Nhu cầu tự phát huy (Self-actualization):

Tự phát huy là sự chân thật với bản chất của con người. Điều này có nghĩa biết được mình là và sử dụng được khả năng của mình một cách tốt nhất.

Tự phát huy được thấy trong các mặt sau:

- + Khảo sát và tự đánh giá.
- + Thỏa mãn ước muốn bên trong.
- + Tự khám phá.

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch giúp con người khôi phục sức khỏe và khả năng lao động, thể chất và tinh thần bị hao phí trong quá trình sinh sống. Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch là một hệ thống và được thể hiện ở 3 mức độ: xã hội - nhóm người - cá nhân.

3. Phương thức vận chuyển trên tuyến điểm du lịch.

3.1. Đường bộ

Đây là phương thức giao thông du lịch chủ yếu và quan trọng nhất trên thế giới. Việt Nam có một hệ thống đường bộ rộng lớn. Cùng với những tuyến quốc lộ là các mạng lưới tỉnh lộ, huyện lộ tỏa đi mọi miền đất nước. Ở mỗi tỉnh đều có các bến xe liên tỉnh, nội tỉnh với dịch vụ tương đối thuận tiện. Hiện nay tại nhiều thành phố, thị xã có dịch vụ taxi, xe buýt công cộng, nhất là các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ... Xe máy, xe đạp là phương tiện giao thông phổ biến ở Việt Nam.

*** Các tuyến đường quốc lộ chính ở Đồng bằng sông Hồng và Miền núi trung du phía bắc.**

- **Quốc lộ 1A:** chạy từ Hữu Nghị Quan (Lạng Sơn) đến Năm Căn (Cà Mau), là tuyến đường huyết mạch của đất nước, dài 2300 km chạy qua 31 tỉnh thành(Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần

Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau), 6/7 vùng kinh tế. Tuyến đường này hội tụ với nhiều quốc lộ lớn của cả nước như quốc lộ 2, 3, 4, 5, 6, 10, 18, 32 ở miền Bắc, quốc lộ 7, 8, 9, 14, 15, 19, 26 ở miền Trung; quốc lộ 13, 20, 21, 51 ở miền Nam đã tạo nên bộ khung mạng lưới đường bộ của nước ta. Toàn tuyến đang được cải tạo, nâng cấp, tất cả các phà đều đã được thay thế bằng cầu, nhiều đoạn đường đèo nguy hiểm đã được xây dựng hầm qua núi như đèo Ngang, đèo Hải Vân...

- **Đường Hồ Chí Minh:** đang được triển khai xây dựng, là con đường thứ 2 chạy từ Bắc vào Nam Việt Nam, từ cột mốc 108 Cao Bằng đến Cà Mau. Đường Hồ Chí Minh đi qua 30 tỉnh, thành phố trong cả nước, với tổng chiều dài toàn tuyến 3.167 km (trong đó tuyến chính dài 2.667 km, tuyến nhánh phía tây dài 500 km). Đường sẽ có quy mô từ 2 đến 8 làn xe tùy thuộc địa hình. Tuyến đường này được xây dựng trên cơ sở nâng cấp mở rộng một số tỉnh lộ và quốc lộ cũng như làm đoạn dựa trên nền quốc lộ và tỉnh lộ có sẵn. Dự án xây dựng bao gồm ba giai đoạn:

+ Giai đoạn 1 thi công phần dài hơn 2000 km từ Hòa Lạc (Hà Nội) tới Bình Phước vào năm 2000. Đến 30 tháng 4 năm 2008, đường Hồ Chí Minh trên phần giai đoạn 1 đã thông tuyến.

+ Giai đoạn 2 thi công phần từ Pác Bó (Cao Bằng) đến Hòa Lạc (Hà Nội) và phần từ Bình Phước đến Đất Mũi (Cà Mau).

+ Giai đoạn 3 (2010-2020) hoàn chỉnh toàn tuyến và từng bước xây dựng các đoạn tuyến theo tiêu chuẩn đường cao tốc.

- **Quốc lộ 2:** từ Phù Lỗ (Hà Nội) đến cửa khẩu Thanh Thủy (Hà Giang) dài 313 km, qua các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang (giao cắt với quốc lộ 70 tại Đoan Hùng - Phú Thọ).

- **Quốc lộ 3:** từ cầu Đuống (Hà Nội) đến cửa khẩu Tà Lùng (Cao Bằng) dài 343 km, đi qua các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng. Từ Thái Nguyên có quốc lộ 1B đi Đồng Đăng (Lạng Sơn) dài 148 km.

- **Quốc lộ 4:** gồm có đường 4A từ Cao Bằng đi Đồng Đăng (Lạng Sơn) dài 118 km, đường 4B từ Lạng Sơn đi Tiên Yên – cảng Mũi Chùa (Quảng Ninh), đường 4C từ thị xã Hà Giang đi Mèo Vạc (Hà Giang) dài 168 km, đường 4D từ Pa So (huyện Phong Thổ - Lai Châu) đến Mường Khương (Lào Cai) dài 200 km. Nhìn chung các tuyến đường này hẹp, chất lượng còn xấu.

- **Quốc lộ 5:** từ Cầu Chui (Hà Nội) qua Hưng Yên, Hải Dương, và kết thúc tại cảng Chùa Vẽ (Hải Phòng) dài 106 km. Quốc lộ 5 còn được nối với quốc lộ 10 và quốc lộ 18.

- **Quốc lộ 6:** từ Hà Nội đến Điện Biên Phủ (Điện Biên) dài 473 km, (đoạn từ Tuần Giáo đến Điện Biên Phủ dài 80 km trùng với đường TL279). Quốc lộ 6 đi qua các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Đường có nhiều đèo dốc, trong đó có đèo Thung Khe (Hòa Bình) dài 22 km, đèo Pha Đin (Sơn La) dài 29 km.

- **Quốc lộ 10:** bắt đầu từ ngã ba Biều Nghi (Quảng Ninh) qua Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định gặp quốc lộ 1A ở thị xã Ninh Bình sau đó qua Kim Sơn (Ninh Bình), Nga Sơn, Hậu Lộc (Thanh Hóa), gặp tiếp đường 1A ở cầu Tào Xuyên dài 230 km.

- **Quốc lộ 12:** từ Pa Nam Cúm (Sìn Hồ, Lai Châu) đến Điện Biên Phủ (Điện

Biên) dài 195 km.

- **Quốc lộ 18:** từ Nội Bài (Hà Nội) qua Bắc Ninh, Hải Dương, đến cầu Bắc Luân (thị xã Móng Cái, Quảng Ninh) dài 342 km.

- **Quốc lộ 21:** dài 200 km từ Sơn Tây (Hà Nội) qua Xuân Mai, Chi Nê (Hà Nội), Phủ Lý (Hà Nam) đến cảng Hải Thịnh (Nam Định).

- **Quốc lộ 32:** dài 404 km, từ Hà Nội đến Sơn Tây (Hà Tây cũ) qua Phú Thọ, Yên Bái, Lai Châu, Lào Cai, có các đoạn quốc lộ 279, quốc lộ 37 nối quốc lộ 32 với quốc lộ 6.

- **Quốc lộ 34:** từ Khâu Đền (huyện Hòa An - Cao Bằng) đi thị xã Hà Giang dài 260 km.

- **Quốc lộ 37:** dài 465 km, bắt đầu từ thị trấn Sao Đỏ (Hải Dương) trên quốc lộ 18, sau đó qua Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái đến Mộc Châu (Sơn La).

- **Quốc lộ 39:** dài 109 km, từ Phố Nối (Hưng Yên) đến cảng Diêm Điền (Thái Bình).

- **Quốc lộ 70:** dài 190 km từ ngã ba Đoàn Hùng - Phú Thọ đi Yên Bái, Lào Cai

- **Đường cao tốc Láng - Hòa Lạc** là tuyến đường nối khu trung tâm Hà Nội với quốc lộ 21, dài 31 km, nằm trọn trong địa giới Hà Nội. Điểm đầu tại nút giao Trung Hoà, Km 1+800 cầu Tô Lịch, đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy đi qua các quận huyện: Cầu Giấy, Từ Liêm, Hoài Đức, Quốc Oai, Thạch Thất - TP. Hà Nội, điểm cuối xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất (Km 31-064 - quốc lộ 21).

* **Các tuyến đường quốc lộ chính ở Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên.**

- **Quốc lộ 7:** từ thị trấn Diễn Châu (Nghệ An) đến cửa khẩu Nậm Cắn (Kỳ Sơn, Nghệ An), từ đó tới Luông Pha Băng (Lào), dài 225 km.

- **Quốc lộ 8:** từ thị xã Hồng Lĩnh (Hà Tĩnh) đến cửa khẩu Cầu Treo (Hương Sơn, Hà Tĩnh), dài 85 km, từ đó tới Viêng Chăn (Lào).

- **Quốc lộ 9:** từ cảng Cửa Việt (Quảng Trị) qua thị xã Đông Hà (Quảng Trị) đến cửa khẩu Lao Bảo (huyện Hướng Hóa, Quảng Trị), dài 83 km, từ đó đi tiếp sang Xavanakhet (Hạ Lào) và vùng đông bắc Thái Lan.

- **Quốc lộ 12A:** dài 151 km nối quốc lộ 1A tại Thị trấn Ba Đồn Quảng Bình đi theo hướng tây qua thị trấn Đồng Lê (huyện Tuyên Hoá), thị trấn Quy Đạt (huyện Minh Hoá) chạy trùng vào đường Hồ Chí Minh (đoạn từ ngã ba Trung Hoa đến ngã ba Khe Ve) đi lên cửa khẩu quốc tế Cha Lo sang Khăm Muộn (Lào). . .

- **Quốc lộ 14:** bắt đầu từ Đa Krông (Quảng Trị) nối với đường 9, chạy qua các huyện phía tây Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, qua Kon Tum, Plây Ku (Gia Lai), Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), Gia Nghĩa (Đắk Nông) đến Chơn Thành (Bình Phước) gặp quốc lộ 13, dài 890 km.

- **Quốc lộ 15:** bắt đầu từ ngã ba Tòng Đậu (Hòa Bình) qua Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình tới Cam Lộ (Quảng Trị) dài 706 km.

- **Quốc lộ 19:** nối Quy Nhơn (Bình Định) với Plây Ku (Gia Lai), qua cửa khẩu Lệ | Thanh nối với vùng đông bắc Campuchia, dài 247 km.

- **Quốc lộ 20:** từ ngã ba Dầu Giây (Đồng Nai) qua cao nguyên Di Linh, Lâm

Viên tới Đà Lạt (Lâm Đông), dài 268 km.

- **Quốc lộ 24:** từ Quảng Ngãi lên Kon Tum, dài 165 km.

- **Quốc lộ 25:** từ thị xã Tuy Hòa (Phú Yên) theo thung lũng sông Ba, sông A Yun đến thị trấn Chư Sê (Gia Lai), dài 180 km.

- **Quốc lộ 26:** từ Ninh Hòa (Khánh Hòa) đến Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), dài 154 km.

- **Quốc lộ 27:** từ Phan Rang - Tháp Chàm đến Buôn Ma Thuột, dài 285 km.

- **Quốc lộ 28:** từ Phan Thiết (Bình Thuận) đến thị xã Gia Nghĩa (Đắk Nông) nối vào quốc lộ 14, dài 182 km.

*** Các tuyến quốc lộ chính ở Đông Nam Bộ**

- **Quốc lộ 13:** từ Vĩnh Bình (TP. Hồ Chí Minh) qua Lái Thiêu (Thuận An, Bình Dương), Thủ Dầu Một (Bình Dương), Chơn Thành (Bình Phước), Lộc Ninh (Bình Phước) đến cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước), dài 142 km, đi tiếp đến Crachê (Cam pu chia) nối với Viên Chăn (Lào).

- **Quốc lộ 22:** từ ngã ba Thủ Đức (TP. Hồ Chí Minh) đi cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh) dài 82 km, đi tiếp đến Xoay Riêng và Phnôm Pênh (Cam pu chia).

- **Quốc lộ 51:** từ Biên Hòa (Đồng Nai) đi Vũng Tàu (Bà Rịa - Vũng Tàu), dài 86 km.

- **Quốc lộ 55:** từ Bà Rịa (Bà Rịa - Vũng Tàu) theo hướng đông đi La Gi, Hàm Tân (Bình Thuận), dài 96 km.

- **Quốc lộ 56:** từ Long Khánh (Đồng Nai) theo hướng nam đi thị xã. Bà Rịa (Bà Rịa - Vũng Tàu) dài 50 km.

*** Các tuyến quốc lộ chính ở Đồng bằng sông Cửu Long.**

- **Quốc lộ 30:** từ ngã ba An Hữu (Tiền Giang) trên quốc lộ 1A chạy dọc theo sông Tiền qua TP. Cao Lãnh, thị trấn Hồng Ngự (Đồng Tháp) đến cửa khẩu Dinh Bà (Đồng Tháp) trên biên giới Việt Nam – Cam pu chia dài 118 km.

- **Quốc lộ 50:** bắt đầu tại thành phố Mỹ Tho quá thị xã Gò Công (Tiền Giang), thị trấn Cần Đức, Cần Giuộc (Long An) đến TP. Hồ Chí Minh, dài 97 km.

- **Quốc lộ 53:** bắt đầu từ thành phố Vĩnh Long qua huyện Long Hồ, Vũng Liêm (Vĩnh Long), huyện Càng Long, thị xã Trà Vinh, huyện Cầu Ngang và kết thúc tại huyện Duyên Hải (Trà Vinh), dài 115 km.

- **Quốc lộ 54:** có chiều dài 152 km, nằm cặp sông Hậu, nối liền Đồng Tháp, Vĩnh Long và Trà Vinh. Quốc lộ 54 bắt đầu từ bến phà Vàm Cống (huyện Lập Vò) qua huyện Lai Vung (tỉnh Đồng Tháp), huyện Bình Tân, Bình Minh, Trà Ôn (tỉnh Vĩnh Long), huyện Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành và kết thúc tại thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).

- **Quốc lộ 60:** từ ngã ba Trung Lương (TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) qua cầu Rach Miếu đến thị xã Bến Tre, qua cầu Hàm Luông đến huyện Mỏ Cày, qua phà Cổ Chiên sang thị xã Trà Vinh, qua phà Đại Ngãi đến tỉnh Sóc Trăng, kết thúc ở Tp.Sóc Trăng, dài 127 km. Đây là tuyến đường qua các tỉnh ven biển ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- **Quốc lộ 61:** là con đường nối 2 tỉnh Hậu Giang và Kiên Giang, dài 112 km. Quốc lộ 61 bắt đầu từ ngã ba Cái Tắc giao với quốc lộ 1A tại thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, đi qua các huyện Phụng Hiệp, Long Mỹ, Vị Thủy, thị xã Vị

Thanh (tỉnh Hậu Giang), Gò Quao, Giồng Riềng, Châu Thành và thành phố Rạch Giá (tỉnh Kiên Giang), kết thúc tại ngã ba Rạch Sỏi, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, (tỉnh Kiên Giang).

- **Quốc lộ 62:** bắt đầu từ thị xã Tân An (Long An) theo hướng tây qua thị trấn Thanh Hóa, Tân Thạnh, Mộc Hóa đến cửa khẩu Bình Hiệp (Long An), dài 70 km.

- **Quốc lộ 63:** từ thành phố Cà Mau theo hướng bắc đi Rạch Giá (Kiên Giang) dài 130 km.

- **Quốc lộ 80:** từ cầu Mỹ Thuận, qua Vĩnh Long, Sa Đéc Đồng Tháp), Long Xuyên (An Giang), Rạch Giá đến Hà Tiên (Kiên Giang), kết thúc ở cửa khẩu Xà Xía – biên giới với Cam pu chia, dài 226 km.

- **Quốc lộ 91:** từ TP. Cần Thơ qua Long Xuyên, Châu Đốc và kết thúc ở cửa khẩu Tịnh Biên (An Giang) - biên giới với Cam pu chia, dài 142 km.

*** Cửa khẩu quốc tế đường bộ:**

- **Cửa khẩu biên giới Việt Nam đến Trung Quốc:**

+ Cửa khẩu Lào Cai (tỉnh Lào Cai)

+ Cửa khẩu Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh).

+ Cửa khẩu Hữu Nghị (tỉnh Lạng Sơn).

- **Cửa khẩu biên giới Việt Nam đến Lào:**

+ Cửa khẩu Tây Trang (tỉnh Điện Biên)

+ Cửa khẩu Na Mèo (tỉnh Thanh Hóa)

+ Cửa khẩu Nậm Cắn (tỉnh Nghệ An)

+ Cửa khẩu Cầu Treo (tỉnh Hà Tĩnh).

+ Cửa khẩu Cha Lo (tỉnh Quảng Bình)

+ Cửa khẩu Lao Bảo (tỉnh Quảng Trị)

+ Cửa khẩu Bờ Y (tỉnh Kon Tum)

- **Cửa khẩu biên giới Việt Nam đến Cam Pu Chia:**

+ Cửa khẩu Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai)

+ Cửa khẩu Hoa Lư (tỉnh Bình Phước)

+ Cửa khẩu Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh)

+ Cửa khẩu Xa Mát (tỉnh Tây Ninh)

+ Cửa khẩu Dinh Bà (tỉnh Đồng Tháp)

+ Cửa khẩu Thường Phước (tỉnh Đồng Tháp)

+ Cửa khẩu Tịnh Biên (tỉnh An Giang)

+ Cửa khẩu Hà Tiên (cửa khẩu Xà Xía) (tỉnh Kiên Giang)

3.2. Đường thủy

Giao thông du lịch bằng đường thủy có bốn loại:

- Dịch vụ theo chuyến định kỳ đường xa.

- Dịch vụ thuyền máy hành trình ngắn trên biển.

- Tuần du trên biển, là loại hình du lịch đặc biệt, có sức thu hút du khách rất mạnh, cho phép du khách vừa ngắm cảnh quan của biển và có thể lên bờ du lịch vừa có thể nghỉ ngơi thoải mái trên tàu, chính vì vậy nó được gọi là “thăng cảnh du lịch nổi”. Xu hướng hiện nay các tàu du lịch viễn dương được hiện đại hóa, sang trọng hóa theo tiêu chuẩn khách sạn cao cấp như một khách sạn nổi trên biển.

Ví dụ: các tàu du lịch viễn dương (ocean boat): Oasis of the Seas, Royal Caribbean International, Queen Mary 2...

- Vận chuyển trên sông.

*** Các tuyến đường thủy nội địa Việt Nam**

Các tuyến đường bộ, đường sắt, đường hàng không trong mạng lưới giao thông Việt Nam chủ yếu theo hướng Bắc Nam phần lớn các tuyến đường thủy nội địa có hướng Đông Tây bởi hầu hết các con sông chính đều đổ từ hướng tây ra biển.

Việt Nam có hệ thống sông ngòi dày đặc, bờ biển dài, thuận lợi cho phát triển giao thông đường thủy. Giao thông đường thủy có thể chia làm hai loại chính là đường biển và đường sông. Ngoài ra, giao thông trên kênh rạch cũng là loại hình phổ biến của cư dân tại nơi có hệ thống kênh rạch dày đặc, nhất là các tỉnh đồng bằng Nam Bộ.

Cảng đường thủy: gồm cảng biển và cảng sông. Trong khi hệ thống cảng biển thường là cảng quốc tế lớn thì hệ thống cảng sông thường nhỏ. Hệ thống cảng đường thủy Việt Nam có đóng góp lớn cho các ngành kinh tế, trong đó có cả du lịch. Khách có thể đến Việt Nam qua các cảng biển như Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và một số cảng biển khác.

Các tuyến đường thủy nội địa Việt Nam dựa theo các con sông chính như: sông Hồng, sông Đà ở miền Bắc; sông Tiền, sông Hậu ở miền Tây Nam Bộ và sông Đồng Nai, sông Sài Gòn ở miền Đông Nam Bộ. Tổng chiều dài của tất cả các con sông, kênh, rạch trên lãnh thổ Việt Nam khoảng 42.000 km, dài nhất là hai con sông: sông Hồng dài 544 km và sông Đà dài 543 km. Sông Hậu là con sông có khúc rộng nhất ở huyện Long Phú (Sóc Trăng) và Cầu Kè (Trà Vinh) với chiều ngang khoảng gần 4km.

*** Các tuyến đường thủy ở miền bắc:**

- Tuyến Hà Nội - Lạch Giang trên sông Hồng, sông Ninh Cơ ra cửa Lạch Giang.

- Tuyến Cửa Đáy - Ninh Bình trên sông Đáy ra cửa Đáy.

- Tuyến Hà Nội - Hải Phòng qua sông Luộc.

- Tuyến Việt Trì - Hà Nội - Phủ Lại - Quảng Ninh qua sông Đuống.

- Tuyến Quảng Ninh - Ninh Bình qua sông Luộc, sông Đuống, sông Đáy. -

Tuyến Hải Phòng - Hà Nội - Việt Trì trên sông Đà.

- Tuyến Việt Trì - Sơn La trên sông Đà.

- Tuyến Việt Trì - Lào Cai trên sông Thao, phục vụ liên vận quốc tế Việt Nam - Trung Quốc.

- Tuyến Hải Phòng- Hòn Gai - Móng Cái, nối các vùng kinh tế ven biển đông bắc Việt Nam và phục vụ khách du lịch Trung Quốc,

- Tuyến Việt Trì - Tuyên Quang trên Sông Lô.

*** Các tuyến đường thủy ở miền trung:**

Do đặc điểm các sông miền trung ngắn, có độ dốc lớn lại nằm trong từng địa phương, nên các đoạn đường thủy ở miền Trung chủ yếu chỉ phục vụ cho từng địa phương và nối thông ra biển.

- Tuyến đường thủy trên sông Mã, cửa Lê Môn tỉnh Thanh Hóa

- Tuyến đường thủy trên sông Lam, cửa Hội tỉnh Nghệ An.

- Tuyến đường thủy trên sông Nghèn, cửa Sốt tỉnh Hà Tĩnh.
- Tuyến đường thủy trên sông Gianh, cửa Gianh tỉnh Quảng Bình.
- Tuyến đường thủy trên sông Đại Giang, cửa Nhật Lệ tỉnh Quảng Bình.
- Tuyến đường thủy trên sông Thạch Hãn, cửa Việt tỉnh Quảng Trị.
- Tuyến đường thủy trên sông Hương, cửa Thuận An tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Tuyến đường thủy trên sông Thu Bồn, cửa An Hòa tỉnh Quảng Nam.
- Tuyến đường thủy trên sông Trà Khúc, cửa Sa Kỳ tỉnh Quảng Ngãi.

*** Các tuyến đường thủy ở miền Nam:**

- Tuyến đường thủy trên sông Tiền ra cửa Cỏ Chiên.
- Tuyến đường thủy trên sông Hậu ra cửa Định An

Hai tuyến đường thủy này theo tiêu chuẩn đường thủy quốc tế, vì đây là tuyến liên vận Việt Nam - Cam-pu-chia –Thái Lan.

- Tuyến đường thủy trên sông Hàm Luông ra cửa Hàm Luông.

- Tuyến Sài Gòn – Mỹ Tho – Long Xuyên - Rạch Giá - Kiên Lương qua kênh Rạch Giá và qua kênh Tháp Mười Tứ giác Long Xuyên.

- Tuyến Sài Gòn - Mỹ Tho - Cần Thơ - Cà Mau.

- Tuyến Đồng Tháp Mười – tứ giác Long Xuyên là tuyến dọc biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia.

- Tuyến Sài Gòn - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau là tuyến ven biển.

- Tuyến sông Đồng Nai.

- Tuyến Sài Gòn - Gò Dầu (Tây Ninh) trên sông Vàm Cỏ Tây.

- Tuyến Sài Gòn - Mộc Hóa (Đồng Tháp) trên sông Vàm Cỏ Đông.

- Tuyến đường thủy trên sông Thị Vải ra Cửa Soài Rạp.

- Tuyến đường thủy trên sông Bảy Hạp nối thị xã Cà Mau - Năm Căn

- Tuyến đường thủy trên sông Gành Hào ra cửa Gành Hào.

- Tuyến Rạch Giá - Cà Mau, cửa Ông Đốc là tuyến ven biển phía vịnh Thái

Lan.

3.3. Đường sắt

Xu hướng phát triển của giao thông du lịch đường sắt.

- Gia tăng tàu chạy điện tốc độ nhanh, đạt hiệu quả cao, tiết kiệm năng lượng.

- Sự phát triển cao tốc hóa của đường sắt thế giới. Nhật Bản, Châu Âu đã xây dựng mạng đường sắt cao tốc tương đối hoàn thiện,

- Các công ty đường sắt không ngừng đưa ra hạng mục mới nhằm thu hút du khách.

*** Các tuyến đường sắt ở Việt Nam:**

Mạng lưới đường sắt ở Việt Nam có nhiều tuyến trong đó tuyến Bắc Nam nối Hà Nội với TP. Hồ Chí Minh là dài nhất. Ngoài ra, còn một số tuyến nối Hà Nội với một số tỉnh phía Bắc như Lạng Sơn, Hải Phòng, Lào Cai với tổng chiều dài 2,600 km. Các tuyến đường sắt nối liền các khu dân cư, trung tâm văn hoá nông nghiệp và công nghiệp, trừ khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra đường sắt Việt Nam còn nối liền với đường sắt Trung Quốc qua hai hướng: với Vân Nam Trung Quốc qua tỉnh Lào Cai và với Quảng Tây Trung Quốc qua tỉnh Lạng Sơn.

Tại Hà Nội: có hai ga đường sắt là ga Hà Nội (phục vụ tàu Thống Nhất đi Miền Nam và tàu liên vận quốc tế đi Bắc Kinh, Trung Quốc) và ga Trần Quý Cáp

(phục vụ tàu đi các tỉnh phía Bắc và phía Đông của Việt Nam hoặc Liên vận quốc tế sang Côn Minh, Trung Quốc).

Các ga Huế, Đà Nẵng, Nha Trang và thành phố Hồ Chí Minh là những ga chính phục vụ cho tuyến Thống Nhất Bắc Nam.

Đường sắt Việt Nam sử dụng ba loại khổ đường: loại đường 1.000 mm, đường tiêu chuẩn (1.435 mm) và đường lồng (chung cả 1.435 mm và 1.000 mm).

Mạng lưới đường sắt Việt Nam bao gồm các tuyến đường sau:

- Đường sắt Thống Nhất (đường sắt Bắc Nam) là tuyến đường sắt xuyên Việt chính của nước ta. Tuyến đường nối Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh, dài 1726 km, sử dụng khổ đường 1.000 mm, đi qua 21 tỉnh, thành phố (kể tên). Đường sắt Bắc Nam chạy gần song song với quốc lộ 1A, có nhiều đoạn gặp nhau, nhất là tại các tỉnh lỵ.

- Đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, dài 102 km, khổ đường 1.000 mm.

- Đường sắt Hà Nội - Lào Cai, dài 296 km, khổ đường 1.000 mm.

- Đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng (Lạng Sơn), dài 162km, khổ đường lồng (1.435 & 1.000 mm).

- Đường sắt Hà Nội - Quán Triều (Thái Nguyên) dài 75 km, khổ đường lồng (1.435 & 1.000 mm).

- Đường sắt Kép (Bắc Giang) - Uông Bí - Hạ Long (Quảng Ninh), dài 106 km, khổ đường 1.435 mm

- Đường sắt Kép - Lưu Xá (Thái Nguyên), dài 57 km, khổ đường 1.435 mm.

3.4. Đường hàng không

*** Hệ thống sân bay ở Việt Nam**

- Các sân bay quốc tế gồm:

+ Sân bay quốc tế Nội Bài (Hà Nội)

+ Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất (TP. Hồ Chí Minh)

+ Sân bay quốc tế Đà Nẵng (Đà Nẵng)

+ Sân bay quốc tế Phú Bài (Huế)

+ Sân bay quốc tế Cam Ranh (Nha Trang)

+ Sân bay quốc tế Cần Thơ (Cần Thơ)

+ Sân bay quốc tế Cát Bi (Hải Phòng)

+ Sân bay quốc tế Phú Quốc (Kiên Giang)

+ Sân bay quốc tế Vinh (Nghệ An)

+ Sân bay quốc tế Vân Đồn (Quảng Ninh)

- Các sân bay nội địa gồm:

+ Sân bay Côn Đảo (Vũng Tàu)

+ Sân bay Phù Cát (Bình Định)

+ Sân bay Cà Mau (Cà Mau)

+ Sân bay Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)

+ Sân bay Điện Biên Phủ (Điện Biên)

+ Sân bay Pleiku (Gia Lai)

+ Sân bay Rạch Giá (Kiên Giang)

+ Sân bay Liên Khương (Lâm Đồng)

+ Sân bay Tuy Hòa (Phú Yên)

+ Sân bay Đồng Hới (Quảng Bình)

+ Sân bay Chu Lai (Quảng Nam)

+ Sân bay Thọ Xuân (Thanh Hóa)

- Các sân bay được quản lý bởi 3 cụm cảng hàng không đặt tại 3 miền của đất nước: Cụm cảng hàng không Miền Bắc (NAA), Cụm cảng hàng không Miền Trung (MAA), Cụm cảng hàng không Miền Nam (SAA).

*** Các hãng hàng không đang hoạt động tại Việt Nam:**

Hiện nay, tại Việt Nam có các hãng hàng không nội địa đang hoạt động gồm: Vietnam Airlines, Jetstar Pacific, VietJet Air, Ari Mekong, Vasco và Bamboo airway.

Các hãng hàng không quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam gồm: Air Asia, Japan Airlines, Singapore Airlines, Thai Airways, American Airlines, Korean Airlines, Air France, Cathay Pacific...

4. Các chỉ tiêu cơ bản để xây dựng tuyến điểm du lịch

Việc xây dựng điểm du lịch trên địa bàn nghiên cứu trước tiên phải căn cứ vào nội dung phân tích thành phần nhằm tìm ra những khu vực tập trung tài nguyên có thể phục vụ khai thác du lịch; sau đó tiến hành đánh giá tổng hợp theo các chỉ tiêu phù hợp, kết hợp dựa vào các đặc trưng của điểm du lịch để xây dựng các điểm du lịch tiêu biểu.

Những nghiên cứu ứng dụng trong địa lý du lịch thời gian qua ở Việt Nam, đặc biệt là các công trình nghiên cứu về tiêu chí đánh giá của những tác giả: phần lớn sử dụng 5 - 7 chỉ tiêu để xác định và xây dựng điểm du lịch như: vị trí của điểm du lịch, sức hấp dẫn, cơ sở hạ tầng – cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch, sức chứa khách du lịch, độ bền vững, thời gian khai thác du lịch và hiệu quả kinh tế. Kế thừa những nghiên cứu này, để phù hợp với đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài, các chỉ tiêu cơ bản để xây dựng điểm du lịch được đánh giá theo các yếu tố sau đây:

*** Độ hấp dẫn**

Độ hấp dẫn khách du lịch là yếu tố có tính chất tổng hợp và thường được xác định bằng vẻ đẹp của cảnh quan, sự đa dạng của địa hình, sự thích hợp của khí hậu, tính đặc sắc và độc đáo của các đối tượng du lịch. Sức hấp dẫn của điểm du lịch được phân thành 4 cấp:

- Rất hấp dẫn: có trên 5 phong cảnh đẹp, đa dạng hoặc trên 5 hiện tượng, di tích tự nhiên đặc biệt; có công trình văn hoá và di tích lịch sử có tính nghệ thuật đặc sắc, độc đáo đáp ứng phát triển trên 5 loại hình du lịch.

- Khá hấp dẫn: có 3 - 5 phong cảnh đẹp, đa dạng hoặc 3 - 5 hiện tượng, di tích tự nhiên đặc biệt; có công trình văn hoá và di tích lịch sử có tính nghệ thuật đặc sắc, độc đáo đáp ứng phát triển 3 - 5 loại hình du lịch.

- Hấp dẫn trung bình: có từ 1 - 2 phong cảnh đẹp hoặc có 1- 2 hiện tượng, di tích đặc biệt; có công trình văn hoá và di tích lịch sử có tính nghệ thuật đáp ứng khai thác từ 1 - 2 loại hình du lịch.

- Ít hấp dẫn: phong cảnh đơn điệu hoặc công trình văn hoá, di tích lịch sử có ý nghĩa địa phương; chỉ có thể khai thác phát triển 1 loại hình du lịch.

*** Thời gian hoạt động du lịch**

Thời gian hoạt động du lịch được xác định bởi số thời gian thích hợp nhất

về các điều kiện khí hậu đối với sức khỏe của khách du lịch và số thời gian thuận lợi nhất cho việc triển khai các hoạt động du lịch.

Rất dài: Có trên 200 ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và trên 180 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp nhất đối với sức khỏe con người.

Khá dài: Có 150 – 200 ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và trên 180 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp nhất đối với sức khỏe con người.

Ngắn: Có dưới 100 ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và trên 180 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp nhất đối với sức khỏe con người.

Thời gian trong năm có thể triển khai các hoạt động du lịch sẽ là thời gian của năm trừ số những ngày mưa và những ngày chịu ảnh hưởng của bão tố và các hiện tượng thời tiết đặc biệt khác như sương mù, gió Lào... Tuy nhiên cần lưu ý là trong những ngày hè, mặc dù có thể có lượng mưa lớn nhưng thường cường độ mưa cũng rất cao nên thời gian mưa ngắn và như vậy sẽ ít ảnh hưởng đến hoạt động du lịch. Vì vậy khi tính toán cần lưu ý đến chỉ số những ngày đông để kết quả xác định thời gian thuận lợi đối với hoạt động du lịch sát với thực tế hơn.

** Sức chứa khách du lịch*

Là lượng khách tối đa có thể đón đến điểm du lịch trong cùng một thời điểm mà chưa gây ra những tổn hại đến môi trường tự nhiên, văn hoá - xã hội và quyền lợi của du khách. Qua khảo sát thực tế, thực nghiệm khi tiến hành các hoạt động du lịch, các cấp độ về chỉ tiêu sức chứa khách du lịch như sau:

- **Rất lớn:** có khả năng tiếp nhận trên 1.000 người/ngày, trên 250 người/lượt tham quan đối với điểm tài nguyên tự nhiên. Đối với điểm tài nguyên nhân văn, con số tương ứng là 500 người/ngày và 100 người/ lượt tham quan.

- **Khá lớn:** có thể tiếp đón 500 - 1.000 người/ngày, từ 150 - 250 người/lượt tham quan đối với điểm tài nguyên tự nhiên. Đối với điểm tài nguyên nhân văn, con số tương ứng là 300 - 500 người/ngày, 50 - 100 người/ lượt tham quan.

- **Trung bình:** có sức chứa 100 - 500 người/ngày, từ 50 - 150 người/lượt tham quan đối với điểm tài nguyên tự nhiên. Đối với điểm tài nguyên nhân văn, con số tương ứng là và 100 - 300 người/ngày, 30 - 50 người/ lượt tham quan.

- **Nhỏ:** có sức chứa dưới 100 người/ngày, dưới 50 người/lượt tham quan đối với điểm tài nguyên tự nhiên. Đối với điểm tài nguyên nhân văn, con số tương ứng là dưới 100 người/ngày, dưới 30 người/ lượt tham quan.

** Độ bền vững*

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng bền vững của các thành phần hoặc các yếu tố tự nhiên, nhân văn trước áp lực của hoạt động du lịch, của khách du lịch và các đối tượng khác hoặc thiên tai. Các mức độ chỉ tiêu bền vững như sau:

- **Rất bền vững:** không có thành phần phần hoặc bộ phận tự nhiên nào bị phá hoại, khả năng tự phục hồi cân bằng sinh thái của môi trường nhanh; công trình văn hoá, lịch sử còn được bảo tồn tốt, không bị phá hoại bởi môi trường nhiệt đới ẩm và thiên tai; tài nguyên có khả năng tồn tại vững chắc trên 100 năm; hoạt động du lịch diễn ra liên tục.

- **Khá bền vững:** có từ 1 - 2 thành phần hoặc bộ phận tự nhiên bị phá hoại

nhưng ở mức độ không đáng kể, có khả năng tự phục hồi tương đối nhanh; công trình văn hoá, lịch sử có bị phá hoại song vẫn có khả năng sửa chữa nhanh; tài nguyên có khả năng tồn tại vững chắc từ 50 - 100 năm; hoạt động du lịch diễn ra thường xuyên.

- Trung bình: điểm du lịch có từ 1 - 2 thành phần hoặc bộ phận tự nhiên bị phá hoại đáng kể, phải có sự hỗ trợ tích cực của con người mới phục hồi nhanh được; công trình văn hoá, lịch sử bị phá hoại tương đối, có khả năng sửa chữa và tôn tạo lại nhưng chậm; tài nguyên có khả năng tồn tại vững chắc từ 10 - 50 năm; hoạt động du lịch có thể bị hạn chế.

- Kém bền vững: có từ 2 - 3 thành phần hoặc bộ phận tự nhiên bị phá hoại nặng, phải có sự hỗ trợ tích cực của con người mới phục hồi được nhưng rất chậm; công trình văn hoá, lịch sử bị phá hoại nặng, khả năng phục hồi nguyên trạng kém; tài nguyên có khả năng tồn tại vững chắc dưới 10 năm; hoạt động du lịch bị gián đoạn.

** Vị trí của điểm du lịch*

Vị trí tương đối của điểm du lịch với nơi cung cấp nguồn khách du lịch chủ yếu có ý nghĩa rất quan trọng trong việc khai thác tài nguyên và hoạt động phát triển du lịch ở đó.

Rất thích hợp: Khoảng cách 10 -100 km, thời gian đi đường nhỏ hơn 3h, có thể đi bằng 2 -3 loại phương tiện thông dụng.

Khá thích hợp: Khoảng cách 100 -200 km, thời gian đi đường 3h – 4h, có thể đi bằng 2 -3 loại phương tiện thông dụng.

Trung bình: Khoảng cách trên 200 km, dưới 500 km, thời gian đi đường 5h, có thể đi bằng 1 -2 loại phương tiện thông dụng.

Kém thích hợp: Khoảng cách trên 500 km, thời gian đi đường lớn hơn 5h, có thể đi bằng 1 -2 loại phương tiện thông dụng.

** Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch*

Có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động du lịch. Ở những nơi chưa xây dựng được cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật thì dù có điều kiện tự nhiên thuận lợi và tài nguyên du lịch phong phú đến mấy cũng vẫn chỉ tồn tại dạng tiềm năng.

Rất tốt: Có cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ, đủ tiện nghi, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Khá tốt: Có cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch đồng bộ, đủ tiện nghi, đạt tiêu chuẩn quốc gia.

Trung bình: Có được một số cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật du lịch nhưng chưa đồng bộ, chưa đủ tiện nghi

Kém: Còn thiếu nhiều về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Nếu đã có thì chất lượng thấp và có tính chất tạm thời.

Sáu chỉ tiêu trên là những căn cứ cơ bản để tính toán xây dựng các điểm, tuyến du lịch trên lãnh thổ. Ngoài ra, còn có nhiều chỉ tiêu khác để xem xét, đánh giá như chỉ tiêu về quản lý các hoạt động du lịch, chỉ tiêu hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư du lịch và những tiêu chuẩn sinh lợi của nó, chỉ tiêu về thu nhập quốc dân GDP du lịch và so sánh GDP du lịch với tổng thu nhập quốc dân trên lãnh thổ, chỉ tiêu quản lý hoạt động du lịch...

Thông qua các chỉ tiêu cơ bản phân định ra mức độ quan trọng của các điểm du lịch có trên lãnh thổ. Từ đó xác định những điểm, tuyến du lịch cơ bản và đề xuất định hướng khai thác

5. Phân vùng du lịch Việt Nam

Theo phương án của Viện nghiên cứu phát triển du lịch Việt Nam (1991), hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch Việt Nam có 5 cấp độ (từ thấp đến cao):

- Điểm du lịch
- Trung tâm du lịch
- Tiêu vùng du lịch
- Á vùng du lịch
- Vùng du lịch

Các tiêu chí phân vùng du lịch Việt Nam:

- Loại hình sản phẩm du lịch độc đáo
- Điều kiện môi trường tự nhiên về du lịch
- Điều kiện môi trường nhân văn, đặc biệt là các di sản văn hóa, lịch sử, các lễ hội truyền thống
- Định hướng phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị và mức thu nhập bình quân trên người
- Điều kiện kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành, đặc biệt là hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, tổ chức vui chơi giải trí, đi lại, thông tin liên lạc.

Căn cứ vào các tiêu chí trên, theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2030, nước ta được chia thành 7 vùng du lịch gồm:

- Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ
- Vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc
- Vùng Bắc Trung Bộ
- Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ
- Vùng Tây Nguyên
- Vùng Đông Nam Bộ
- Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (Tây Nam Bộ).

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Trình bày khái niệm điểm du lịch? Phân loại điểm du lịch?

Câu 2: Trình bày khái niệm tuyến du lịch? Phân loại tuyến du lịch?

Câu 3: Phân biệt tuyến du lịch và chương trình du lịch?

Câu 4: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng tuyến du lịch?

Câu 5: Phân tích các chỉ tiêu để xây dựng tuyến du lịch?

Câu 6: Trình bày các phương thức vận chuyển trên tuyến du lịch ở Việt Nam?

Chương 2: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ

Giới thiệu

Mục tiêu:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được những nội dung khái quát chung về vùng.
- + Liệt kê được các sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng.
- + Trình bày được một số điểm du lịch tiêu biểu của vùng
- + Nêu được một số tuyến du lịch cơ bản của vùng.

- Về kỹ năng:

- + Thiết kế được các tuyến, chương trình du lịch
- + Xây dựng lộ trình tham quan phù hợp với từng đối tượng khách
- + Viết bài thuyết minh cho các chương trình du lịch

- Về thái độ:

- + Thể hiện tính cẩn thận, chu đáo, tỉ mỉ trong công việc

Nội dung

1. Khái quát chung

1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng

Theo Quy hoạch tổng thể Phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030, vùng du lịch trung du miền núi Bắc Bộ bao gồm 14 tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn và Bắc Giang gắn với các hành lang kinh tế và các cửa khẩu quan trọng với Tam g Quốc và Thượng Lào.

- Diện tích: 95.338,8 km², chiếm 28,8% diện tích cả nước

- Dân số: 11.800.000 người, chiếm 14% dân số cả nước (năm 2015)

- Tiếp giáp: phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Nam giáp với Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc, phía Đông giáp Quảng Ninh, phía Tây giáp Lào.

Vùng có 6 tỉnh phía Bắc giáp Trung Quốc, có đường biên giới dài 1240 km; 2 tỉnh ở phía Tây giáp Lào dài 610 km. Vùng du lịch này giáp với hai nước láng giềng nên có hệ thống cửa khẩu quan trọng như Pa Háng (Sơn La), Tây Trang (Điện Biên), Ma Lù Thàng (Lai Châu), Hà Khẩu (Lào Cai), Thanh Thủy (Hà Giang), Tà Lùng (Cao Bằng), Hữu Nghị (Lạng Sơn).

Đây là vùng có vị trí quan trọng, vùng đất địa đầu trấn giữ biên cương phía Bắc của Tổ quốc. Khoảng cách của vùng đến hai trung tâm du lịch Hà Nội và thành phố Hạ Long – hai đỉnh của tam giác phát triển du lịch nói riêng và tam giác phát triển kinh tế nói chung ở Miền Bắc là tương đối gần, tạo thuận lợi trong việc giao lưu và kết nối tuyến du lịch với các tỉnh đồng bằng với các quốc gia láng giềng, đặc biệt kết nối với Trung Quốc (tỉnh Vân Nam, Quảng Tây).

Lãnh thổ của vùng bao gồm hai tiểu vùng là Đông Bắc và Tây Bắc. Tây Bắc là một vùng gồm chủ yếu là núi trung bình và núi cao. Đây là nơi có địa hình cao nhất, bị chia cắt và hiểm trở nhất Việt Nam. Các dạng địa hình phổ biến ở đây là các dãy núi cao, các thung lũng sâu hay hẻm vực, các cao nguyên đá vôi có độ cao trung bình. Dãy núi cao và đồ sộ nhất là dãy Hoàng Liên Sơn với nhiều đỉnh cao trên 2500m, đỉnh núi cao nhất là Fansipan (3143m). Vùng đồi núi Đông Bắc gồm chủ yếu là núi trung bình và núi thấp. Khối núi thượng nguồn sông Chảy có nhiều

đỉnh cao trên dưới 2000m là khu vực cao nhất của vùng. Từ khối núi này ra tới biển là các dãy núi hình cánh cung thấp dần về phía biển. Chuyển tiếp từ vùng núi Đông Bắc tới đồng bằng sông Hồng là vùng trung du với những dải đồi đỉnh tròn, sườn thoải.

Khí hậu của vùng mang đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của địa hình vùng núi. Đông Bắc địa hình tuy không cao, nhưng lại là nơi chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa đông bắc, là khu vực có mùa đông lạnh nhất nước ta. Tây Bắc tuy chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc yếu hơn, nhưng do nền địa hình cao nên mùa đông cũng vẫn lạnh.

Vùng có hệ thống sông ngòi dày đặc, sông ngòi của vùng chủ yếu chảy theo hướng Tây- Bắc và Đông Nam. Trong vùng có một số con sông lớn như sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Lô, sông Kỳ Cùng... Vùng có nhiều hồ lớn như hồ Ba Bể, hồ Hòa Bình, hồ Núi Cốc, hồ Thác Bà...

Vùng trung du và miền núi phía Bắc có 39 tộc người cùng chung sống. Ngoài người Kinh, đây là quê hương chủ yếu của người Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao...

1.2. Tài nguyên du lịch

1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Địa hình của vùng rất đa dạng và phức tạp, núi và cao nguyên chiếm gần $\frac{3}{4}$ diện tích lãnh thổ. Phía Bắc và Tây là những dãy núi lớn ôm lấy Đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng duyên hải ở phía Đông. Hoàng Liên Sơn là dãy núi đồ sộ và hùng vĩ nhất nước ta với nhiều đỉnh núi cao trên 2000m, có đỉnh Fansipan 3.143m cao nhất Đông Dương. Về phía Đông Bắc là cánh cung sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn và Đông Triều chụm về phía dãy Tam Đảo. Các cao nguyên Đông Vần, Bắc Hà, Mộc Châu và Sơn La... nằm xen kẽ trong những vùng núi cao phía Bắc. Đây là miền đất cao nhất của Việt Nam, tập trung những dãy núi và đỉnh núi cao, nằm xen kẽ các cao nguyên rộng lớn, những cánh rừng xanh, nơi khởi nguồn của những con sông lớn chảy vào lãnh thổ Việt Nam (sông Hồng, sông Đà...). Chính điều này đã tạo nên cảnh sắc thiên nhiên hùng vĩ, một vùng núi đồi và mạng lưới sông ngòi tương đối dày đặc tạo nên địa hình như có dạng trần đồ bát quái.

Sự đa dạng của địa hình núi và cao nguyên đã tạo nên phong cảnh thiên nhiên đẹp có sức hấp dẫn du khách. Trong số đó, nhiều nơi đã được khai thác với mục đích du lịch từ rất sớm, ngay từ đầu thế kỷ XX như Sapa, Mẫu Sơn... Còn ngày nay, hiển nhiên, các địa phương đang khai thác mạnh mẽ nguồn tài nguyên này.

Kiểu địa hình cácxtơ tập trung nhiều trong vùng là nguồn tài nguyên du lịch đặc sắc. Ở đây kiểu địa hình cácxtơ tập trung thành các khối núi, dãy núi và cao nguyên phổ biến ở các vùng đá vôi Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình. Địa hình cácxtơ hiểm trở nhưng lại tạo nên nhiều phong cảnh đẹp vì núi non hùng vĩ, đặc biệt là các hang động và sông suối ngầm kì ảo là đối tượng du lịch hấp dẫn. Trong số đó, có những thắng cảnh nổi tiếng ở nước ta như Tam Thanh, Nhị Thanh, động Ngườm Ngao, động Puông và điển hình nhất là cao nguyên đá vôi Đông Vần (Hà Giang)

Tính chất khí hậu nhiệt đới, ẩm, gió mùa của vùng nói chung thuận lợi cho hoạt động của du lịch. Tuy nhiên, cần lưu ý tính phân mùa của khí hậu. Mùa hạ từ tháng 5 đến tháng 10, có gió tây nam và đông nam tạo thời tiết nóng, ẩm và mưa

hiều, cùng với các cơn dông, bão nhiệt đới. Mùa hạ là mùa du lịch nghỉ núi. Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, với những đợt gió mùa đông bắc tương đối lạnh và khô vào thời kỳ đầu, lạnh và ẩm vào thời kỳ cuối mùa, làm cho vùng có khí hậu lạnh nhất trong cả nước. Đôi khi ở vùng núi cao có cả băng giá, tuyết rơi rất lạ và ấn tượng đối với khách du lịch trong nước. Thời tiết mùa đông lại thích hợp cho du lịch tham quan, văn hóa, thể thao.

Các điều kiện khí hậu và địa hình đã tạo cho vùng có hệ thống sông ngòi dày đặc. Các con sông lớn chảy qua vùng là sông Hồng, sông Đà, sông Cầu, sông Thương. Các hồ tự nhiên ít và nhỏ song lại có phong cảnh đẹp như hồ Ba Bể, còn các hồ nhân tạo lại có diện tích lớn hơn. Trong khi, du lịch sông nước bị hạn chế thì du lịch hồ khá phát triển tại các hồ tự nhiên như Ba Bể, hồ Thang Hen và các hồ nhân tạo như hồ Hòa Bình, hồ Núi Cốc, hồ Thác Bà, hồ Cẩm Sơn, hồ Pa Khoang, hồ Sơn La... Hồ Ba Bể là một trong 10 hồ nước ngọt lớn nhất của thế giới, là di tích quốc gia đặc biệt. Nguồn nước khoáng khá phong phú và đã khai thác phục vụ du lịch ở Kim Bôi, Mĩ Lâm, Mường Luân, Thanh Thủy...

Vùng du lịch Trung du miền núi Bắc Bộ có trên 5 triệu ha rừng, chiếm 36,1% diện tích rừng cả nước, đứng đầu 7 vùng trong đó 73,1% là rừng tự nhiên. Rừng ở đây đặc biệt là 4/31 vườn quốc gia ở Việt Nam (Hoàng Liên Sơn, Xuân Sơn, Ba Bể và Du Già), có tính đa dạng sinh học cao với nhiều kiểu rừng khác nhau như rừng thường xanh, rừng thường xanh trên núi đá vôi, rừng thường xanh đất thấp, rừng rậm nội chí tuyến gió mùa thường xanh với các loài động thực vật có yếu tố bản địa... Vùng có nhiều loài động thực vật đặc hữu có giá trị và quý hiếm đã được Việt Nam và thế giới ghi vào sách Đỏ, tiêu biểu là: voọc mũi hếch (Ba Bể, Na Hang, Du Già), voọc đen má trắng, sơn dương nâu, powmu, thông tre, lan... những tài nguyên này có sức hấp dẫn khách du lịch với mục đích nghiên cứu khoa học, khám phá, tham quan, tìm hiểu các hệ sinh thái đa dạng và độc đáo.

1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa

*** Di tích lịch sử**

Vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ có trên 7.000 di tích lịch sử - văn hóa các loại, trong đó có 560 di tích được xếp hạng quốc gia và 10 di tích cấp quốc gia đặc biệt. Ở phần Đông Bắc của vùng có nhiều địa điểm gắn liền với các cuộc khởi nghĩa giành độc lập dân tộc năm 1945 và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), là trụ sở cơ quan đầu não của Đảng trước Cách mạng, nơi làm việc của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong kháng chiến 9 năm. Còn ở phần Tây Bắc có nhiều di tích lịch sử - cách mạng gắn liền với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tiêu biểu là nhà tù Sơn La, di tích lịch sử chiến trường Điện Biên Phủ (Đồi A1, C1, C2, D1; cầu và sân bay Mường Thanh, hầm chỉ huy tướng Đờ Caxtori; đồi Him Lam, đồi Độc Lập). Các di tích quốc gia đặc biệt của vùng phần nhiều là di tích lịch sử cách mạng: di tích lịch sử rừng Trần Hưng Đạo, di tích Pác Bó (tỉnh Cao Bằng); những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế (tỉnh Bắc Giang); di tích Tân Trào (Tuyên Quang); di tích An toàn khu Định Hóa (Thái Nguyên); chiến trường Điện Biên Phủ (Điện Biên); nhà tù Sơn La (Sơn La); di tích lịch sử Đền Hùng (Phú Thọ) và thắng cảnh hồ Ba Bể (Bắc Kạn). Vùng còn có 2 di sản văn hóa phi vật thể thế giới là Không gian văn hóa quan họ (tỉnh Bắc Giang, cùng với tỉnh Bắc Ninh) và hát xoan (tỉnh Phú Thọ). Đây chính là tài

nguyên văn hóa đặc trưng của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, tạo nên các sản phẩm du lịch có sức hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước.

*** Lễ hội**

Đây là vùng có tới 40 dân tộc anh em cùng sinh sống, đa dạng nhất trong 7 vùng du lịch. Văn hóa Tày Nùng ở Đông Bắc và Thái Mường ở Tây Bắc có vai trò quan trọng trong cộng đồng các dân tộc. Ngoài ra còn có các dân tộc khác mang bản sắc của vùng như người Mường, Dao, Khơ mú, Sán Chay, người Xinh Mun, người Lào. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nổi tiếng với các lễ hội như Lồng Tồng (lễ hội xuống đồng) của dân tộc Tày, Nùng diễn ra từ 2 – 30/1 âm lịch ở Cao Bằng, Lào Cai, Lạng Sơn, Bắc Kạn...; lễ hội Gầu Tào của người Mông ở Sơn La, Lai Châu, Hà Giang...; lễ hội hoa Ban của dân tộc Thái ở Tây Bắc diễn ra vào tháng 2 âm lịch... Bên cạnh đó, vùng còn có các lễ hội lịch sử cách mạng như lễ kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5 dương lịch); lễ hội Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang (16/8 dương lịch); lễ hội Yên Thế diễn ra ngày 10/3 âm lịch tại xã Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Các lễ hội văn hóa du lịch tiêu biểu trong vùng là Lễ hội du lịch về nguồn (Phú Thọ - Yên Bái – Lào Cai); ngày hội Văn hóa các dân tộc Đông Bắc (hai năm tổ chức một lần); lễ hội Văn hóa, thể thao các dân tộc Tây Bắc (hai năm tổ chức một lần).

*** Làng nghề**

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có trên 400 làng nghề (chiếm 20% tổng số làng nghề của cả nước). Một số làng nghề hiện nay đã trở thành điểm tham quan hấp dẫn trong hoạt động du lịch như làng rèn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng, xuất hiện cách đây 1000 năm; làng nấu rượu ngô bản Phó, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai; làng nghề mây tre đan Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; làng gốm Thái Đen, xã Mường Chanh.

*** Các tài nguyên văn hóa khác**

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có văn hóa ẩm thực mang sắc thái núi rừng phía Bắc đặc trưng như cơm lam, xôi ngũ sắc; rêu đá nướng; cá suối; thịt trâu, bò, lợn, gạo nếp; cộng đồng các dân tộc trong vùng còn có nhiều phong tục tập quán khác lạ gây sự thích thú, mới lạ cho du khách trong và ngoài nước như tục cướp vợ của người Mông, chọc sần của người Thái. Cùng với đó, vùng còn có sinh hoạt văn hóa chợ. Chợ là nơi giao lưu văn hóa, là nơi gặp gỡ, hẹn hò, múa hát như chợ tình Khau Vai, chợ tình Sapa, chợ Kì Lừa... góp phần làm nên sản phẩm du lịch đặc sắc cho vùng.

Trong vùng còn có các bảo tàng chính như Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên, bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam (ở thành phố Thái Nguyên), bảo tàng Lực lượng vũ trang Việt Bắc, những bảo tàng này là địa chỉ tham quan của nhiều đoàn khách du lịch.

1.3. Hệ thống đường giao thông

- Đường bộ:

Vùng có các quốc lộ nối với Thủ đô Hà Nội, với Lào, Trung Quốc và nối khu vực phía Đông và Tây của vùng. Các tuyến đường đó là: QL 1, QL 2, QL 3, QL 6, QL 70, QL 279, QL 4 (A,B,C,D), QL 12... Đường Hồ Chí Minh từ Pắc Bó (Cao Bằng) qua Bắc Cạn, Tuyên Quang, Phú Thọ nối với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Nam.

- *Đường sắt:*

Vùng có hai tuyến liên vận quốc tế từ Hà Nội là Hà Nội – Lào Cai - Côn Minh Trung Quốc và Hà Nội - Đồng Đăng - Nam Ninh (Trung Quốc)

- *Đường không:* Vùng có các sân bay nội địa Điện Biên (Phủ Điện Biên), Nà Sản (Sơn La) và trong tương lai sẽ phát triển thêm sân bay Lào Cai (Lào Cai).

- *Đường sông:* Là đầu nguồn của các sông lớn như sông Đà, sông Hồng, sông Lô, sông Chảy, sông Cầu, sông Kỳ Cùng...

Sự phát triển vùng gắn liền với hợp tác phát triển hai hành lang một vành đai giữa Việt Nam và Trung Quốc Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng... và hành lang Nam Ninh - Lạng Sơn - Quảng Ninh - Hải Phòng, với hợp tác tiểu vùng sông Mêkông mở rộng GMS.

2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu

2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng

- Du lịch về nguồn tìm hiểu bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam;
- Tham quan, nghiên cứu hệ sinh thái núi cao, hang động, hệ sinh thái trung du; - Nghỉ dưỡng núi; nghỉ cuối tuần; thể thao khám phá; du lịch biên giới gắn với thương mại các cửa khẩu

2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu

- Sơn La - Điện Biên gắn với Mộc Châu, hồ Sơn La, cửa khẩu quốc tế Tây Trang, di tích lịch sử Điện Biên Phủ và Mường Phăng.

- Lào Cai gắn với cửa khẩu quốc tế Lào Cai, khu nghỉ mát Sa Pa, Phan Xi Phăng và vườn quốc gia Hoàng Liên.

- Phú Thọ gắn với lễ hội Đền Hùng và hệ thống di tích thời đại Hùng Vương, cảnh quan hồ Thác Bà.

- Thái Nguyên - Lạng Sơn gắn với hồ Núi Cốc, di tích ATK Định Hóa, ATK Tân Trào, khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng, khu nghỉ mát Mẫu Sơn.

- Hà Giang gắn với công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, cảnh quan Mèo Vạc, Mã Pí Lèng, Na Hang, Xín Mần...

3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các hu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

- *12 Khu du lịch quốc gia:*

+ Khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn;

+ Khu du lịch quốc gia Thác Bản Giốc;

+ Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn;

+ Khu du lịch quốc gia Hồ Ba Bể;

+ Khu du lịch quốc gia Tân Trào;

+ Khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc;

+ Khu du lịch quốc gia Sa Pa;

+ Khu du lịch quốc gia Hồ Thác Bà;

+ Khu du lịch quốc gia Đền Hùng;

+ Khu du lịch quốc gia Mộc Châu;

+ Khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ-Pá Khoang;

+ Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình

- 4 Điểm du lịch quốc gia:

- + Điểm du lịch quốc gia TP. Lào Cai
- + Điểm du lịch quốc gia Pác Bó
- + Điểm du lịch quốc gia TP. Lạng Sơn
- + Điểm du lịch quốc gia Mai Châu

- 1 Đô thị du lịch: Sa Pa.

Ngoài ra, để tăng cường thu hút khách định hướng phát triển một số khu, điểm du lịch quan trọng khác của vùng như Xín Mần (Hà Giang), Sìn Hồ (Lai Châu), hồ Nà Hang (Hà Giang, Tuyên Quang), hồ Cẩm Sơn (Bắc Giang) ; hồ Sơn La (Sơn La, Lai Châu) ...

Giới thiệu một số điểm du lịch quốc gia của vùng:

+ Điểm du lịch quốc gia TP. Lào Cai

Không chỉ là trung tâm hành chính – kinh tế của tỉnh Lào Cai, thành phố Lào Cai còn được xem là mảnh đất “nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt” với sự giao thoa của hai con sông là sông Hồng và sông Nậm Thi, tạo nên sự kỳ diệu của thiên nhiên với một khúc sông dòng trong, dòng đục. Thành phố biên giới phía Bắc này là cửa ngõ quan trọng của Việt Nam với các tỉnh phía Nam Trung Quốc. Ngay từ thời phong kiến, nơi đây đã là một đô thị sầm uất giữa ngã ba sông và cũng là giới hạn cuối cùng của tuyến đường sắt Hà Nội – Lào Cai. Mặc dù cách thủ đô Hà Nội gần 350 km nhưng Lào Cai là điểm đến của miền núi cao được nhiều khách du lịch lựa chọn.

Là đô thị cổ nên thành phố có nhiều di tích mang dấu ấn của các thời kỳ lịch sử. Quần thể di tích đền Thượng, đền Cẩm, đền Quan, đền Đồi cô, chùa Cam Lộ... là những địa điểm du lịch văn hóa tâm linh nổi tiếng thu hút đông đảo du khách. Đền Mẫu thờ bà chúa Thượng Ngàn, đền Thượng thờ Quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo, vị tướng lừng danh đã chỉ huy quân đội Đại Việt phòng thủ ở Lào Cai, đánh thắng quân Nguyên Mông năm 1257. Thành cổ Lào Cai được đắp bằng đất trộn sỏi mật mía, cao hơn 2m, có nhiều lỗ châu mai, tháp canh bảo vệ. Thành được xây dựng từ lâu đời, sử sách không ghi rõ, sau nhiều lần bị chiến tranh tàn phá, ngày nay dấu vết của thành cổ vẫn còn một đoạn chạy dài phía sau đền Mẫu dọc theo sông Hồng. Pháo đài cổ được người Pháp khởi công xây dựng, người Nhật mở rộng pháo đài có hệ thống hầm ngầm nằm sâu trong lòng núi, có các ngách chằng chịt chứa nhiều điều bí ẩn chưa được khám phá... Vào tháng giêng hằng năm, thành phố Lào Cai tổ chức lễ hội đền Thượng. Đây được xem là nét đẹp văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc của người dân Lào Cai, là điểm du lịch văn hóa hấp dẫn. Với vị thế nằm ngay trên đường biên giới, với nhiều di tích các loại, thành phố Lào Cai đang trở thành điểm du lịch có quy mô lớn, mỗi năm, có hàng trăm lượt du khách từ Trung Quốc và các nước khác đến thăm quan.

+ Điểm du lịch quốc gia Pác Bó

Pác Bó là di tích lịch sử cách mạng, di tích quốc gia đặc biệt thuộc xã Trung Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, nằm ở sát biên giới Việt – Trung, cách Hà Nội hơn 300 km về phía Bắc.

Pác Bó gắn liền với một giai đoạn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh những năm 1941 – 1945 ghi lại những ngày đầu tiên của

Chủ tịch Hồ Chí Minh sau hơn 30 năm tìm đường cứu nước trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Các di tích gồm có hang Pác Bó, nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ ngày 8/12/1941 đến tháng 7/1942 và từ tháng 9/1943 đến giữa năm 1945, với suối Lê Nin và núi Các Mác, cùng một số địa điểm lân cận như hang Bo Bam, bãi Cò Rạc, làng Khuổi Nậm, nơi Bác Hồ trực tiếp huấn luyện cán bộ và tổ chức nhiều cuộc họp quan trọng của Trung ương. Pác Bó cũng ghi lại kỷ niệm khi Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm ngày 20/2/1961 sau 20 năm kể từ ngày đầu tiên Người đặt chân tới địa điểm này

Điểm du lịch quốc gia Pác Bó mặc dù ở xa, nhưng với ý nghĩa lịch sử cách mạng to lớn đã đón tiếp rất nhiều đoàn khách quốc tế và khách du lịch từ mọi miền đất nước tới thăm. Khách du lịch đến Pác Bó còn được tham quan cảnh đẹp nổi tiếng của Cao Bằng là thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao.

Năm 2012, di tích lịch sử Pác Bó được xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt. Pác Bó hôm nay đã trở thành miền đất thiêng của nước Việt Nam, là niềm tự hào của mọi người dân đất Việt.

+ Điểm du lịch quốc gia TP. Lạng Sơn

Thành phố Lạng Sơn nằm ở vùng biên giới phía Bắc, trên hành lang kinh tế Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng với trục giao thông huyết mạch quốc lộ 1A và tuyến đường sắt liên vận quốc tế Việt Nam – Trung Quốc, cách thủ đô Hà Nội 154 km về hướng Đông Bắc, cách biên giới Việt Trung 18 km. Thành phố có nhiều hang động, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh nổi tiếng như động Nhị Thanh, Tam Thanh, Nàng Tô Thị, Chùa Tiên, Chùa Thành, Thành Nhà Mạc... cùng với các lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc hấp dẫn khách bốn phương. Xác định vị thế của mình với những tiềm năng sẵn có, thành phố Lạng Sơn tập trung phát triển du lịch sinh thái, văn hóa, tín ngưỡng, vui chơi, giải trí cao cấp phục vụ du lịch khách trong nước và quốc tế.

+ Điểm du lịch quốc gia Mai Châu

Mai Châu thuộc tỉnh Hòa Bình là một địa danh du lịch nổi tiếng ở miền núi Tây Bắc Việt Nam, cách Hà Nội khoảng 170 km, trên đường đi du khách phải vượt qua nhiều dốc, đèo treo leo, hiểm trở...

Mai Châu là điểm du lịch văn hóa được du khách trong và ngoài nước đặc biệt chú ý. Thung lũng Mai Châu chủ yếu là người dân tộc Thái sinh sống, xưa kia gọi là Mường Mùn, các bản người Thái sống khá tập trung đông đúc, trù phú và giữ được những nét văn hóa truyền thống, đặc biệt là nhà sàn, tạo thành các điểm du lịch cộng đồng nổi tiếng như bản Lác, Pom Coọng, bản Văn... Nhà sàn của người Thái ở đây có một đặc điểm thú vị là kết hợp kiến trúc đô thị - làng bản với kiến trúc nhà sàn, mái lá của người Thái với không gian sinh hoạt của người dân đồng bằng khi mỗi nhà sàn đều có ao nuôi cá; nước sinh hoạt lấy từ các suối xung quanh bản. Làng bản được xây dựng theo kiểu đô thị, nhà sàn của người dân được dựng hai bên đường; nhà nọ đối diện nhà kia. Nhà làm bằng bương, gỗ; bếp đun giữa nhà, mái lợp lá gồi, mái nhà dốc. Nhà nào cũng có khung dệt vải thổ cẩm, loại vải thô, màu sắc đẹp. Giữa nhà người Thái lúc nào cũng có chõng chần đệm do các cô gái trong nhà dệt làm của hồi môn khi về nhà chồng.

Điểm du lịch nổi bật ở Mai Châu là bản Lác. Bản có tuổi đời trên 700 năm, dân ở bản chủ yếu là người Thái đen sinh sống chủ yếu với nghề trồng lúa nương và dệt thổ cẩm. Nhà sàn ở bản Lác cao ráo, rộng rãi và sạch sẽ, giữ được lối kiến trúc cổ. Bên trong mỗi nhà làm dịch vụ đều trang bị đầy đủ chăn, đệm, gối được gấp ngăn nắp gọn gàng. Phiên chợ là một đặc trưng của bản Lác; chợ họp sớm, hàng hóa chủ yếu là của người dân với đặc sản vùng núi (mật ong, cánh kiến, sắn, ngô, vuông vải thổ cẩm, nông cụ...). Trong không khí của buổi sớm mai trong trẻo, du khách đạp xe ra đến chợ để dạo chơi và mua sắm. Hàng hóa trong chợ cũng dễ mua do dân ở đây không bán mặc cả. Họ trao đổi vô tư, thoải mái, hợp nghĩa tình nên rất được lòng du khách. Hiện nay, bản Lác có hơn 20 nhà nghỉ homestay rộng rãi thoáng mát để làm dịch vụ, phục vụ cho nhu cầu tham quan của khách du lịch.

Trong thung lũng Mai Châu còn có các di tích, danh lam thắng cảnh đẹp như: hang Mỏ Luông, hang Chiều, hang Piềng Kém...Thị trấn Mai Châu khá nhỏ nên du khách có thể thuê xe đạp để dạo quanh các bản.

- 1 Đô thị du lịch: Sa Pa.

Ngoài ra, để tăng cường thu hút khách định hướng phát triển một số khu, điểm du lịch quan trọng khác của vùng như Xín Mần (Hà Giang), Sìn Hồ (Lai Châu), hồ Nà Hang (Hà Giang, Tuyên Quang), hồ Cẩm Sơn (Bắc Giang); hồ Sơn La (Sơn La, Lai Châu)

4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng

4.1. Tuyến Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (QL3)

4.1.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Thái Nguyên

- Chùa Hang
- Chùa Cao
- Đình Phương Độ
- Di tích khảo cổ học Thần Xa
- Di tích Núi văn núi Võ
- Di tích ATK Định Hóa
- Di tích làng Quặng
- Di tích rừng Khuân Mánh
- Di tích cách mạng xã Tiên Phong
- Di tích lịch sử Căng Bá Vân
- Di tích nhà tù chợ Chu
- Di tích Diềm Mặc
- Di tích đền Đuôm
- Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt nam
- Hồ Núi Cốc
- Hang Phượng Hoàng, suối Mỏ gà

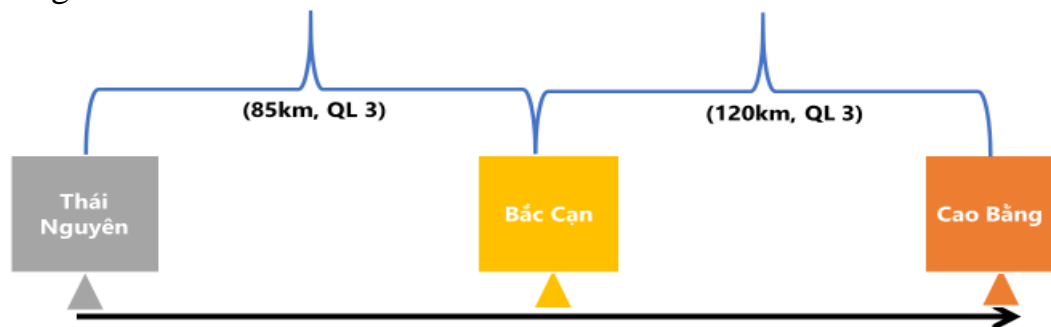
4.1.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Bắc Kạn

- Chùa Thạch Long
- Đền Thắm
- Di tích lịch sử Pò két
- Di tích hầm bí mật Dốc tiệm và hội trường chữ U
- ATK

- Khu du lịch và vườn quốc gia Ba Bể
- Thác Rọm
- Điểm du lịch Phya Khao
- Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ
- Động Nàng Tiên
- Thác Nà Đăng

4.1.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Cao Bằng

- Đền Xuân Lĩnh
- Chùa Viên Minh
- Di tích Pắc Bó
- Thác Bản Giốc
- Hồ Thang Hen
- Làng rền Phúc Sen



Hình 2.1: Sơ đồ cung đường tuyến Thái Nguyên – Bắc Kạn – Cao Bằng

4.2. Tuyến Bắc Giang – Lạng Sơn (QL1)

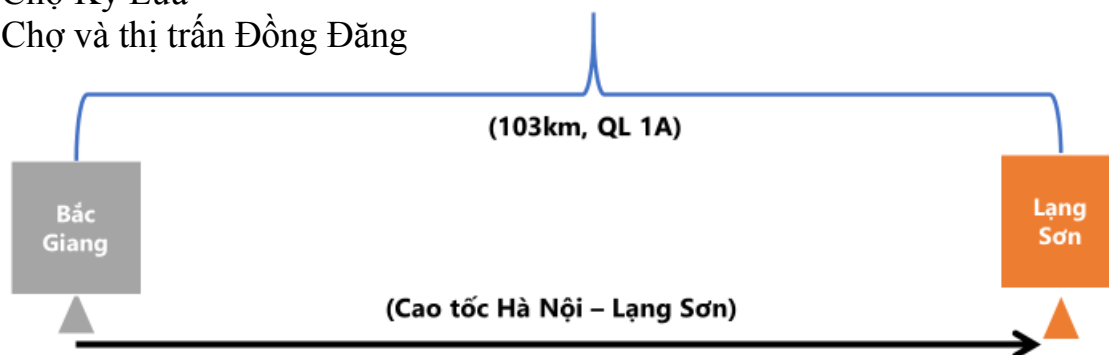
4.2.1. Các điểm tham quan ở tỉnh Bắc Giang

- Khu di tích Suối Mỡ
- Đình Phúc Long, Chùa Đức La, chùa Bồ Đà, đình Lỗ Hạnh, đình Thổ Hà
- Di tích cách mạng Hoàng Vân
- Di tích thành Xương Giang
- Hồ Cẩm Sơn
- Khu du lịch Khuôn Thần
- Rừng cấm nguyên sinh Khe Rồ

4.2.2. Các điểm tham quan ở tỉnh Lạng Sơn

- Chùa tam thanh
- Chùa Tam Giáo – động Nhị Thanh
- Chùa Tiên
- Đền Tả Phủ
- Đền Kỳ Cùng
- Đền Bắc Lệ
- Chùa Diên Khánh
- Di tích Bắc Sơn
- Thành cổ Đoàn Thành
- Thành nhà Mạc
- Ải Chi Lăng
- Núi Tô Thị

- Núi Mẫu Sơn
- Chợ Kỳ Lừa
- Chợ và thị trấn Đồng Đăng



Hình 2.2: Sơ đồ cung đường tuyến Bắc Giang – Lạng Sơn

4.3. Tuyến Vĩnh Phúc - Tuyên Quang – Hà Giang (QL2C/ Cao tốc Nội Bài – Lào Cai; QL2; QL4C)

4.3.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Vĩnh Phúc

- Tháp Bình Sơn
- Danh thắng Tây Thiên
- Đình làng Phú Mỹ
- Đình Hương Canh
- Đình Thổ Tang
- Khu du lịch Tam Đảo
- Hồ Đại Lải
- Làng nghề gốm sứ Hương Canh
- Chợ Tam Lộng

4.3.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Tuyên Quang

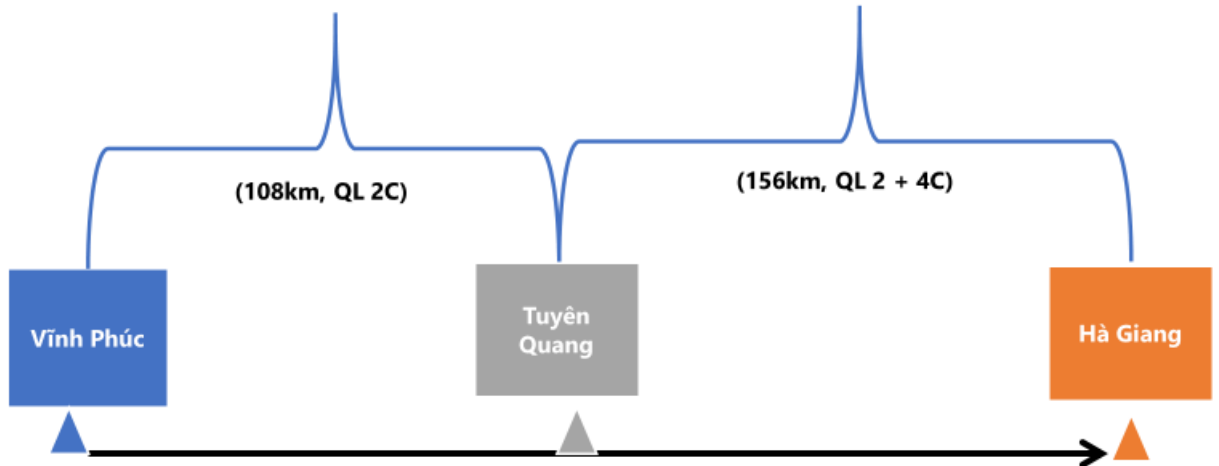
- Thành cổ nhà Mạc
- Di tích đền Hạ
- Khu di tích Tân Trào
- Di tích Kim Bình
- Di tích ATK Kim Quan
- Di tích Đá Bàn
- Rừng nguyên sinh Nà Hang
- Suối khoáng Mỹ Lâm
- Thác Mơ

4.3.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Hà Giang

- Núi Cẩm Sơn
- Chùa Sùng Khánh
- Núi đôi Quản Bạ
- Đồng Văn – Cổng Trời
- Dinh họ Vương
- Cao nguyên đá Đồng Văn
- Sủng Là
- Cột cờ Lũng Cú
- Phố cổ Đồng Văn, chợ Đồng Văn

6

- Đèo Mã Pí Lèng
- Chợ tình Khâu Vai
- Làng dân tộc Lô Lô
- Hang Phương Thiện, hang Tùng Bá
- Cửa khẩu Thanh Thủy
- Bản Phìn Hồ
- Ruộng bậc thang Hoàng Su Phì



Hình 2.3: Sơ đồ cung đường tuyến Vĩnh Phúc – Tuyên Quang – Hà Giang

4.4. Tuyến Hòa Bình – Sơn La - Điện Biên (QL6)

4.4.1. Các điểm tham quan ở tỉnh Hòa Bình

- Đền Thác Bờ
- Chùa Tiên - động Phú Lão
- Chùa Kè
- Tam Động Sơn
- Hang Bụt
- Bản Lác
- Bản dân tộc Mường
- Suối nước nóng Kim Bôi
- Công trình thủy điện Hòa Bình
- Khu du lịch Suối Ngọc – Vua Bà

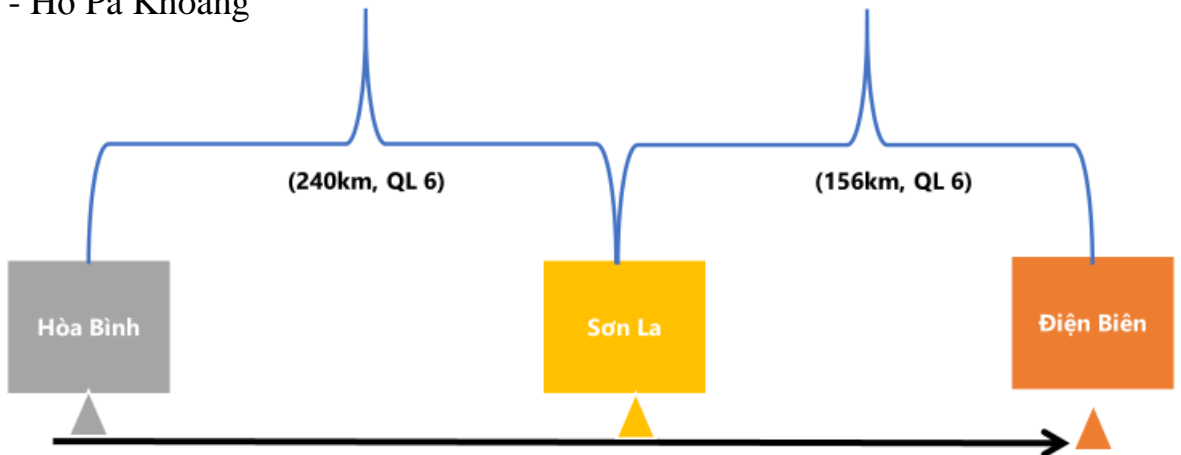
4.4.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Sơn La

- Chùa Chiền Viện
- Nhà tù và bảo tàng Sơn La
- Hang Thảm Tét Toòng
- Hang Thảm Ké
- Suối nước nóng bản Mòng
- Bản Hìn
- Cao nguyên Mộc Châu
- Danh thắng Yên Châu
- Thủy điện Sơn La

4.4.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Điện Biên

- Cụm di tích Điện Biên Phủ
- Thành Bản Phủ - đền Hoàng Công Chất

- Di tích Nọng Nhai
- Đền Đại giá đại vương
- Hồ Pá Khoang



Hình 2.4: Sơ đồ cung đường tuyến Hòa Bình – Sơn La – Điện Biên

4.5. Tuyến Phú Thọ - Yên Bái - Lào Cai (QL2/Cao tốc Nội Bài – Lào Cai, QL32

4.5.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Phú Thọ

- Khu di tích đền Hùng
- Đền Âu Cơ
- Chùa Xuân Lũng
- Chùa Phúc Thánh
- Đầm Ao Châu
- Rừng và Hang Xuân Sơn

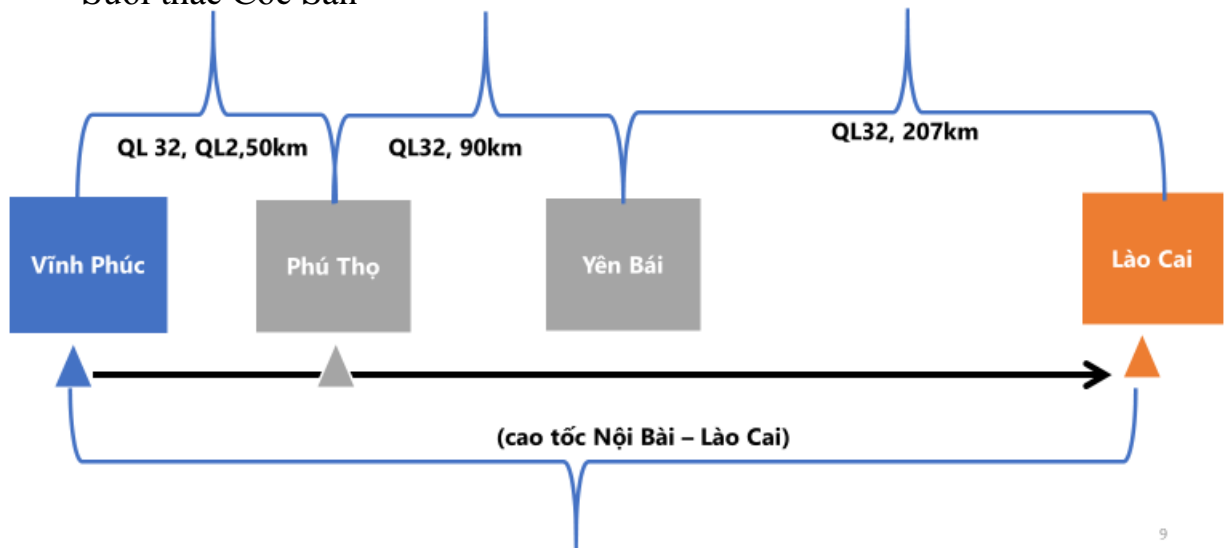
4.5.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Yên Bái

- Đền Đông Cuông
- Đền Gia Quốc Công
- Chùa tháp Hắc Y
- Chùa Bách Lãm
- Đền Tuần Quán
- Di tích Căng và đồn Nghĩa Lộ
- Mộ Nguyễn Thái Học
- Hồ Thác Bà

4.5.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Lào Cai

- Đền Mẫu
- Đền Thượng
- Đền Bảo Hà
- Sapa
- Núi Phanxipang
- Bãi đá cổ Sapa
- Khu du lịch núi Hàm Rồng
- Thác Bạc
- Cầu Mây
- Bản và hang Tả phìn
- Chợ Sa Pa
- Nước khoáng Tắc Ko

- Chợ phiên Bắc Hà
- Chợ Mường Hum
- Lâu đài Hoàng Yên Chao
- Quần thể hang động Mường Vi
- Suối thác Cốc Sơn



Hình 2.5: Sơ đồ cung đường tuyến Vĩnh Phúc – Phú Thọ – Yên Bái – Lào Cai

CÂU HỎI ÔN TẬP

- Câu 1: Trình bày vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và điều kiện nhân văn của vùng?
- Câu 2: Trình bày các tài nguyên du lịch của vùng?
- Câu 3: Trình bày hệ thống đường giao thông của vùng?
- Câu 4: Trình bày các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu của vùng?
- Câu 5: Vẽ sơ đồ một số tuyến điểm tiêu biểu của vùng?
- Câu 6: Xây dựng một số chương trình du lịch cho khách các đối tượng khách khác nhau?
- Câu 7: Viết bài thuyết minh cho một số chương trình du lịch tiêu biểu?

Chương 3: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ DUYÊN HẢI ĐÔNG BẮC

Giới thiệu

Mục tiêu:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được những nội dung khái quát chung về vùng.
- + Liệt kê được các sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng.
- + Trình bày được một số điểm du lịch tiêu biểu của vùng
- + Nêu được một số tuyến du lịch cơ bản của vùng.

- Về kỹ năng:

- + Thiết kế được các tuyến, chương trình du lịch
- + Xây dựng lộ trình tham quan phù hợp với từng đối tượng khách
- + Viết bài thuyết minh cho các chương trình du lịch

- Về thái độ:

- + Thể hiện tính cẩn thận, chu đáo, tỉ mỉ trong công việc

Nội dung

1. Khái quát chung

1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng

Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc (gọi chung là Đồng bằng Sông Hồng) bao gồm 11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Hải Phòng và Quảng Ninh.

Diện tích tự nhiên của vùng là 21.060 km², chiếm 6,4% diện tích cả nước; dân số năm 2015 là 20.900.000 người, chiếm 22,8% dân số cả nước.

Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, vị trí chuyển tiếp giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ với vùng biển phía Đông. Về phía Bắc và phía Tây giáp vùng Trung du miền núi Bắc Bộ; phía Nam giáp Bắc Trung Bộ; phía Đông được bao bọc bởi biển Đông với chiều dài khoảng 600 km, có nhiều vũng, vịnh cửa sông để xây dựng cảng biển, nhiều bãi tắm dài, phong cảnh đẹp, với hệ thống đảo ven bờ lớn nhất Việt Nam, phía Bắc giáp với Trung Quốc với chiều dài 133 km qua cửa khẩu quốc tế Móng Cái sầm uất.

Đồng bằng sông Hồng có thủ đô Hà Nội, trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học – công nghệ và du lịch của cả nước, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, 1 trong 4 vùng động lực phát triển kinh tế của nước ta, có 2 hành lang và một vành đai kinh tế quan trọng trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc. Vùng này có cửa ngõ ra Vịnh Bắc Bộ, tiếp giáp giữa Đông Nam Á và vùng Đông Bắc Á, thông thương với các nước trong khu vực và trên thế giới. Vị trí địa lý này cùng với nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú, đa dạng đã làm cho nơi đây trở thành địa bàn hấp dẫn không chỉ các nhà đầu tư, mà cả các dòng khách du lịch trong và ngoài nước

1.2. Tài nguyên du lịch

1.2.1. Tài nguyên tự nhiên

*** Địa hình**

Địa hình vùng này phong phú và đa dạng, từ Tây sang Đông có các dạng địa hình đồng bằng châu thổ gắn liền với một phần trung du, đồi núi và phần địa hình ven biển và hải đảo.

Phần lớn diện tích vùng đồng bằng châu thổ khoảng 15.000 km² được hình thành bởi phù sa sông Hồng và sông Thái Bình với hệ thống đê điều kiên cố, những đỉnh đồi và một vài đỉnh núi sót lại. Vùng có lịch sử khai phá lâu đời, là cái nôi của nền văn minh lúa nước, tập trung nhiều di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống đặc sắc... tạo nên phong cảnh văn hóa – nhân văn đặc trưng của nông thôn Việt Nam. Đó là phong cảnh làng mạc với những cánh đồng lúa, rau màu các loại xen kẽ là xóm làng sau những lũy tre xanh, những di tích lịch sử, văn hóa – nghệ thuật được hình thành gắn với lịch sử dựng nước và giữ nước của từng địa phương và của cả dân tộc; là một bức tranh đầy màu sắc và đường nét với màu xanh thẫm của rừng, xanh dương của biển và xen kẽ là sắc đỏ của những dòng sông mang nặng phù sa, uốn lượn quanh co. Điểm vào bức tranh thanh bình đó là nét chấm phá của những ngọn núi già nua, hay nét cổ kính rêu phong của những mái đình, ngôi chùa Việt ẩn hiện dưới tán cây cổ thụ của một miền quê yên ả.

Ở vị trí chuyển tiếp giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ với vùng biển phía Đông nên trong vùng có một vài dãy núi trên địa bàn các tỉnh Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Hà Nội, Ninh Bình, Hải Phòng... Các dãy núi như Yên Tử, Tam Đảo, Tản Viên hấp dẫn du khách bởi phong cảnh hùng vĩ, nên thơ và không khí trong lành, mát mẻ, không gian tĩnh lặng và tâm linh.

Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng có 2 dạng địa hình đặc biệt là dạng địa hình cácxtơ và dạng địa hình biển đảo. Địa hình cácxtơ có nguồn gốc hình thành khác nhau đã tạo nên những cảnh quan du lịch độc đáo với kiểu cácxtơ ngập nước và cácxtơ trên cạn. Kiểu cácxtơ ngập nước tập trung chủ yếu ở vùng Duyên hải Đông Bắc thuộc tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng. Vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long, Cát Bà và hàng nghìn hòn đảo đá vôi lớn nhỏ đã tạo nên một kì quan hùng vĩ. Trong đó vịnh Hạ Long đã được Unesco công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới năm 1994 và Di sản địa chất – địa mạo thế giới năm 2000. Kiểu cácxtơ trên cạn là các núi đá vôi còn sót lại nằm rải rác và xen kẽ giữa các đồng bằng ở phía Tây Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình. Các dạng địa hình này giống như một vịnh Hạ Long trên cạn, có giá trị cao đối với phát triển du lịch. Tiêu biểu là Hương Sơn, Tràng An và khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, trong đó khu vực Tràng An được Unesco công nhận là Di sản hỗn hợp của thế giới (tính đến nay đây là di sản hỗn hợp đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam).

Cùng với dạng địa hình cácxtơ, dạng địa hình biển đảo cũng có giá trị lớn đối với phát triển du lịch. Đường bờ biển kéo dài từ Quảng Ninh đến thành phố Hải Phòng, nối các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình (khoảng 600km) tạo nên nhiều bãi biển đẹp như Trà Cổ, Bãi Cháy, Đồ Sơn, Thịnh Long... Vùng này còn là nơi tập trung nhiều đảo và quần đảo nhất nước ta. Toàn bộ vùng ven bờ Bắc Bộ có khoảng 2.321 hòn đảo lớn nhỏ, chiếm 83,7% tổng số đảo của cả nước. Trên các đảo có nhiều bãi biển đẹp, phong cảnh hoang sơ với những nét tiêu biểu về tự

nhiên tạo điều kiện phát triển nhiều loại hình du lịch. Tiêu biểu nhất là Cát Bà, Bạch Long Vĩ, đảo Cô Tô, Quan Lạn. Đặc biệt, trên hệ thống các đảo này còn có vườn quốc gia Bái Tử Long, vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà với sự đa dạng sinh học cao, nhiều loài đặc hữu.

Các dạng địa hình đặc biệt này là nguồn tài nguyên vô giá được thiên nhiên ưu ái ban tặng cho vùng, tạo cơ hội thuận lợi cho việc phát triển các sản phẩm du lịch hấp dẫn gắn với tham quan, tắm biển, nghỉ dưỡng, học tập và nghiên cứu...

*** Khí hậu**

Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với một mùa đông lạnh kéo dài trên 3 tháng. Nhiệt độ trung bình năm trên 20 độ C, lượng mưa trung bình 1.500 – 2.000mm/ năm, biên độ nhiệt lớn khoảng 13 – 14 độ C. Điều kiện khí hậu như vậy nhìn chung thích hợp cho du lịch. Mùa đông, do chịu ảnh hưởng của khối không khí cực đới nên nhiệt độ hạ thấp, thời tiết lạnh khô, thuận lợi cho các hoạt động du lịch tham quan các danh thắng, vườn quốc gia...

Vào mùa xuân khi ảnh hưởng của các khối không khí lạnh giảm đi, thời tiết ẩm áp, đôi khi lâm thâm mưa phùn lại phù hợp với các hoạt động du lịch gắn với lễ hội, hành hương đến các chùa chiền, danh lam thắng cảnh. Mùa hè nhiệt độ cao, mưa nhiều, thời tiết nóng bức, chịu ảnh hưởng gió mùa mùa hè thổi từ biển vào, thích hợp cho phát triển các loại hình du lịch biển, đảo hay nghỉ dưỡng ở các vùng núi cao. Tính chất phân hóa theo mùa của khí hậu đã làm hoạt động du lịch của vùng mang tính mùa sâu sắc.

Tuy nhiên, khí hậu cũng có một số hạn chế cho du lịch. Mùa hè mưa nhiều làm ngập một số hang động có đọng nước, gây khó khăn cho việc đi lại, tham quan của khách du lịch (Tràng An, Tam Cốc...). Mùa đông ít mưa làm cho các dòng suối cạn nước cũng khó đi lại (Suối Yến, Tam Cốc, Tràng An) hoặc thời tiết quá khô, giá lạnh cùng các tai biến thiên nhiên cũng không thích hợp cho các hoạt động du lịch.

*** Nguồn nước**

Tài nguyên nước của vùng rất phong phú, đa dạng bao gồm sông, hồ, các nguồn suối khoáng được khai thác phục vụ mục đích tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, chữa bệnh hay thể thao.

Hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình với nhiều dòng sông chảy không chỉ mang trong mình vẻ đẹp sông nước, mà còn chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống. Các dòng sông xưa nay vẫn được coi là những dòng sông chảy của sự sống, đôi bờ của những dòng sông là những điểm quần cư đông đúc, thanh bình, những cánh đồng trù phú, cùng với đó có thể là những dãy núi già nua, đồ sộ, những thành phố sầm uất, nhộn nhịp... Trên các dòng sông đang khai thác các tour du lịch tham quan, ngắm cảnh, các hoạt động du lịch gắn với lễ hội như tour du lịch trên sông Hồng...

Hệ thống hồ tự nhiên (Hồ Tây) và nhân tạo (Đồng Mô, Suối Hai, Đại Lải, Xạ Hương, Bến Tắm, Côn Sơn, An Dương) có sự kết hợp hài hòa giữa mặt nước trong xanh, mênh mông với cảnh quan thiên nhiên hay các cảnh quan văn hóa tạo nên phong cảnh sơn thủy hữu tình, đầy sức sống. Vì vậy, ven các hồ nước là nơi lý tưởng để xây dựng các khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cuối tuần, chữa bệnh, thể thao... Hiện nay trong vùng du lịch này, các nhà đầu tư du lịch thường lựa chọn

nơi có các hồ nước để xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp, các khu liên hiệp thể thao, sân golf...hấp dẫn khách du lịch vào dịp cuối tuần, nhất là đối tượng khách du lịch có khả năng chi trả cao như sân golf Đổng Mô (Hà Nội), sân golf Hồ Yên Thắng (Ninh Bình), khu liên hiệp thể thao, nghỉ dưỡng hồ Sông Giá (Hải Phòng); khu du lịch Thác Đa, Khoang Xanh – Suối Tiên (Hà Nội)...

Nguồn nước khoáng của vùng cũng rất đa dạng về thành phần hóa học, độ khoáng hóa, nhiệt độ và phong phú về số lượng, có vai trò lớn đối với du lịch an dưỡng, chữa bệnh và sản xuất nước uống. Sử dụng nước khoáng chữa bệnh bằng cách uống, ngâm, tắm...có thể chữa được nhiều bệnh như bệnh khớp, viêm dây thần kinh, dạ dày, kích thích hoạt động của gan, mật, chữa bệnh tiêu hóa, phụ khoa, nhiễm thủy ngân, chóng mặt nước, chữa đau dạ dày, gan, táo bón...Các nguồn nước khoáng tiêu biểu trong vùng là Tiên Lãng (Hải Phòng), Quang Hanh (Quảng Ninh), Ba Vì (Hà Nội), Kênh Gà, Kì Phú (Ninh Bình).

Hiện nay những nguồn nước khoáng có chất lượng cao, đã và đang được khai thác cùng với việc xây dựng các khu an dưỡng, chữa bệnh, vui chơi giải trí...phục vụ nhu cầu của nhân dân địa phương cũng như du khách như Tiên Lãng, Quang Hanh, Kênh Gà, Ba Vì.

*** Sinh vật**

Tài nguyên sinh vật của vùng rất phong phú, đa dạng, đặc trưng cho cảnh quan vùng nhiệt đới, gió mùa ẩm với rừng nhiệt đới ẩm thường xanh quanh năm, hệ động thực vật phong phú, đa dạng bao gồm hệ sinh vật bản địa và hệ sinh vật từ Trung Hoa di cư xuống. Sự đa dạng sinh học cao tập trung trong 6 vườn quốc gia, 2 khu dự trữ sinh quyển thế giới, nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, các khu rừng di tích lịch sử văn hóa môi trường, các hệ sinh thái đặc biệt như hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái nông nghiệp...

Vùng đồng bằng sông Hồng có 6 trên tổng số 31 vườn quốc gia của cả nước. Đó là các vườn quốc gia Cát Bà, Ba Vì, Bái Tử Long, Cúc Phương, Tam Đảo, Xuân Thủy (trong đó Cúc Phương là vườn quốc gia được thành lập đầu tiên ở nước ta năm 1962); có 2 trong 9 khu dự trữ sinh quyển thế giới là Cát Bà và đất ngập nước vùng Đồng bằng sông Hồng. Đây vừa là những lãnh thổ bảo vệ các hệ sinh thái điển hình, sự đa dạng sinh học, bảo tồn quỹ gen quý, vừa là nơi có nhiều di tích tự nhiên và phong cảnh đẹp, khí hậu trong lành, mát mẻ, kèm theo đó là các giá trị văn hóa bản địa, thuận lợi cho việc hình thành nhiều sản phẩm du lịch như tham quan, nghiên cứu, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng...

Các khu rừng di tích lịch sử văn hóa môi trường như Hương Sơn, Sóc Sơn (Hà Nội), Côn Sơn – Kiếp Bạc (Hải Dương), Hoa Lư (Ninh Bình)...vừa có giá trị lịch sử, khoa học vừa có giá trị thẩm mỹ cao gắn với các tuyến, điểm du lịch nổi tiếng nên cần được khai thác và bảo vệ để phục vụ mục đích du lịch.

Các điểm tham quan gắn với sinh vật khác như vườn bách thú, công viên, các viện bảo tàng sinh vật biển (Hải Phòng), các sân chim, vườn chim (Chi Lăng Nam, Ngọc Nhị), vườn cây trái, đảo rùa, đảo khi cũng rất hấp dẫn du khách.

Một số hệ sinh thái đặc biệt như hệ sinh thái san hô (Quảng Ninh, Hải Phòng) cũng có giá trị đối với du lịch (sinh thái, nghiên cứu...). Ở Cát Bà có nhiều bãi san hô rộng, lớn (Vạn Hà, Vạn Bội, Lão Vọng, Áng Thắm), những rừng hoa đá muôn màu, lúc triều xuống, qua làn nước trong xanh có thể thấy một thế giới huyền diệu,

sống động của các loài san hô. Hệ sinh thái này rất đa dạng, bao gồm 193 loài, trong đó bộ san hô cứng là 166 loài, 27 bộ còn lại là bộ san hô bò, san hô mềm, san hô sừng. Tài nguyên này có thể khai thác để phát triển các loại hình du lịch nghiên cứu, mạo hiểm... Tuy nhiên, tiềm năng này của vùng còn đang bị bỏ ngỏ.

1.2.2. Tài nguyên văn hóa

Đồng bằng sông Hồng là vùng có lịch sử khai phá lâu đời, là cái nôi sản sinh ra nền văn minh lúa nước nên tập trung nhiều di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội, làng nghề truyền thống đặc sắc, là thế mạnh mà không vùng nào trong cả nước có thể sánh nổi.

*** Di tích lịch sử văn hóa**

Với trên 2.300 di tích được xếp hạng quốc gia (chiếm 70% di tích lịch sử - văn hóa xếp hạng quốc gia cả nước), vùng du lịch này có số lượng di tích lớn nhất cả nước, có nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ở top đầu như Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình... hơn thế nữa, trong vùng có 5/17 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể thế giới, trong đó có 1 di sản văn hóa vật thể, 1 di sản hỗn hợp và 30/85 di tích quốc gia đặc biệt.

Di tích lịch sử - văn hóa của vùng rất đa dạng về loại hình, bao gồm các di tích khảo cổ, di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật, các danh lam thắng cảnh.

- Di tích khảo cổ

Các di tích khảo cổ có mặt ở khá nhiều tỉnh, thành phố trong vùng như động Người xưa (Cúc Phương, Ninh Bình), Cái Bèo (Cát Bà, Hải Phòng), di chỉ Đồng Đậu (Yên Lạc, Vĩnh Phúc), Soi Nhụ (Bái Tử Long), động Tam Cung và Mê Cung (Vịnh Hạ Long), Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội)... cho du khách những hiểu biết về các nền văn hóa lâu đời của dân tộc.

- Di tích lịch sử

Di tích lịch sử của vùng có số lượng lớn với nhiều di tích nổi tiếng như Cổ Loa, gò Đống Đa, quảng trường Ba Đình, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (Hà Nội); cố đô Hoa Lư (Ninh Bình); sông Bạch Đằng (Hải Phòng); bến Bình Than, Côn Sơn (Hải Dương)... Việc tiếp xúc với các di tích này sẽ làm cho du khách trong và ngoài nước hiểu biết hơn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, giáo dục truyền thống yêu nước, đồng thời góp phần bảo tồn các giá trị lịch sử cho các thế hệ sau.

- Di tích kiến trúc nghệ thuật

Di tích kiến trúc nghệ thuật bao gồm chùa, miếu, đình, đền, nhà thờ, đô thị cổ và phố cổ... chứa đựng không chỉ giá trị kiến trúc nghệ thuật mà còn cả giá trị văn hóa - xã hội, văn hóa tinh thần bởi nó mang theo những quan niệm của con người về thế giới xung quanh. Số lượng di tích kiến trúc nghệ thuật trong vùng rất nhiều do lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời và ảnh hưởng của nền văn minh lúa nước. Một số di tích tiêu biểu là: Văn Miếu Quốc Tử Giám (Hà Nội); chùa Một Cột, chùa Trấn Quốc, chùa Quán Sứ, chùa Tây Phương, chùa Mía, chùa Trăm Gian, chùa Bối Khê (Hà Nội); chùa Dâu, Bút Tháp, Phật Tích, Hàm Long (Bắc Ninh); chùa Quỳnh Lâm, đền Cửa Ông (Quảng Ninh); chùa Côn Sơn, đền Kiếp Bạc (Hải Dương); chùa Dư Hàng, Đông Khê (Hải Phòng); chùa Hiến, chùa Chuông (Hưng Yên); chùa Đồng Bằng, chùa Keo (Thái Bình); chùa Long Đọi, Tam Chúc (Hà Nam); chùa Cổ Lễ, chùa Phổ Minh, Phủ Giày (Nam Định), chùa

Bái Đính (Ninh Bình)...; đình Tây Đằng, Chu Quyến (Hà Nội), đình Đình Bảng (Bắc Ninh); nhà thờ Lớn (Hà Nội), nhà thờ Phát Diệm (Ninh Bình), nhà thờ Lớn (Hải Phòng), nhà thờ Phú Nhai (Nam Định)...; Bên cạnh đó không thể không nhắc đến các kinh đô cổ (Cổ Loa, Hoa Lư, Thăng Long), phố cổ (Hà Nội, Phố Hiến)...

Những di sản thế giới, di tích lịch sử - văn hóa đa dạng và có giá trị ở vùng này là tài nguyên du lịch quan trọng để tạo thành những sản phẩm du lịch độc đáo, có sức cạnh tranh cao trong nước và khu vực.

*** Lễ hội**

Lễ hội trở thành những sự kiện văn hóa, du lịch của quốc gia, của vùng và của địa phương. Hệ thống các lễ hội đang được khai thác và là sản phẩm đặc sắc, thu hút ngày càng nhiều khách du lịch.

Vùng Đồng bằng sông Hồng rất nổi tiếng với nhiều lễ hội truyền thống bởi đây là cái nôi của lễ hội nông nghiệp và lễ hội mang tính lịch sử văn hóa tâm cỡ quốc gia. Cho dù có những khác biệt nhất định, xong các loại hình lễ hội ở đây ít nhiều mang tính đại diện cho cả nước, là một trong những sản phẩm du lịch hấp dẫn khách du lịch đến với vùng. Các lễ hội thường diễn ra vào mùa xuân và mùa thu, khí hậu mát mẻ, cảnh sách thiên nhiên tươi đẹp và vào lúc nông nhàn nên có khả năng thu hút không chỉ khách trong nội bộ vùng, mà còn từ các vùng khác đến và đặc biệt là khách quốc tế.

Các lễ hội có quy mô lớn với nội dung phong phú, thời gian diễn ra lễ hội tương đối dài và có sức hấp dẫn cao đối với khách du lịch ở vùng này là lễ hội Chùa Hương, lễ hội đèn Cổ Loa, hội Gióng (Hà Nội); hội Lim, lễ hội đèn Đò (Bắc Ninh); chọi trâu (Hải Phòng); lễ hội Yên Tử (Quảng Ninh); lễ hội đèn Trần, Phủ Giày (Nam Định); lễ hội Hoa Lư, lễ hội Trường Yên (Ninh Bình); lễ hội Côn Sơn – Kiếp Bạc (Hải Dương)...

Trong thời gian gần đây, nhằm tuyên truyền, quảng bá cho du lịch Việt Nam và các địa phương, nhiều lễ hội văn hóa du lịch, festival đã được tổ chức như lễ hội carnival Hạ Long (Quảng Ninh); năm du lịch đồng bằng sông Hồng (2013)...

*** Các làng nghề thủ công truyền thống**

Là vùng có lịch sử phát triển lâu đời nên Đồng bằng sông Hồng có nhiều làng nghề truyền thống, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Trong số trên 2.000 làng nghề của cả nước, vùng này chiếm 43,5% với gần 900 làng nghề. Các địa phương có nhiều làng nghề nhất trong vùng và cả nước là Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương...

Làng nghề, phố nghề chuyên sản xuất các mặt hàng thủ công đặc sắc. Nhiều làng nghề, phố nghề nổi tiếng từ xa xưa, trải qua những thăng trầm của thời gian nhưng vẫn tồn tại và phát triển đến ngày nay. Các làng nghề tiêu biểu của vùng là:

- Làng nghề gốm: Gốm Bát Tràng (Hà Nội), Hương Canh (Vĩnh Phúc), Đông Triều (Quảng Ninh), Phù Lãng (Bắc Ninh), Chu Đậu (Hải Dương).

- Làng nghề, phố nghề kim hoàn: Hàng Bạc, Định Công, Kiêu Kỵ (Hà Nội); Châu Khê (Hải Dương); chạm bạc Đồng Sâm (Thái Bình)...

- Làng nghề dệt, thêu ren: dệt lụa Vạn Phúc, thêu Quất Động (Hà Nội), thêu Xuân Nẻo (Hải Dương), Văn Lâm (Ninh Bình)...

- Làng nghề sơn mài, khảm trai: Chuôn Ngọ (Phú Xuyên, Hà Nội), Hà Vĩ (Hạ Thái, Hà Nội) ...

- Làng nghề mộc, chạm khắc gỗ: Chàng Thôn (Hà Nội), Cúc Bồ (Hải Dương), La Xuyên (Nam Định), Đồng Kỵ (Bắc Ninh), Đông Minh (Hải Phòng)
- Làng nghề mây, tre đan: Phú Vinh, Ninh Sở (Hà Nội), Xuân Lai (Bắc Ninh)

- Làng đúc đồng: Ngũ Xá (Hà Nội), Đại Bái (Bắc Ninh) ...

Ngoài ra vùng còn có nhiều làng nghề khác như chạm khắc đá Ninh Vân (Ninh Bình), Kính Chủ (Hải Dương), làm giấy (Phong Khê), tranh dân gian (Đông Hồ, Bắc Ninh) ...

Lịch sử hình thành và phát triển, sự tinh tế, khéo léo và sản vật của các làng nghề ở đồng bằng sông Hồng có sức hấp dẫn và lôi cuốn khách du lịch. Đến với làng nghề ngoài các mặt hàng lưu niệm có giá trị cho du khách sau mỗi chuyến đi, còn đem lại những hiểu biết về nghệ thuật, văn hóa, lịch sử, thậm chí cả những trải nghiệm thú vị.

Hoạt động du lịch gắn với các làng nghề những năm gần đây có xu hướng tăng lên gắn với loại hình du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn. Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường nhiều làng nghề bị thương mại hóa, môi trường bị ô nhiễm giữa không gian của làng nghề và không gian sống của dân cư. Các yếu tố truyền thống không được bảo tồn đúng quy cách. Hoạt động du lịch làng nghề vì vậy vẫn còn tự phát, đơn giản và chưa phát huy hết giá trị của làng nghề.

*** Các tài nguyên văn hóa khác**

Văn hóa ẩm thực ở đồng bằng sông Hồng rất phong phú, thể hiện bản sắc văn hóa đặc trưng của người Việt ở miền Bắc. Một số món ăn nổi tiếng như: bánh cuốn Thanh Trì, chả cá Lã Vọng, bánh tôm hồ Tây, giò chả Ước Lễ, nem, phở, bún thang... (Hà Nội); rượu làng Vân (Bắc Ninh); bánh đậu xanh (Hải Dương); bánh đa cua (Hải Phòng) ...

Các loại hình sân khấu tiêu biểu cũng rất đa dạng. Một số loại hình tiêu biểu: múa rối nước, quan họ, ca trù, chèo...

1.3. Hệ thống đường giao thông của vùng

Vùng có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không phát triển.

- *Đường bộ*: Các QL 1, QL 2, QL 3, QL 5, QL 6, QL 18 từ Hà Nội đi các tỉnh trong vùng và với vùng khác trên lãnh thổ Việt Nam. QL 10 là tuyến hành lang ven biển.

- *Đường sắt*: Bắc - Nam, Hà Nội - Lạng Sơn, Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Lào Cai.

- *Đường không*: Sân bay Nội Bài, sân bay Cát Bi, sân bay Vân Đồn với Nội Bài là cửa khẩu sân bay quốc tế quan trọng hàng đầu của đất nước.

- *Đường sông*: Hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình chảy qua hầu hết các tỉnh trong vùng.

- *Đường biển*: Có các cảng biển quan trọng Hạ Long, Hải Phòng.

2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu

2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng

- Du lịch văn hóa gắn với nền văn minh lúa nước
- Du lịch lễ hội, tâm linh
- Du lịch biển đảo

- Du lịch MICE
- Du lịch sinh thái nông nghiệp, nông thôn
- Du lịch vui chơi giải trí cao cấp.

2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu

- Thủ đô Hà Nội gắn với hệ thống di tích lịch sử - văn hóa nội thành và các cảnh quan tự nhiên vùng phụ cận.

- Quảng Ninh - Hải Phòng gắn với cảnh quan biển đảo Đông Bắc đặc biệt là Hạ Long - Cát Bà, Vân Đồn, Đồ Sơn.

- Ninh Bình gắn với Tam Cốc - Bích Động, Hoa Lư, Tràng An, Vân Long, Cúc Phương, Tam Chúc - Ba Sao và quần thể di tích, cảnh quan vùng phụ cận.

3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

- 9 Khu du lịch quốc gia:

- + Khu du lịch quốc gia Hạ Long - Cát Bà;
- + Khu du lịch quốc gia Vân Đồn;
- + Khu du lịch quốc gia Trà Cổ;
- + Khu du lịch quốc gia Côn Sơn - Kiếp Bạc;
- + Khu du lịch quốc gia Làng văn hóa - du lịch các dân tộc Việt Nam;
- + Khu du lịch quốc gia Ba Vì - Suối Hai;
- + Khu du lịch quốc gia Tam Đảo;
- + Khu du lịch quốc gia Tràng An;
- + Khu du lịch quốc gia Tam Chúc.

- 8 Điểm du lịch quốc gia:

- + Điểm du lịch quốc gia Hoàng thành Thăng Long
- + Điểm du lịch quốc gia Yên Tử
- + Điểm du lịch quốc gia TP. Bắc Ninh
- + Điểm du lịch quốc gia Chùa Hương
- + Điểm du lịch quốc gia Cúc Phương
- + Điểm du lịch quốc gia Vân Long
- + Điểm du lịch quốc gia Đền Trần - Phủ Giày
- + Điểm du lịch quốc gia Phố Hiến.

- 2 Đô thị du lịch: Hạ Long, Đồ Sơn.

Ngoài ra cần chú trọng phát triển các điểm như VQG Xuân Thủy Nam Định, Đồng Châu (Thái Bình), Bạch Long Vĩ Hải Phòng ...

** Một số điểm du lịch quốc gia tiêu biểu của vùng*

+ Điểm du lịch quốc gia Hoàng thành Thăng Long

Phát lộ di tích Hoàng Thành năm 2003 đã gây nên chấn động lớn trong du luận xã hội và nhận được sự quan tâm sâu sắc của nhân dân trong nước cũng như cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Nhiều báo chí coi phát hiện khảo cổ này là một trong những sự kiện văn hóa trọng đại năm 2003. Những phát lộ khảo cổ học đã minh chứng rằng nơi đây là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa kéo dài hơn 1000 năm. Giá trị nổi bật toàn cầu của khu di tích Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội, nơi tái hiện được bề dày lịch sử tới 1.300 năm, xuyên suốt các vương triều

từ tiền Thăng Long cho đến Lý, Trần, Lê, Nguyễn... Nơi đây là trung tâm quyền lực – chính trị quốc gia tồn tại liên tục, xuyên suốt trong các thời kỳ lịch sử. Khu di tích cũng thể hiện rõ sự kết hợp hài hòa các phong cách kiến trúc châu Á, các kỹ thuật xây dựng, quy hoạch đô thị, nghệ thuật tạo hình và xây dựng cảnh quan quy mô lớn của hàng ngàn năm. Quá trình củng cố thể chế quốc gia của người Việt đã diễn ra song song với sự hình thành các nền văn hóa, các thể chế quốc gia khắp nơi trên thế giới trong hơn hai thiên niên kỷ, góp phần tạo nên một bức tranh chính trị - văn hóa đa dạng không chỉ có riêng ở vùng Đông Nam Á, mà là cả thế giới. Khu di tích đã thể hiện bề dày lịch sử từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIX. Các di tích và tầng văn hóa chồng xếp lên nhau qua nhiều thời kỳ một cách liên tục. Nơi đây được xem là pho sử sinh động về sự hiện hữu lịch sử lâu dài, liên tục của kinh đô Thăng Long, trung tâm quyền lực đất nước Việt Nam trong hơn 1000 năm; ghi đậm dấu ấn những giá trị biểu đạt văn hóa, giá trị truyền thống. Đây cũng là điều hiếm có trên thế giới. Các di tích tiêu biểu của Hoàng thành Thăng Long là khu khảo cổ 18 Hoàng Diệu, Cột cờ Hà Nội, Đoàn Môn, Điện Kính Thiên, nhà D67, Hậu Lâu và Cửa Bắc.

Hoàng thành Thăng Long được UNESCO chính thức công nhận là di sản văn hóa thế giới ngày 1/8/2010

+ Diễm du lịch quốc gia Yên Tử

Khu danh thắng Yên Tử bao gồm một hệ thống chùa, am, tháp và rừng cây cổ thụ hòa quyện với cảnh vật thiên nhiên, nằm rải rác từ dốc Đỏ đến núi Yên Tử theo chiều cao dần thuộc xã Thương Yên Công, Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, cách Hạ Long khoảng hơn 40 km, cách Hà Nội khoảng 115 km.

Đỉnh núi Yên Tử có chùa Đổng ở độ cao 1.068 m so với mặt nước biển. Từ xưa, rừng núi Yên Tử đã nổi tiếng là nơi ngoạn mục và được liệt vào Danh sơn đất Việt.

Vẻ đẹp của Yên Tử là sự kỳ vĩ của núi non hòa với nét cổ kính trầm mặc của hệ thống am, tháp cùng với đường tùng, thông, đại, trúc ở hai bên đường tỏa bóng mát làm cho du khách thập phương quên nổi mệt nhọc đường dốc cheo leo.

Lễ hội Yên Tử bắt đầu từ ngày 10 tháng giêng âm lịch và kéo dài đến cuối tháng 3 âm lịch.

Ngay từ thời Lý, Yên Tử đã có chùa thờ Phật gọi là chùa Phù Vân và đạo sĩ Yên Kỳ Sinh tu hành đắc đạo ở đây. Nhưng Yên Tử thật sự trở thành trung tâm của Phật giáo từ khi vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng khoác áo cà sa u hành và thành lập một giáo phái Phật giáo đặc trưng của Việt Nam, đó là phái Thiền Viện Trúc Lâm và trở thành vị tổ thứ nhất với pháp danh: Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông (1258 – 1308). Ông đã cho xây dựng hàng trăm công trình lớn nhỏ trên núi Yên Tử để làm nơi tu hành và truyền kinh, giảng đạo. Sau khi qua đời, người kế tục sự nghiệp là Pháp Loa Đồng Kiên Cương (1284 – 1330) vị tổ thứ hai của phái Trúc Lâm. Ở trung tâm truyền giáo của Pháp Loa còn có Huyền Quang Lý Đạo Tái (1254 – 1334) – vị tổ thứ ba của phái Trúc Lâm

Đến thời Lê, Nguyễn thì Yên Tử trở thành trung tâm Phật giáo của Việt Nam và được vua quan các triều đại quan tâm tôn tạo, nên khu di tích Yên Tử là sự kết tinh, hội tụ của nền văn hóa dân tộc với dáng dấp kiến trúc, hoa văn trang trí và các mảng chạm khắc mang đậm dấu ấn của các thời đại.

+ Điểm du lịch quốc gia Vân Long

Điểm du lịch quốc gia Vân Long là khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước lớn nhất Đồng bằng sông Hồng, thuộc địa phận 7 xã của huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, có diện tích gần 3.000 ha. Trong khu bảo tồn thiên nhiên này có nhiều hệ sinh thái khác nhau từ hệ sinh thái núi đá vôi và đất ngập nước của châu thổ sông Hồng đến hệ sinh thái đồng ruộng, rừng trồng, nương rẫy và bản làng. Thực vật ở Vân Long rất phong phú với 457 loài thực vật bậc cao, trong đó 8 loài được ghi trong sách Đỏ như rắn hổ chúa, kì đà hoa... Có lẽ vì thế mà ở nơi đây còn cso khả năng hình thành vườn chim với 62 loài thuộc 32 họ. Vân Long còn có cò bọ, cò ruồi, cò trắng. Điều hấp dẫn là nơi này vẫn còn có loài cà cuống – một loài côn trùng gần như tuyệt chủng ở Việt Nam và chúng chỉ sống được ở những nơi môi trường trong lành.

Vân Long nằm gọn trong thung lũng được bao bọc bởi những dãy núi đá vôi với khung cảnh mây trời non nước hòa quyện với nhau tạo nên một bức tranh tuyệt mỹ. Thú vị hơn khi du khách ngồi thuyền để khám phá vẻ đẹp của Vân Long. Du khách còn có thể ghé thăm 32 hang động mà tiêu biểu là hang Bống, hang Rùa, hang Chanh. Mỗi hang đều có vẻ đẹp riêng, nhưng đẹp nhất là hang nửa chim, nửa nôi. Trần hang là vòm đá cao rủ xuống những thạch nhũ lấp lánh, lung linh cùng ánh nước. Trong hang có nhiều cá trê, cá rô, cá chuối to... Người dân kể lại rằng do xưa kia có người bắt được một con cá chuối nặng đến 45 kg nên được gọi là hang Cá.

Không gian tĩnh mịch với vẻ đẹp mê hồn ở Vân Long sẽ làm cho du khách cảm thấy nhẹ nhàng, thư thái và thấy hạnh phúc hơn, đáng sống hơn. Đây sẽ là điểm đến lí tưởng cho các hoạt động du lịch tham quan, nghỉ dưỡng...

+ Điểm du lịch quốc gia Đền Trần - Phủ Giày

Khu di tích đền Trần thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, bao gồm đền Thiên Trường (đền Thượng) thờ 14 vị vua nhà Trần; đền Cổ Trạch thờ Trần Hưng Đạo, vị anh hùng dân tộc đã đi vào huyền thoại, tâm linh, trở thành vị thánh và đền Bảo Lộc thờ gia tộc và bộ tướng của Trần Hưng Đạo. Gần với đền Thượng, đền Cổ Trạch và đền Bảo Lộc có ngôi chùa Phổ Minh với cây tháp nổi tiếng mà vua Trần Nhân Tông, vị tổ thứ nhất của Thiền phái Trúc Lâm, đã về tu ở đây trước khi đến Yên Tử. Xung quanh đền Trần và đền Bảo Lộc còn có nhiều đình, đền thờ Trần Hưng Đạo và các gia tướng nhà Trần như đình Hậu Bồi (thờ Trần Quang Khải); đền Đệ Tứ (thờ Trần Nhật Duật), đình Liễu Nha, Lựu Phố, đình Lốc (thờ Trần Thủ Độ); đình Cao Đài (thờ Trần Quang Khải)...

Khu di tích đền Trần với nhiều đền, đình, phủ từ lâu đời đã lôi cuốn, thu hút khách thập phương. Hằng năm, tại đây vào giờ Tý ngày Rằm tháng Giêng (từ 23 giờ đêm ngày 14 đến 1 giờ sáng ngày Rằm) diễn ra lễ khai Ấn, một tập tục văn hóa mang tính nhân văn để tế Trời, Đất tiên tổ và khai Ấn đầu năm. Từ 15 đến 20 tháng 8 âm lịch diễn ra lễ hội đền Trần. Đặc biệt vào ngày 20 tháng 8 kỷ niệm ngày mất của Trần Hưng Đạo, tại đền Thiên Trường và đền Bảo Lộc có lễ dâng hương tưởng niệm các vua và Đức Thánh Trần rất trọng thể.

Phủ Giày là tên gọi chung cho quần thể di tích thờ bà chú Liễu Hạnh thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Về với Phủ Giày, khách hành hương được biết rõ về huyền thoại bà chúa Liễu, người phụ nữ được suy tôn là “Mẫu nghi thiên hạ” (người mẹ hiền của cả nước), là một trong “tứ bất tử” của điện thần Việt Nam. Mẫu Liễu Hạnh là nhân vật văn hóa dân gian, vừa là thần như sắc phong, vừa là thánh như dân phong, vừa là Phật vừa là tiên như sự tích.

Nằm ở miền đất cổ, khu di tích Phủ Giày bao gồm 18 công trình kiến trúc: đình, chùa, đền, phủ, làng trải rộng trên hai thôn Vân Cát và Tiên Hương, được bao bọc bởi các dãy núi Gôi, núi Lê, núi Tiên Hương, núi Ngăm... Sự kết hợp giữa phong cảnh sơn thủy hữu tình của một vùng quê có nhiều danh nhân văn hóa, có bề dày lịch sử dựng nước và giữ nước với yếu tố tâm linh, tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt Nam làm cho khu di tích có sức hấp dẫn, cuốn hút khách hành hương từ mọi miền đất nước.

Trong số 18 di tích của Phủ Giày thì các phủ Tiên Hương, Vân Cát và Lăng Mẫu là những công trình kiến trúc tiêu biểu nhất.

Phủ Tiên Hương được xây dựng vào đầu thời Nguyễn, nằm ở giữa làng với 4 cung thờ chính: đệ nhất, đệ nhị, đệ tam và đệ tứ. Cung đệ tứ là nơi thờ cộng đồng, quan lớn thủ phủ. Cung đệ tam và đệ nhị thờ hội đồng các quan, Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, bố mẹ và chồng Mẫu Liễu. Cung đệ nhất (chính cung) có 5 pho tượng “thánh phụ, thánh mẫu” và “tam tòa thánh mẫu”.

Phủ Vân Cát xây dựng ở giữa cánh đồng, gồm 7 tòa với 30 gian lớn nhỏ, kiến trúc giống như Phủ Tiên Hương, cũng có 4 cung thờ, trong đó cung đệ tam, đệ nhị là nơi thờ Mẫu, thánh phụ, thánh mẫu, tứ vị châu bà; cung đệ nhất thờ tượng “tam tòa thánh mẫu”, Quỳnh Hoa và Quế Hoa công chúa.

Lăng Mẫu do Nam Phương Hoàng hậu hưng công xây dựng vào 1938 bằng đá xanh. Toàn bộ lăng có 60 bông sen. Đây là nơi đặt bàn thờ, văn bia, câu đối ca ngợi công đức của Mẫu Liễu...

Về Phủ Giày vào ngày 3 đến ngày 8 tháng 3 âm lịch, du khách còn được tham dự lễ hội văn hóa dân gian mang sắc thái của văn hóa địa phương. Khách hành hương được dự lễ rước thỉnh kinh, thi hát chầu văn, xem múa rồng, sư tử, thả đèn trời...

4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng

4.1. Tuyến Hà Nội – Hải Dương - Hạ Long - Hải Phòng (QL5, QL18, Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng)

4.1.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Hải Dương

- Khu di tích danh thắng Côn Sơn
- Đền Kiếp Bạc
- Khu Kính Chủ - An Phụ
- Chùa Giám
- Đình Mộ Trạch
- Đền Cao
- Văn Miếu Mao Điền
- Bến Bình Than
- Làng cò Chi Lăng
- Khu danh thắng Phụng Hoàng

4.1.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Quảng Ninh

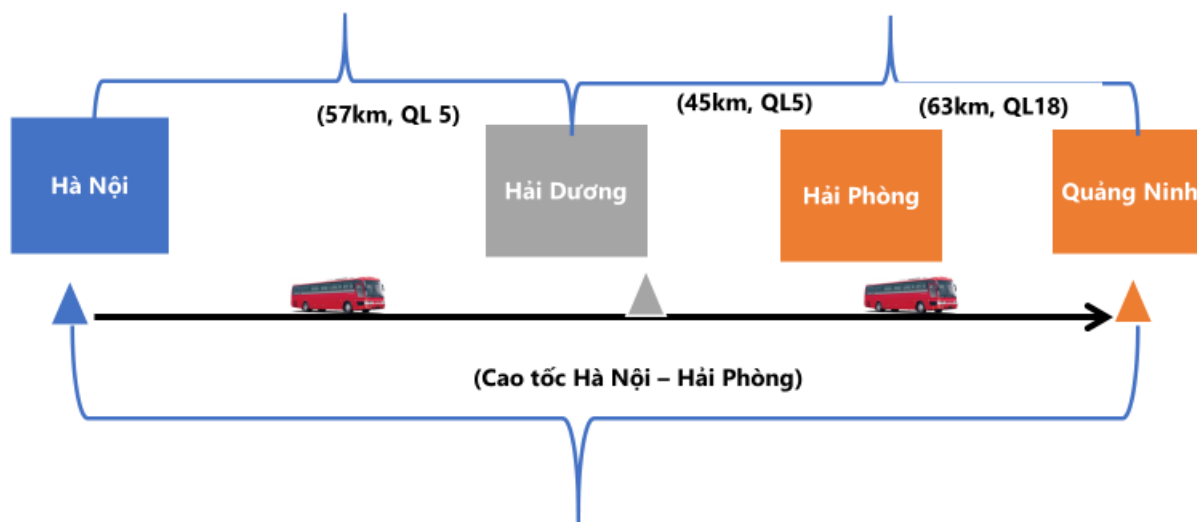
- Di tích lịch sử văn hóa: Chùa Quỳnh Lâm, Đền Cửa Ông, Đình Quan Lạn, Miếu Tiên Công, Bãi cọc Bạch Đằng, Đình Trung Bàn, Di tích An Sinh, Đình Trà Cồ, Chùa Vạn Linh Khánh, Đền Thiệu Hậu Thánh Mẫu, Nhà thờ Trà Cồ

- Danh thắng: Vịnh Hạ Long (Bãi Cháy, Núi Bài Thơ, Hang Đầu Gỗ, Hang Sừng Sốt, hang Trinh Nữ, Động thiên cung, hang hanh, hòn đĩnh hương, hòn trống mái, hòn đũa, hòn yên ngựa, đảo ti tốp, đảo tuần châu), Yên tử, Vân Đồn, Trà Cồ

4.1.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Hải Phòng

- Di tích lịch sử văn hóa: chùa Dư hàng, đình Hàng Kênh, khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Đền Nghè, đình Nhân Mục, chùa Phổ Chiếu,

- Danh thắng: biển Đồ Sơn, núi Voi, khu bảo tồn sinh quyển thế giới Cát Bà, sông Bạch Đằng, thắng cảnh Tràng Kênh, Quán Hoa, nhà hát lớn thành phố, chợ Sắt.



Hình 3.1: Sơ đồ cung đường tuyến Hà Nội – Hải Dương - Hạ Long - Hải Phòng

4.2. Tuyến du lịch Hà Nội – Hưng Yên – Thái Bình – Nam Định (QL 1A, QL5, QL10, QL39)

4.2.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Hưng Yên

- Chùa Pháp Vân, Phú Thị, chùa Hiến
- Đền thờ Chử Đồng Tử, Phụng Hoàng
- Phố Hiến

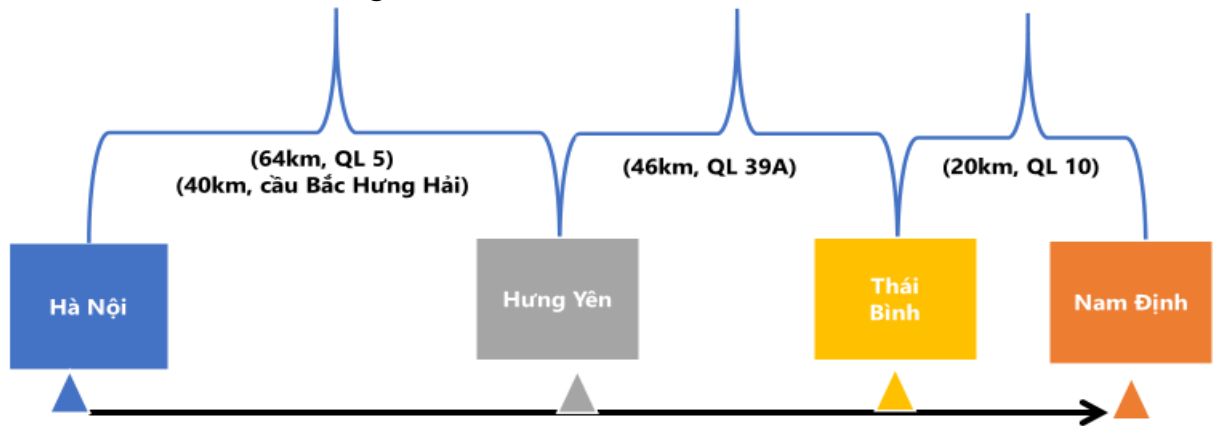
4.2.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Thái Bình

- Chùa Keo
- Đền Tiên la, Lưu Phụng, Hét
- Làng chạm bạc Đồng Xuân
- Biển Đồng Châu
- Làng vườn Bách Thuận
- Làng nghề Nguyễn Xá
- Làng nghề làm chiếu Hải Triều

4.2.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Nam Định

- Di tích nhà Trần
- Chùa Phổ Minh
- Khu di tích Phủ Dày

- Chùa Cổ Lễ
- Chùa Keo Hành Thiện
- Đền Thượng
- Đình Hương Lộc
- Đền Bảo Lộc
- Khu bảo tồn thiên nhiên Giao Thủy
- Làng cây cảnh Vị Khê
- Bãi Biển Thịnh Long



Hình 3.2: Sơ đồ cung đường tuyến Hà Nội – Hưng Yên – Thái Bình – Nam Định

4.3. Tuyến Hà Nội – Hà Nam – Ninh Bình (QL1A; cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ)

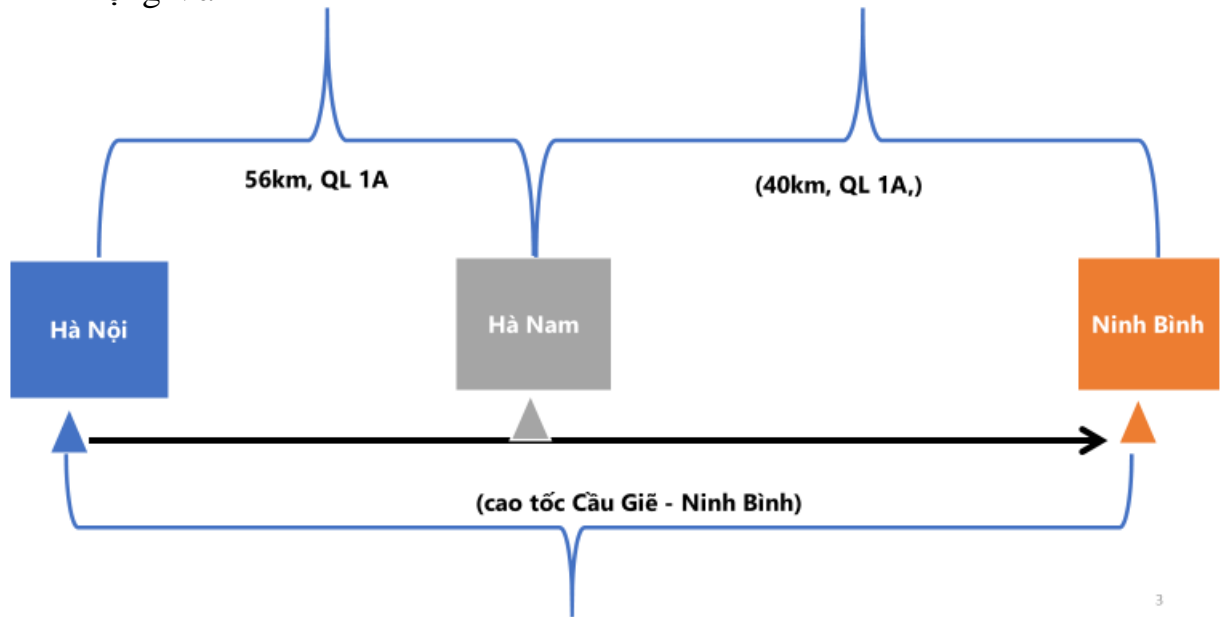
4.3.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Hà Nam

- Chùa Long Đọi Sơn, chùa Đình Xá
- Đền Trúc – Ngũ Động Sơn
- Hang Luồn – Ao Dong
- Danh thắng Kẽm Trống
- Chùa Bà Đanh – Núi Ngọc
- Làng trống Đọi Tam
- Chùa Tam Chúc

4.3.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Ninh Bình

- Cố đô Hoa Lư
- Đền vua Đinh, Lê, Thái Vy
- Chùa Bích Động
- Núi Non nước
- Núi Ngọc Mỹ Nhân
- Bích Động, Tam Cốc
- Khu du lịch Tràng An
- Chùa Bái Đính
- Vườn quốc gia Cúc Phương
- Nhà thờ Phát Diệm
- Động Tiên
- Động Hoa Sơn
- Động Địch Lộng
- Suối nước nóng Kênh Gà

- Hồ Đồng Chương
- Động Vân Trình



Hình 3.3: Sơ đồ cung đường tuyến Hà Nội – Hà Nam – Ninh Bình

CÂU HỎI ÔN TẬP

- Câu 1: Trình bày vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và điều kiện nhân văn của vùng?
- Câu 2: Trình bày các tài nguyên du lịch của vùng?
- Câu 3: Trình bày hệ thống đường giao thông của vùng?
- Câu 4: Trình bày các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu của vùng?
- Câu 5: Vẽ sơ đồ một số tuyến điểm tiêu biểu của vùng?
- Câu 6: Xây dựng một số chương trình du lịch cho khách các đối tượng khác nhau?
- Câu 7: Viết bài thuyết minh cho một số chương trình du lịch tiêu biểu?

Chương 4: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG BẮC TRUNG BỘ

Giới thiệu

Mục tiêu:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được những nội dung khái quát chung về vùng.
- + Liệt kê được các sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng.
- + Trình bày được một số điểm du lịch tiêu biểu của vùng
- + Nêu được một số tuyến du lịch cơ bản của vùng.

- Về kỹ năng:

- + Thiết kế được các tuyến, chương trình du lịch
- + Xây dựng lộ trình tham quan phù hợp với từng đối tượng khách
- + Viết bài thuyết minh cho các chương trình du lịch

- Về thái độ:

- + Thể hiện tính cẩn thận, chu đáo, tỉ mỉ trong công việc

Nội dung

1. Khái quát chung

1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng

Vùng du lịch Bắc Trung Bộ nằm ở vị trí trung gian của đất nước, bao gồm 6 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

Vùng có diện tích 51.456 km², dân số 10.473.000 người (2015) chiếm 16% diện tích và 12% dân số cả nước.

Với lãnh thổ chạy dài trên nhiều vĩ độ và hẹp ngang. Phía Bắc giáp Đồng bằng Sông Hồng, Trung du miền núi Bắc Bộ; phía Nam là duyên hải Nam Trung Bộ, phía Tây giáp Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào với 1.294 km đường biên giới, phía Đông trông ra biển Đông rộng lớn với đường bờ biển dài 670 km.

Bắc Trung Bộ có vị trí trung gian giữa miền Bắc và miền Nam, giữa nước ta và Lào. Vùng còn nằm ở trung độ trên các trục giao thông, các tuyến du lịch Bắc Nam cả về đường bộ, đường sắt đường biển và đường hàng không, là cửa ngõ ra biển của Lào qua hành lang Đông – Tây và cho cả vùng Đông Bắc Thái Lan và Mianma thông qua các cửa khẩu quốc tế như Na Mèo, Nậm Cắn, Cầu Treo, Cho Lo, Lao Bảo. Như vậy, về vị trí địa lý đã tạo điều kiện thuận lợi để vùng giao lưu, liên kết với các vùng khác trong cả nước cũng như các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới trong phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng.

Hình thành và phát triển trên một địa bàn phức tạp do các hiện tượng giao lưu chuyển tiếp giữa khí hậu miền Bắc và miền Nam, giữa hai đơn vị kiến tạo lớn, là nơi gặp gỡ giữa hai luồng thực vật di cư từ Himalaya qua Vân Nam lan xuống và từ Malaixia lên đã tạo cho thiên nhiên vùng này một sắc thái độc đáo. Khoảng 4/5 diện tích tự nhiên của vùng là đồi núi và còn cát bị chia cắt mạnh thành những vùng nhỏ hẹp, độ dốc lớn. Phía tây của vùng là dãy Trường Sơn kéo dài như bức tường thành, cao trung bình 600 - 800 m, chạy song song với biển, thỉnh thoảng lại đâm một nhánh ra biển như Hoành Sơn, Bạch Mã với các cảnh đẹp như đèo Ngang, đèo Hải Vân.

Vùng là nơi có chiều ngang hẹp nhất nước, phía tây là dãy Trường Sơn, phía đông là biển nên đồng bằng không thể phát triển theo chiều ngang, những cồn cát và đụn cát lấn sâu vào đất liền, bờ biển nhiều đầm phá.

Khí hậu của vùng rất phức tạp, dãy Hoành Sơn đâm ra biển trở thành ranh giới khí hậu, tạo nên những nét khí hậu khác biệt giữa vùng du lịch Bắc Bộ (khí hậu miền Bắc) và Bắc Trung Bộ (khí hậu miền nam). Vùng chịu nhiều thiên tai như lũ lụt, bão, gió Lào khô nóng.

Ảnh hưởng của điều kiện khí hậu, địa hình nên đã tạo cho sông ngòi của vùng ngắn, dốc, một lớp phủ thực vật rừng phong phú, một thế giới động vật rừng quý hiếm. Biển của vùng du lịch Bắc Trung Bộ có nhiều bãi cát trắng, sạch đẹp. Trong lòng biển là một nguồn tài nguyên hải sản phong phú. Ngoài khơi là những hòn đảo đẹp và nổi tiếng, có giá trị về lịch sử, du lịch, an ninh như đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị).

Do đồng bằng nhỏ hẹp nên sản lượng lương thực của vùng thấp. Tuy nhiên, vùng có kinh tế biển, kinh tế rừng phát triển, du lịch có tiềm năng và triển vọng to lớn.

Vùng nằm trên mảnh đất đầy biến động suốt chiều dài lịch sử của đất nước nên đã ảnh hưởng sâu sắc đến cả tự nhiên, lịch sử và kinh tế xã hội của vùng, với nhiều địa danh nổi tiếng.

Sông Gianh (Quảng Bình) là chiến tuyến gần một thế kỷ trong suốt thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh. Sông Bến Hải là giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Vì nằm ở vị trí trung tâm đất nước, gần kề với núi và biển. Nên Huế đã được chọn làm thủ phủ Đảng trong dưới thời chúa Nguyễn, kinh đô của cả nước dưới thời Tây Sơn và dưới thời các vua Nguyễn. Huế còn là một trong những trung tâm Phật giáo của miền Trung và cả nước. Nơi đây còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử văn hoá và hàng trăm ngôi chùa, đền, miếu.

Dân cư của vùng có truyền thống cần, kiệm, lịch thiệp, mến khách, tạo nên những giá trị văn hoá đặc sắc của vùng, gây cảm xúc lớn với du khách.

1.2. Tài nguyên du lịch

1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Vùng có các tài nguyên du lịch tự nhiên điển hình như:

- Các vùng núi có phong cảnh đẹp: đèo Ngang (Quảng Bình), khu danh thắng Đakrông (Quảng Trị), núi Ngự Bình (Thừa Thiên - Huế),

- Hang động: chủ yếu là các hang động nằm trong vùng núi đá vôi có kiểu địa hình karst rất phát triển, tập trung ở Quảng Bình (Phong Nha, Sơn Đoòng, Thiên Đường...), động Từ Thức (Thanh Hóa), Thẩm Ôm, hang Bua (Nghệ An) ...

- Các bãi biển: Sầm Sơn, Hải Tiến, Hải Hòa (Thanh Hóa), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), bãi biển Nhật Lệ, Đá Nhảy (Quảng Bình), Cửa Tùng (Quảng Trị), bãi biển Lăng Cô, Cảnh Dương, Thuận An (Thừa Thiên - Huế) ...

- Các vườn quốc gia: Bạch Mã (Thừa Thiên Huế), Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình).

- Các đảo: đảo Hòn Mê, Hòn Mát, Hòn Gió, Hòn La, Cồn Cỏ.

- Các điểm nước khoáng: suối nước khoáng Bang (Quảng Bình), suối nước nóng Tân Lâm (Quảng Trị), suối khoáng Mỹ An (Thừa Thiên - Huế).

- Khu dự trữ sinh quyển thế giới: Tây Nghệ An

- Các vườn quốc gia: Bến En (Thanh Hóa), Pù Mát (Nghệ An), Vụ Quang (Hà Tĩnh), Phong Nha Kẻ Bàng (Quảng Bình), Bạch Mã (Huế), trong đó Phong Nha Kẻ Bàng được Unesco công nhận là di sản thiên nhiên thế giới

- Khu bảo tồn thiên nhiên: Pù Luông (Thanh Hóa), Pù Huông (Nghệ An), Kẻ Gỗ (Hà Tĩnh)

- Rừng văn hóa lịch sử môi trường: đền Bà Triệu, Hàm Rồng, Lam Sơn...

Nhìn chung, Bắc Trung Bộ có tài nguyên du lịch tự nhiên hết sức đa dạng và phong phú với nhiều cảnh quan đẹp. Tất cả những tài nguyên tự nhiên này đã tạo nên các sản phẩm du lịch đặc trưng là du lịch biển đảo, tham quan, nghiên cứu thắng cảnh, hệ sinh thái...

1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa

Bắc Trung Bộ là nơi sản sinh ra nhiều danh nhân văn hóa, chính trị gia nổi tiếng và là nơi sinh sống của 25 dân tộc thiểu số ở Việt Nam, điển hình là các dân tộc Thái, Mường, Chứt, Cơ tu, Tà Ôi, Bru Vân Kiều với bản sắc văn hóa hết sức đặc trưng được thể hiện qua các di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội, làng nghề thủ công, kiến trúc nghệ thuật, kho tàng văn hóa dân gian, âm thực...

* Các di tích lịch sử - văn hoá, kiến trúc

Trong lịch sử, đây là vùng đất trải qua nhiều biến động phức tạp đã để lại nhiều dấu ấn trên lãnh thổ phen dậu này. Sau đồng bằng sông Hồng, vùng này đứng thứ hai về số lượng các di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng quốc gia trong đó có các di tích được Unesco công nhận là di sản văn hóa phi vật thể: thành nhà Hồ, Quần thể cố đô Huế

Suốt hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, vùng du lịch Bắc Trung Bộ cũng là nơi từng chịu nhiều gian nan khốc liệt. Nhiều di tích lịch sử ở đây là bằng chứng ghi dấu tội ác quân thù, là biểu tượng quật cường của dân tộc Việt Nam nói chung và nhân dân các dân tộc vùng du lịch Bắc Trung Bộ nói riêng. Tiêu biểu là những di tích đường mòn Hồ Chí Minh, địa đạo Vịnh Mốc, thành cổ Quảng Trị, nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn, nghĩa trang đường 9 Nam - Lào, ngã ba Đồng Lộc, Khe Xanh... Ngoài ra vùng còn có nhiều di tích tưởng niệm các danh nhân chính trị văn hóa như khu lưu niệm chủ tịch Hồ Chí Minh (Nghệ An), khu lưu niệm Nguyễn Du, Trần Phú, (Hà Tĩnh), khu lưu niệm Phan Bội Châu (Huế).

Bắc Trung Bộ còn là trung tâm tôn giáo tín ngưỡng của miền Trung. Nơi đây còn lưu giữ nhiều công trình kiến trúc nghệ thuật như đình, chùa, nhà thờ có giá trị đối với hoạt động du lịch như chùa Thiên Mụ, Từ Đàm, Từ Hiếu, thiền viện Bạch Mã (Huế), đền Độc Cước (Thanh Hóa), nhà thờ La Vang (Quảng Trị) ...

* Lễ hội và văn hoá dân gian

- Lễ hội

Vùng du lịch này cũng có nhiều lễ hội đặc sắc. Có những lễ hội mang tính cung đình như hội lễ Tế Giao, hội Hổ Quyền, lễ điện Hòn Chén (Huế). Những lễ hội dân gian tuy gắn với tập tục, tín ngưỡng nông nghiệp như ở các vùng khác trong cả nước, như lễ hội tưởng nhớ thành hoàng ở Phò Trạch, Thái Dương; lễ hội tưởng niệm vị tổ sư ngành dệt, ngành rèn, ngành kim hoàn... song cũng có những nét riêng. Nếu ở các vùng khác, hội bơi chải thường diễn ra ở vùng sông nước hoặc ven biển là chính thì bơi chải và múa chèo cạn lại là trò vui phổ biến nhất ở vùng du lịch Bắc Trung Bộ. Nếu thi vật và đánh đu cũng giống như ở các nơi khác thì hội thả diều lại rất độc đáo chỉ riêng cho vùng này.

- Ca múa nhạc

Ca múa nhạc của vùng du lịch Bắc Trung Bộ cũng mang đậm sắc thái riêng, thể hiện sự giao lưu văn hóa giữa Bắc và Nam, giữa văn hoá Việt và văn hoá Chăm, Những điệu hát chòi, hát về, chèo cạn, các điệu hò... mang đậm sắc thái dân gian. Loại hình nghệ thuật nhã nhạc cung đình Huế đã được công nhận là Di sản của nhân loại. Hiện nay loại hình ca múa nhạc ở vùng du lịch này đã được khai thác phục vụ du lịch khá hiệu quả (như hình thức múa hát du thuyền trên sông Hương...).

- Ẩm thực

Bắc Trung Bộ là nơi có văn hóa ẩm thực phong phú, đặc sắc gắn với sự đa dạng về nguyên liệu từ thiên nhiên kết hợp với sự chế biến khéo léo và cách thưởng thức món ăn của người dân. Nhiều món ăn truyền thống nổi tiếng rất được ưa chuộng từ món ăn dân dã như nem chua Thanh Hóa. Cháo lươn Nghệ An, kẹo cu đơ Hà Tĩnh, cơm hến, chè Huế đến những món ăn cầu kỳ tinh tế như cơm cung đình...

- Nghề thủ công truyền thống

Bắc Trung Bộ nổi tiếng bởi các làng nghề truyền thống với hàng trăm năm lịch sử như dệt chiếu cói ở Nga Sơn, đúc đồng ở Trà Đức (Thanh Hóa), Dương Xuân (Huế), chạm khắc đá ở Đông Sơn (Thanh Hóa), làng thêu ren ở Huế, mây tre đan Quảng Phong, làng nón (Huế)...

Các làng nghề truyền thống với bàn tay tài hoa và óc sáng tạo của người thợ, sản phẩm tạo ra chứa đựng những giá trị văn hóa, lịch sử của mỗi làng quê Việt Nam là điểm đến của nhiều khách du lịch trong và ngoài nước.

Các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của vùng: dân ca ví dặm Nghệ Tĩnh, Nhã Nhạc cung đình Huế, Quần thể cố đô Huế, thành nhà Hồ...

1.3. Hệ thống đường giao thông

- *Đường bộ*: Vùng có hệ thống đường bộ quan trọng là QL 1A, QL 7, QL 8, QL9, QL49... đường Hồ Chí Minh.

- *Đường sắt*: Đường sắt Bắc – Nam chạy qua địa phận của tất cả các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ

- *Đường không*: Vùng có các sân bay Vinh (Nghệ An), Đồng Hới (Quảng Bình), Phú Bài (Thừa Thiên - Huế), trong đó Phú Bài là sân bay quốc tế.

- *Đường biển*: Cảng Vũng Áng (Hà Tĩnh), cảng Cửa Lò (Nghệ An), cảng Chân Mây (Thừa Thiên - Huế).

2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu

2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng

- Du lịch di sản, du lịch biển, đảo;
- Du lịch tham quan tìm hiểu văn hóa, lịch sử, lối sống địa phương;
- Du lịch biên giới gắn với các cửa khẩu;
- Du lịch tham quan nghiên cứu hệ sinh thái.

2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu

- Thành phố Thanh Hóa - Sầm Sơn - Tĩnh Gia gắn với hệ thống di tích Hàm Rồng, Di sản thế giới Thành Nhà Hồ, đô thị du lịch Sầm Sơn và hệ thống bãi biển Quảng Xương, Tĩnh Gia.

- Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh gắn với đô thị du lịch Cửa Lò, khu di tích Kim Liên, khu lưu niệm Nguyễn Du, cửa khẩu Cầu Treo, núi Hồng - sông Lam, Xuân Thành, Ngã Ba Đồng Lộc...

- Quảng Bình - Quảng Trị gắn với di sản thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng, biển Cửa Tùng - Cửa Việt, đảo Cồn Cỏ, cửa khẩu Lao Bảo và hệ thống di tích chiến tranh chống Mỹ.

- Thừa Thiên - Huế gắn với hệ thống di sản văn hóa cố đô Huế và cảnh quan thiên nhiên Lăng Cô - Cảnh Dương, Bạch Mã, Tam Giang...

3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các hu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

- 4 Khu du lịch quốc gia:

- + Khu du lịch quốc gia Kim Liên;
- + Khu du lịch quốc gia Thiên Cầm;
- + Khu du lịch quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng;
- + Khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương.

- 6 điểm Du lịch quốc gia:

- + Điểm du lịch quốc gia Thành Nhà Hồ
- + Điểm du lịch quốc gia Ngã Ba Đồng Lộc
- + Điểm du lịch quốc gia Lưu niệm Nguyễn Du
- + Điểm du lịch quốc gia TP. Đồng Hới
- + Điểm du lịch quốc gia Thành cổ Quảng Trị
- + Điểm du lịch quốc gia Bạch Mã

- 3 Đô thị du lịch: Sầm Sơn, Cửa Lò, Huế.

Ngoài ra, chú trọng phát triển các điểm hang cá Cẩm Lương, khu di tích Lam Kinh, Bến En (Thanh Hóa), Pù Mát (Nghệ An), Chùa Hương Hà Tĩnh, Đồng Hới Quảng Bình, Cồn Cỏ Quảng Trị ...

Giới thiệu một số điểm du lịch quốc gia tiêu biểu của vùng

+ Điểm du lịch quốc gia thành nhà Hồ

Ngày 27/6/2011, thành nhà Hồ đã được Unesco công nhận là Di sản văn hóa thế giới và được Nhà nước xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt nằm trên địa bàn hai xã Vĩnh Tiến và Vĩnh Long huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Thành nhà Hồ còn có tên gọi là thành An Tôn, thành Tây Đô, thành Tây Giai hay thành Tây Kinh, được xây dựng vào năm 1397, do Hồ Quý Ly chủ trương và Thượng thư bộ lại kiêm thái sử lệnh Đỗ Tĩnh trực tiếp tổ chức và điều hành, bao gồm Thành Nội, La Thành và Đền Nam Giao, rộng 155,5ha và được bao bọc bởi một vùng đầm trên 5000ha. Vị trí của Thành nhà Hồ được lựa chọn theo những nguyên tắc phong thủy trong một cảnh quan thiên nhiên đẹp giữa hai dòng sông: sông Mã và Bưởi

Thành Nội có mặt bằng gần hình vuông, chiều Bắc – Nam dài 870,5m, chiều Đông – Tây dài 883,5m. Mặt ngoài của Thành Nội xây bằng 7 hàng đá xếp ngang, 2 hàng đá chìm dưới đất làm thành móng, 5 hàng nổi trên mặt đất. Thành Nội có bốn cổng theo chính hướng Nam – Bắc – Tây – Đông gọi là các cổng Tiền – Hậu – Tả - Hữu. Các cổng đều xây kiểu vòm cuốn, xếp đã múi bưởi, trong đó lớn nhất

là cổng Tiền (cổng Nam), gồm 3 cửa cuốn, các phiến đá xây đặc biệt lớn, các cổng còn lại chỉ xây 1 cửa.

Các cung điện, dinh thự trong khu vực thành (Điện Hoàng Nguyên, cung Nhân Thọ, Cung Phù Cực, Đông Cung...) đã bị phá hủy, di tích còn lại hiện nay là 4 cổng thành bằng đá cuốn vòm, tường thành và đặc biệt là Di tích Đàn tế Nam Giao còn khá nguyên vẹn, có niên đại sớm nhất nước ta, được xây dựng năm 1402. Trong các phế tích đáng chú ý có nền chính điện chạm một đôi tượng rồng đá rất đẹp.

Là Kinh đô của Việt Nam (1398 – 1407) và đồng thời cũng là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của Bắc Trung Bộ từ thế kỷ 16 đến 18. Thành nhà Hồ vừa là loại kiến trúc kinh thành độc đáo, vừa là loại kiến trúc mang tính chất phòng vệ quân sự điển hình. Trong quá trình tồn tại hơn 600 năm, thành nhà Hồ đã trải qua nhiều biến cố, chứng kiến nhiều cải cách quan trọng của nhà Hồ, song chất lượng và trạng thái của một số di vật vẫn được bảo tồn nguyên vẹn. Thành nhà Hồ là một kinh thành được xây bằng đá độc đáo, có quy mô lớn ở nước ta.

+ Điểm du lịch quốc gia Ngã Ba Đồng Lộc

Ngã ba Đồng Lộc thuộc địa phận xã Đồng Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, nằm trên đường Hồ Chí Minh và là di tích lịch sử gắn liền với sự hi sinh của 10 nữ thanh niên xung phong trong cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ngã ba Đồng Lộc có diện tích khoảng 50 ha nằm gọn trong một thung lũng hình tam giác, hai bên là đồi núi trọc, giữa là con đường độc đạo. Vào những năm tháng chiến tranh chống Mỹ, đây là một trong những điểm giao thông trọng yếu. Vì thế, quân đội Mỹ đã dùng không quân ném bom hủy diệt nhằm cắt đứt đường tiếp tế của miền Bắc cho chiến trường miền Nam. Ngã ba Đồng Lộc trở thành “toạ độ chết”, mỗi mét vuông đất nơi đây đã gánh 3 quả bom tấn. Chỉ tính riêng 240 ngày đêm từ tháng 3 đến tháng 10/1968, không quân Mỹ đã trút xuống đây 48.600 quả bom các loại.

Để giữ vững huyết mạch giao thông, quân dân ta cũng huy động tối đa mọi nguồn lực bảo vệ Ngã ba Đồng Lộc, lúc cao điểm ở nơi này có tới 1,6 vạn người, chủ yếu là bộ đội pháo binh và lực lượng thanh niên xung phong phá bom, mở đường.

Trưa ngày 24/7/1968, tiểu đội 4 Thanh niên xung phong gồm 10 cô gái được giao nhiệm vụ san lấp hố bom và sửa đường thông xe sau đợt thả bom của máy bay địch. Tới khoảng 17 giờ ngày 24/7/1968, trận bom thứ 15 dội xuống Đồng Lộc, một quả bom rơi trúng cửa hầm nơi các cô trú ẩn. Tất cả tiểu đội nữ Thanh niên xung phong đã hi sinh khi tuổi đời còn rất trẻ (từ 17 đến 22), chưa ai trong số họ lập gia đình.

Ngã ba Đồng Lộc cùng 10 cô gái đã trở thành huyền thoại trong lòng người, là khúc tráng ca bất tử của tuổi trẻ trong cuộc chiến tranh giải phóng, thống nhất đất nước.

Để ghi sâu tội ác của Mỹ và ca ngợi chiến công của 10 cô gái, Nhà nước đã xây đài tưởng niệm và truy tặng danh hiệu Anh hùng cho các cô gái Thanh niên xung phong. Ngày nay, Ngã ba Đồng Lộc là một quần thể di tích gồm nhiều hạng mục. Bên cạnh khu mộ của 10 cô gái anh hùng, còn có nhà bia tưởng niệm Thanh niên xung phong toàn quốc, nhà trưng bày truyền thống, tượng đài chiến

thắng...Ngã ba Đồng Lộc, ngã ba huyền thoại trở thành điểm hành hương tâm linh, một không gian tưởng niệm linh thiêng.

+ Điểm du lịch quốc gia Khu lưu niệm Nguyễn Du

Khu lưu niệm Nguyễn Du là một quần thể tưởng niệm dòng họ Nguyễn Tiên Điền, gồm: đền thờ Nguyễn Nghiễm – than phụ Nguyễn Du, khu lưu niệm Nguyễn Du, đền thờ Tiến sỹ Nguyễn Huệ - bác ruột Nguyễn Du...

Bước qua cổng khu lưu niệm là một vườn cây xanh tốt với nhiều gốc cổ thụ từng là nơi buộc ngựa của dòng họ Nguyễn Tiên Điền khoảng 300 năm trước. Xuyên trong vườn cây là những lối đi lát gạch sạch sẽ, ngăn nắp. Trước sân khu lưu niệm nổi bật bức tượng Nguyễn Du khăn đóng áo dài, tay cầm bút lông. Tượng toát lên thần thái nho nhã, thanh thoát của đại thi hào.

Nhà thờ Nguyễn Du được bài trí đơn sơ, giản dị như cốt cách của đại thi hào. Một bàn thờ bằng đá vôi cát, một chiếc bàn nhỏ để bút nghiên cùng một bức hoành phi đề chữ “Hồng sơn thế phả” cùng bài vị bằng đá có khắc chữ “Thanh Hiên Nguyễn Tiên Sinh”

Bên phải nhà thờ là Trung tâm văn hóa Nguyễn Du mới được xây dựng vào năm 2004. Nơi đây trưng bày hơn 2000 hiện vật, tư liệu về Nguyễn Du và dòng họ Nguyễn Tiên Điền. Hơn 500 bản truyện Kiều được xuất bản qua các thời đại với nhiều thứ tiếng. Đặc biệt có cuốn thư pháp độc bản Truyện Kiều nặng 75 kg, bề ngang 1,2 m, bề dọc 1,6m.

Nguyễn Du đã được Unesco công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới. Truyện Kiều là kiệt tác văn chương, là tinh hoa của văn hóa dân tộc Việt Nam, đã trở thành tài sản chung của nhân loại.

+ Điểm du lịch quốc gia Thành phố Đồng Hới

Đồng Hới là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Bình, nằm bên tả ngạn sông Nhật Lệ, cách cửa biển Nhật Lệ khoảng 1 km. Thành phố Đồng Hới là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, thương mại và du lịch của tỉnh Quảng Bình, có ý nghĩa với vùng Bắc Trung Bộ trong thế liên kết với tuyến du lịch xuyên Việt và con đường di sản miền Trung.

Từ năm 1964 trở về trước, Đồng Hới còn nguyên vẹn tòa thành cổ với những dãy phố nhỏ, duyên dáng, từng được ví như “Paris thu nhỏ”, “thị xã hoa hồng”.

Thành cổ Đồng Hới được xây dựng từ năm Gia Long thứ 10 (1812) và được xây dựng lại bằng gạch vào năm Minh Mạng thứ 5 (1824). Thành có hình vuông, bốn góc có rìa răng khế, với chu vi khoảng 1860 m, cao 4 m. Ba mặt thành (Bắc, Đông, Nam) có 3 cửa cuốn thông ra ngoài bằng 3 cây cầu gạch. Bốn phía thành đều có hào sâu, đầy nước. Mặt tiền của thành hướng về phía Tây với một công trình kiến trúc đẹp mang tên “Quảng Bình quan”. Thành Đồng Hới xưa là thành lũy vững chắc, trấn thủ một vị trí hiểm yếu trên bờ sông Nhật Lệ và là một chốt độc đáo trên con đường xuyên Việt. Ngày nay Thành cổ đã bị đổ nát do chiến tranh, chỉ còn vài đoạn thành và những hào sâu. Riêng “Quảng Bình quan” đã được xây dựng lại và là biểu tượng văn hóa của thành phố, được công nhận là Di tích lịch sử quốc gia năm 1992.

Tô điểm thêm vẻ đẹp và nâng cao giá trị du lịch của thành phố Đồng Hới là dòng sông Nhật Lệ và cửa biển cùng tên, được xếp hạng thắng cảnh quốc gia năm

1992. Cửa Nhật Lệ cũng từng là nơi diễn ra nhiều trận chiến ác liệt thời Trịnh – Nguyễn phân tranh.

+ **Điểm du lịch quốc gia Thành cổ Quảng Trị**

Thành cổ Quảng Trị nằm giữa trung tâm thị xã Quảng Trị, cách quốc lộ 1A khoảng 2km về phía Đông, cách bờ sông Thạch Hãn khoảng 500m về phía Nam. Đứng soi mình xuống dòng sông Thạch Hãn hiền hoà, Thành cổ Quảng Trị uy nghi, trầm mặc, sáng ngời biểu tượng chủ nghĩa anh hùng cách mạng với khát vọng tự do, độc lập. Nơi đây, dưới lớp cỏ non Thành cổ, lòng đất đã thấm đẫm máu của hàng ngàn chiến sĩ và đồng bào Quảng Trị.

Đề trấn giữ phía bắc kinh đô Phú Xuân, năm 1809 Gia Long thứ 8 quyết định dời Dinh từ phường Tiền Kiên, huyện Đăng Xương (Triệu Giang, Triệu Phong ngày nay) đến xây dựng trên một khu đất cao tại xã Thạch Hãn- Hải Lăng (ngày nay thuộc thị xã Quảng Trị). Từ thành có thể đi vào Nam hay ra Bắc bằng đường sông, đường bộ, đường biển đều thuận tiện. Với vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự, Thành Cổ vừa là công trình thành lũy quân sự, vừa là trụ sở hành chính của nhà Nguyễn trên đất Quảng Trị từ năm 1809 đến năm 1945.

Thành lúc đầu, được đắp bằng đất, đến năm 1837, vua Minh Mạng cho xây lại bằng gạch. Khuôn viên Thành cổ Quảng trị có dạng hình vuông với chu vi tường thành dài 2160m, thành cao 3m, dưới chân dày 13,5m, đỉnh dày 0,72m. Bên ngoài thành có hệ thống hào rộng bao quanh. Bốn góc thành là 4 pháo đài cao nhô hẳn ra ngoài.

Thành có 4 cửa nằm chính giữa 4 mặt thành: Tiền, Hậu, Tả, Hữu xây vòm cuốn, vòm làm bằng gỗ lim. Mỗi cửa có chiều rộng 3,4m, phía trên có vòm lâu, mái cong, lợp ngói âm dương. Nội thành có các công trình kiến trúc như Hành cung, cột cờ, dinh Tuần Vũ, dinh án Sát, dinh Lãnh Binh, Ty Phiên, Ty Niết, kho thóc, nhà kiểm học, trại lính.

Trong đó, Hành cung được xem là công trình nổi bật nhất: bao bọc xung quanh là hệ thống tường dày, chu vi 400m, có hai cửa. Hành cung là một ngôi nhà rường, kết cấu 3 gian, 2 chái, mái lợp ngói liệt, trên có trang trí các họa tiết: rồng, mây, hoa, lá...Nơi đây thường để Vua ngự và thăng quan cho các quan cấp tỉnh ở Quảng Trị hay tổ chức các lễ tiết trong năm.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khi thực dân Pháp đặt chính quyền bảo hộ thì Thành cổ lại có thêm nhà lao, toà mật thám, trại lính khổ xanh, cơ quan thuế đoạn... Từ năm 1929 đến năm 1972, nhà lao Quảng Trị là nơi giam cầm các chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước và chính nơi đây đã trở thành trường học chính trị, để rèn luyện ý chí son sắt, đấu tranh trực diện với kẻ thù của những người yêu nước.

Hơn 160 năm tồn tại dưới thời quân chủ và thực dân, Thành cổ là trung tâm chính trị của Quảng Trị. Dưới thời tạm chiếm Mỹ - ngụy biến Thành Cổ thành khu quân sự, làm kho tàng quân đội và trung tâm chỉ huy chiến dịch toàn tỉnh, đồng thời mở thêm nhà giam để đàn áp phong trào cách mạng. Vì vậy, nơi đây đã chứng kiến nhiều cuộc đấu tranh chống Mỹ trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968 và các trận chiến đấu oai hùng của quân và dân ta. Tiêu biểu là cuộc chiến đấu ngoan cường đánh trả các đợt phản kích tái chiếm Thành Cổ của Ngụy quyền Sài Gòn trong suốt 81 ngày đêm mùa hè đỏ lửa năm 1972.

Chiến công giữ vững Thành Cổ Quảng Trị là khúc tráng ca bất tử, đã đi vào lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam những trang hào hùng nhất. Thành Cổ như một bảo tàng ghi nhận hy sinh cao quý của biết bao chiến sĩ giải phóng quân và nhân dân Quảng Trị anh hùng. Cuộc chiến đấu anh dũng 81 ngày đêm (từ 28/6 đến 16/9/1972) bảo vệ Thành Cổ là đòn chiến lược bẻ gãy ý đồ cuồng vọng tái chiếm Quảng Trị của Mỹ ngụy, tạo thế mạnh cho ta trên bàn đàm phán Pa-ri. Ngã ba Long Hưng- chốt bảo vệ Thành Cổ phía Nam được mệnh danh là "ngã ba bom", "ngã ba lửa" mà hết đơn vị này, điều đơn vị khác quyết bám trụ đến cùng. Ngã ba cầu Ga 20 chiến sĩ án ngữ đều hy sinh anh dũng.

Thành Cổ Quảng Trị được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng di tích Quốc gia theo quyết định số 235/VH - QĐ ngày 12/12/1986. Năm 1994, Thành Cổ Quảng Trị lại được xếp vào danh mục những di tích Quốc gia đặc biệt quan trọng. Do phải gánh chịu một khối lượng bom đạn khổng lồ trong chiến tranh nên từ sau hoà bình lập lại, Thành Cổ chỉ còn dấu vết của một số đoạn thành, lao xá, cổng tiền, hậu... Từ năm 1993 - 1995, hệ thống hào, cầu, cống, một số đoạn thành, cổng tiền đã được tu sửa, hàng nghìn cây dừa đã mọc lên phía trong thành. Đặc biệt một đài tưởng niệm lớn đã được xây dựng ở chính giữa Thành Cổ. Đài tưởng niệm được đắp nổi bằng đất có hình một nắm mồ chung, bốn phía gia cố xi măng tạo thành hình bốn cửa của Thành Cổ, phía trên là nơi để mọi người thắp hương tưởng niệm. Thành cổ Quảng Trị là địa chỉ đỏ để giáo dục truyền thống yêu nước và là điểm thu hút hấp dẫn khách tham quan trong nước và bè bạn quốc tế.

Hiện nay Thành cổ được Nhà nước đầu tư để tôn tạo các khu vực:

- Khu ghi dấu ấn về cuộc chiến đấu 81 ngày đêm ở góc Đông Nam; tái tạo lại chiến trường năm 1972 với hầm hào, công sự, hố bom... Tại đây sẽ đặt 81 khối đá tự nhiên tạc văn bia mô tả cuộc chiến đấu phi thường của quân và dân ta.

- Khu phục dựng Thành cổ nguyên sinh: ở phía Đông Bắc, thu nhỏ kiến trúc các công trình cổ, trồng một rừng mai vàng để gợi biểu tượng non Mai sông Hãn.

- Khu công viên văn hoá: ngoài tượng đài và nhà trưng bày bổ sung hai tầng, tại phía Tây và Tây Nam này xây dựng một công viên có nhiều lối đi, ghé đá, cây cảnh, hồ nước, sân chơi ...

+ Điểm du lịch quốc gia Bạch Mã

Bạch Mã là một ngọn núi thuộc phần cuối dãy Trường Sơn Bắc, có độ cao 1444 m, cách thành phố Huế 60 km về phía Nam và cách quốc lộ 1A khoảng 4 km.

Bạch Mã được phát hiện bởi kỹ sư người Pháp năm 1932 và 5 năm sau đó trở thành khu nghỉ mát của người Pháp ở Đông Dương và chế độ Nam Triều với 139 ngôi biệt thự.

Là danh giới tự nhiên giữa hai miền Nam Bắc, khí hậu ở đây quanh năm mát mẻ, nhiệt độ trung bình 18 – 23 độ C. Người ta thường ví Bạch Mã là “Đà Lạt của miền Trung” nhưng hơn Đà Lạt ở hơi hướng của khí hậu biển.

Bạch Mã là chốn “bồng lai tiên cảnh”, đỉnh Bạch Mã là một biển mây kỳ ảo, bồng bênh ôm ấp những ngọn núi nhấp nhô. Cảnh vật như mơ, như thật. Những hôm trời quang, đứng ở Bạch Mã có thể nhìn thấy toàn cảnh đèo Hải Vân, vịnh Chân Mây, núi Túy Vân, đầm Cầu Hai và cả Cố đô Huế, cùng thành phố Đà Nẵng mờ xa, huyền ảo...

Bạch Mã có nhiều cảnh quan kỳ diệu: Thác Bạc ở độ cao 1000m, làn nước đầy quanh năm, thác Trĩ Sao có thể may mắn gặp được những con trĩ sao với đuôi dài cong vút, thác Ngũ Hồ, nơi dòng suối đột ngột “roi” qua những độ chênh khác nhau về chiều cao và tạo ra 5 bậc liên tiếp, không xa lắm thác Ngũ Hồ là thác Đỗ Quyên rộng và cao, có hoa đỗ quyên đỏ rực vào mùa hè.

Bạch Mã, rừng vàng của quốc gia, là nơi giao thoa giữa hai luồng thực vật Bắc Nam. Dưới thời thực dân Pháp, đã có dự án thành lập vườn quốc gia Bạch Mã – Hải Vân rộng 50000ha để bảo tồn gà lôi lam. Năm 1991 (15/7) vườn quốc gia chính thức được thành lập với diện tích trên 21 nghìn ha.

Hệ thực vật ở đây phong phú và đa dạng, có tới 1406 loài. Rừng có các loại gỗ quý như chò chỉ, kiền, giẻ hương..., nhiều cây có đường kính 80 -100 cm; có trên 300 loài cây thuốc nam như cây ba gạc chữa huyết áp cao, cây bình vôi chữa bệnh an thần, lá khôi đặc trị dạ dày, loài cây 7 lá 1 hoa chữa bệnh rắn cắn và chấn thương.

Hệ động thực vật ở Bạch Mã có tới 931 loài, có những loài thú hiếm còn tồn tại như voọc chà vá, voọc Hà Tĩnh, báo gấm, hổ, sao la. Đặc biệt, Bạch Mã là nơi cư trú của một số loài chim quý như trĩ sao (cả đuôi dài tới 2m, cao hơn 40,5 cm), gà lôi lam mào trắng, gà lôi lam mào đen. Cả động vật và thực vật của vườn quốc gia Bạch Mã có đến 86 loài được đưa vào sách đỏ quốc gia và quốc tế.

4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng

4.1. Tuyến Thanh Hóa – Nghệ An – Hà Tĩnh (QL 1A)

4.1.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Thanh Hóa.

- Di tích Đông Sơn,
- Đền Bà Triệu
- Thành nhà Hồ
- Di tích Lam Kinh
- Đền Độc Cước
- Đền Cô Tiên
- Di tích Đa Bút
- Khu di tích Hàm Rồng
- Chiến khu ngọc Trạo
- Bãi biển Sầm Sơn
- Hòn Trống Mái
- Núi Vọng Phu
- Vườn quốc gia Bến En
- Sông Mã – núi Rồng – núi Ngọc
- Cùm thắng cảnh Tiên Nông
- Động Tù Thúc
- Động Hồ Công
- Khu di tích thắng cảnh Phố Cát
- Danh thắng Biện Sơn
- Hang cá Cẩm Lương
- Hang con Moong
- Làng chạm khắc đá Nhồi

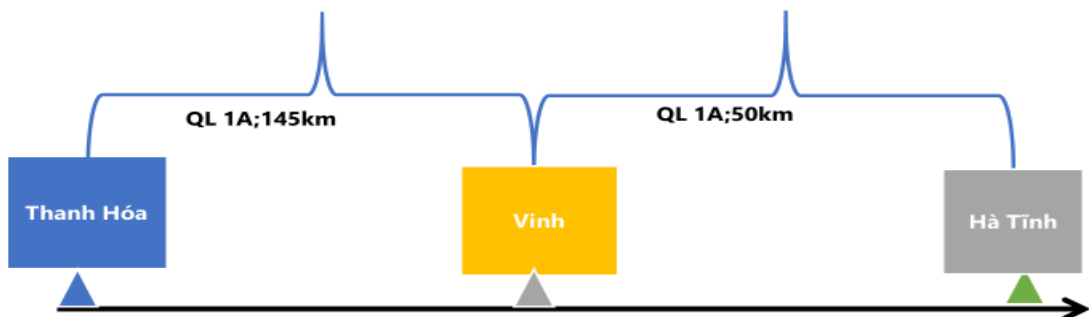
4.1.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Nghệ An

- Đền Công, Cờn, Quả Sơn, Hồng Sơn

- Đình Hoàn Sơn
- Chùa Sư Nữ
- Thành cổ Nghệ An
- Khu di tích Núi Quyết
- Di tích lưu niệm cụ Phan Bội Châu
- Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh
- Quê hương chủ tịch Hồ Chí Minh
- Biển Cửa Lò
- Hang Thẩm Ôm
- Thác Khe Kẽm, Xao va
- Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Mát
- Chợ vùng biên Nậm Cắn

4.1.3. Các điểm tham quan du lịch ở Hà Tĩnh

- Chùa Chân Tiên, Tượng Sơn
- Đền Thái Yên, Cả, Cui, đền thờ Đặng Tất, Đặng Dung, đền thờ Nguyễn Biểu
- Miếu Biên Sơn
- Mộ trạng nguyên Bạch Liên
- Di tích lưu niệm Lê Hữu Trác, Nguyễn Công Trứ, khu lưu niệm Nguyễn Du, Trần Phú, Bác Hồ
- Mộ Phan Đình Phùng
- Di tích lịch sử ngã ba ghen
- Đình tứ Mỹ
- Đền Nguyễn Thị Bích Châu
- Ngã ba Đồng Lộc
- Danh thắng Thiên Cầm
- Núi Hồng Lĩnh
- Hồ Kẻ Gỗ
- Cửa Sót – Nam Giới
- Bãi biển Xuân Thành
- Đèo Ngang – hoành Sơn Quan
- Vườn quốc gia Vụ Quang



Hình 4.1: Sơ đồ cung đường tuyến Thanh Hóa – Nghệ An – Hà Tĩnh

4.2. Tuyến Huế - Quảng Trị - Quảng Bình (QL 1A; QL1A/QL15)

4.2.1. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Thừa Thiên - Huế.

- Kinh thành Huế.
- Ngõ Môn.

- Điện Thái Hòa.
- Thế Miếu.
- Cửu Đỉnh.
- Hiền Lâm Các.
- Cung Thát.
- Lăng Gia Long.
- Lăng Minh Mạng,
- Lăng Tự Đức.
- Lăng Khải Định.
- Hồ Quyền.
- Chùa Thiên Mụ.
- Chùa Diệu Đế.
- Chùa Từ Đàm.
- Chùa Thuyền Tôn.
- Chùa Thánh Duyên.
- Bảo tàng cổ vật Huế.
- Phân viện bảo tàng Hồ Chí Minh.
- A Lưới.
- Làng Dương Nỗ.
- Thành phố Huế.
- Sông Hương.
- Núi Ngự Bình.
- Đồi Vọng Cảnh.
- Cầu Trường Tiền.
- Chợ Đông Ba.
- Nhà vườn.
- Rừng quốc gia Bạch Mã.
- Bãi biển Thuận An.
- Bãi tắm Lăng Cô.
- Bãi biển Cảnh Dương.
- Suối Voi.
- Suối khoáng Mỹ An

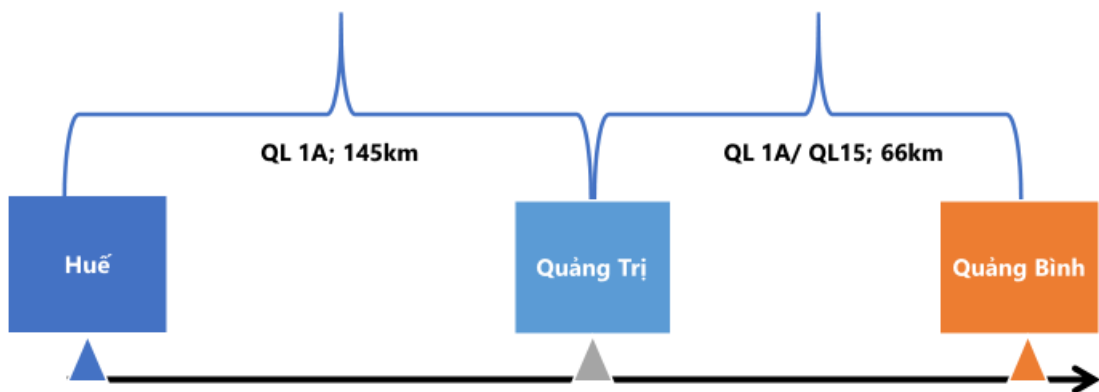
4.2.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Quảng Trị.

- Chùa Sắc Tứ.
- Nhà thờ La Vang.
- Khe Sanh.
- Thành cổ Quảng Trị.
- Sông Bến Hải - cầu Hiền Lương.
- Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn.
- Địa đạo Vịnh Mốc.
- Hàng rào điện tử Mắc-na-ma-ra.
- Đường Trường Sơn.
- Khu danh thắng Đakrông.
- Cửa khẩu Lao Bảo.
- Cửa Tùng.

- Rú Lịnh.
- Suối nước nóng Tân Lâm.
- Đảo Cồn Cỏ.

4.2.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Quảng Bình.

- Chùa Hoàng Phúc.
- Quảng Bình Quan.
- Lũy Đào Duy Từ.
- Thành Đồng Hới.
- Mộ Nguyễn Hữu Cảnh.
- Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng.
- Đèo Ngang.
- Khu danh thắng Lý Hòa.
- Bãi tắm Nhật Lệ và di tích Bàu Tró.
- Suối nước khoáng Bang.
- Làng biển Cảnh Dương.



Hình 4.2: Sơ đồ cung đường tuyến Huế - Quảng Trị - Quảng Bình

CÂU HỎI ÔN TẬP

11

- Câu 1: Trình bày vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và điều kiện nhân văn của vùng?
- Câu 2: Trình bày các tài nguyên du lịch của vùng?
- Câu 3: Trình bày hệ thống đường giao thông của vùng?
- Câu 4: Trình bày các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu của vùng?
- Câu 5: Vẽ sơ đồ một số tuyến điểm tiêu biểu của vùng?
- Câu 6: Xây dựng một số chương trình du lịch cho khách các đối tượng khác nhau?
- Câu 7: Viết bài thuyết minh cho một số chương trình du lịch tiêu biểu?

Chương 5: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Giới thiệu

Mục tiêu:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được những nội dung khái quát chung về vùng.
- + Liệt kê được các sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng.
- + Trình bày được một số điểm du lịch tiêu biểu của vùng
- + Nêu được một số tuyến du lịch cơ bản của vùng.

- Về kỹ năng:

- + Thiết kế được các tuyến, chương trình du lịch
- + Xây dựng lộ trình tham quan phù hợp với từng đối tượng khách
- + Viết bài thuyết minh cho các chương trình du lịch

- Về thái độ:

- + Thể hiện tính cẩn thận, chu đáo, tỉ mỉ trong công việc

Nội dung

1. Khái quát chung

1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng

Vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ là dải đất phía Nam của miền Trung nước ta bao gồm 8 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.

Diện tích tự nhiên: 44.377km² (chiếm 13,4% diện tích cả nước)

Dân số: 9.185.000 người (năm 2015) chiếm 10,1% dân số cả nước.

Đây là vùng đón bình minh sớm nhất trong cả nước vì có điểm cực Đông của nước ta. Phía bắc ngăn cách Bắc Trung Bộ bởi dãy Bạch Mã; phía nam giáp Đông Nam, vùng kinh tế năng động nhất nước ta; phía tây giáp Lào và Tây Nguyên; toàn bộ đông giáp biển Đông rộng lớn với chiều dài 1.290km và có 4 huyện đảo là Hoàng Sa (Đà Nẵng), Trường Sa (Khánh Hòa), Lý Sơn (Quảng Ngãi) và Phú Quý (Bình Thuận). Đây là một lợi thế rất lớn của vùng để phát triển du lịch biển đảo, hội nhập với du lịch khu vực và quốc tế.

Duyên hải Nam Trung Bộ nằm trên tuyến giao thông huyết mạch của quốc gia cả về đường bộ, đường sắt và đường hàng không. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi để có thể đón khách quốc tế và nội địa đến bằng mọi phương tiện giao thông.

Vùng này còn là cầu nối quan trọng, cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên, Hạ Lào và những vùng đất không có biển. Trong tương lai, cùng với sự tăng cường hợp tác giữa các nước tiểu vùng sông Mê Kông và việc hoàn thành các tuyến hành lang Đông Tây thì việc khai thác, hợp tác phát triển du lịch của vùng càng trở nên thuận lợi và phát triển.

1.2. Tài nguyên du lịch

1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

*** Địa hình**

Địa hình của vùng có hướng thấp dần từ Tây sang Đông với sự đa dạng của các kiểu địa hình núi, đồi, đồng bằng ven biển và biển, đảo.

Địa hình núi cao và trung bình (độ cao từ 700m trở lên) chiếm ưu thế và bị chia cắt phức tạp, kết hợp với dải ven biển hẹp dẫn đến sự phân hóa về tự nhiên

theo hướng Đông Tây gắn liền với sự phân hóa theo độ cao, tạo nên sự đa dạng của tự nhiên, tiền đề quan trọng để đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tiêu biểu là núi Bà Nà (Đà Nẵng) cao 1.487m.

Địa hình núi thấp (độ cao 300 – 700m) phân bố thành những dải hẹp, chuyển tiếp giữa vùng núi trung bình và vùng gò đồi, chạy dọc theo hướng Bắc – Nam, lượn theo hướng vòng cung của dãy Trường Sơn, tạo nên những cảnh quan kỳ thú.

Địa hình gò đồi (độ cao dưới 300m) có độ dốc thoải là vùng chuyển tiếp giữa đồng bằng ven biển với đồi núi.

Địa hình đồng bằng tương đối bằng phẳng và hơi nghiêng về phía đông ra tới biển. Trong cấu trúc chung của địa hình, thỉnh thoảng có dãy núi đâm ngang ra biển, tạo cho bờ biển của vùng có nhiều bán đảo, vũng vịnh kín gió, nhiều bãi tắm đẹp như bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), bán đảo Phương Mai (Bình Định), bán đảo Hòn Gôm (Khánh Hòa); vịnh Dung Quất, Quy Nhơn, Xuân Đài, Vân Phong, Cam Ranh; bãi biển Non Nước, Mĩ Khê, Đại Lãnh, Dốc Lết, Ninh Chữ, Cà Ná, Mũi Né, trong đó bãi biển Đà Nẵng dài khoảng 30 km từ bán đảo Sơn Trà đến Non Nước đã được tạp chí Forbes của Hoa Kỳ bình chọn là một trong 6 bãi biển đẹp nhất hành tinh.

** Khí hậu*

Do ảnh hưởng của vị trí địa lí, địa hình và biển nên Duyên hải Nam Trung Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với những đặc trưng: nóng ẩm, ánh sáng nhiều, có hai mùa mưa và mùa khô khá rõ rệt. Dãy Bạch Mã được coi là giới hạn cuối cùng của gió mùa Đông Bắc trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy mùa đông ở đây không còn lạnh nữa. Nhiệt độ trung bình toàn vùng trên 21 độ C.

Khí hậu có sự phân hóa theo hai vùng:

Tiểu vùng phía Bắc bao gồm thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Đặc trưng khí hậu ở đây là có lượng mưa khá lớn, số ngày mưa trung bình năm là 90 -170 ngày, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 1 năm sau, mùa khô từ tháng 2 đến tháng 8. Trung bình mỗi năm có vài cơn bão, thường xuất hiện từ tháng 9 đến tháng 11.

Tiểu vùng phía Nam bao gồm các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận, có lượng mưa ít hơn hẳn so với tiểu vùng phía Bắc. Mùa khô kéo dài từ tháng 1 đến tháng 8. Chế độ nhiệt cao hơn hẳn tiểu vùng phía Bắc.

Nhìn chung, khí hậu của vùng thuận lợi cho hoạt động du lịch quanh năm song cần chú ý đến thời gian hay xảy ra bão, lũ...

** Thủy văn*

Vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ có tài nguyên nước khá phong phú, cả nước mặt và nước ngầm.

Nguồn nước mặt có mạng lưới sông ngòi khá dày bao gồm hệ thống sông Thu Bồn, sông Ba (sông Đà Rằng), sông Trà Khúc, sông Cái Phan Rang, sông Côn (Bình Định), sông Cái (Khánh Hòa)...Nhìn chung, sông ngòi ngắn, dốc, không điều hòa, thường gây lũ lụt vào mùa mưa, ít thuận lợi cho giao thông nhưng có tiềm năng thủy điện khá lớn. Các hồ thủy điện cùng với cảnh quan sông nước là một trong những tài nguyên du lịch quan trọng của vùng (như hồ Phú Ninh).

Bên cạnh nước mặt, nguồn nước ngầm của vùng cũng rất phong phú. Trong số đó có nhiều nguồn nước khoáng, nước nóng có giá trị đang được khai thác, vừa

đảm bảo cho nhu cầu nước sinh hoạt, vừa là nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất nước khoáng, góp phần làm phong phú thêm sản phẩm du lịch của vùng. Đồng thời do tính chất lí, hóa, sinh học của các nguồn nước này có giá trị chữa bệnh nên tổng vùng có thể hình thành các điểm du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh như nước khoáng Vĩnh Hảo (Bình Thuận), Hội Vân (Bình Định), Thạch Bích (Quảng Ngãi), Đảnh Thạch (Khánh Hòa)...

** Sinh vật*

Duyên hải Nam Trung Bộ là một trong những vùng có diện tích rừng lớn của nước ta, trên 2,0 triệu ha rừng chiếm 14,9% tổng diện tích rừng cả nước. Động vật rừng của vùng mang đặc trưng của khu hệ động vật Ấn Độ - Mã Lai. Tài nguyên sinh vật phong phú là điều kiện thuận lợi để khai thác phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái ở các khu vực bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển. Trong vùng có 2 vườn quốc gia (Núi Chúa và Phước Bình ở Ninh Thuận), có 1 trong 9 khu dự trữ sinh quyển thế giới của Việt Nam (Cù Lao Chàm) và nhiều khu bảo tồn thiên nhiên như Bà Nà – Núi Chúa, Sơn Trà, Nam Hải Vân (Thành phố Đà Nẵng), Krông Trai, Vũng Rô (Phú Yên); Núi Ông, Tà Kou (Bình Thuận)...

** Tài nguyên du lịch biển đảo*

Tài nguyên biển đảo là một lợi thế rất lớn mà thiên nhiên ban tặng cho vùng này. Với chiều dài 1.290 km đường bờ biển, ở đây có trữ lượng thủy sản dồi dào với nhiều loài đặc sản có giá trị kinh tế cao (như tôm hùm, mực, cá thu, cá ngừ, cá ngựa, cá trích, cá nục...) lại có hệ sinh thái sinh trưởng và phát triển quanh năm nhờ môi trường sống thuận lợi; diện tích vùng nước mặn và đầm phá lớn để nuôi trồng thủy sản; các đồng muối có chất lượng tốt...

Duyên hải Nam Trung Bộ có đường bờ biển khúc khuỷu và cắt xẻ nhất nước ta với các dãy núi ăn lan ra biển nên ven biển có nhiều bán đảo, vũng, vịnh kín gió, nhiều bãi tắm đẹp. Vịnh Nha Trang được thế giới công nhận là 1 trong 30 bãi biển đẹp nhất hành tinh. Trong vùng đã hình thành những cảng nổi tiếng giao lưu buôn bán với quốc tế và các vùng trong cả nước như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Cam Ranh. Hầu hết các cảng có mực nước sâu và đều có khả năng tiếp nhận các tàu có trọng tải lớn. Đây cũng là các cảng đông khách du lịch quốc tế đến bằng đường biển.

Bên cạnh giá trị về mặt giao thông, bờ biển của vùng có nhiều bãi cát trải dài là lợi thế để phát triển du lịch với những bãi đẹp như Non Nước, Cửa Đại, Mĩ Khê, Sa Huỳnh, Đại Lãnh, Dốc Lết, Nha Trang, Ninh Chữ, Cà Ná, Mũi Né mà hàng năm thu hút đông đảo du khách. Biển của vùng có nước trong xanh, bãi cát trắng trải dài, nhiều sóng và gió rất hấp dẫn khách du lịch.

Vùng biển của vùng còn có nhiều đảo và quần đảo. Với 4 quần đảo (huyện đảo) là Hoàng Sa (Đà Nẵng), Lý Sơn (Quảng Ngãi), Trường Sa (Khánh Hòa) và Phú Quý (Bình Thuận) tạo cho vùng những sản phẩm du lịch độc đáo, không vùng nào có được. Bốn huyện đảo này đã được quy hoạch để trở thành 4 trong 7 điểm du lịch quốc gia của vùng. Một số đảo của tỉnh Quảng Nam, Khánh Hòa là nơi trú ngụ của loài chim yến, một đặc sản có giá trị cao, nổi tiếng trong và ngoài nước.

1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa

** Di tích lịch sử*

Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng đất mà con người đã cư trú từ lâu đời. Bề dày lịch sử của vùng đất này có thể thấy qua các di chỉ khảo cổ như văn hóa Sa Huỳnh, di chỉ Gò Đá (huyện Sơn Tịnh – Quảng Ngãi); di chỉ Bình Châu (huyện Bình Sơn – Quảng Ngãi); di chỉ Diên Sơn, Bình Tân, Hòn Tre, Ninh Thành, đàn đá Khánh Sơn (Khánh Hòa)... Tinh hoa của những người sinh sống lâu đời ở đây đã để lại cho con cháu hàng loạt di tích. Vì thế vùng này có nhiều di tích nổi tiếng như đô thị cổ Hội An, di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam) đã được Unesco công nhận là Di sản văn hóa thế giới. Ngoài ra còn có viện bảo tàng nghệ thuật điêu khắc Chăm (Đà Nẵng) và kinh đô Trà Kiệu (Quảng Nam) là quần thể di tích tiêu biểu cho nghệ thuật Chăm từ thế kỷ 7 đến thế kỷ 13 với các công trình văn hóa, kiến trúc độc đáo và nghệ thuật điêu khắc quỳến rũ; hệ thống các tháp Chăm như Tháp Bình An, Chiên Đàn, Khương Mỹ (Quảng Nam); tháp Dương Long, Bánh Ít, Cánh Tiên, Tháp Đôi (Bình Định); tháp Nhạn (Phú Yên); tháp Bà Pônagar (Khánh Hòa); tháp Pooklong Garai, Hòa Lai (Ninh Thuận)... Trong số hàng loạt di tích các loại mà cha ông để lại đã có 193 di tích lịch sử văn hóa được Nhà nước xếp hạng, chiếm 5% số di tích của cả nước, đứng thứ 4/7 vùng du lịch.

Các di tích lịch sử - văn hóa, dân tộc là thế mạnh của vùng và tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng, độc đáo. Bên cạnh hệ thống các tháp Chăm, trong vùng còn có nhiều di tích lịch sử, di tích cách mạng như bảo tàng Quang Trung (Bình Định) gắn liền với khởi nghĩa Tây Sơn; di tích Ba Tơ (Quảng Ngãi), dấu ấn của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thời kỳ chống Pháp (1942 – 1945); khu di tích trường Dục Thanh (Bình Thuận) nơi bác Hồ đã dạy học năm 1910 trước lúc vào Sài Gòn để ra đi tìm đường cứu nước; di tích Vạn Tường, Sơn Mỹ (Quảng Ngãi); di tích Núi Thành, khu di tích Khu ủy khu 5 (Quảng Nam); bãi đá Pi Nặng Tắc (Ninh Thuận)... gắn với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trong vùng cũng có nhiều chùa gắn với tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng dân cư và là điểm đến của du khách, tiêu biểu như chùa Phổ Đà, chùa Linh Ứng (thành phố Đà Nẵng); chùa Cầu, chùa Quang Triệu, chùa Phước Kiến (thành phố Hội An – Quảng Nam); chùa Thập Tháp, chùa Hang (Bình Định); chùa Long Sơn (Khánh Hòa)...

Ngoài ra dải đất này còn có nhiều danh lam thắng cảnh kì thú dọc bờ biển cũng như trong đất liền thu hút khách du lịch đến tham quan, chiêm ngưỡng như Đèo Hải Vân, Bà Nà, bán đảo Sơn Trà (thành phố Đà Nẵng); Cù Lao Chàm, Hòn Kẽm, Đá Dừng (Quảng Nam); núi Ấn – sông Trà (Quảng Ngãi); Ghềnh Ráng, Hàm Hồ (Bình Định); ghềnh Đá Đĩa, vịnh Xuân Đài, đầm ô Loan (Phú Yên); hòn Chông, suối Tiên, vịnh Vân Phong (Khánh Hòa); Mũi Né, hòn Rom (Bình Thuận)...

* Lễ hội

Một trong những lễ hội văn hóa truyền thống gắn liền với cuộc sống cư dân vùng biển là lễ hội thờ Cá voi, loài cá được ngư dân tôn là vị thần linh thiêng luôn che chở cho mọi người ngoài biển khơi. Các lễ cúng cá Ông, lễ nghinh ông, lễ hội cúng Bà,... diễn ra ở tất cả các tỉnh duyên hải miền Trung. Nhiều lễ hội ở đây diễn ra từ 3 đến 5 ngày liền, gắn với cuộc sống ở biển như lễ cầu ngư, lễ khao lề thế lính, lễ hội sông nước Tam Giang, lễ hội đầm Ô Loan, lễ hội Yên Sào... Tại các lễ hội này có các loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian, các trò chơi sôi động,

hấp dẫn, như hát bội, hát bả trạo, bài chòi, hát hò khoan đối đáp, đua ghe, đấu vật, đua thuyền, thi nấu cơm, làm bánh... thu hút hàng ngàn người tham dự... Loại lễ hội thứ hai là lễ hội của người Chăm như lễ hội cầu mưa, lễ mở cửa tháp, lễ hội Ka tê, lễ hội Ramadan, lễ hội tháp bà Ponagar...

** Làng nghề thủ công truyền thống*

Nghề thủ công truyền thống ở vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ có lịch sử phát triển từ lâu đời trên hầu hết các địa phương trong vùng và đã đưa ra thị trường nhiều sản phẩm không chỉ nổi danh trong nước mà cả nước ngoài. Các làng nghề tiêu biểu có giá trị khai thác du lịch như làng gốm Thanh Hà, làng đồng Phước Kiều, làng lụa Mã Châu, đèn lồng Hội An, làng mộc Kim Bồng, làng rau Trà Quế (Quảng Nam)... Trà Quế là một trong những ví dụ điển hình của việc khai thác giá trị du lịch của các làng nghề ở Duyên hải Nam Trung Bộ. Đèn lồng Hội An, gốm Bàu Trúc cũng là những nơi khá thành công trong việc phát triển sản phẩm du lịch làng nghề.

Theo dọc bờ biển Duyên hải Nam Trung Bộ, tỉnh nào cũng sản xuất được nước mắm ngon như nước mắm Nam Ô (Đà Nẵng), Gành Đỏ (Phú Yên), Nha Trang (Khánh Hòa), Cà Ná (Ninh Thuận), Phan Thiết (Bình Thuận). Ngoài ra khi đến các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, khách du lịch thường tìm mua tỏi Lý Sơn, quế Trà Bồng (Quảng Ngãi), nho, táo (Ninh Thuận), thanh long (Bình Thuận), mạch nha, đường phôi, kẹo gương Tư Nghĩa (Quảng Ngãi), rượu nho Phan Rang, mật nho (Ninh Thuận)...

** Ẩm thực*

Ẩm thực vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ có hương vị rất phong phú. Đỏ và nâu sậm là màu chủ đạo thấy ở các món ăn ở đây. So với các món ăn miền Bắc, các món ăn vùng này có nhiều vị hơn, nhưng nổi trội là vị đậm hơn, cay hơn. Các món ăn mà du khách thích thưởng thức khi đến tham quan du lịch tiểu vùng này là bánh tráng thịt heo Đà Nẵng, bún chả cá Bình Định, sò huyết Ô Loan (Tuy Hòa), cháo tôm hùm Bình Ba (Khánh Hòa), cháo cá Nức (Ninh Thuận), yến sào Hòn Nội (Khánh Hòa), mỳ Quảng, cao lầu phố Hội, cơm gà Tam Kỳ, bê thui Cầu Mống, nhông Ninh Thuận, Bình Thuận, bánh tráng Bình Định, bánh tráng Hòa Đa (Phú Yên), Phú Long (Bình Thuận)...

** Các tài nguyên khác*

Vùng có nhiều công trình kiến trúc và công trình đương đại có giá trị hấp dẫn khách du lịch. Đó là hầm Hải Vân - hầm đường bộ dài nhất Đông Nam Á (6,2km), hầm đường bộ Đèo Cả, cầu Thị Nại - cây cầu vượt biển dài nhất Việt Nam, cầu Sông Hàn - chiếc cầu quay duy nhất ở Việt Nam, cầu Rồng - cầu được thiết kế và xây dựng với hình dạng của một con rồng có khả năng phun lửa và phun nước, vòng quay Mặt Trời và công viên châu Á (Asia park), tổ hợp du lịch Bà Nà Hill (Đà Nẵng)....

Trong vùng còn có nhiều loại hình dân gian đặc sắc, nổi tiếng của vùng là hát chòi, hát bội và tuồng cổ... Những loại hình nghệ thuật này được gìn giữ và phát huy nhằm làm tăng thêm sắc màu cho sản phẩm du lịch của vùng.

1.3. Hệ thống đường giao thông

- *Đường bộ:* Hệ thống đường bộ có QL 1A, QL 19, QL 24, QL 25, QL 26, QL 27, QL 28... và các tuyến đường tỉnh lộ khác.

- *Đường sắt*: Tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua các tỉnh của vùng.
- *Đường không*: Vùng có các sân bay Đà Nẵng, Chu Lai, Tuy Hòa, Cam Ranh, trong đó Đà Nẵng, Cam Ranh là các sân bay quốc tế.
- *Đường biển*: Hệ thống cảng biển quan trọng: Đà Nẵng (Đà Nẵng), Chu Lai (Quảng Nam), Dung Quất (Quảng Ngãi), Quy Nhơn (Bình Định), Nha Trang (Khánh Hòa), Phan Thiết (Bình Thuận).

2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu

2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng

- Du lịch biển, đảo;
- Du lịch tham quan di tích (hệ thống di sản) kết hợp du lịch nghiên cứu bản sắc văn hóa văn hóa Chăm, các dân tộc thiểu số ở Đông Trường Sơn;
- Du lịch MICE

2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu

- Đà Nẵng - Quảng Nam gắn với Sơn Trà, Hải Vân, Hội An, Mỹ Sơn...
- Bình Định - Phú Yên - Khánh Hòa gắn với các bãi biển Phương Mai, Đầm Ô Loan, vịnh Nha Trang, Cam Ranh...
- Bình Thuận gắn với biển Mũi Né, đảo Phú Quý...

3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các hu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

- *9 khu du lịch quốc gia*:
 - + Khu du lịch quốc gia Sơn Trà;
 - + Khu du lịch quốc gia Bà Nà;
 - + Khu du lịch quốc gia Cù Lao Chàm;
 - + Khu du lịch quốc gia Mỹ Khê;
 - + Khu du lịch quốc gia Phương Mai;
 - + Khu du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài;
 - + Khu du lịch quốc gia Bắc Cam Ranh;
 - + Khu du lịch quốc gia Ninh Chữ;
 - + Khu du lịch quốc gia Mũi Né.
- *7 Điểm du lịch quốc gia*:
 - + Điểm du lịch quốc gia Ngũ Hành Sơn
 - + Điểm du lịch quốc gia Hoàng Sa (Điểm dừng chân trên tuyến hàng hải quốc tế);
 - + Điểm du lịch quốc gia Mỹ Sơn;
 - + Điểm du lịch quốc gia Lý Sơn;
 - + Điểm du lịch quốc gia Trường Lũy;
 - + Điểm du lịch quốc gia Trường Sa;
 - + Điểm du lịch quốc gia Phú Quý.
- *4 Đô thị du lịch*: Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang, Phan Thiết.

Giới thiệu một số điểm du lịch quốc gia tiêu biểu của vùng:

+ Điểm du lịch quốc gia Ngũ Hành Sơn

Ngũ Hành Sơn, một tặng phẩm trời cho, độc đáo, một danh thắng nổi tiếng của thành phố Đà Nẵng, có sức hút cao đối với du khách.

Quần thể núi Non Nước, Ngũ Hành Sơn có sức hấp dẫn và được ngưỡng mộ, ca ngợi vì đây là một nơi sơn kỳ thủy tú, một khu “non bộ thiên tạo khổng lồ”, một “thế giới chùa chiền hang động”, vừa có giá trị vật thể và phi vật thể, một nơi nơi lưu giữ nhiều cổ vật lịch sử quý hiếm, một cơ sở đấu tranh cách mạng trong quá trình giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Về mặt cảnh quan thiên nhiên, đây quả thật là một tặng phẩm vô giá của thiên nhiên, sơn thủy hữu tình, vừa có núi, có sông, vừa có biển, có hang động, vừa có chùa chiền, thanh u, tĩnh mịch, đi lại thuận tiện, thích hợp cho việc nghỉ ngơi, thư giãn, vui cùng cảnh thú thiên nhiên.

Núi ở đây không cao như ở bán đảo Sơn Trà, mà là những hòn núi đá với độ cao vừa phải và những hình dáng vô cùng kỳ thú, hết sức hiếm hoi trên vùng đất Trường Sơn Nam, từ phía Nam đèo Hải Vân trở vào. Đá cẩm thạch tại đây cũng hết sức độc đáo, mỗi hòn núi có một màu sắc riêng biệt: Thủy sơn màu hồng, Mộc Sơn màu trắng, Hỏa Sơn màu đỏ, Kim Sơn màu thủy mặc và Thổ Sơn. Đây cũng không phải những dãy núi trùng điệp nối tiếp nhau chạy dài như ở Trường Sơn mà là năm hòn núi độc lập đứng gần nhau, nhưng lại kkkhoong dính liền với nhau giống như những quả trứng để cạnh nhau, chẳng khác gì những hòn non bộ trong một “tiểu cảnh”. Có một sự trùng hợp ngẫu nhiên hết sức đặc biệt và cũng hết sức kỳ diệu giữa thế đất, thế núi nơi đây với những điểm cơ bản của quan điểm triết học duy vật Âm Dương Ngũ Hành của phương Đông về bản chất và cấu trúc không gian của vũ trụ. Bao quanh non nước Ngũ Hành Sơn về phía Đông có biển mênh mông với những bãi biển quanh năm nước trong xanh như ngọc bên những bãi cát trắng mịn và những rừng dương xanh mát chạy dài theo bờ biển.

Bãi biển Non Nước, Ngũ Hành Sơn chạy dài từ phường Bắc Mỹ An, thành phố Đà Nẵng đến xã Điện Nam, Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, dài khoảng 9 km. Đây là một bãi biển lý tưởng để nghỉ ngơi, thư giãn sau những giờ trèo leo, len lỏi thăm viếng các chùa chiền, hang động, trút bỏ mọi nỗi nhọc nhằn, mệt mỏi vừa qua để phục hồi sức khỏe. Nước biển ở đây trong xanh như ngọc, nhìn thấu suốt tận đáy, độ mặn vừa phải, sóng cao. Đáy biển bằng phẳng, không có bùn đọng, chạy thoải thoải ra atanj ngoài xa, tắm ít nguy hiểm. Bãi cát ven biển rộng đến vài chục, có nơi đến cả trăm mét, bằng phẳng, trắng mịn, chạy ra tận mép nước, rất thuận lợi cho việc phơi mình tắm nắng cũng như tổ chức các trò chơi trên bãi cát. Sát bờ là những rừng phi lao râm mát chạy dọc theo bờ biển, quanh năm gió thổi là những điểm nghỉ ngơi lý tưởng cho những buổi trưa hè hoặc những cuộc cắm trại.

Danh thắng Non Nước, Ngũ Hành Sơn không chỉ đẹp về mặt cảnh trí thiên nhiên mà còn là một “thế giới chùa chiền và hang động”. Trong một vùng rộng chỉ hơn 1 km² mà có đến hơn 20 hang động và 15 ngôi chùa lớn nhỏ, kể cả những ngôi chùa đã bị phá hủy. Lhoong phải ngẫu nhiên mà hòn núi phía Bắc (Thủy Sơn) đã có thời mang tên núi Chúa. Ở đây ba yếu tố núi non, chùa chiền, hang động luôn hòa quyện vào nhau. Chùa luôn được xây dựng bên chùng và dựa lưng vào vách núi. Hang động làm cho chùa chiền thêm thâm nghiêm, chùa chiền làm cho hang động thêm sinh khí.

Hang động Non Nước, Ngũ Hành Sơn phần lớn đều ở trên núi cao nên trong tuyệt đại đa số các hang động không có cột thạch nhũ, nền động bằng phẳng, một

số động có lỗ thông với bên ngoài, có thể thấy mặt trời. Vì thế trong hang động thường sáng sủa, thông thoáng, chứ không tối tăm, ẩm thấp, âm u như phần lớn các hang động ở những nơi khác. Đây có thể xem là nét đặc trưng của các hang động Non Nước, Ngũ Hành Sơn và có thể gọi đó là “hang động mở”. Trong các hang động có “đường lên trời” để thưởng thức cảnh mây trời non nước và có “đường xuống âm phủ” đi sâu vào trong lòng đất ăn thông với biển, có nơi cao rộng, không hề có thạch nhũ, giống như một cái rường nhà không cột, có hang “Vú đá” nước nhỏ quanh năm, có hang sáng... Tại đây còn có vịnh Giang Đài, một điểm cao để có thể từ đó ngắm cảnh sông Cù Cò, sông Hàn, sông Vĩnh Điện uốn khúc quanh co giữa những cánh đồng lúa xanh rờn của vùng tây Đà Nẵng, có vịnh Hải Đài nhìn ra cảnh trời biển mênh mông, bao la, bát ngát của biển Đông và dãy Cù Lao Chàm nhấp nhô trên sóng biển.

Chùa tại Non Nước, Ngũ Hành Sơn được xây dựng từ rất sớm. Nếu không kể hai ngôi chùa Thái Bình và Vân Long, có tài liệu nói được xây dựng từ thời Hồng Đức (thế kỷ XV), hiện chưa xác minh được thì chùa Tam Thai được xây dựng vào năm 1630, chùa Bình An được trùng tu vào năm 1640 là những ngôi chùa cổ nhất của thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra còn có chùa Linh Ứng được xây dựng vào thời Hậu Lê. Các chùa Tam Thai và Linh Ứng đã có thời được công nhận là Quốc tự.

Có thể nói Non Nước, Ngũ Hành Sơn là một thế giới chùa chiền hang động. Các hang động nổi tiếng như Hoa Nghiêm, Huyền Không, Linh Nham, Tàng Chơn... Chùa Linh Sơn được xây dựng bên cạnh động Huyền Vi, chùa Thái Sơn bên cạnh động Tam Thanh, chùa Quan Thế Âm bên cạnh động cùng tên...

Lễ hội Quan Thế Âm tại Non Nước, Ngũ Hành Sơn được tổ chức vào 3 ngày 17, 18 và 19 tháng 2 âm lịch hàng năm và được nhà nước công nhận là lễ hội dân gian cấp quốc gia.

Đây là lễ hội văn hóa có tính chất dân gian mang đậm tinh thần dân tộc không nhuộm màu mê tín dị đoan. Lễ hội Quan Thế Âm Non Nước, Ngũ Hành Sơn vừa là lễ, vừa là hội. Phần lễ được tiến hành theo những nghi thức trang nghiêm của Phật giáo trong ngày 19, ngày sinh của Đức Bồ Tát với những hình thức rước tượng, dâng hoa, cầu nguyện quốc thái dân an... Phần hội diễn ra trong suốt 3 ngày đêm với các hoạt động văn hóa thể thao vui chơi giải trí như cắm trại, hóa trang, đua thuyền, bơi lội...

Dưới chân núi Ngũ Hành Sơn còn có làng đá mỹ nghệ, được hình thành vào khoảng thế kỷ XVII, đã có một truyền thống hết sức lâu đời.

Hiện nay cạnh phường Hòa Hải có nhà thờ “thạch nghệ tổ sư” và ngày mùng 6 tháng giêng âm lịch hàng năm là ngày giỗ tổ nghề. Có tài liệu nói rằng những người thợ đá đầu tiên đã từ Thanh Hóa đến và lập nghiệp ở làng Quán Khái vì lúc bấy giờ xung quanh Non Nước, Ngũ Hành Sơn chưa có dân cư làng xóm. Về sau do tình hình phát triển của khu danh thắng và cũng để gần nguồn nguyên liệu và nơi tiêu thụ hàng hóa, làng nghề dần dần chuyển đến gần hòn Thủy Sơn và đã hình thành hẳn một khu dân cư hai bên đường Lê Văn Hiến và Huyền Trân công chúa. Tại đây có hơn 150 hộ làm nghề sản xuất và buôn bán đồ mỹ nghệ bằng đá.

Sản phẩm đá mỹ nghệ Non Nước, Ngũ Hành Sơn hết sức đa dạng và phong phú. Bên cạnh những đồ dùng thông dụng của cuộc sống đời thời như cái chày, cái cối là những đồ vật trang sức hết sức xinh xắn, tinh tế, đủ các màu sắc. Những đồ

dung trang trí, những vật dụng văn phòng như những chiếc vòng, chiếc nhẫn, những con cóc chặn giấy bằng đá bích vân xanh biếc, những cặp sư tử hí cầu, những con đại bàng sải rộng cánh, những cặp cá thần tiên bằng đá cẩm thạch hồng hoặc thủy mặc... Những pho tượng vô cùng tinh xảo, đủ các kích cỡ, từ những pho tượng chỉ cao chừng vài chục cm đến những pho tượng khổng lồ cao hơn người thật. Các sản phẩm mỹ nghệ của làng đá Non Nước, Ngũ Hành Sơn là những vật kỷ niệm đầy ý nghĩa của danh thắng đã theo chân các du khách có mặt ở nhiều nơi trên thế giới.

+ Điểm du lịch quốc gia Mỹ Sơn

Khu đền tháp Mỹ Sơn thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 69 km về phía Tây Nam và cách thành phố Trà Kiệu khoảng 20 km về phía Tây, nằm gọn trong một thung lũng rộng khoảng 2 km. Tổ hợp đền đài ở Mỹ Sơn (Quảng Nam) từng là nơi tổ chức cúng tế của các vương triều Chăm Pa. Vị thần được tôn thờ ở Mỹ Sơn là Bhadravarman, vị vua đã sáng lập dòng vua đầu tiên của vùng Amaravati vào thế kỷ thứ IV kết hợp với thần Shiva, trở thành tín ngưỡng thờ thần trên vùng đất này. Với hơn 70 công trình kiến trúc bằng gạch được xây dựng từ thế kỷ VII đến XIII. Mỹ Sơn trở thành trung tâm kiến trúc quan trọng nhất của vương quốc Chăm Pa và được xem là một trong những trung tâm đền đài chính của Ấn Độ giáo ở khu vực Đông Nam Á. Nơi đây có thể so sánh được với các tổ hợp đền đài lớn như Angkor Wat (Campuchia), Ayutthaya (Thái Lan), Pagan (Mianma)... bởi các giá trị lịch sử - văn hóa, nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc trong các đền tháp và khá nhiều văn bia còn lưu lại. Gạch là vật liệu chính để xây dựng những tháp Chăm. Tuy nhiên vẫn chưa tìm ra lời giải đáp thích hợp về chất liệu gắn kết, phương thức nung gạch và xây dựng. Đến nay, kỹ thuật xây dựng tháp của người Chăm vẫn còn là một điều bí ẩn, hết như những hoa văn, chạm trổ trên các di tích nơi đây. Tháp Chăm trong nghệ thuật kiến trúc đã được các sách cổ của Trung Quốc tôn vinh là “bậc thầy của nghệ thuật xây dựng gạch”.

Là một quốc gia chịu ảnh hưởng của nền văn minh Ấn Độ. Shiva là vị thần được tôn thờ tại vương quốc Chăm Pa. Đền thờ tại Mỹ Sơn được các vương triều Chăm Pa xây dựng để thờ chính vị thần vua của mình. Sự kết hợp giữa vương và thần được thể hiện qua tượng Linga. Từ buổi ban đầu sơ khai, gần như người nghệ sĩ Chăm Pa đã học cách trang trí mỹ thuật và thực hiện nó theo người Ấn Độ. Nhưng rồi dần về sau, tính bản địa đã được thể hiện. Nhưng theo thời gian, qua giao tiếp với các nền văn minh khác và sự tiếp nhận chọn lọc của người nghệ sĩ Chăm Pa, đền tháp tại Mỹ Sơn mang những đường nét kiến trúc theo các thời kỳ khác nhau thể hiện các luồng văn hóa mà họ nhận được.

Nhìn chung tháp Chăm đều được xây dựng trên một mặt bằng tứ giác, chia làm ba phần: đế tháp vững chắc biểu hiện thế giới trần gian, thân tháp tượng trưng cho thế giới thần linh, kỳ bí mê hoặc, đỉnh tháp là hình người dâng hoa trái theo nghi lễ hoặc hình cây lá, chim muông, voi, sư tử... những động vật gắn gũi với tôn giáo và cuộc sống con người.

Là khu đền thờ chính của vương quốc trong suốt chín thế kỷ, các đền tháp của Mỹ Sơn cũng thể hiện tính thăng trầm của các thời kỳ, những thay đổi trong lịch sử của các vương triều, những chuyển biến trong đời sống văn hóa. Tuy chỉ

xây dựng những công trình có kích thước vừa và nhỏ, nhưng kiến trúc của Mỹ Sơn đã chất lọc được những tinh hoa của người nghệ sĩ, sự kết hợp giữa kỹ thuật kiến trúc và nghệ thuật trang trí của người Chăm Pa xưa đã tạo cho các đền tháp một vẻ uy nghiêm và kỳ bí. Ngoài chức năng hành lễ, do còn là nơi giúp các vương triều tiếp cận với các thánh thần nên thánh địa này còn trở thành trung tâm văn hóa tín ngưỡng của các triều đại Chăm Pa.

Tháng 12 năm 1999, Mỹ Sơn đã chính thức được công nhận là Di sản văn hóa thế giới với hai tiêu chuẩn: là điển hình nổi bật về sự giao lưu văn hóa với sự hội nhập văn hóa vào bản địa và nghệ thuật kiến trúc Ấn Độ giáo từ tiểu lục địa Ấn Độ.

- + Điểm du lịch quốc gia Lý Sơn;
- + Điểm du lịch quốc gia Trường Lũy;
- + Điểm du lịch quốc gia Trường Sa;
- + Điểm du lịch quốc gia Phú Quý.

4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng

4.1. Tuyến Đà Nẵng – Quảng Nam – Quảng Ngãi (QL1A, QL14)

4.1.1. Các điểm tham quan du lịch tại Đà Nẵng

- Bảo tàng Chăm.
- Bảo tàng Đà Nẵng.
- Chùa Phở Đà.
- Chùa Tam Bảo.
- Chùa Pháp Lâm.
- Chùa Tam Thai.
- Chùa Linh ứng.
- Chùa Quán Thế Âm.
- Hội thánh truyền giáo Cao Đài.
- Ngũ Hành Sơn - Non Nước,
- Động Huyền Không.
- Động Tàng Chơn.
- Động Huyền Vi.
- Động Quan Âm.
- Bãi biển Non Nước.
- Đèo Hải Vân,
- Khu du lịch Bà Nà Núi Chúa.
- Bán đảo Sơn Trà.
- Công viên 29-3.
- Làng đá mỹ nghệ Non Nước.
- Làng cổ Phong Nam.
- Làng cổ Túy Loan.

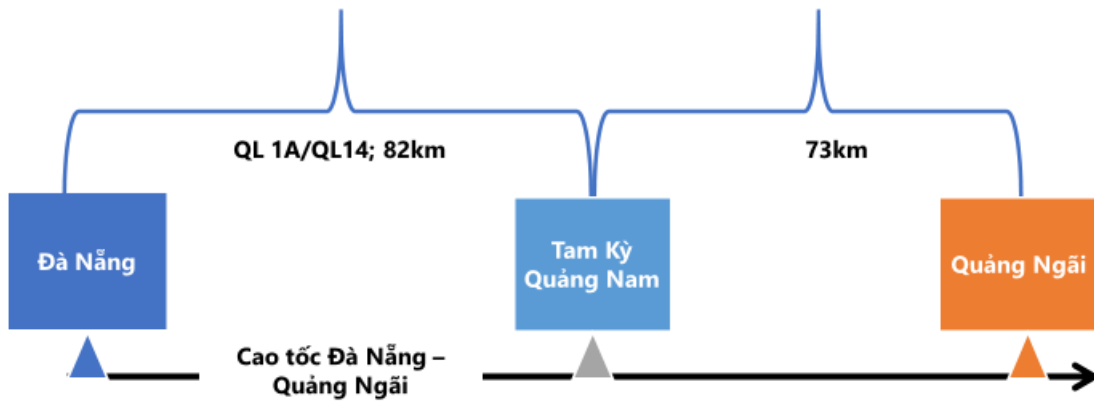
4.1.2. Các điểm tham quan du lịch tại Quảng Nam

- Địa đạo Kỳ Anh.
- Giếng Nhà Nhì.
- Khu di tích cách mạng Khu ủy khu V.
- Khu di tích Nước Oa.
- Di tích Núi Thành.

- Nhà lưu niệm cụ Huỳnh Thúc Kháng.
- Mộ Hoàng Diệu.
- Di sản văn hóa thế giới Hội An.
- Cầu Nhật Bản.
- Hội quán Quảng Đông.
- Miếu Quan Công.
- Hội quán Phước Kiến.
- Chùa Phước Lâm.
- Chùa Chúc Thánh.
- Tháp Bằng An.
- Di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn.
- Tháp Chiên Đàn.
- Tháp Khương Mỹ.
- Kinh thành Trà Kiệu.
- Nhà thờ Trà Kiệu.
- Bãi tắm Cửa Đại.
- Cù lao Chàm.
- Sông Thu Bồn.
- Bãi tắm Tam Thanh.
- Bãi Rạng.
- Mõm Bàn Than.
- Thắng cảnh Hòn Kẽm - Đá Dừng.
- Suối Tiên.
- Hồ Phú Ninh.
- Làng mộc Kim Bồng.
- Làng gốm Thanh Hà.
- Đúc đồng Phước Kiều.

4.1.3. Các điểm tham quan du lịch tại Quảng Ngãi

- Di tích khảo cổ Sa Huỳnh.
- Thành cổ Châu Sa.
- Chứng tích Sơn Mỹ.
- Chùa Ông.
- Di tích chùa Hang.
- Di tích Ba Tơ.
- Di tích chiến thắng Vạn Tường.
- Chùa Thiên Ân.
- Núi Thiên Ân - sông Trà Khúc.
- Bãi biển Sa Huỳnh.
- Bãi biển Mỹ Khê.



12

Hình 5.1: Sơ đồ cung đường tuyến Đà Nẵng – Quảng Nam – Quảng Ngãi

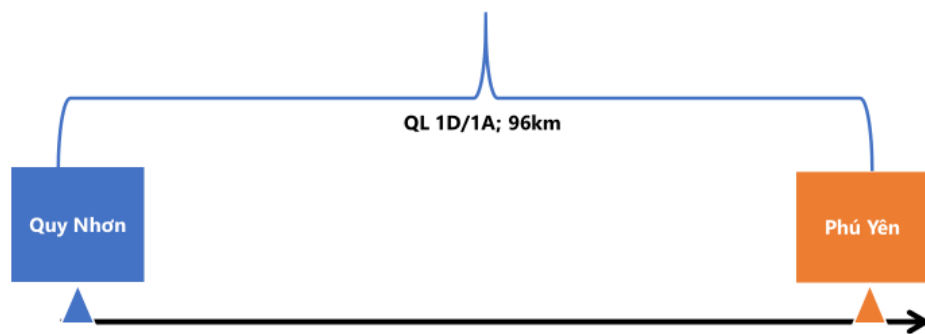
4.2. Tuyến Quy Nhơn – Phú Yên (QL1D/1A)

4.2.1. Các điểm tham quan du lịch ở Quy Nhơn

- Vịnh Eo Gió
- Bãi biển Kỳ Co
- Khu dã ngoại Trung Lương
- Bảo tàng Quang Trung
- Tháp Bánh Ít
- Đầm Thị Nại
- KDL Hàm Hồ
- KDL Ghềnh Ráng
- Mộ Hàn Mạc Tử
- Thành Trà Bàn
- Tháp Đôi
- Bãi biển Hoàng Hậu

4.2.2. Các điểm tham quan du lịch tại Phú Yên

- Biển Bãi Môn, Bãi Xếp
- Mũi Đại Lãnh, ngọn hải đăng
- Ghềnh đá Đĩa
- Vịnh Xuân Đài
- Nhà thờ Mằng Lãng
- Đập Tam Giang
- Vịnh Vũng Rô
- Đầm Ô Loan
- Tháp Nhạn
- Đảo Diệp Sơn
- Đảo Ông Cọp
- Cao nguyên Vân Hòa



Hình 5.2: Sơ đồ cung đường tuyến Quy Nhơn – Phú Yên

4.3. Tuyến Khánh Hòa - Ninh Thuận – Bình Thuận (QL1A)

13

4.3.1. Các điểm tham quan du lịch ở Khánh Hòa

- Vinpearl Land
- Vịnh Cam Ranh
- Vịnh Ninh Vân
- Viện Hải Dương Học
- Biệt thự cầu đá
- Nhà thờ Đá
- Tháp Bà
- Chùa Long Sơn
- Hòn Chồng
- Thác Yang Bay
- Chợ Đầm
- Mộ bác sĩ Yersin
- Thành Diên Khánh
- Đảo Diệp Sơn, Bình Hưng, Bình Lập
- Vịnh Nha Trang (4 đảo)
- Bãi Dài Nha Trang

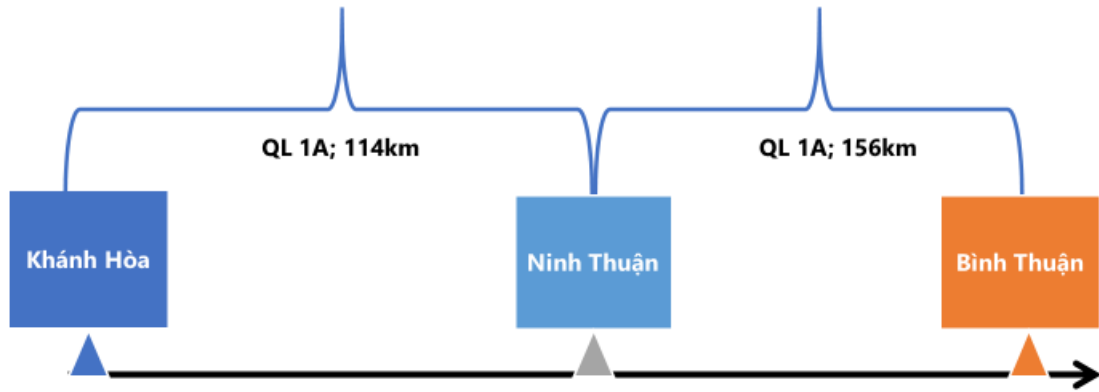
4.3.2. Các điểm tham quan du lịch ở Ninh Thuận

- Biển Cà Ná
- Làng gốm Bàu Trúc
- Làng dệt Mỹ Nghiệp
- Tháp Poklong Garai
- Đồi cát Nam cương
- Biển Ninh Chữ
- VQG Núi Chúa
- Vịnh Vĩnh Hy

4.3.3. Các điểm du lịch ở Bình Thuận

- Núi Tà Cú
- Trường Dục Thanh
- Bảo tàng Hồ Chí Minh
- Dinh Vạn Thủy Tú
- Lầu Ông Hoàng
- Tháp Pôshanur
- KDL Mũi Né

- Đồi Cát



Hình 5.3: Sơ đồ cung đường tuyến Khánh Hòa – Ninh Thuận – Bình Thuận

14

CÂU HỎI ÔN TẬP

- Câu 1: Trình bày vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và điều kiện nhân văn của vùng?
- Câu 2: Trình bày các tài nguyên du lịch của vùng?
- Câu 3: Trình bày hệ thống đường giao thông của vùng?
- Câu 4: Trình bày các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu của vùng?
- Câu 5: Vẽ sơ đồ một số tuyến điểm tiêu biểu của vùng?
- Câu 6: Xây dựng một số chương trình du lịch cho khách các đối tượng khác nhau?
- Câu 7: Viết bài thuyết minh cho một số chương trình du lịch tiêu biểu?

Chương 6: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG TÂY NGUYÊN

Giới thiệu

Mục tiêu:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được những nội dung khái quát chung về vùng.
- + Liệt kê được các sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng.
- + Trình bày được một số điểm du lịch tiêu biểu của vùng
- + Nêu được một số tuyến du lịch cơ bản của vùng.

- Về kỹ năng:

- + Thiết kế được các tuyến, chương trình du lịch
- + Xây dựng lộ trình tham quan phù hợp với từng đối tượng khách
- + Viết bài thuyết minh cho các chương trình du lịch

- Về thái độ:

- + Thể hiện tính cẩn thận, chu đáo, tỉ mỉ trong công việc

Nội dung

1. Khái quát chung

1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng

Vùng du lịch Tây Nguyên là một lãnh thổ rộng lớn, bao gồm năm tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Với diện tích 54.641km², vùng cao nguyên này chiếm đến 16,5% diện tích tự nhiên toàn quốc và là vùng rộng thứ hai trong bảy vùng du lịch của cả nước. Tính đến năm 2015 dân số toàn vùng là 5.608.000 người, chỉ chiếm 6,1% dân số cả nước. Đây là một trong những vùng có mật độ dân số thấp nhất cả nước.

Nằm về phía Tây và Tây Nam của nước ta, vùng du lịch Tây Nguyên không chỉ có vị trí chiến lược về chính trị, quốc phòng mà còn khas quan trọng đối với kinh tế và đặc biệt là đối với sự phát triển du lịch. Về mặt sinh thái tự nhiên, Tây Nguyên sở hữu các giá trị tự nhiên tổng hợp với địa hình phân tầng rõ ràng, khí hậu mát mẻ quanh năm. Cùng với đó là hệ thống sông, hồ, thác ghềnh, suối nước nóng mà đặc biệt là hệ sinh thái tự nhiên điển hình với độ đa dạng sinh học cao. Đây là điều kiện lý tưởng để phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, mạo hiểm.

Về mặt văn hóa – xã hội, Tây Nguyên là cái nôi của các buôn, làng, plei cùng với hàng loạt các đặc điểm cấu trúc, sinh hoạt văn hóa truyền thống đặc trưng và tiêu biểu cho nền văn hóa bản địa cổ vùng lục địa Đông Nam Á, đem lại tiềm năng du lịch văn hóa vô cùng phong phú.

Vùng còn có đường biên giới với Lào và Campuchia, nối với Thái Lan, Mianma qua các hành lang Đông – Tây. Đây là các thị trường du lịch giàu tiềm năng, là điều kiện để thiết kế các tuyến du lịch liên vùng, liên quốc gia.

Tuy nhiên, là một trong hai vùng du lịch không giáp biển, lại có phần hạn chế về giao thông, nằm cách xa các trung tâm kinh tế phát triển của đất nước nên cũng gây ra những khó khăn nhất định đối với sự phát triển du lịch.

1.2. Tài nguyên du lịch

1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

*** Địa hình**

Tây Nguyên nằm về phía Tây của dãy Trường Sơn. Đặc điểm hình thái nổi bật của địa hình ở đây là tình phân bậc rõ ràng, bao gồm các cao nguyên lượn sóng. Độ cao trung bình 600-800m so với mặt nước biển. Bề mặt địa hình dốc thoải từ Đông sang Tây, các bậc cao nằm về phía Đông, bậc thấp nhất ở phía Tây.

Tuy địa hình chia cắt phức tạp nhưng tựu trung lại có thể khái quát thành ba dạng địa hình chính có ý nghĩa đối với sự phát triển du lịch.

- Địa hình vùng núi:

Là một bộ phận của dãy Trường Sơn Nam, dạng địa hình núi tạo thành một vòng cung lớn và nhìn chung không thực sự cao. Với độ cao trung bình 500 – 1.000m, địa hình núi chiếm gần ½ diện tích tự nhiên của Tây Nguyên. Trong số đó, đồ sộ nhất là dãy Ngọc Linh kéo dài từ Bắc Tây Bắc xuống Nam Đông Nam dài gần 200km, với đỉnh Ngọc Linh cao nhất ở phía Bắc (2.598m). Nối tiếp về phía Nam, Đông Nam là dãy Ngọc Krinh (2.066m), Kon Ka Kinh (1.748m), Địa hình thấp nhất ở đèo Mang Yang (830m), nơi quốc lộ 19 bắt qua. Ngoài ra còn có dãy An Khê dài 175km, chạy từ phía Nam sông Trà Khúc đến tận thung lũng sông Ba. Đây là một dãy núi khá đồ sộ tạo nên ranh giới tự nhiên giữa Đông và Tây Trường Sơn. Dãy Chư Dju chạy từ phía Nam cao nguyên Plei Ku đến phía Bắc khối núi Vọng Phu. Dãy Vọng Phu chạy theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, với đỉnh Vọng Phu cao 2051m và thấp dần về phía Đông Bắc. Dãy Tây Khánh Hòa là ranh giới tự nhiên của Đông Tây Nguyên, Kroong Pach và cao nguyên Đà Lạt. Về phía Tây Bắc cao nguyên Đà Lạt còn có một số đỉnh núi cao như: Chư Yang Sin (2.405m), Lang Biang (2.169m), Bi Đúp (2.287m).

Dạng địa hình này tạo nên nguồn tài nguyên tự nhiên tổng hợp đặc trưng rất Tây Nguyên. Ẩn mình trong núi rừng hùng vĩ là các thắng cảnh cùng với khí hậu mát mẻ và hệ sinh thái đa dạng thích hợp cho việc phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch sinh thái, tham quan nghiên cứu, du lịch thể thao mạo hiểm,... Một số đại diện điển hình của địa hình núi có sức hấp dẫn đối với khách có thể kể đến ở đây là dãy núi Ngọc Linh, núi Lang Biang.

- Địa hình cao nguyên:

Cùng với địa hình núi, các cao nguyên xếp tầng là nét đặc trưng của địa hình Tây Nguyên, tạo nên bề mặt chủ yếu của vùng. Các cao nguyên có độ cao trung bình khoảng 300-800m và chiếm khoảng 37% diện tích toàn vùng. Dựa vào độ cao địa hình có thể phân bậc cao nguyên thành 3 nhóm: bậc địa hình có độ cao từ 100 -300m (chủ yếu gồm các khu vực Cheo Reo – Phú Túc, Ea Súp và dọc biên giới Việt Nam – Campuchia); bậc địa hình có độ cao 300-500m (gồm các khu vực sông Đắk Pôkô, xung quanh thành phố Kon Tum, An Khê và thung lũng Lắc); bậc địa hình có độ cao từ 500-800m (gồm cao nguyên Plei Ku, cao nguyên Buôn Mê Thuật, cao nguyên Lang Biang và cao nguyên Di Linh)

Với nét đặc trưng là rộng và khá bằng phẳng nên các cao nguyên là nơi dừng chân, trạm trung chuyển cho các chuyến du lịch núi. Cũng như địa hình núi cao, các cao nguyên này cũng có nhiều tiềm năng để phát triển các loại hình du lịch gắn với thiên nhiên: du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng,... Đồng thời, một số cao

nguyên rất thuận lợi để phát triển các vùng chuyên canh thực phẩm, hoa trái,.. là nguồn cung cấp trực tiếp cho du lịch cũng như là cơ sở để phát triển các loại hình du lịch đồng quê. Một số cao nguyên có giá trị đối với hoạt động du lịch có thể kể tới như: cao nguyên Plei Ku, cao nguyên Buôn Mê Thuột, cao nguyên Lang Biang, cao nguyên Di Linh với khí hậu ôn hòa quanh năm, cảnh sắc nên thơ đem lại sức hấp dẫn đối với khách du lịch.

- Địa hình thung lũng:

Dạng địa hình này chiếm diện tích nhỏ nhất ở Tây Nguyên, chỉ khoảng 13% diện tích toàn vùng. Đa phần trải qua quá trình san bằng khá lâu, địa hình mở rộng và bằng phẳng với nhiều hồ, đầm góp phần điều hòa vi khí hậu và tô điểm thêm cho phong cảnh núi rừng. Tuy không có nhiều giá trị về mặt tương phản địa hình như vùng núi và cao nguyên, các thung lũng xen kẽ giữa vùng núi trập trùng lại có ý nghĩa lớn trong việc hoàn thiện các dịch vụ phục vụ du lịch, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng,... Hơn nữa, vùng địa hình khá bằng phẳng này cũng là chiếc nôi sinh ra những buôn bản đua tiên trong vùng đất Tây Nguyên. Đến nay đã hình thành nên các đô thị mới với dân cư tập trung đông đúc, đầm ươm và vẫn còn lưu giữ nhiều giá trị phi vật thể điển hình.

Một số thung lũng có nhiều khả năng tham gia vào các hoạt động du lịch như thung lũng Kon Tum, cánh đồng An Khê, ... và một số các thung lũng xen giữa các cao nguyên thuộc tỉnh Lâm Đồng.

** Khí hậu*

Nằm hoàn toàn ở phía Nam vĩ tuyến 16' Bắc, vị trí địa lí này cùng với độ cao của địa hình có vai trò quan trọng nhất trong sự tác động qua lại với điều kiện bức xạ và hoàn lưu khí quyển maf hệ quả của nó là sự hình thành một kiểu khí hậu có thể coi là đặc sắc của khí hậu nhiệt đới gió mùa nước ta, khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên. Đồng thời do chịu ảnh hưởng chủ yếu của gió mùa Tây Nam kết hợp với hướng của địa hình đem lại cho khí hậu Tây Nguyên tính chất phân mùa rõ rệt. Khí hậu ở đây mưa nhiều, khá đều đặn và thời tiết tương đối dễ chịu vào mùa hè – thu. Ngược lại, mùa đông – xuân, hầu như không có mưa. Khô hạn gay gắt do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc ở Đông Trường Sơn. Hệ quả tác động của gió mùa đối với hai sườn là sự lệch pha về biến trình nhiệt, mưa, ẩm và nhiều đặc trưng khí hậu khác giữa vùng khu vực này. Ở Tây Nguyên có thể chia thành 3 tiểu vùng địa hình đồng thời cũng là 3 tiểu vùng khí hậu, gồm Bắc Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai), Trung Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông), Nam Tây Nguyên (Lâm Đồng). Trung Tây Nguyên có độ cao thấp hơn và nền nhiệt độ cao hơn hai tiểu vùng cùng phía Bắc và Nam.

Với đặc trưng của kiểu khí hậu cao nguyên nhiệt đới gió mùa gần xích đạo nên lượng bức xạ hàng năm khá lớn, lên tới 120-140kCal/cm². Cán cân bức xạ có giá trị lớn nhất vào mùa xuân – thời kì khô nhất trong năm. Tính chất cao nguyên với bề mặt đệm rộng khá bằng phẳng, làm cho cán cân bức xạ của mặt đất bị giảm, nền nhiệt hạ thấp tương đối so với vùng thấp cùng vĩ độ. Ngoài ra, ảnh hưởng của cao nguyên còn làm giảm biên độ nhiệt năm và tăng biên độ nhiệt

ngày của vùng. Biên độ nhiệt năm nhỏ, cực đại vào mùa xuân (tháng 3,4), cực tiểu vào mùa thu (tháng 9). Những đặc điểm quan trọng nhất của chế độ nhiệt của khí hậu Tây Nguyên là nhiệt độ trung bình năm ở độ cao 800-900m vào khoảng 19 – 21 độ C và tổng nhiệt độ năm là 7000-8000°C, thời kì có nhiệt độ trung bình năm 20 độ C kéo dài 8-9 tháng. Biên độ nhiệt năm của nhỏ (3-5 độ C), nhưng biên độ ngày lại thuộc loại lớn nhất nước ta (9-11 độ C). Nhiệt độ thấp nhất hàng năm phần lớn dưới 15 độ C ở những vùng có độ cao hơn 500m, dưới 10°C ở những vùng trên 800m và dưới 5°C ở những vùng trên 1500m. Nhiệt độ thấp nhất trong thời gian quan sát ở phần lớn các vùng là 4-6 độ C, ở những vùng trên 1500 có thể xuống 0 độ C.

Nhìn chung Tây Nguyên mưa nhiều, hầu như trên toàn vùng tổng lượng mưa hàng năm đạt trên 2000m. Tuy nhiên, chế độ mưa có sự chênh lệch lớn giữa các địa điểm và các tháng trong năm. Dưới tác động của gió mùa tây nam, mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm tới 80-90% lượng mưa cả năm, trong đó 3 tháng mưa liên tục, mưa lớn chiếm 35-60% đem lại thời tiết mát mẻ, cảnh quan tươi mới. Ngược lại, từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa khô kéo dài, lượng mưa rất ít, có những tháng hầu như không có mưa, độ ẩm không khí thấp và khô hạn kéo dài. Nơi mưa nhiều nhất trong vùng là khu vực Bảo Lộc, Plei Ku, Đà Lạt và nơi mưa ít nhất là Cheo Reo, Đức Trọng... Những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, chế độ mưa của vùng cũng có nhiều diễn biến phức tạp. Mùa mưa thường kết thúc sớm hơn, lượng mưa giảm và thường xuyên xảy ra khô hạn.

Với đặc điểm chung là khí hậu nhiệt đới núi cao, điều hòa quanh năm, mặt khác khu vực này lại ít xuất hiện những điều kiện thời tiết bất lợi như lũ lụt, sương muối, hay giá rét đem lại cho du lịch Tây Nguyên khả năng hoạt động hầu như không gián đoạn trong năm. Thêm vào đó là sự phân hóa khí hậu theo không gian giữa các vùng góp phần làm đa dạng cảnh quan sinh thái Tây Nguyên. Đặc biệt những vùng cao nguyên- núi với hệ sinh thái ôn đới và kiểu khí hậu núi cao mát mẻ quanh năm là điều kiện lí tưởng để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh góp phần làm phong phú thêm sản phẩm du lịch của vùng. Tính mùa của khí hậu cũng có tác động không nhỏ đến tính mùa của du lịch Tây Nguyên. Các tháng mùa mưa đem lại cho du khách cảm giác mát mẻ, dễ chịu. Ngược lại các tháng mùa khô gây nhiều khó khăn cho hoạt động kinh tế - xã hội nói chung và sự phát triển du lịch nói riêng. Có thể nói, hiện tượng khô nóng kéo dài là một trong những bất lợi lớn nhất của đặc điểm khí hậu đối với du lịch, không chỉ ảnh hưởng đến tâm lí du khách, mà còn giảm chất lượng của các công trình du lịch.

Có thể thấy, hầu hết thời gian trong năm đều khá thích hợp cho hoạt động du lịch. Trong đó có hai tháng hè (tháng 8,9) thời tiết nóng, nhiệt độ cao, điều kiện thời tiết ít phù hợp với sức khỏe con người và hạn chế hoạt động du lịch.

** Thủy văn*

Do nhận được lượng mưa lớn trong năm nên dòng chảy ở Tây Nguyên dồi dào, vào loại trung bình khá. Nguồn tài nguyên nước phong phú, kể cả tài nguyên nước mặt và nước ngầm.

- Về hệ thống sông: Tây Nguyên có bốn hệ thống sông chính là Xê Xan, Xree-pok, sông Ba và sông Đồng Nai

Hệ thống sông Xê Xan, sông Xre-pok là hai nhánh của sông Mê Kông diện tích lưu vực của hai sông này khoảng 30.100km², chiếm tới 54% tổng diện tích vùng Tây Nguyên, bao trùm lãnh thổ Kon Tum, Đăk Lăk, Đăk Nông. Hệ thống sông Xê Xan bắt nguồn từ dãy núi ở phía Bắc Đông Bắc và phía Tây tỉnh Kon Tum. Hệ thống sông Xre –pok bắt nguồn từ cao nguyên Đăk Lawk và phía Tây Nam cao nguyên Plei Ku.

Hệ thống sông Ba ở phía Đông Tây Nguyên, diện tích lưu vực khoảng 11.400 km² chiếm 20% diện tích Tây Nguyên, bao gồm đại bộ phận tỉnh Gia Lai.

Hệ thống sông Đồng Nai nằm ở phía Nam và chỉ có phần thượng và trung lưu thuộc Tây Nguyên, với diện tích lưu vực khoảng 9.276km². Phần lớn nằm trong lãnh thổ tỉnh Lâm Đồng.

Các hệ thống sông này không chỉ có giá trị cung cấp nguồn nước ngọt phục vụ sản xuất cũng như các hoạt động du lịch, mà còn góp phần điều hòa vi khí hậu, tạo môi trường cảnh quan sinh động. Một số sông trong vùng có phong cảnh đẹp với sức hấp dẫn cao. Các hệ thống sông còn góp phần đa dạng sản phẩm du lịch, hình thành các tuyến du lịch trên sông. Trong số đó, có thể kể đến một số sông có thể khai thác hoạt động du lịch như sông Đăk Bla (Kon Tum), sông Đăk Pôkô chảy trên vùng thung lũng của tỉnh Kon Tum bên những làng mạc của đồng bào dân tộc thiểu số tạo nên một khung cảnh nên thơ, yên bình; hay sông K'ông Ana (sông Cái) và sông K'ông Nô (sông Đực) hai dòng sông quấn quýt bên nhau đem lại vẻ đẹp huyền thoại ở tỉnh Đăk Lăk.

- Hệ thống hồ: các hồ nước tự nhiên và nhân tạo của vùng cũng đang được khai thác phục vụ cho mục đích du lịch. Đặc biệt các hồ trên núi hay giữa vùng núi non trập trùng đã đem lại nhiều cảnh sắc non nước hữu tình. Các hồ nước ở đây có thể khai thác cho hoạt động du lịch là Biển Hồ, hồ Ayun hạ, hồ thủy điện Yaly (Gia Lai), hồ Lắk (Đăk Lăk), hồ Tuyền Lâm, Than Thở, Xuân Hương (Lâm Đồng).

- Hệ thống thác: bên cạnh hệ thống sông hồ kể trên, một số dòng chảy trên các địa hình núi cao và các cao nguyên xếp tầng đã tạo nên những thác nước đẹp. Đây là vùng có nhiều thác nước đẹp bậc nhất nước ta như: thác Bảy Nhánh, Krong Kmar; Dray Sáp, Trinh Nữ, Ba Tầng, Gia Long, Prenn, Đam Bri, Cam Ly, Pongour, Đatanla. Hầu hết các thác vẫn còn giữ được vẻ đẹp tự nhiên hoang sơ, bí ẩn và hùng vĩ, tất cả tạo nên một “viện bảo tàng thiên nhiên về nước”. Đây là tiềm năng lớn để khai thác nhiều loại hình du lịch tham quan, nghỉ mát, du lịch thể thao mạo hiểm.

- Hệ thống suối nước nóng: Không chỉ có nguồn nước mặt dồi dào, Tây Nguyên còn có hệ thống nước ngầm khá phong phú. Trong đó, có ý nghĩa quan trọng đối với du lịch là nguồn nước khoáng và nước nóng. Một số nguồn nước khoáng tiêu biểu của vùng là:

+ Nước khoáng Guga (huyện Đức Trọng, Lâm Đồng) nhiệt độ 37 độ C, tương đương nước khoáng Vĩnh Hảo, lưu lượng chảy 93m³/ngày.

+ Nước khoáng Đắk Min (Đắk Nông) nhiệt độ 66 độ C, nồng độ và hàm lượng CO₂ cao. Công dụng chữa bệnh huyết áp, thần kinh.

+ Nhóm nước khoáng Kondrai, Kondu (Gia Lai) nhiệt độ 60 độ C, chứa silic. Công dụng chữa bệnh tiêu hóa, thấp khớp.

+ Nước khoáng Đắk Tô (Kon Tum) nhiệt độ 50-70 độ C, rất giàu chất Ca, Mg, Na, Si và nhiều thành phần chất khoáng khác.

* Sinh vật

Tài nguyên rừng là một trong những tiềm năng lớn nhất của Tây Nguyên. Diện tích rừng Tây Nguyên năm 2015 có gần 2,6 triệu ha đứng thứ 3/7 vùng.

Về hệ thực vật: Tây Nguyên khá giàu về số lượng loài và đa dạng về thành phần các loài thực vật. Toàn vùng có khoảng 3600 loài thực vật bậc cao, thuộc các loài dương xỉ, thông, lan, dẻ, cúc và một số họ khác. Ở đây còn có nhiều loài đặc hữu thuộc loài quý của thế giới như thông nước, thông 5 lá. Ngoài ra phát hiện được 2 loài thực vật mới của hệ thực vật Việt Nam ở vườn quốc gia Yok Đôn là cây quao xê tua và gạo lông đen. Tây Nguyên còn có 300-400 loài cây thuốc, trong đó hầu hết là các loại thuốc quý như sâm bố chính, thiên niên động, sa nhân, địa liền, thiên niên kiện, hà thủ ô trắng, bách hộ, hoài sơn và một số ít phân bố ở dạng hẹp như mã tiền, vàng đắng, sơn trà, sâm Ngọc Linh. Một số cây được trồng ở Tây Nguyên như ý dĩ, actiso, xuyên khung, canhkina, gừng, nghệ, dương quy, bạch chỉ, tô mộc, bạch truật, hoàng bá, đỗ trọng, hoa hòe. Tây Nguyên cũng có khả năng phát triển các loài thực vật làm hương liệu như bạc hà, sả, hương nhu.

Về hệ động vật: Tài nguyên động vật hoang dã hết sức phong phú. Nhiều loài có giá trị cao về mặt kinh tế, khoa học, và có ý nghĩa đối với phát triển du lịch. Cho đến nay, Tây Nguyên có 525 loài động vật có xương sống trên cạn, trong đó có 102 loài thú, 370 loài chim, 50 loài bò sát, 25 loài ếch nhái, 80 loài cá nước ngọt. Ngoài ra, Tây Nguyên cũng là nơi có nhiều động vật quý hiếm. Trong đó có 56 loài được xem là quý hiếm ở Đông Dương, Tây Nguyên có 32 loài trong đó có đến 17 loài động vật quý hiếm có nguy cơ bị tiêu diệt cần được bảo vệ nghiêm ngặt như bò Kypray (bò xám), bò benteny (bò rừng), bò tót, nai cà tông, ...

Hệ thống các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên:

Tây Nguyên hiện có 6 trên tổng số 31 vườn quốc gia của cả nước. Phần lớn các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên có các hệ sinh thái hết sức đặc sắc như hệ sinh thái núi cao với nhiều loài có nguồn gốc tại chỗ, nhiều loài cổ, hệ sinh thái rừng khộp (hệ sinh thái rừng rụng lá theo mùa)... Điều đặc biệt là các hệ sinh thái

này vẫn được bảo vệ gần như nguyên trạng, nhiều nơi còn giữ được các thảm rừng nguyên sinh. Đây là cơ sở cho phép phát triển các loại hình du lịch nghiên cứu, sinh thái, dã ngoại, mạo hiểm. Với hệ sinh thái đa dạng nhiều loài đặc hữu, rừng Tây Nguyên không chỉ đem lại cho du khách cơ hội được tận hưởng, tìm hiểu, nghiên cứu các giá trị sinh thái của núi rừng mà còn là điều kiện để khách có thể được nếm trải nhiều đặc sản từ vùng.

Ngoài các vùng quốc gia, trong vùng còn có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên như Kon Cha Răng 15446ha (Đăk Lăk), Tà Đùng 17915ha (Đăk Nông), Nam Nung 10912ha (Đăk Nông), có nhiều ý nghĩa cho hoạt động tham quan, nghiên cứu.

Có thể thấy vườn quốc gia Yok Đôn và vườn quốc gia Cát Tiên là khu vực được đánh giá có nhiều khả năng để triển khai các mô hình du lịch sinh thái, tham quan, nghiên cứu... có sức hấp dẫn lớn với du khách.

1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa

** Các di tích lịch sử - văn hóa*

Vùng du lịch Tây Nguyên không chỉ nổi tiếng với sự hấp dẫn của các giá trị tự nhiên nguyên sơ, hùng vĩ, vùng đất này còn chứa nhiều giá trị văn hóa dân tộc độc đáo. Đây là vùng đất cộng cư của nhiều loại hình sinh hoạt văn hóa. Theo chiều dài lịch sử chiếc nôi văn hóa Tây Nguyên đã lưu lại được nhiều công trình kiến trúc, di tích văn hóa nghệ thuật độc đáo. Không chỉ có vậy, lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Tây Nguyên còn gắn liền với quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm kiên cường, bất khuất, cho đến nay những di tích lịch sử ở đây hầu như đều gắn với cuộc chiến tranh cách mạng lâu dài và anh dũng của nhân dân ta.

Toàn vùng có 450 di tích các loại, trong đó có 59 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và 2 di tích cấp quốc gia đặc biệt (di chỉ khảo cổ “Thánh địa Cát Tiên” và đường mòn Hồ Chí Minh), có 1 di sản văn hóa thế giới phi vật thể.

Có thể thấy nếu so với các vùng du lịch trong cả nước, số lượng di tích lịch sử - văn hóa ở Tây Nguyên khá khiêm tốn. Nhiều di tích chưa được xếp hạng hiện đang được tích cực khảo sát, kiểm kê, đánh giá để từ đó có biện pháp trùng tu, bảo quản hợp lý và hướng đến khai thác phát triển du lịch.

Nhiều di tích trong vùng đang được bảo quản, tôn tạo. Một số di tích có giá trị lớn về lịch sử và nghệ thuật. Tuy nhiên, độ hấp dẫn của hệ thống di tích được đánh giá không cao. Do sự phá hủy của chiến tranh, thiên tai và công tác bảo tồn chưa được thực hiện hiệu quả, chất lượng một số di tích bị xuống cấp trầm trọng.

Dưới góc độ du lịch, hệ thống di tích lịch sử - văn hóa của Tây Nguyên đã thể hiện được những nét đặc trưng riêng và có khả năng kết hợp với các tài nguyên du lịch khác tạo nên những sản phẩm du lịch hài hòa giữa nét ừng vĩ của tự nhiên, đậm đà bản sắc, và kiêu hùng của truyền thống. Đặc biệt hệ thống di tích lịch sử cách mạng trong vùng là thế mạnh để phát triển loại hình du lịch văn hóa về chiến trường xưa. Kết hợp với đó là các tuyến du lịch “city tour” phục vụ du khách tham quan các di tích kiến trúc nghệ thuật đang được gìn giữ tại đô thị mới của vùng. Điển hình như các thành phố Kon Tum, Buôn Mê Thuột, hệ thống di tích khá tập trung trong vòng bán kính 50km, điều kiện tiếp xúc thuận tiện làm tăng khả năng

khai thác các giá trị lịch sử - văn hóa vào trong hoạt động du lịch. , điều kiện tiếp xúc thuận tiện làm tăng khả năng khai thác các giá trị lịch sử - văn hóa vào trong hoạt động du lịch.

“Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên” là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại được UNESCO công nhận vào ngày 25/11/2005. Không gian văn hóa công chiêng được trải dài trên 5 tỉnh Tây Nguyên, bao gồm các yếu tố: công chiêng, các bản tấu bằng công chiêng, người chơi công chiêng, lễ hội có sử dụng công chiêng và địa điểm lễ hội đó. Được đánh giá cao về giá trị và rất thuận lợi về khả năng khai thác, không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên là một trong các tài nguyên du lịch lớn của vùng.

Di tích lịch sử cách mạng gồm có chiến trường Đăk Tô – Tân Cảnh (Kon Tum); đèo An Khê, nhà tù Plei Ku (Gia Lai); nhà tù Buôn Mê Thuột; đường Hồ Chí Minh...

Di tích kiến trúc nghệ thuật có tòa giám mục, nhà thờ gỗ (Kon Tum), tháp Yang Prong (tháp cổ duy nhất ở Tây Nguyên nằm ở huyện Ea Súp, Đăk Lăk), nhà sàn 100 tuổi của tộc trưởng Mnông, khu mộ cổ của vua săn voi ở Bản Đôn...

* Lễ hội

Cũng như các vùng du lịch khác, lễ hội là một hoạt động văn hóa phong phú, là nguồn tài nguyên quý giá tham gia vào việc tạo nên những sản phẩm du lịch đặc sắc. Ngoài những lễ hội mang tính chất cộng đồng, đặc trưng cho cả dân tộc, lễ hội Tây Nguyên chứa đựng những sắc thái văn hóa rất riêng. Đó là văn hóa lấy con người làm chủ, lấy đất trời làm khuôn mẫu. Tất cả tạo nên một không gian đậm đà bản sắc dân tộc với các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, tồn tại cùng thời gian, có kết cộng đồng và cùng đồng hành, phát triển trong điều kiện cuộc sống còn nhiều khó khăn. Tìm đến với lễ hội các dân tộc Tây Nguyên, người ta có thể giải mã được nhiều bí ẩn của vùng đất huyền bí này, bởi lẽ ở đó chứa đựng rất nhiều loại hình văn hóa dân gian hòa quyện với nhau.

Hệ thống lễ hội trên vùng đất Tây Nguyên khá đa dạng và quy mô khác nhau. Có những lễ hội chỉ tổ chức trong từng gia đình riêng lẻ, một số lại được mở rộng ra trong buôn làng. Cũng có nhiều lễ hội có quy mô lớn hơn, thu hút được cộng đồng xung quanh.

Thời gian, không gian lễ hội: Ngoài các lễ hội xung quanh vngf đời người, phần lớn các lễ hội dân tộc bản địa thường tập trung vào các tháng cuối cùng của năm., thường được gọi là tháng “ning nong”. Xuất phát từ hoạt động sản xuất hoàn toàn phụ thuộc vào sự ban phát của thiên nhiên. Đây là thời gian con người được nghỉ ngơi, chuẩn bị cho mùa vụ tới, tạ ơn thần linh và cầu xin mưa thuận gió hòa. Không gian trước nhà Rông là nơi tôn nghiêm để diễn ra phần lớn các lễ hội Tây Nguyên. Ngoài ra, tùy vào ý nghĩa của từng lễ hội cụ thể mà không gian lễ hội cũng đa dạng như lễ cúng máng nước (diễn ra ở máng nước làng), lễ Bơ Thi (ở khu nhà mồ) ...

Lễ hội Tây Nguyên là sự kết hợp đặc sắc những tinh hoa văn hóa vật thể và phi vật thể. Đến với lễ hội, du khách sẽ được thưởng thức một sân khấu nghệ thuật đặc sắc với hàng loạt các giá trị văn hóa từ tiếng chuông ngân vang đến điệu Soang uyển chuyển, được thỏa sức tìm hiểu tập quán ẩm thực và say trong men rượu cần ấm nồng, được chứng kiến các nghi lễ thiêng liêng dưới ánh lửa bập

bùng huyền ảo. Hiện nay, nhiều lễ hội vẫn giữ nguyên vẹn các giá trị truyền thống của mình, đem lại cho du khách nước ngoài sự hiếu kỳ và say sưa đến lạ. Đối với nhiều làng, nhiều địa phương thời gian diễn ra lễ hội là cố định trong năm, từ đó cũng ít nhiều tác động đến tính mùa vụ trong du lịch của Tây Nguyên.

Một số lễ hội có khả năng khai thác phát triển du lịch: lễ mừng nhà Rông, lễ bỏ mả, lễ đua voi, lễ cơm mới ...

** Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học*

Vấn đề dân cư, dân tộc trên địa bàn Tây Nguyên cũng thể hiện những nét đặc trưng riêng. Trong số đó sự cộng cư, hội nhập của các thành phần dân tộc bản địa và nhập cư đã tạo nên một bản sắc văn hóa đa màu thể hiện qua cá hình thức sinh hoạt cộng đồng, nghi thức tín ngưỡng, các công trình kiến trúc nghệ thuật cũng như kho tàng văn hóa dân gian của vùng.

Tây Nguyên là vùng đất rộng người thưa, dân số thấp nhất 7 vùng. Mật độ cũng vào loại thấp nhất cả nước. Dân cư lại không phân bố đồng đều giữa các tỉnh. Quy mô dân số lớn nhất thuộc tỉnh Đắk Lắk, tiếp sau là Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Nông và Kon Tum là hai tỉnh có quy mô dân số thấp nhất. Dân cư tập trung chủ yếu ở các thành phố, đô thị, các thị trấn ven các trục đường giao thông. Mật độ cao nhất là ở thành phố Buôn Mê Thuột (khoảng 900 người/km²), ngược lại một số huyện vùng cao như Kon Plong, Sa Thầy (Kon Tum), Lạc Dương (Lâm Đồng) mật độ chỉ đạt khoảng 12 – 14 người/km².

Cộng đồng dân cư ở Tây Nguyên bao gồm khoảng 33 dân tộc, trong đó người Kinh chiếm 64,2% còn lại là các dân tộc ít người. Các dân tộc bản địa của Tây Nguyên thuộc 2 nhóm ngôn ngữ Nam Đảo và Môn – Khmer, gồm các dân tộc là Gia Lai, Ê-đê, Ba-na, Xê-đăng, Cơ-ho, Mạ, Mnông, Brâu, Rơ-măm, Gié-triêng, ... Trong số đó, người Gia Rai có số lượng lớn nhất. Bên cạnh các dân tộc bản địa, Tây Nguyên còn tiếp nhận số lượng khá lớn dân cư người Kinh và các dân tộc ít người từ các vùng khác đến, như: Nùng, Tày, Dao, Mông. Do nhiều nguyên nhân, các dân tộc Tây Nguyên thường sống xen kẽ với nhau. Nhưng nhìn chung cũng có những địa vực lưu trú nhỏ, riêng biệt của một số dân tộc. Phía Nam cao nguyên Kon Tum và Plei Ku là chiếc nôi hình thành những làng Ba – na đầu tiên (đến nay có trên 20 vạn). Người Gia-rai (gần 41 vạn) tập trung phía Tây tỉnh Kon Tum (huyện Sa Thầy), kéo dài xuống phía Tây tỉnh Gia Lai (huyện Chư Páh, Chư Prông) và phía Bắc tỉnh Đắk Lắk (huyện Ea H'leo, Ea Súp). Người Ê-đê tập trung chủ yếu ở Đắk Lắk. người Mnông phân bố ở phía Nam bình nguyên Ea Súp và Nam Đắk Lắk.

Ngày nay, những đặc thù riêng của từng dân tộc có sức hấp dẫn lớn đối với khách du lịch. Đến với Tây Nguyên người ta được mắt thấy, tai nghe những người, những vật, những cảnh như trước đây chỉ tồn tại trong tư liệu; được vén tấm màn bí ẩn của một vùng đất còn lưu lại khá nhiều những giá trị văn hóa bản địa. Đó là sự kết tinh của hàng loạt các tập tục là về cư trú, sinh hoạt, thói quen ăn uống; là sự độc đáo trong nét kiến trúc, trang phục; là giá trị kho tàng văn hóa nghệ thuật.

Tổ chức xã hội cao nhất, chung nhất và rõ nét nhất đối với thành phần dân cư bản địa Tây Nguyên là Làng (theo cách gọi phổ biến của tiếng Kinh) hay Plei (theo cách gọi của các dân tộc bản địa). Già làng là người lãnh đạo cao nhất, toàn diện về mọi mặt, dựa trên cơ sở của hệ thống luật tục. Các thành viên cộng đồng

tắm mình trong không khí cộng đồng và suốt đời bị chi phối bởi lối sống mang tập tính cộng đồng đó. Khác với các dân tộc ở nơi khác, các dân tộc Tây Nguyên sinh hoạt trong một xã hội còn đậm nét truyền thống: canh tác theo lối thô sơ, chọc lỗ tra hạt, tổ chức chung sống nhiều thế hệ dưới một mái nhà, tục lệ cổ truyền còn đậm màu huyền bí vẫn còn lưu lại. Đời sống dân tộc Tây Nguyên thống nhất ở một điểm là tín ngưỡng đa thần. Trong thế giới muôn màu, muôn vẻ đã hình thành nên thế giới vô hình có ảnh hưởng quyết định đến đời sống con người, lực lượng vô hình ấy quy tụ ở một khái niệm chung là Giàng.

Mặc dù đời sống vật chất còn nhiều khó khăn, nhưng người dân tộc Tây Nguyên có một tâm hồn rất phong phú yêu âm nhạc, thích ca múa, cùng với đó các giá trị văn hóa nghệ thuật dân gian đã thực sự phát triển theo thời gian. Với cuộc sống gắn bó cùng thiên nhiên, ưa chuộng cái đẹp và yêu hòa bình, từ bao đời nay, bên bếp lửa hồng, bên chén rượu thơm, trong những nhà Rông đầm ấm đã có biết bao câu chuyện được Già làng kể và truyền lại cho đến ngày nay. Ngoài ra còn có một kho tàng ca dao, dân ca phong phú. Ca hát là nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống của đồng bào các dân tộc. Mỗi dân tộc đều có những làn điệu dân ca riêng. Cùng với các câu hát là những điệu múa. Trong đó múa Soang là một điệu vũ khá độc đáo, trở thành một bộ phận của lễ hội, gắn liền với sinh hoạt tập tục. Với vốn âm nhạc dân gian phong phú, nhạc cụ dân tộc Tây Nguyên khá đơn giản về chất liệu và chế tác, từ nguyên liệu sẵn có là tre, nứa, dây rừng, vỏ bầu như T'rung, Klông Pút, Đinh Túc, đàn goong, sáo, khèn,... Nhưng đặc biệt nhất phải kể đến là Công chiêng – loại nhạc cụ chiếm vị trí đầu bảng trong các nhạc cụ truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên, phổ biến như một nét văn hóa chung, độc đáo.

Cùng với đàn đá, sử thi, công chiêng, khi nói đến kiến trúc nhà ở, người ta dễ dàng hình dung đến những mái nhà Rông cao vút ở khu vực Bắc Tây Nguyên, tượng trưng cho khí phách kiên cường của dân tộc hay những mái nhà Dài phía Nam Tây Nguyên không chỉ có độc đáo ở giá trị thẩm mỹ, mà còn ẩn hiện những giá trị tinh thần thiêng liêng, cao quý. Đó thật sự là không gian văn hóa, di sản của các tộc người Tây Nguyên.

Trang phục của các dân tộc Tây nguyên mang nét độc đáo trong nền nghệ thuật trang trí cổ truyền, biểu hiện ý thức tôn trọng, tự trọng. Mỗi dân tộc đều có những trang phục riêng về kiểu dáng, hoa văn trang trí... Phần lớn chất liệu đều được các dân tộc Tây Nguyên chế biến từ tự nhiên.

** Làng nghề thủ công truyền thống*

Các làng nghề vốn đã hình thành từ lâu trong đời sống các dân tộc Tây Nguyên. Tuy nhiên, trước đây các sản phẩm chủ yếu mang tính chất tự sản xuất, tự tiêu dùng và gần đây mới thực sự trở thành hàng hóa phục vụ cho nhu cầu người dân. Hiện nay, trên địa bàn vùng du lịch Tây Nguyên có nhiều làng nghề truyền thống, với các tinh hoa nghệ thuật và các kỹ thuật được truyền qua nhiều thế hệ. tuy nhiên, so với các vùng du lịch trong cả nước, số lượng các làng nghề này không thật lớn. Một số làng nghề thể hiện được bản sắc riêng vùng có thể kể đến như nghề dệt may thổ cẩm (ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk); nghề đan lát mây tre, nghề làm rượu cần, nghề thêu (ở Lâm Đồng).

Phần lớn các sản phẩm của làng nghề được tạo nên từ nguồn nguyên liệu địa phương, công nghệ và quy trình sản xuất vẫn còn thô sơ, kỹ thuật chủ yếu dựa vào kinh nghiệm truyền thống. Tuy nhiên, chính những yếu tố đó đã góp phần mang hồn của núi rừng vào trong các sản phẩm làng nghề. Hiện nay, các làng nghề truyền thống không chỉ đơn thuần là nơi sản xuất các sản phẩm lưu niệm, mà còn trở thành những điểm du lịch có sức thu hút đối với du khách.

** Các tài nguyên du lịch nhân văn khác*

Ngoài các tài nguyên du lịch nhân văn kể trên, vùng du lịch Tây Nguyên còn có một số tài nguyên du lịch độc đáo khác. Trong số đó phải kể đến văn hóa ẩm thực, các sự kiện văn hóa thể thao ...

Về ẩm thực, đến với Tây Nguyên du khách khó lòng bỏ qua thưởng thức vị rượu cần. Rượu cần từ lâu đã trở thành đồ uống không thể thiếu của bất cứ lễ, tết nào của người dân Tây Nguyên. Đến với Tây Nguyên mùa lễ hội, trong ánh lửa bập bùng, giữa vòng Soang nhịp nhàng và tiếng cồng ngân vang, du khách sẽ thích thú khi được vít cần rượu để hít đây không khí của núi rừng và say ngất hơi men nồng ấm. Cơm lam cũng là một loại đặc sản rất riêng của các tỉnh Tây Nguyên. Ngoài ra, còn có thể thưởng thức một số các đặc sản rừng khác (nấm hương, măng tre, thịt rừng ...) hay được nhấm nháp hương vị đậm đà của ly cà phê cao nguyên cũng có thể để lại ấn tượng khó phai trong lòng du khách.

Sự kiện văn hóa lớn nhất trong vùng du lịch Tây Nguyên phải nhắc đến là lễ hội Cồng chiêng. Việc UNESCO công nhận Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên là “Kiệt tác truyền khẩu và Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại” một lần nữa khẳng định giá trị của cồng chiêng trong đời sống các dân tộc Tây Nguyên. Không gian ấy gắn kết giữa thiên nhiên, kết cấu vật chất văn hóa và lễ thức truyền thống, tất cả thổi lên một không khí vừa say đắm, vừa rạo rức cho bất kì du khách nào có cơ hội được tham gia lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

1.3. Hệ thống đường giao thông

Khu vực Tây Nguyên có hệ thống giao thông đường bộ, đường không và đường sông liên hệ khá thuận lợi với xung quanh.

- *Đường bộ*: Quốc lộ 14 và 14C, đường Hồ Chí Minh, QL 19, QL 25, QL 26, QL 27, QL 28, QL 40

- *Đường không*: Sân bay Buôn Mê Thuật Đắk Lắk, sân bay Pleiku (Gia Lai) là các sân bay nội địa, có đường bay đến các trung tâm du lịch lớn của cả nước.

2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu

2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng

- Du lịch văn hóa Tây Nguyên;
- Tham quan tìm hiểu bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên;
- Nghỉ dưỡng núi;
- Tham quan nghiên cứu hệ sinh thái cao nguyên gắn với các sản vật hoa, cà phê, voi;
- Du lịch biên giới gắn với cửa khẩu và tam giác phát triển

2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu

- TP. Đà Lạt gắn với hồ Tuyền Lâm, Đan Kia - Suối Vàng.
- Đắk Lắk gắn với vườn quốc gia Yokđôn và không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên.

- Gia Lai - Kon Tum gắn với cửa khẩu quốc tế Bờ Y, Măng Đen, Yaly.

3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

- 4 Khu du lịch quốc gia:

- + Khu du lịch quốc gia Măng Đen;
- + Khu du lịch quốc gia Tuyên Lâm;
- + Khu du lịch quốc gia Đan Kia-Suối Vàng;
- + Khu du lịch quốc gia Yok đôn.

- 4 Điểm du lịch quốc gia:

- + Điểm du lịch quốc gia Ngã ba Đông Dương;
- + Điểm du lịch quốc gia Hồ Ya Ly;
- + Điểm du lịch quốc gia Hồ Lắk;
- + Điểm du lịch quốc gia Thị xã Gia Nghĩa.

- 1 Đô thị du lịch: Đà Lạt

Ngoài ra chú trọng phát triển du lịch tại các điểm như cụm di tích đèo An Khê (Gia Lai), TP. Buôn Mê Thuột và phụ cận Đăk Lăk.

Giới thiệu một số điểm du lịch quốc gia tiêu biểu của vùng

+ Điểm du lịch quốc gia Ngã ba Đông Dương

Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y có diện tích 70.438 ha. Phía Bắc giáp huyện Đăk Glei, phía Nam giáp huyện Sa Thầy, phía Đông giáp huyện Đăk Tô và xã Đăk Ang, phía Tây giáp Lào và Campuchia (có chung biên giới với Lào 30 km, với Campuchia 25 km). Đây là một trong bat rung tâm kinh tế trên tuyến hành lang Đông Tây của nước ta và là trục tam giác phát triển kinh tế đã được Thủ tướng Chính phủ 3 nước Việt Nam – Lào – Campuchia thống nhất triển khai xây dựng.

Huyện Ngọc Hồi, tỉnh KonTum không chỉ là vùng đất tiếp giáp với biên giới của hai nước Lào – Campuchia, mà còn là giao lộ của nhiều trục giao thông đi lại khắp các địa phương trong cả nước và với các nước trong khu vực. Điểm cuối của quốc lộ 40 đi từ thị trấn Plei Kần đến cửa khẩu Bờ Y dài 20 km được gọi là ngã ba Đông Dương, nơi “một tiếng gà gáy ba nước cùng nghe”. Ngày nay, trong giao lưu phát triển kinh tế, các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar đều chọn quốc lộ 40 là hướng mwor để đi ra biển Đông. Đối với Việt Nam, tuyến đường này đóng một vai trò quan trọng trong giao thương quốc tế, phát triển du lịch. Nếu đi từ các tỉnh duyên hải miền Trung, miền Đông Nam Bộ đến các tỉnh Đông Bắc của Thái Lan, Nam Lào và Myanmar qua cửa khẩu quốc tế Bờ Y, lộ trình sẽ ngắn hơn 1300 km so với đi qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo.

Từ năm 1995, chính phủ đã xúc tiến nghiên cứu hình thành một khu kinh tế cửa khẩu có vai trò như vùng kinh tế động lực của Tây Nguyên và một đô thị mới của Đông Dương. Đặc biệt lĩnh vực được đầu tư nhiều nhất là du lịch lữ hành, du lịch sinh thái, khu đô thị và khu công nghiệp chế biến gỗ. Tám hãng du lịch trong và ngoài nước đã liên kết mở các tour xuyên Đông Dương. Hiện nay, khách sạn 5 sao đầu tiên của khu vực Bắc Tây Nguyên đang được xây dựng tại khu vực này. Trong tương lai không xa, Bờ Y sẽ vươn mình thành một trung tâm kinh tế tài chính mang tầm vóc quốc tế, một khu đô thị hoành tráng, một công trình kinh tế

du lịch có quy mô lớn như một tòa lâu đài tọa lạc giữa núi rừng KonTum. Đây sẽ là điểm dừng chân trong chuyến du lịch quá cảnh, quốc tế quan trọng trong xu thế hội nhập.

+ Điểm du lịch quốc gia Hồ Ya Ly

Yaly nằm ở một vị trí địa lý tự nhiên thuận lợi, giữa địa giới hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum, cách biên giới Campuchia khoảng 40 km về phía Tây, cách thành phố Kon Tum 38 km về phía Đông Bắc, cách thành phố Plei Ki 40 km về phía Đông Nam và cách quốc lộ 14 chỉ 17 km về phía Đông.

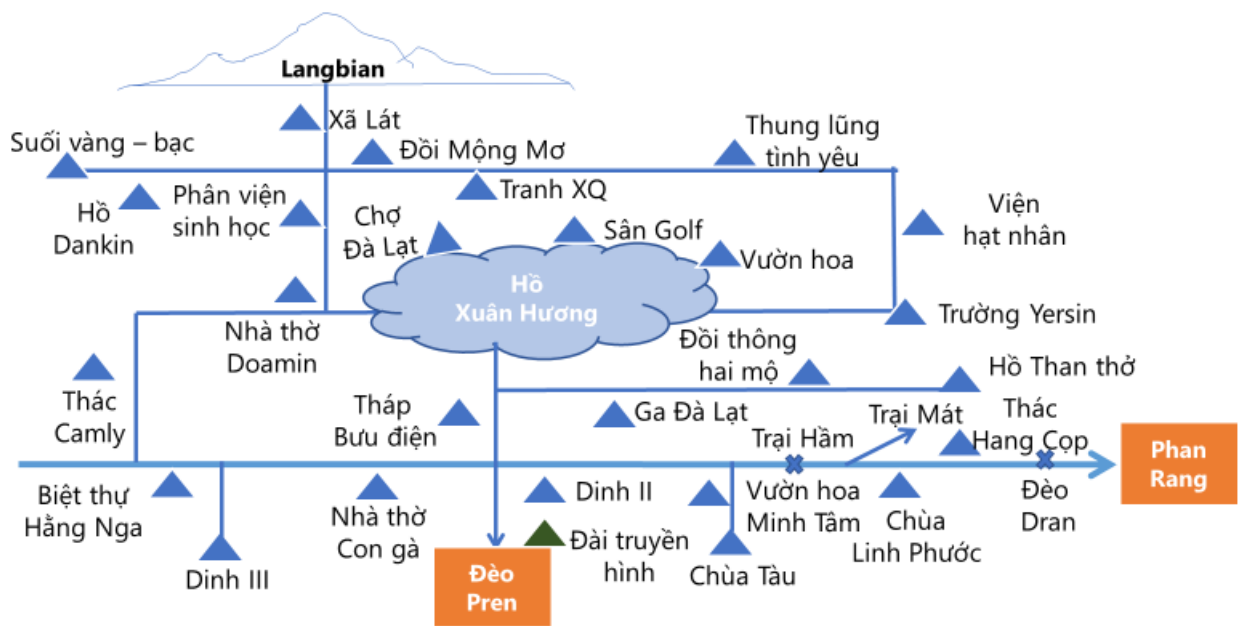
Trước đây ngọn thác Yaly luôn là biểu trưng cho vẻ đẹp hùng vĩ của núi rừng Bắc Tây Nguyên với hình ảnh dòng nước trắng xóa đổ xuống sông Xê Xan, thét gào ngàn năm giữa rừng xanh núi đỏ. Từ năm 1995, ngọn thác này đã được chặn lại để xây dựng một nhà máy thủy điện lớn và nước sông đã thực sự biến thành “vàng”. Không những thế, Yaly còn trở thành một điểm du lịch lý thú của vùng Bắc Tây Nguyên, thu hút khách tham quan mỗi ngày. Khách đến thăm Yaly ngoài việc được vào tham quan trong hầm đặt turbin phát điện, còn có thể chiêm ngưỡng phong cảnh thiên nhiên rất đẹp của những cánh rừng nguyên sinh còn được giữ gìn gần như nguyên vẹn trong khu vực rộng tới 20 km² bao quanh nhà máy. Một thú vui du khách khó có thể bỏ qua khi đến nhà máy là đi thăm quan cảnh hồ. Từ thượng nguồn du khách sẽ xuồngs thuyền, lướt trên dòng Xê Xan huyền thoại, giữa đất trời sông nước mênh mang bạn có thể thả hồn vào thiên nhiên hoặc ghé vào thăm một làng dân tộc ven sông, để có thể tìm hiểu nếp sống, tham gia các hoạt động văn hóa của người dân tộc bản địa. Tiếp đó, thuyền sẽ đưa du khách đến tận đập Yaly chiêm ngưỡng kỳ công của con người trong việc ngăn chận dòng chảy tự nhiên, tạo ra nguồn điện thấp sáng cả núi rừng Tây Nguyên rộng lớn. Đây là điểm du lịch sinh thái tham quan có ý nghĩa quốc gia.

4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng

4.1. Tuyến tham quan các điểm du lịch tại Đà Lạt

Các điểm tham quan du lịch ở Đà Lạt

- Vườn hoa thành phố Đà Lạt
- Hồ Tuyền Lâm
- Địa điểm mới, đồi hoa Lavender Garden.
- Ngắm mây đồi chè Cầu Đất
- Hồ Xuân Hương
- Hồ Than Thở
- Cánh đồng hoa Tà Nung
- Đồng hoa Cẩm tú cầu
- Đồi Thiên phúc đức
- Dinh Bảo Đại
- Nhà ga Đà Lạt
- Tham quan vườn dâu tây
- Chùa Thiên Vương Cổ Sát
- Thiền Viện Trúc Lâm
- Nhà thờ Do Maine
- Khu du lịch Langbiang
- Thác Đatanla



Hình 6.1: Sơ đồ cung đường tuyến tham quan tại Đà Lạt

4.2. Tuyến Đăk Nông - Đăk Lăk – Gia Lai - Kon Tum (QL26/QL27;AH17)

4.2.1. Các điểm tham quan du lịch ở Đăk Lăk

- Chùa Khải Đoan.
- Nhà đày Buôn Ma Thuật.
- Thác Yang Prong.
- Du lịch Buôn Đôn.
- Hồ Lắk và biệt điện Bảo Đại.
- Bãi đá sông Krông Bông.
- Vườn quốc gia Yok Đôn.
- Thác Thủy Tiên.

4.2.2. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Đăk Nông.

- Thác Dray Sáp.
- Thác Diêu Thanh.
- Thác Ba Tầng.
- Thác Gia Long.
- Thác Dray Nur.

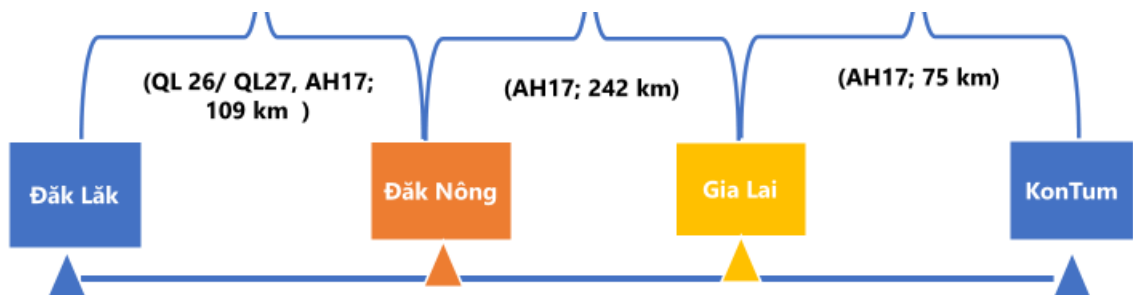
4.2.3. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Gia Lai

- Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo.
- Chùa Bửu Nghiêm.
- Chùa Bửu Thắng.
- Tịnh xá Ngọc Phúc.
- Làng kháng chiến Stor.
- Làng người Ba Na Đê KTU
- Nhà tù Pleiku.
- Biển hồ ToNung.
- Thác Xung Khoeng.

- Núi Chơ Hơ Rông.
- Hồ Ayun Hạ.

4.2.4. Các điểm tham quan du lịch ở tỉnh Kon Tum.

- Chùa Bác Ái.
- Chùa Hồng Từ.
- Ngục Kon Tum.
- Chiến trường Đắk Tô và đội Charlie.
- Nhà Rông
- Nhà mồ Tây Nguyên.
- Thác Yaly.
- Làng người Ba Na Kon Kơ Tu



Hình 6.2: Sơ đồ cung đường tuyến Đắk Lắk – Đắk Nông – Gia Lai - KonTum

CÂU HỎI ÔN TẬP

- Câu 1: Trình bày vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và điều kiện nhân văn của vùng?
- Câu 2: Trình bày các tài nguyên du lịch của vùng?
- Câu 3: Trình bày hệ thống đường giao thông của vùng?
- Câu 4: Trình bày các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu của vùng?
- Câu 5: Vẽ sơ đồ một số tuyến điểm tiêu biểu của vùng?
- Câu 6: Xây dựng một số chương trình du lịch cho khách các đối tượng khác nhau?
- Câu 7: Viết bài thuyết minh cho một số chương trình du lịch tiêu biểu?

Chương 7: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

Giới thiệu

Mục tiêu:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được những nội dung khái quát chung về vùng.
- + Liệt kê được các sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng.
- + Trình bày được một số điểm du lịch tiêu biểu của vùng
- + Nêu được một số tuyến du lịch cơ bản của vùng.

- Về kỹ năng:

- + Thiết kế được các tuyến, chương trình du lịch
- + Xây dựng lộ trình tham quan phù hợp với từng đối tượng khách
- + Viết bài thuyết minh cho các chương trình du lịch

- Về thái độ:

- + Thể hiện tính cẩn thận, chu đáo, tỉ mỉ trong công việc

Nội dung

1. Khái quát chung

1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng

Vùng du lịch Đông Nam Bộ bao gồm thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tây Ninh. Diện tích tự nhiên của vùng là 23.590,7km², chiếm 7,1% diện tích cả nước với số dân năm 2015 là 16.127.800 người, chiếm 17,6% dân số cả nước.

Vùng du lịch Đông Nam Bộ nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa các vùng Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Phía tây và tây nam tiếp giáp với Đồng bằng sông Cửu Long, phía đông và đông bắc giáp với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và biển Đông, phía bắc và tây bắc giáp với Campuchia với đường biên giới dài 479km qua các cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát (Tây Ninh), Hoa Lư (Bình Phước). Trên lãnh thổ vùng có huyện Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) là một trong 12 huyện đảo của nước ta.

Đông Nam Bộ có thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ và du lịch lớn nhất phía Nam, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng động lực phát triển kinh tế của cả nước, trên tuyến đường biển quốc tế quan trọng, nhộn nhịp vào bậc nhất thế giới nối liền Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương; ở điểm trung chuyển trên tuyến hàng không quốc tế từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây; đồng thời nằm trên tuyến đường xuyên Á nối liền các nước Đông Nam Á lục địa với nhau. Với những tiền đề do vị trí địa lý tạo ra cùng với nguồn tài nguyên du lịch đa dạng, Đông Nam Bộ không chỉ trở thành địa bàn hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, mà còn là điểm đến yêu thích của du khách trong và ngoài nước.

1.2. Tài nguyên du lịch

1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

* Địa hình

Nằm trong khu vực chuyển tiếp giữa các vùng Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và Đồng Bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ vừa có đặc điểm của địa hình miền núi, trung du, vừa có đặc điểm địa hình đồng bằng và ven biển, độ dốc thấp dần từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông bao gồm đồng bằng thềm phù sa cổ cao 25-50m và bán bình nguyên đất đỏ bazan cao 50-200m, thuộc địa phận các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh. Hai dạng địa hình này chạy song song theo hướng Tây Bắc – Đông Nam tạo nên bức tranh địa hình đồi gò, lượn sóng, pha lẫn với đó là màu xanh của rừng cao su, hồ tiêu bạt ngàn với màu đất đỏ bazan cùng màu xám sẫm của đất phù sa cổ. Nhìn xa về phía Bắc và phía Đông bắc là địa hình đồi núi thấp, độ cao trung bình trên 500m so với mặt nước biển, một số nơi xuất hiện các đỉnh núi cao tạo nên nét chấm phá trong cảnh quan bán bình nguyên thơ mộng của vùng đất có lịch sử khai thác còn non trẻ.

Trong việc khai thác phát triển du lịch, một số cảnh quan địa hình núi và dạng địa hình ven biển và đảo có ý nghĩa quan trọng.

Cảnh quan núi phân bố chủ yếu ở Bắc, Đông Bắc thuộc các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, điển hình như núi Bà Đen (Tây Ninh) cao 968m; núi Chứa Chan (Đồng Nai) cao 838m; Bà Rá (Bình Phước) cao 736m. Khung cảnh tự nhiên hòa quyện với không gian mang màu sắc tâm linh của các công trình tín ngưỡng, tôn giáo góp phần làm cho nơi đây trở thành “kì công trong chính cái đơn giản bề ngoài” của vùng đất này, thành địa chỉ du lịch hấp dẫn đối với du khách thập phương hành hương và nghỉ dưỡng.

Bên cạnh địa hình núi, địa hình biển ven bờ và hải đảo cũng là điểm nhấn trong cảnh quan tự nhiên của vùng. Địa hình biển phân bố tập trung ở Bà Rịa – Vũng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh, trong đó đáng chú ý nhất là hệ thống bãi biển thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với chiều dài bờ biển phần đất liền là 100km (trong đó có 72km là bãi cát có thể sử dụng làm bãi tắm). Các bãi biển được khai thác phục vụ hoạt động nghỉ dưỡng và tham quan bao gồm bãi Trước, bãi Sau, biển Long Hải, bãi Dứa, bãi Dầu. Phần lớn các bãi biển có vẻ đẹp hoang sơ với cát trắng, nước biển trong xanh, cùng với những dãy đồi nhấp nhô trong nắng vàng khiến du khách không khỏi thích thú ngắm nhìn và tận hưởng những giá trị tuyệt đẹp mà thiên nhiên ban tặng.

Trong nhóm địa hình biển đảo ven bờ của vùng Đông Nam Bộ còn phải kể đến hệ thống các đảo nhỏ ngoài khơi có giá trị với hoạt động du lịch, tiêu biểu là hệ thống các đảo thuộc Côn Đảo. Côn Đảo được coi là “thiên đường giữa trần gian”, được tạp chí Travel & Leisure danh tiếng bình chọn là 1 trong 10 quần đảo đẹp và bí ẩn nhất thế giới, với hệ thống các bãi biển sạch, cát trắng và những vùng biển có hệ san hô đặc sắc thuận lợi cho các hoạt động du lịch như tham quan, tắm biển và nghiên cứu khoa học.

* Khí hậu

Nằm trong miền khí hậu phía Nam Việt Nam, khí hậu Đông Nam Bộ mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo với mùa mưa và mùa khô rõ rệt, nền nhiệt, ẩm cao, ít thay đổi trong năm. Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 27 – 28 độ C, lượng bức xạ tương đối ổn định trong năm là 150kCal/cm³/năm. Lượng mưa bình quân hàng năm dao động trong khoảng 1.500 – 3.000mm. Các điều kiện về khí hậu nhìn chung đảm bảo. Khí hậu ở đây tương đối điều hòa, ít các hiện tượng nhiễu động cho phép khai thác phát triển các loại hình du lịch quanh năm, đặc biệt là hoạt động du lịch biển ở Bà Rịa – Vũng Tàu. Tuy nhiên do sự phân hóa mùa mưa và mùa khô sâu sắc, nhiều vùng thường xảy ra nắng nóng và khô hạn làm ảnh hưởng đến một số hoạt động du lịch của vùng.

* Nguồn nước

Tài nguyên nước của vùng vô cùng phong phú, đa dạng, bao gồm hệ thống sông, hồ, các nguồn nước khoáng... đang được sử dụng phục vụ mục đích tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, chữa bệnh.

Đông Nam Bộ chủ yếu nằm ở lưu vực của hệ thống sông Đồng Nai – Vàm Cỏ. Đây là hệ thống sông lớn thứ ba trên cả nước với các sông như sông Bé, sông La Ngà, sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông, sông Thị Vải và hơn 260 con sông khác có chiều dài từ 10km trở lên. Hệ thống sông Đồng Nai – Vàm Cỏ với nhiều phong cảnh hiền hòa, ven sông là những vườn trái cây trĩu quả, xen lẫn là hình ảnh những tòa nhà cao tầng ẩn hiện từ xa, tạo ấn tượng cho du khách về một vùng đất vừa bình yên, thơ mộng đồng thời tràn đầy sức sống năng động của một vùng có trình độ phát triển kinh tế hàng đầu cả nước. Hiện nay, nhiều tuyến du lịch bằng tàu thủy trên sông Đồng Nai và sông Sài Gòn đã được khai thác như Sài Gòn – Tây Ninh, Sài Gòn – Đồng Nai, Sài Gòn – Bình Dương... Bên cạnh đó, hệ thống sông ngòi còn tạo nên nhiều thác, ghềnh và những dòng suối có cảnh quan đẹp, phân bố chủ yếu ở Bình Phước, điển hình như Thác Mơ, Thác Đứng, thác Voi, thác Hòa Bình, suối Mơ, suối Trúc,... cuốn hút du khách bởi sự hùng vĩ, dào dạt của thiên nhiên nơi đây.

Hệ thống hồ tự nhiên (hồ Bình An, hồ Suối Lam, hồ Cần Nôm, hồ Xóc Xiêm – Technique) và hồ nhân tạo (hồ Trị An, Đồng Nai; hồ Dầu Tiếng, Tây Ninh...) có sự kết hợp giữa cảnh sắc thiên nhiên với không gian rộng lớn, sơn thủy hòa quyện, không khí trong lành, thoáng mát, các ốc đảo tự nhiên ẩn hiện trong sương tạo nên bức tranh thủy mặc hấp dẫn.

Nguồn nước khoáng của vùng khá đa dạng về thành phần khoáng hóa, nhiệt độ và phong phú về số lượng, có vai trò to lớn đối với du lịch an dưỡng, chữa bệnh và dùng làm nước uống. Nguồn nước khoáng có giá trị với hoạt động du lịch của vùng là suối nước khoáng Bình Châu. Với hơn 70 điểm phun nước lộ thiên cùng lượng bùn khoáng dồi dào, suối khoáng Bình Châu có chứa nhiều thành phần hóa

học như chất silic, nitơ, lưu huỳnh, natri, clo... có tác dụng chữa bệnh như ứ máu, thấp khớp, lưu thông huyết mạch và nghỉ dưỡng. Đặc biệt, suối nước khoáng Bình Châu đã được Tổ chức du lịch thế giới (UNWTO) bình chọn là 1 trong 65 khu Du lịch sinh thái bền vững của 47 quốc gia trên toàn cầu.

** Sinh vật*

Tài nguyên sinh vật của vùng rất phong phú, đa dạng về thành phần loài. Diện tích rừng của Đông Nam Bộ năm 2015 là 473,9 nghìn ha, chiếm 3,4% diện tích rừng cả nước, trong đó 52,1% là rừng tự nhiên. Hệ sinh thái rừng gồm 3 loại chủ yếu sau: hệ sinh thái rừng nhiệt đới tại thượng nguồn sông Đồng Nai, hệ sinh thái rừng ngập mặn Cần Giờ; hệ sinh thái rừng núi tiếp giáp biển ở huyện Xuyên Mộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tỉnh Đồng Nai. Sự đa dạng sinh học tập trung chủ yếu trong 4 vườn quốc gia và 2 khu dự trữ sinh quyển thế giới, cùng với các hệ sinh thái đặc biệt hệ sinh thái san hô, hệ sinh thái rừng ngập mặn... Đông Nam Bộ có 4 trên tổng số 31 vườn quốc gia của cả nước (Côn Đảo, Cát Tiên, Lò Gò – Xa Mát, Bù Gia Mập) và 2 trong 9 khu dự trữ sinh quyển thế giới ở Việt Nam là Cần Giờ và Đồng Nai. Đây được xem là những khu vực đa dạng về thiên nhiên với các kiểu rừng sinh thái đặc trưng cho vùng, vừa là nơi bảo tồn các loại động thực vật, vừa là nơi phân bố sản phẩm du lịch có chất lượng. Hệ thực vật phong phú gồm 4.137 loài thực vật với nhiều họ khác nhau trong đó có hơn 30 loài phong lan, 103 loài dây leo, 500 loài thân gỗ, 202 loài thảo mộc và trên 1.197 loài thú cùng khoảng 1.451 loài sinh vật biển. Nhiều loại động, thực vật trong vùng có tên trong sách Đỏ Việt Nam mà điển hình như tê giác 1 sừng, chó sói, gấu ngựa, sóc mun, báo hoa, voọc chà vá chân đen, trác, mun... Có thể coi đây là lợi thế để Đông Nam Bộ có thể phát triển mạnh các hoạt động du lịch nghiên cứu, bảo tồn, đồng thời là cơ sở để hình thành các điểm du lịch của vùng.

Các khu bảo vệ cảnh quan di tích lịch sử như Bà Rá (Bình Phước); Đồng Rùm, Chàng Riệc, Bà Đen (Tây Ninh) ... là những khu vực có giá trị lịch sử đồng thời gắn với các điểm, tuyến du lịch nổi tiếng. Chính vì thế, cần phải có chính sách bảo vệ và khai thác phù hợp.

1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa

** Di tích lịch sử - văn hóa*

Tính đến năm 2015, Đông Nam Bộ có 156 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng quốc gia, trong đó có 1 di sản văn hóa phi vật thể thế giới được UNESCO công nhận (Đờn ca tài tử Nam Bộ nói chung và Đông Nam Bộ nói riêng), 7 di tích quốc gia đặc biệt (Căn cứ trung ương cục miền Nam ở tỉnh Tây Ninh; nhà tù Côn Đảo ở Bà Rịa Vũng Tàu; Dinh Độc Lập, địa đạo Củ Chi ở thành phố Hồ Chí Minh; khu di tích lịch sử đường Trường Sơn – đường Hồ Chí Minh ở huyện Lộc Ninh; Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước; vườn quốc gia Cát tiên ở tỉnh Bình Phước và Đồng Nai; căn cứ Tà Khiết, tỉnh Bình Phước). So với đồng bằng sông Hồng và

Bắc Trung Bộ, số lượng di tích ở đây tuy không nhiều nhưng lại tương đối tập trung, thuận lợi cho việc khai thác vào mục đích du lịch.

Hệ thống di tích lịch sử của vùng đa dạng về loại hình, bao gồm di tích lịch sử, di tích khảo cổ, di tích kiến trúc nghệ thuật và các danh lam thắng cảnh...

- Di tích lịch sử và di tích lịch sử cách mạng:

Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Đông Nam Bộ là một trong những căn cứ địa quan trọng của cách mạng, với nhiều sự kiện lịch sử và các trận chiến đấu ác liệt diễn ra trên mảnh đất anh hùng này. Chính vì vậy đây là nơi tập trung dày đặc các di tích lịch sử cách mạng xen lẫn với các di tích tôn giáo. Một số di tích có sức hấp dẫn lớn đối với du khách bởi ẩn chứa trong đó những câu chuyện lịch sử đầy bi tráng, hào hùng của dân tộc như: Bến Nhà Rồng; địa đạo Củ Chi; Dinh Độc lập; Nhà Tù Côn Đảo. Việc khai thác hệ thống các di tích lịch sử cách mạng có ý nghĩa giáo dục lịch sử, truyền thống yêu nước vừa góp phần bảo tồn hệ thống giá trị độc đáo cho thế hệ tương lai.

- Các di chỉ khảo cổ:

Các di chỉ khảo cổ được tìm thấy tại đây bao gồm các hiện vật đồ đá (đẽo và mài) như rìu đá, dao, cuốc đá, đồ đục bằng đá, bộ đàn đá độc đáo Bình Đa (Đồng Nai), mĩ Lộc (Bình Dương); đồ đồng như gươm, rìu cũng được tìm thấy ở Long Xuyên, Xuân Lộc, trống đồng Heger 1 ở Bình Phú (Bình Dương) và Vũng Tàu, đồng thời cũng có thể thấy mộ chum thuộc văn hóa Sa Huỳnh và các dụng cụ đá thô sơ ở Dầu Giây (Đồng Nai). Đặc biệt là mộ cổ cự thạch (dolmen) gồm các đá lớn ở Hàng Giòn, Tân Xuân (Đồng Nai) của cư dân thời đại đá cách đây hơn 2.500 năm. Mặt khác, các di chỉ khảo cổ, di chỉ văn hóa Óc Eo, Bung Bạc, Bung Thom... cũng được phát hiện tại Bà Rịa – Vũng Tàu...

Các di tích di chỉ khảo cổ ở nơi đây có giá trị đặc biệt quan trọng đối với các hoạt động du lịch nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử các nền văn minh nay đã không còn tồn tại.

- Di tích kiến trúc nghệ thuật:

Đây là khu vực tập trung đầy đủ các công trình kiến trúc gồm nhiều thể loại như dinh, đền, chùa, tòa thánh mang phong cách khác nhau của người Việt, Khmer, Hoa và cả các công trình mang phong cách châu Âu.

Hệ thống các chùa thờ Phật của vùng phân bố hầu hết các tỉnh gắn với đời sống văn hóa tín ngưỡng, tinh thần của người Việt. Nhiều ngôi chùa có kiến trúc độc đáo, cảnh quan đẹp, đồng thời tọa lạc ở các trung tâm đông dân cư, thu hút khách thập phương chiêm bái và tham quan. Tiêu biểu là chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bửu Long, chùa Giác Lâm, chùa Xá Lợi, chùa Vạn Đức...

Nhà thờ gắn với thiên chúa giáo được xây dựng phục vụ đời sống tâm linh của đồng bào giáo dân, theo nhiều kiểu kiến trúc đa dạng. Các nhà thờ hiện nay đồng thời cũng là điểm tham quan du lịch. Tiêu biểu ở thành phố Hồ Chí Minh có

nhà thờ Đức Bà với các ô cửa tròn kiểu Roman hay cung vòm gẫy kiểu Gotic; nhà thờ Tân Định với kiến trúc Gotic đặc trưng và nổi bật nhờ màu sơn hồng bao trùm toàn bộ nhà thờ; ở tỉnh Đồng Nai có nhà thờ Biên Hòa...

Tòa thánh tiêu biểu của đạo Cao Đài là tòa thánh Tây Ninh. Đây là một cụm công trình kiến trúc, nghệ thuật, tôn giáo nổi tiếng của đạo Cao Đài và là trụ sở Trung ương của Giáo hội Cao Đài Tây Ninh. Tọa lạc trong khuôn viên rộng rãi, toàn bộ tòa thánh bao gồm 100 công trình kiến trúc lớn nhỏ khác nhau, được xây bằng bê tông cốt tre. Tòa thánh có 12 cổng, các cổng đều được chạm khắc hình tứ linh (long, lân, quy, phụng) và hoa sen. Trong đó, chánh môn là cửa lớn nhất với cách trang trí khác biệt mang hình lưỡng long tranh châu, hoa sen cùng 3 cổ pháp: kinh Xuân Thu, bình Bát vu và Phát trần, thể hiện tinh thần tam giáo (Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo). Đây được xem là một trong những điểm du lịch được du khách thường ghé thăm khi đến với tỉnh Tây Ninh và vùng Đông Nam Bộ.

Ngoài ra còn có thánh đường Hồi giáo như Thánh đường Rahim, Đông Du (thành phố Hồ Chí Minh), đền thờ các vị anh hùng, tướng lĩnh có công khai phá bờ cõi hay có công chống giặc ngoại xâm...

** Danh lam thắng cảnh*

Trong vùng có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như chợ Bến Thành, chợ Lớn, hồ Con Rùa, Bưu điện trung tâm thành phố, Bến Nhà Rồng (thành phố Hồ Chí Minh); hồ Dầu Tiếng (Tây Ninh)... Mỗi danh thắng ghi dấu sự kiện lịch sử, đồng thời là tiêu biểu cho sự phát triển mạnh mẽ của các đô thị và vùng đất phồn thịnh. Đến với các danh thắng, du khách không chỉ được thỏa thích mua sắm các loại hàng hóa, mà còn được đắm mình trong không gian thiên nhiên hài hòa gắn với các sự kiện lịch sử tiêu biểu của vùng.

Như vậy di tích lịch sử - văn hóa đa dạng và điển hình ở đây là điều kiện để hình thành và phát triển các sản phẩm du lịch độc đáo, có sức cạnh tranh trong nước và khu vực.

** Lễ hội*

Đông Nam Bộ là nơi dừng chân khi người Việt mở cõi xuống phương Nam, là cánh cửa tiếp nhận truyền tải giao lưu văn hóa – xã hội của vùng đất Nam Bộ trong quá khứ và hiện tại. Trong suốt quá trình chuyển tải các luồng văn hóa bên ngoài vào và từ trong ra, nhiều lễ hội được hình thành và phát triển trên vùng đất này. Là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc (Kinh, Hoa, Chăm, Khmer và các dân tộc ít người khác), Đông Nam Bộ có sự đa dạng về các lễ hội. Đó là lễ hội tâm linh và tín ngưỡng của các tôn giáo (Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Cao Đài, Hòa Hảo...); lễ hội gắn liền với phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc Kinh, Chăm, Hoa, Xtieng, Mạ...; lễ lên rẫy, lễ vào mùa... Ngoài ra còn có các lễ hội truyền thống tại các đình chùa trong khu vực cộng đồng dân cư. Các lễ hội này tuy mới hình thành và phát triển theo lịch sử hơn 300 năm nhưng đã hội tụ giá trị

những nền văn hóa Đồng Nai, văn hóa Óc Eo và văn hóa Đại Việt của hàng ngàn năm lịch sử, góp phần tạo nên một sắc thái đa văn hóa ít tìm thấy được trong các lễ hội truyền thống phía Bắc.

Lễ hội ở Đông Nam Bộ là sự hội tụ các dòng văn hóa khác nhau, tất cả hòa hợp tạo nên gam màu tôn giáo linh thiêng, đồng thời chứa đầy sự tươi vui, lạc quan của khát vọng chinh phục tự nhiên của cư dân nơi đây. Lễ hội phản ánh sinh động đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, thể hiện đặc trưng của con người miền Đông. Các lễ hội nhìn chung được tổ chức quanh năm, với quy mô khác nhau, trong đó, một số lễ hội có quy mô lớn, thu hút đông đảo du khách như lễ hội tôn giáo Cao Đài tại tòa thánh Cao Đài (Tây Ninh), lễ Châu Ông Cậu (Bình Dương).

Trong thời gian vừa qua, với mục tiêu quảng bá cho du lịch của Đông Nam Bộ cũng như của cả nước, nhiều lễ hội văn hóa du lịch, festival đã được tổ chức như Hội chợ Du lịch Quốc tế ITE 2015, lễ hội Áo dài, lễ hội Trái cây Nam Bộ 2016, lễ hội đường hoa Nguyễn Huệ 2016... Tất cả đã góp phần đưa hình ảnh về một vùng đất đầy sức sống thân thiện đến với du khách trong và ngoài nước.

** Các làng nghề thủ công truyền thống*

So với đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ, các làng nghề thủ công truyền thống của Đông Nam Bộ không nhiều. Tuy nhiên, với bản tính khéo léo, cần cù, chăm chỉ, những lưu dân Việt và các cộng đồng ở đây đã hình thành một số làng nghề thủ công truyền thống vừa tiếp thu tinh hoa của vùng quê gốc, vừa sáng tạo nhạy bén với cơ chế thị trường. Hiện nay, cả vùng có khoảng trên 90 làng nghề thủ công truyền thống. Các làng nghề trong vùng ngoài ý nghĩa quan trọng về kinh tế, còn có giá trị đặc trưng văn hóa rất riêng mà ít vùng có được. Các làng nghề tiêu biểu có giá trị khai thác phục vụ khách du lịch như làng nghề gốm tại xã Tân Vạn, nghề dệt thổ cẩm Tài Lài (Đồng Nai); làng nghề đúc đồng xã Anh Nhứt, rượu Hòa Long, bánh cuốn An Ngãi (Bà Rịa – Vũng Tàu)... Các làng nghề là điểm tham quan du lịch đã được nhiều công ty lữ hành thiết kế trong chương trình xúc tiến quảng bá sản phẩm du lịch.

** Các tài nguyên nhân văn khác*

- Văn hóa ẩm thực:

Đông Nam Bộ rất phong phú về văn hóa ẩm thực thể hiện bản sắc văn hóa đặc trưng của người dân di cư. Các đặc trưng văn hóa ẩm thực ở đây có thể kể đến bánh canh, bánh tráng phơi sương Trảng Bàng (Tây Ninh); ẩm thực biển (Bà Rịa – Vũng Tàu); gỏi măng cụt Lái Thiêu, chè bưởi Tân Triều (Đồng Nai)... Một điều độc đáo là du khách có thể thưởng thức được hết những đặc trưng văn hóa ẩm thực của vùng ngay tại thành phố Hồ Chí Minh. Rất nhiều món ăn độc đáo của thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc cũng đã trở thành một phần của ẩm thực nơi đây như phở, chả cá, bún, miến, nem, bánh cuốn, bánh tôm Hồ Tây, cơm Bắc. Các món ăn

miền Trung cũng rất quen thuộc ở đất Sài Gòn như bún bò Huế, nem lụi, mì Quảng, cao lầu Hội An. Bên cạnh đó thành phố là nơi tiếp nhận văn hóa ẩm thực của Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp, Mỹ, Italy, Nga, Nhật Bản và nhiều nước khác tạo ra sự đa dạng trng nét văn hóa ẩm thực của vùng.

- *Hệ thống bảo tàng và các công trình văn hóa nghệ thuật, công trình đương đại*
Hầu hết các tỉnh trong vùng đều có các loại hình bảo tàng để lưu giữ tài liệu, hiện vật như hệ thống bảo tàng lịch sử, bảo tàng nghệ thuật... Tiêu biểu là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, bảo tàng Chứng tích chiến tranh, bảo tàng Tôn Đức Thắng, bảo tàng Mĩ Thuật... (thành phố Hồ Chí Minh), tòa nhà Bitexco, hầm Thủ Thiên... Đây là các điểm thu hút khách du lịch tham quan, nghiên cứu, tìm hiểu. Các công trình văn hóa nghệ thuật gồm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng với các hình thức biểu diễn nghệ thuật, sinh hoạt, học tập của cộng đồng trong những dịp lễ, tết, những ngày trọng đại của vùng hoặc của cả nước.

- *Các sự kiện văn hóa, thể thao*

Đông Nam Bộ là vùng đất trẻ trong lịch sử của dân tộc, tiếp thu sớm nền văn minh phương Tây nên có nhiều hoạt động, sự kiện văn hóa thể thao thu hút khách du lịch. Tiêu biểu cho các sự kiện văn hóa, thể thao tại đây có thể kể đến là festival biển, festival diều quốc tế, festival cảng biển quốc tế (Vũng Tàu), lễ hội hoa xuân – đường hoa Nguyễn Huệ (thành phố Hồ Chí Minh).

1.3. Hệ thống đường giao thông

- *Đường bộ:* QL1A, QL13, QL 22, 22B, QL 51, Đường Hồ Chí Minh nối với Tây Nguyên và các tỉnh Tây Nam Bộ.

- *Đường sắt:* Tuyến đường sắt Bắc-Nam nối từ TP. Hồ Chí Minh với các tỉnh phía Bắc vùng.

- *Đường sông:* Vùng Đông Nam Bộ c các sông lớn như hệ thống sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Thị Vải...Sông Sài Gòn và sông Thị Vải là nơi tập trung các cảng chính của hu vực như cảng Sài Gòn, cảng Cái Mép, cảng Thị Vải.

2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu

2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng

- Du lịch MICE gắn với văn hóa, lễ hội, giải trí;
- Du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch giải trí cuối tuần, du lịch thể thao, du lịch mua sắm và du lịch gắn với cửa khẩu.

2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu

- TP. Hồ Chí Minh gắn với khu rừng sác Cần Giờ và hệ thống di tích lịch sử - văn hóa nội thành.
- Tây Ninh gắn với cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, núi bà Đen, hồ Dầu Tiếng.
- Thành phố Vũng Tàu gắn với Long Hải, Phước Hải, Côn Đảo.

3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia và đô thị du lịch như sau:

- 4 Khu du lịch quốc gia:

- + Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen;
- + Khu du lịch quốc gia Cần Giò;
- + Khu du lịch quốc gia Long Hải - Phước Hải;
- + Khu du lịch quốc gia Côn Đảo.
- 5 Điểm du lịch quốc gia:
- + Điểm du lịch quốc gia Tà Thiết;
- + Điểm du lịch quốc gia TW Cục Miền Nam;
- + Điểm du lịch quốc gia Cát Tiên;
- + Điểm du lịch quốc gia Hồ Trị An-Mã Đà;
- + Điểm du lịch quốc gia Củ Chi.
- 1 Đô thị du lịch: Vũng Tàu.

Ngoài ra chú trọng phát triển các điểm như: Thác Mơ - Bà Rá (Bình Phước); Bình Châu, Phước Bửu, Núi Dinh (Bà Rịa - Vũng Tàu).

Giới thiệu một số điểm du lịch quốc gia tiêu biểu

+ Điểm du lịch quốc gia Tà Thiết

Từ TP. Hồ Chí Minh dọc theo Quốc lộ 13 khoảng 130 km đến ngã tư Đồng Tâm (xã Lộc Thành - Lộc Ninh - Bình Phước) rẽ trái đi 12 km nữa du khách sẽ đến khu Quân ủy và Bộ Tư lệnh các lực lượng giải phóng miền Nam và Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh. Toàn bộ căn cứ có diện tích 16 km² nằm ở phía Bắc thị trấn Lộc Ninh. Di tích được xây dựng từ năm 1973 là một tổng thể hệ thống giao thông hào, hầm trú ẩn, hội trường ngầm, nhà ở và làm việc của các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng. Năm 1995 di tích được trùng tu lại theo nguyên trạng, gồm 7 hạng mục: Bếp Hoàng Cầm, Hầm giao ban, Hầm chữ A, Hội trường, nhà ở và nơi làm việc của các đồng chí lãnh đạo mà tên tuổi của họ đã đi vào lịch sử vẻ vang của dân tộc như: Đại tướng Lê Đức Anh, Thượng tướng Trần Văn Trà, Thiếu tướng Nguyễn Thị Định, Chính ủy Phạm Hùng...

Nhìn một cách tổng thể các hạng mục trong căn cứ đều được xây dựng theo lối nửa chìm nửa nổi, cột làm bằng cây rừng, mái lợp bằng lá trung quân, cách nhau từ 50 - 200 m, các hạng mục đều nép mình dưới những tán cây lớn và những bụi le đan cài chằng chịt, rất phù hợp với hoàn cảnh chiến tranh lúc bấy giờ.

So với các căn cứ khác thì căn cứ Tà Thiết được xây dựng quy mô hơn cả. Hệ thống nhà, hầm hào giao thông được nối với nhau liên hoàn, đảm bảo sinh hoạt, làm việc thuận lợi, thông thoáng và an toàn.

Đến tham quan khu di tích Tà Thiết, quý khách sẽ được tìm hiểu sâu hơn về cuộc sống bình dị và chứng kiến cuộc sống đang thay da đổi thịt của vùng đất lịch sử, anh dũng, kiên cường của Bình Phước. Di tích lịch sử Tà Thiết là địa chỉ đỏ du lịch về nguồn đầy ý nghĩa.

+ Điểm du lịch quốc gia Căn cứ Trung ương Cục miền Nam

Di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam ở về phía Bắc tỉnh Tây Ninh, sát biên giới Việt Nam - Campuchia, cách thị xã Tây Ninh khoảng 60km.

Khu di tích còn được biết tới với những tên gọi khác, như: R (mật danh của Trung ương Cục miền Nam); Căn cứ Chàng Riệc (gọi theo tên khu rừng đặt Căn cứ); Căn cứ Phạm Hùng (đồng chí Phạm Hùng từng giữ chức vụ Bí thư Trung ương Cục trong một thời gian dài); Căn cứ địa Bắc Tây Ninh. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, miền Đông Nam Bộ nói chung và Tây

Ninh nói riêng là địa bàn chiến lược quan trọng. Khu căn cứ địa Bắc Tây Ninh là địa bàn của cơ quan đầu não cách mạng miền Nam trong một thời gian dài và trực tiếp chỉ đạo, lãnh đạo cách mạng miền Nam cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng.

Khu di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam gồm ba phân khu: Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Căn cứ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Căn cứ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Căn cứ Trung ương Cục miền Nam

Tháng 3 năm 1951, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (khóa II) quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam, do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư, đồng chí Lê Đức Thọ làm Phó Bí thư. Sau đó, đồng chí Lê Đức Thọ được cử làm Bí thư, đồng chí Phạm Hùng làm Phó Bí thư. Ngày 6/9/1954, Bộ Chính trị quyết định giải thể Trung ương Cục miền Nam, lập lại Xứ ủy Nam Bộ và các Khu ủy.

Ngày 23/01/1961, Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) quyết định thành lập lại Trung ương Cục miền Nam. Đầu 1965, Trung ương Cục được giao nhiệm vụ chỉ đạo Nam bộ và cực Nam Trung bộ, đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư Xứ ủy Nam bộ, đảm nhận trọng trách Bí thư Trung ương Cục.

Trong giai đoạn 1967 – 1975, đồng chí Phạm Hùng làm Bí thư; các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phan Văn Đáng và Hoàng Văn Thái làm Phó Bí thư Trung ương Cục.

Khu căn cứ được xây dựng tại rừng Chàng Riệc, Rùm Đuôn giữa rừng nguyên sinh với nhiều tầng cây che phủ. Hệ thống nhà ở và phòng làm việc trong căn cứ nổi trên mặt đất, toàn bộ cột, kèo, đòn tay đều làm bằng gỗ, mái được lợp bằng lá trung quân. Các hầm trú ẩn thường làm kế cận nhà ở và làm việc, chui vào lòng đất.

Hiện nay, di tích này được quy hoạch thành hai khu vực chính:

- Khu di tích: phục hồi nhà thường trực, hội trường lớn, hội trường nhỏ, nhà bảo vệ, văn phòng, bếp Hoàng Cầm, nhà ở và làm việc của các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Nguyễn Chí Thanh, Võ Văn Kiệt, Phạm Hùng..., hệ thống giao thông hào, ụ chiến đấu và hầm hầm ếch, phân bố đều trên toàn tuyến.

- Khu tưởng niệm gồm: nhà đón tiếp, trưng bày, khu tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ. Tổng diện tích xây dựng của khu vực này là 750m².

Căn cứ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam

Ngày 20/12/1960, tại Trảng Chiêng, xã Tân Lập, huyện Châu Thành (nay là huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh), Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập và cử ra Ủy ban Trung ương lâm thời. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trải qua các kỳ đại hội sau:

- Đại hội Đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lần thứ nhất (từ ngày 16/2 - 3/3/1962), lần thứ hai (từ ngày 11 - 18/11/1964);

- Từ ngày 15 - 20/8/1967, tại vùng căn cứ địa Bắc Tây Ninh, Đại hội bất thường của Mặt trận đã thông qua Cương lĩnh chính trị làm cơ sở cho việc thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Đây là Đại hội lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng.

Khu di tích này phân bố bên dòng Suối Chò, gồm 3 phân khu chức năng khác nhau:

+ Khu di tích gốc gồm: nhà bảo vệ, nhà giao liên, nhà khách, nhà các đồng chí Nguyễn Hữu Thọ, Phùng Văn Cung, Võ Chí Công, bếp Hoàng Cầm, hội trường và một số đoạn giao thông hào, hầm trú ẩn...;

+ Khu tưởng niệm gồm: nhà bia, nhà đón tiếp, nhà trưng bày;

+ Khu bảo tồn: gắn với cảnh quan thiên nhiên.

- *Căn cứ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam*

Từ ngày 6 - 8/6/1969, tại rừng Tà Nốt, huyện Châu Thành (nay là huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh), Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được thành lập. Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát là Chủ tịch Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ là Chủ tịch Hội đồng Cố vấn.

Khu Căn cứ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam với diện tích là 60ha, được chia làm ba khu vực:

+ Khu di tích gốc gồm: nhà làm việc, nhà ăn, bếp Hoàng Cầm, hầm trú ẩn, giao thông hào.

+ Khu tôn tạo gồm: nhà đón tiếp, trưng bày, phòng khách, nhà làm việc, nhà bia;

+ Khu bảo tồn: gắn với cảnh quan thiên nhiên.

Di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam có giá trị đặc biệt. Trong 15 năm (1961 - 1975), Trung ương Cục đã cụ thể hóa được nhiều chủ trương, quyết sách của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng miền Nam, từ đó cho ra đời nhiều Chỉ thị, Nghị quyết quyết định đường lối chiến lược của cách mạng miền Nam và triển khai thành công trong phạm vi toàn chiến trường miền Nam. Lịch sử đã chứng minh, quyết định thành lập Căn cứ Trung ương Cục miền Nam là một chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta. Trung ương Cục đã để lại những bài học quý báu về xây dựng căn cứ địa, xây dựng phong trào cách mạng gắn với nhân dân, đặc biệt về bài học xây dựng Đảng.

Căn cứ Trung ương Cục miền Nam trở thành thủ đô của cách mạng miền Nam, là nơi lưu lại những chứng tích, những kỷ niệm về cuộc đời hoạt động cách mạng hết sức gian khổ, hy sinh, nhưng rất đỗi tự hào của nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng cùng bao cán bộ, chiến sỹ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thần thánh của dân tộc trên địa bàn miền Nam, đặc biệt là chiến trường Nam bộ. Di tích không chỉ có giá trị đặc biệt đối với công tác giáo dục truyền thống, mà còn là điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước, nhất là đối với các thế hệ trẻ Việt Nam.

Với những giá trị đặc biệt của di tích, ngày 10/5/2012, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xếp hạng Di tích lịch sử Căn cứ Trung ương Cục miền Nam là Di tích quốc gia đặc biệt (Quyết định số 548/QĐ-TTG).

+ Điểm du lịch quốc gia Vườn quốc gia Cát Tiên

Vườn Quốc gia Cát Tiên có tổng diện tích là 70.548ha, trong đó phần diện tích thuộc Đồng Nai: 39.108ha; phần diện tích thuộc tỉnh Lâm Đồng: 26.969ha; phần diện tích thuộc tỉnh Bình Phước: 4.469ha. Trụ sở Vườn Quốc gia Cát Tiên đặt tại huyện Tân Phú, Đồng Nai.

Khu vườn có cảnh thiên nhiên đa dạng: vừa có đồi, vừa có bãi ven sông, vừa có các trảng rộng lớn bằng phẳng, lại có các dòng chảy dốc. Vào mùa mưa các dòng suối hiền lành trở thành các dòng thác, nước đổ trắng xoá trên các triền đá lớn. Nhiều đoạn thác quanh co, lượn khúc tạo ra những bãi cát vàng rộng như các bãi tắm tự nhiên.

Giữa dòng sông rộng lớn nổi lên các hòn đảo chạy dài theo con nước. Trên đảo, cây cỏ thụ mọc xen với đám cỏ rộng có thể làm nơi cắm trại, đốt lửa đêm lý tưởng. Dọc ven sông, theo lộ chính về phía tay trái là toàn bộ các kiểu rừng già, hỗn giao của các loại cây gỗ quý: gỗ, giáng hương, trắc, cẩm lai, gụ... Bên phải của con đường rừng là thác trời, một ghênh thác kỳ thú nhất của Cát Tiên. Tiếp tục băng rừng, qua các thung lũng sâu sẽ đến Bàu Sấu, nơi chứa nước rộng nhất, nằm ở khu trung tâm của Vườn Quốc gia Cát Tiên. Lòng bàu chứa nhiều loại cá, đặc biệt có cả cá sấu nước ngọt. Ven bàu là nơi tập hợp của nhiều đàn chim lớn như công, trĩ, gà lôi, sếu, giang, mòng, két, le le, cù đen...

Cát Tiên không những có cảnh quan ngoạn mục, lại nằm trong khu vực chuyển tiếp của khí hậu miền núi và đồng bằng nên Cát Tiên có khí hậu độc đáo. Địa hình có sông suối bao bọc làm cho khu rừng già vừa được giữ nguyên vẹn, vừa trở thành nơi qui tụ hầu hết các kiểu rừng đồng bằng Nam Bộ. Đây là khu rừng nguyên sinh tiêu biểu cho hệ sinh thái rừng ẩm nhiệt đới vùng thấp. Rừng có nhiều cây cỏ thụ như bằng lăng, gỗ đỏ. Hệ thực vật có hơn 1.362 loài thực vật bậc cao, hơn 440 loài cây gỗ quý, hàng trăm loại cây dược liệu, 133 loài hoa phong lan...

Về động vật có 62 loài thú, 121 loài chim, có những loài chim quý hiếm như trĩ lông đỏ, cò quắm xanh, tê giác một sừng, voi...

Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy một đền thờ vật linh thuộc nền văn hoá Phù Nam trên đỉnh ngọn đồi A1 (xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng) tại khu vực đầu nguồn sông Đồng Nai. Đó là khu đền thờ được xây bằng gạch thô, bê, khung diềm cửa, cột trụ bằng đá xanh granit chạm trổ hoa văn, các Linga bằng vàng hoặc bằng vàng bịt bạc, một Linga - Yoni cao 2,1m, đường kính 0,7m bằng đá xanh mài bóng, lớn nhất Đông Nam Á cùng hơn một trăm miếng vàng có chạm hình mô tả cảnh sinh hoạt thời đó: các vũ nữ, chiến binh, voi, bò, hoa sen...

Vườn Quốc gia Cát Tiên cách Tp. Hồ Chí Minh khoảng 150km theo quốc lộ 20. Cát Tiên là một điểm du lịch sinh thái và văn hoá hấp dẫn của vùng miền Đông Nam Bộ với nhiều loại hình du lịch như đi bộ, quan sát chim thú, cắm trại, du thuyền, du lịch mạo hiểm...

+ Điểm du lịch quốc gia Hồ Trị An – Mã Đà

Điểm du lịch Hồ Trị An – Mã Đà nằm ở huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, cách thành phố Biên Hòa khoảng 35 km, cách thành phố Hồ Chí Minh 75 km. Điểm du lịch này không chỉ nổi tiếng với các di tích lịch sử, mà còn hấp dẫn du khách bởi rừng nguyên sinh bạt ngàn và hồ Trị An độc đáo. Đến với Trị An – Mã Đà, du khách được trở về vùng đất huyền thoại “Mã Đà sơn cước anh hùng tận” với những câu chuyện về một vùng đất hoang sơ, kì bí, giang sơn của các bộ tộc người Xtiêng và Châu Mạ, là cõi ma thiêng nước độc, gắn với những vạt rừng già mênh mông, những con suối chảy xiết như suối Mã Đà, suối Ma Sô, suối Đạt Bo, suối La Mách...

Với diện tích rộng hơn 100000ha với hơn 67000 ha đất rừng, 32000ha mặt nước, (hồ Trị An), khu du lịch này là nơi du khách có thể khám phá thiên nhiên hoang sơ của rừng Mã Đà và thăm thú các di tích lịch sử như Trung tâm sinh thái văn hóa lịch sử chiến khu Đ, di tích căn cứ Khu ủy miền Đông...

Hồ Trị An là một hồ nước nhân tạo hình thành trong quá trình xây dựng đập ngăn dòng chảy để làm thủy điện (1984). Với diện tích mặt hồ 323km², hồ Trị An được xem là hồ nước lớn nhất ở Việt Nam. Lòng hồ rộng hơn và có khoảng 40 hòn đảo nhỏ trên hồ nên từ lâu Trị An đã trở thành điểm du lịch dã ngoại đầy hấp dẫn đối với khách du lịch. Đến với Trị An, du khách có thể thưởng thức cảm giác lên đên trên lòng hồ khi mặt trời còn chưa ló dạng hay hoàng hôn về để cảm nhận sự mê mông, khung cảnh lãng mạn nên thơ. Du khách cũng có thể trải nghiệm cuộc sống của những ngư dân trên hồ, hoặc tham quan các đảo nhỏ như đảo Ó, đảo Đồng Trường, đảo Robinson; thưởng thức các món ăn đặc sản nơi đây như cá cơm, cá kìm, cá lăng...

Ngoài tham quan đảo Ó, du khách có thể đến các địa điểm di tích lịch sử như: Căn cứ Khu ủy miền Đông, căn cứ Trung ương Cục miền Nam, địa đạo Suối Linh... Chiến khu Đ là di tích quốc gia, là niềm tự hào, là biểu tượng truyền thống cách mạng kiên cường của người dân Đồng Nai và miền Đông Nam Bộ.

+ Điểm du lịch quốc gia Củ Chi

Địa đạo Củ Chi là một di tích lịch sử cách mạng nổi tiếng, thuộc xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, cách Sài Gòn 70km về phía Tây - Bắc. Với tầm vóc chiến công của mình, địa đạo Củ Chi đã đi vào lịch sử đấu tranh anh hùng của nhân dân Việt Nam như một huyền thoại của thế kỷ 20 và trở thành một địa danh nổi tiếng trên thế giới. Đây là một kỳ quan đánh giặc độc đáo có một không hai với khoảng 250 km đường hầm tỏa rộng như mạng nhện trong lòng đất, có các công trình liên hoàn với địa đạo như: Chiến hào, ụ, ổ chiến đấu, hầm ăn, ngủ, hội họp, sinh hoạt, quân y, kho cất dầu lương thực, giếng nước, bếp Hoàng Cầm ...

Hệ thống địa đạo chạy ngoắt ngoéo trong lòng đất, từ đường “xương sống” (đường chính) tỏa ra vô số nhánh dài ngắn, ăn thông với nhau, hoặc độc lập chấm dứt tùy theo địa hình. Có nhiều nhánh trở ra sông Sài Gòn, để khi bị tình thế nguy kịch, có thể vượt qua sông sang vùng căn cứ Bến Cát (Bình Dương). Đường hầm không sâu lắm nhưng chống được đạn pháo và sức nặng của xe tăng, xe bọc thép, những đoạn nằm sâu chống được bom cỡ nhỏ. Có những đoạn được cấu trúc từ hai đến ba tầng (tầng trên gọi là “thượng”, tầng dưới gọi là “trầm”). Chỗ lên xuống giữa các tầng, có nắp hầm bí mật. Trong địa đạo có những nút chặn những điểm cần thiết để ngăn chặn địch hoặc chất độc hóa học do địch phun vào. Có những đoạn hẹp, phải thật gọn nhẹ mới chui qua được. Dọc theo đường hầm có lỗ thông hơi bên trên được ngụy trang kín đáo và trở lên mặt đất bằng nhiều cửa bí mật. Vô số cửa được cấu trúc thành ổ chiến đấu, ụ súng bắn tỉa rất linh hoạt. Đây chính là chỗ bất ngờ với quân địch. Dưới những khúc địa đạo ở khu vực hiểm yếu, có đặt hầm chông, hố đinh, cạm bẫy...

Chung quanh cửa hầm lên xuống được bố trí nhiều hầm chông, hố đinh, mìn trái (gọi là tử địa), có cả mìn lớn chống tăng và mìn phóng bom bi chống máy bay trực thăng đổ chụp, nhằm tiêu diệt ngăn chặn quân địch tới gần.

Liên hoàn với địa đạo có các hầm rộng để nghỉ ngơi sau khi chiến đấu, mắc võng được. Có các nơi dự trữ vũ khí, lương thực, thực phẩm, nước uống, có giếng nước, bếp Hoàng Cầm (bếp giấu khói trong đất), hầm làm việc của các vị lãnh đạo, chỉ huy, hầm giải phẫu, nuôi dưỡng thương binh, hầm chữ A vững chắc cho phụ nữ, người già, trẻ em trú ẩn. Có những hầm lớn, mái lợp thoáng mát, bên trên nguy trang khéo léo để hội họp, chiếu phim, biểu diễn văn nghệ...

Dựa vào hệ thống đường hầm, công sự, chiến hào, chiến sĩ và đồng bào Củ Chi đã chiến đấu vô cùng anh dũng, lập nên những chiến công thần kỳ. Quân xâm lược Mỹ lần đầu vào Củ Chi gặp phải sức kháng cự quyết liệt từ các địa đạo trong vùng căn cứ hiểm yếu, đã phải thốt lên “làng ngầm”, “mặt khu nguy hiểm”.

Địa đạo Củ Chi có hai điểm tham quan chính sau:

- Địa đạo Bến Dược

Ở đây có khu căn cứ Khu ủy và Quân khu Sài Gòn – Gia Định hiện đang được bảo tồn tại ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi thành phố Hồ Chí Minh. Đến với Bến Dược, du khách sẽ đi tham quan thực tế đường hầm với các công trình nằm sâu dưới lòng đất như: Hầm ở và làm việc của các đồng chí lãnh đạo Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định, hầm hội họp, hầm giải phẫu, hầm chữ A chống sụp lở khi bom pháo nổ gần, hầm chứa lương thực và vũ khí, nắp bí mật, lỗ thông hơi, ổ chiến đấu, giếng nước, bếp Hoàng Cầm, công binh xưởng, nhà may quân trang, nhà cắt dép râu, nhà trưng bày vũ khí tự tạo... Đặc biệt, du khách sẽ tận mắt chứng kiến một phát minh hết sức sáng tạo trong việc giấu khói của bếp Hoàng Cầm và thưởng thức món ăn của du kích năm xưa mà giờ đây đã trở thành đặc sản: Cơm vắt, khoai mì chấm muối đậu.

Xuyên qua cánh rừng sẽ đưa du khách đến Đền Tưởng niệm liệt sĩ Bến Dược. Tại đây, du khách sẽ có một phút lắng đọng tâm hồn để mặc niệm và thắp hương tưởng nhớ đến đồng bào, các anh hùng liệt sĩ đã chiến đấu, hy sinh anh dũng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCH. Đồng thời chiêm ngưỡng bức tranh ghép gốm lớn nhất Việt Nam trên ba mảng tường xung quanh đền chính và đứng trên tháp 9 tầng ngắm nhìn cảnh vật yên bình của vùng “Tam giác sắt” năm xưa uốn lượn theo dòng sông Sài Gòn êm ả trôi.

- Địa đạo Bến Đình:

Đây là căn cứ huyện ủy huyện Củ Chi được bảo tồn tại ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Do Bến Đình có địa thế rất thuận lợi, có khu rừng trich tria dài trên 100 ha, dáng đất cao ráo, rắn chắc, khó bị sụt lở lại nằm sát sông Sài Gòn, trường hợp địch hành quân cần quét, ta có thể cơ động về phía sông rút lui an toàn. Vì vậy, Huyện ủy Củ Chi chọn Bến Đình làm căn cứ từ năm 1968 đến 1975.

Cũng giống như địa đạo Bến Dược, khi đến tham quan địa đạo Bến Đình du khách sẽ được xem phim tư liệu tại hội trường và nghe giới thiệu về lịch sử hình thành, phát triển của hệ thống địa đạo chiến Củ Chi. Ngoài việc tham quan hệ thống đường hầm, nơi ăn ở, sinh hoạt, hội họp của các đồng chí lãnh đạo Huyện ủy Củ Chi, hầm chế tạo vũ khí, nhà trưng bày vũ khí tự tạo... nơi đây còn có hệ thống chiến hào chằng chịt, có đường địa đạo ra hướng căn cứ Đồng Dù, nơi Sư đoàn 25 của Mỹ có biệt hiệu là “Tia chớp nhiệt đới” đóng quân. Và càng thú vị hơn, du khách sẽ nhìn thấy xác chiếc xe tăng M41 của quân đội Mỹ bị vương mìn

gài của du kích năm 1970 nằm giữa khu rừng. Đây là minh chứng cho sự thất bại của quân đội Mỹ trên chiến trường Củ Chi khi phải đối mặt với một đội quân vô hình dưới lòng đất.

4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng

4.1. Tuyến du lịch trong trung tâm Tp.Hồ Chí Minh.

4.1.1. Các điểm tham quan du lịch ở Tp.Hồ Chí Minh.

- Chùa Giác Lâm.
- Chùa Giác Viên.
- Chùa Vĩnh Nghiêm.
- Chùa Nam Thiên Nhất Trụ.
- Chùa Xá Lợi.
- Chùa Bà Thiên Hậu.
- Chùa Ngọc Hoàng.
- Chùa Ấn Quang.
- Chùa Phụng Sơn.
- Chùa Linh Sơn.
- Thiền Viện Vạn Hạnh.
- Đền thờ Trần Hưng Đạo.
- Nhà thờ Đức Bà.
- Nhà thờ Huyện Sỹ.
- Nhà thờ Chợ Quán.
- Nhà thờ Thánh Phanxicô Xaviê (nhà thờ Cha Tam).
- Bảo tàng lịch sử Việt Nam tại Tp.Hồ Chí Minh.
- Bảo tàng cách mạng Tp.Hồ Chí Minh.
- Bảo tàng Chủ tịch Tôn Đức Thắng.
- Bảo tàng Mỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh.
- Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ.
- Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Hội trường Thống Nhất.
- Bảo tàng chứng tích chiến tranh.
- Địa đạo Củ Chi.
- Đền tưởng niệm liệt sĩ Bến Dược.
- Dinh Xã Tây - trụ sở UBND Tp. Hồ Chí Minh.
- Bưu điện Sài Gòn.
- Thảo Cầm Viên.
- Công viên Đầm Sen.
- Khu du lịch Kỳ Hòa.
- Công viên văn hóa Tp. Hồ Chí Minh.
- Khu du lịch Văn Thánh.
- Công viên nước Sài Gòn;
- Khu du lịch Suối Tiên.
- Khu du lịch “Một thoáng Việt Nam”
- Mười tám thôn Vườn Trầu.
- Khu du lịch sinh thái Vàm Sát - cần Giờ.
- Chợ Lớn.

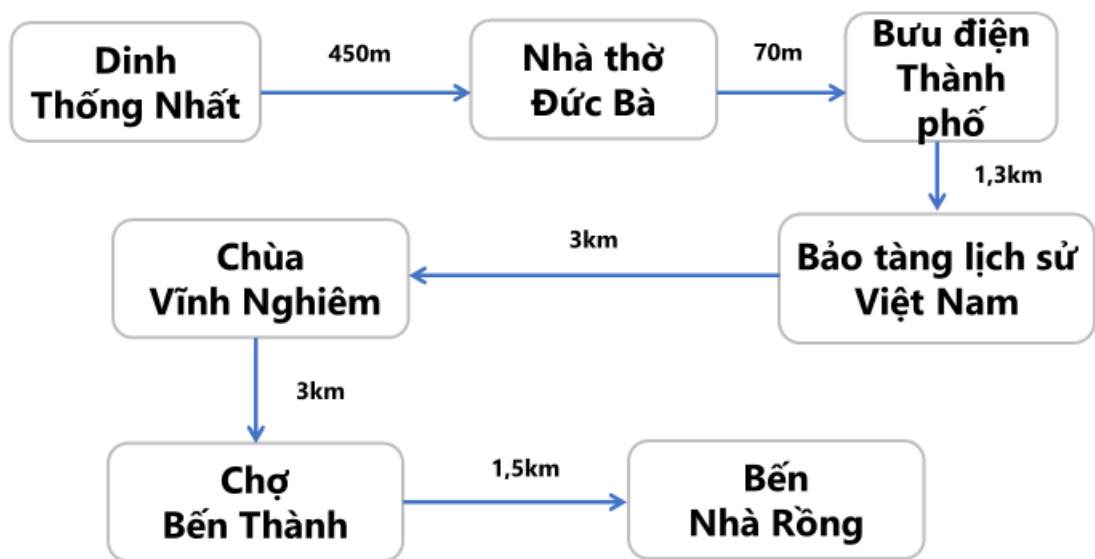
- Chợ Bến Thành.
- Chợ An Đông.

4.1.2. Các tuyến tiêu biểu

* **Tuyến dinh Thống Nhất - nhà thờ Đức Bà - chợ Bến Thành - bưu điện thành phố - bảo tàng lịch sử Việt Nam - chùa Vĩnh Nghiêm - cảng Nhà Rồng.**

- Các điểm tham quan tiêu biểu:

- + Dinh Thống Nhất
- + Nhà thờ Đức Bà
- + Chợ Bến Thành
- + Bưu điện Thành phố
- + Bảo tàng lịch sử Việt Nam
- + Chùa Vĩnh Nghiêm
- + Bến cảng Nhà Rồng



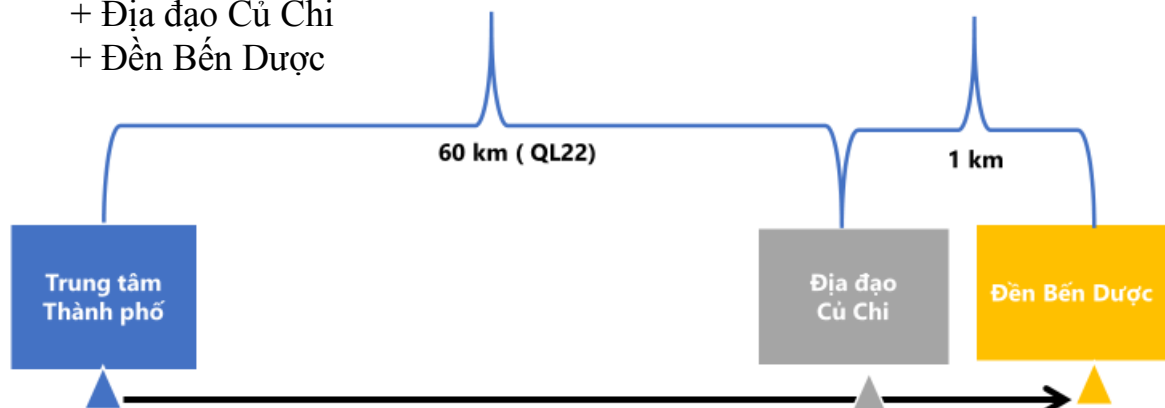
18

Hình 7.1: Sơ đồ cung đường tuyến city tour Thành phố Hồ Chí Minh

* **Tuyến trung tâm thành phố - địa đạo Củ Chi**

- Các điểm tham quan tiêu biểu:

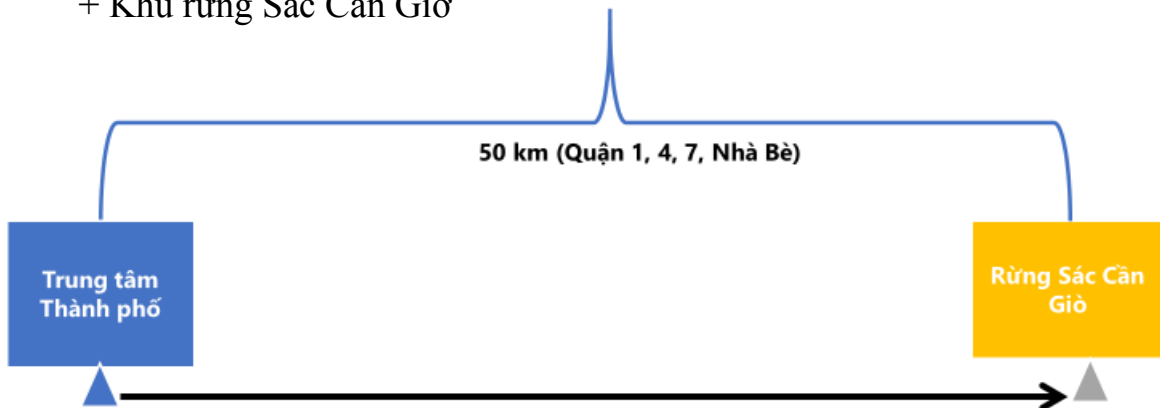
- + Trung tâm thành phố
- + Địa đạo Củ Chi
- + Đền Bến Dược



Hình 7.2: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Địa đạo Củ Chi – bến Dược

*** Tuyến trung tâm thành phố - Khu rừng Sác Cần Giờ**

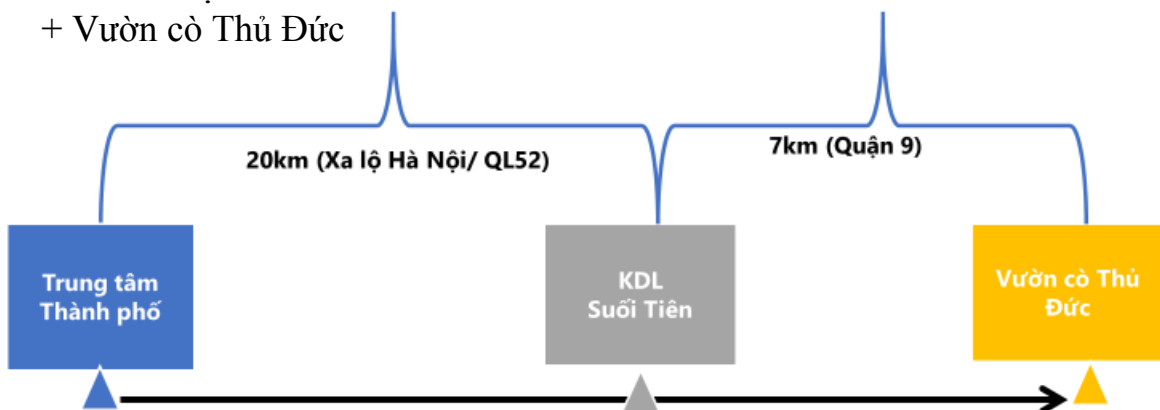
- Các điểm tham quan tiêu biểu:
- + Trung tâm thành phố
- + Khu rừng Sác Cần Giờ



Hình 7.3: Sơ đồ cung đường tuyến Trung tâm thành phố - Rừng Sác Cần Giờ

*** Tuyến trung tâm thành phố - khu du lịch Suối Tiên - vườn cò Thủ Đức**

- Các điểm du lịch tiêu biểu:
- + Trung tâm thành phố
- + Khu du lịch Suối Tiên
- + Vườn cò Thủ Đức



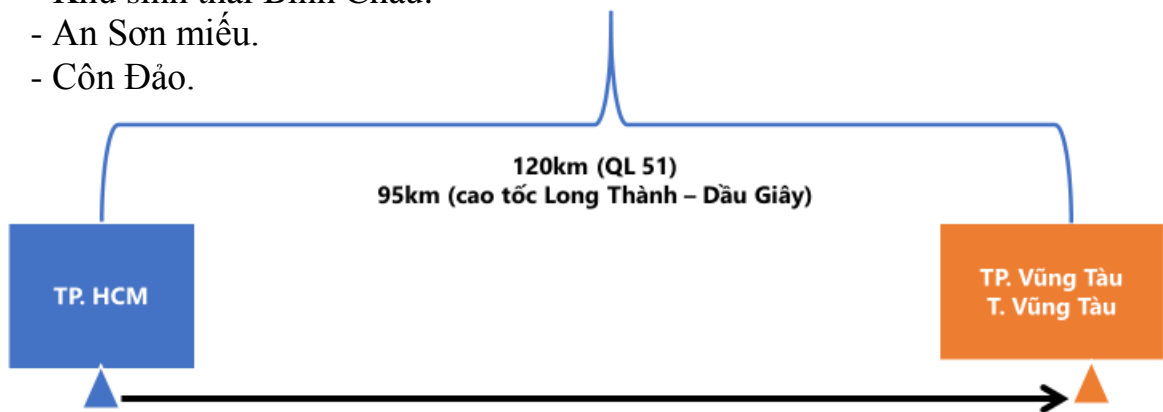
Hình 7.4: Sơ đồ cung đường tuyến Trung tâm thành phố - khu du lịch Suối Tiên - Vườn cò Thủ Đức

4.2. Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Vũng Tàu – Côn Đảo (QL 1A/ĐCT Thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây, QL 51).

Các điểm du lịch ở Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Thích Ca Phật Đài.
- Niết bàn Tịnh Xá.
- Chùa Quan Thế Âm Bồ Tát.
- Linh Sơn cổ Tự.
- Tượng chúa Jêsus.
- Khu di tích Đình Thắng Tam.
- Bạch Dinh.
- Hải Đăng Vũng Tàu.
- Bãi Sau (bãi Thùỵ Vân).
- Bãi Trước (bãi Tâm Dương).
- Bãi Nghinh Phong (bãi ô Quấn).

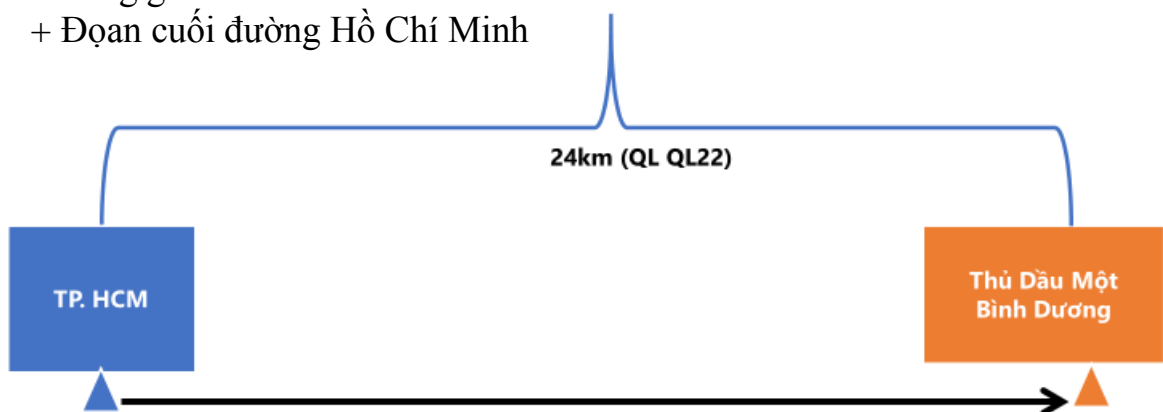
- Bãi Dứa.
- Bãi Dâu.
- Hòn Bà.
- Núi Nứa.
- Nhà Lớn (đền Ông Trần).
- Thắng cảnh Dinh Cô.
- Bãi tắm Long Hải.
- Chùa cổ Long Bàn.
- Nhà tưởng niệm nữ anh hùng Võ Thị Sáu.
- Khu căn cứ cách mạng Minh Đạm.
- Suối Tiên.
- Khu sinh thái Bình Châu.
- An Sơn miếu.
- Côn Đảo.



Hình 7.5: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Vũng Tàu

4.3. Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Bình Dương

- Các điểm du lịch ở Bình Dương
- + Vườn cây Lái Thiêu và khu du lịch Cầu Ngang
- + Làng sơn mài Tương Bình Hiệp
- + Khu du lịch Đại Nam
- + Làng gốm sứ
- + Đoạn cuối đường Hồ Chí Minh

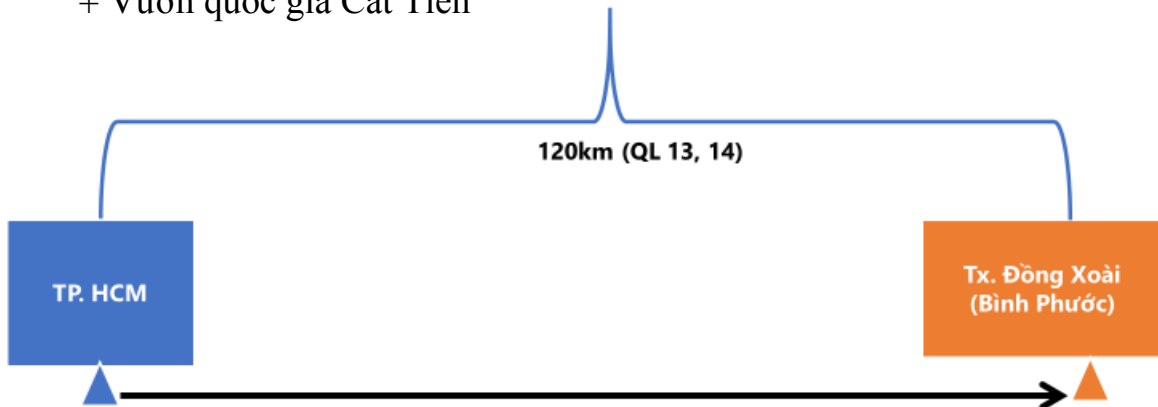


Hình 7.6: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Bình Dương

4.4. Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Bình Phước (QL13,14)

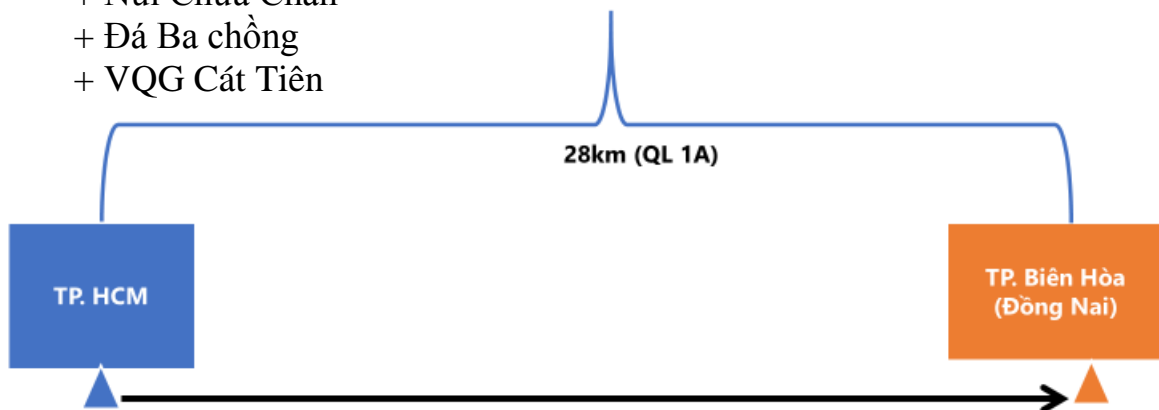
- Các điểm du lịch ở Bình Phước
- + Núi Bà Rá
- + Thủy điện Thác Mơ
- + Sóc Bom bo

- + Vườn quốc gia Bù Gia Mập
- + Vườn quốc gia Cát Tiên



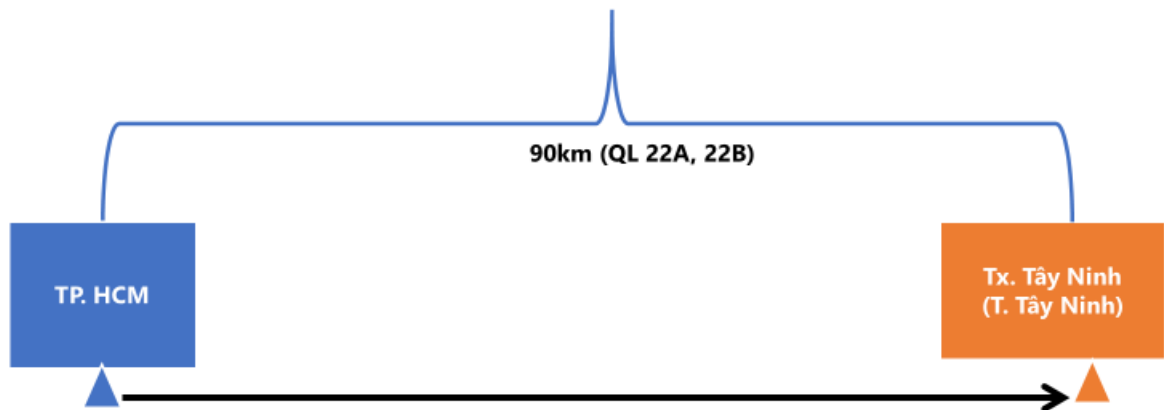
Hình 7.7: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Bình Phước
4.5. Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Đồng Nai (QL1A)

- Các điểm du lịch ở Đồng Nai
- + Cù lao phổ
- + Đền thờ Nguyễn Tri Phương
- + Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh
- + Đình Tân Lân
- + KDL Bửu Long
- + Chùa Bửu Phong
- + Làng bưởi và làng gôm
- + Thủy điện – Hồ Trị An
- + Mộ cô Hàng Gòn
- + Núi Chứa Chan
- + Đá Ba chồng
- + VQG Cát Tiên



Hình 7.8: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Đồng Nai
4.6. Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Tây Ninh (QL22A, 22B)

- Các điểm tham quan ở Tây Ninh
- + Địa đạo Củ Chi, Đền Bến Dược
- + Cửa khẩu Mộc Bài
- + Tòa thánh Cao Đài
- + Núi Bà Đen
- + Hồ Dầu Tiếng



Hình 7.9: Sơ đồ cung đường tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Tây Ninh

CÂU HỎI ÔN TẬP

- Câu 1: Trình bày vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và điều kiện nhân văn của vùng?
- Câu 2: Trình bày các tài nguyên du lịch của vùng?
- Câu 3: Trình bày hệ thống đường giao thông của vùng?
- Câu 4: Trình bày các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu của vùng?
- Câu 5: Vẽ sơ đồ một số tuyến điểm tiêu biểu của vùng?
- Câu 6: Xây dựng một số chương trình du lịch cho khách các đối tượng khác nhau?
- Câu 7: Viết bài thuyết minh cho một số chương trình du lịch tiêu biểu?

Chương 8: TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Giới thiệu

Mục tiêu:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được những nội dung khái quát chung về vùng.
- + Liệt kê được các sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng.
- + Trình bày được một số điểm du lịch tiêu biểu của vùng
- + Nêu được một số tuyến du lịch cơ bản của vùng.

- Về kỹ năng:

- + Thiết kế được các tuyến, chương trình du lịch
- + Xây dựng lộ trình tham quan phù hợp với từng đối tượng khách
- + Viết bài thuyết minh cho các chương trình du lịch

- Về thái độ:

- + Thể hiện tính cẩn thận, chu đáo, tỉ mỉ trong công việc

Nội dung

1. Khái quát chung

1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn của vùng

Vùng du lịch Đồng bằng sông Cửu Long gồm thành phố trực thuộc trung ương là Cần Thơ và 12 tỉnh Long An, Tiền Giang, Hậu Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau.

Diện tích của vùng là 40.576 km² chiếm 12,3% diện tích cả nước. Dân số của vùng năm 2015 là 17.590.400 người, chiếm 19,1% dân số cả nước.

Vùng du lịch này nằm ở phía Tây Nam của nước ta, giáp Campuchia ở phía Tây Bắc với đường biên giới dài 340 km, phía Đông Bắc giáp vùng Đông Nam Bộ, phía Đông và Đông Nam trông ra biển Đông giàu tài nguyên, phía Tây và Tây Nam giáp vịnh Thái Lan rộng lớn.

Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt giáp biển với đường biển dài trên 700 km và khoảng 360 nghìn km² vùng đặc quyền kinh tế, nằm trong khu vực có tuyến đường giao thông hàng hải quan trọng nối Nam Á – Đông Á – Châu Đại Dương và các quần đảo khác trong khu vực Thái Bình Dương. Vùng này còn nằm liền kề với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng kinh tế năng động nhất nước ta, trong đó có 2 tỉnh Long An và Tiền Giang và trên lãnh thổ của nó có vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long (Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau), có cửa ngõ ra biển rộng lớn, thông thương với các nước trong khu vực và trên thế giới. Vị trí địa lý trên cho phép vùng có thể dễ dàng tiếp cận các thị trường du lịch trọng điểm một cách thuận lợi, đặc biệt là việc liên kết các điểm đến, kết nối sản phẩm với các phân đoạn của sông Mê Kông và các khu vực khác, tạo ra các tiền đề quan trọng cho việc phát triển ngành DU lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và đưa vùng trở thành một địa bàn du lịch hấp dẫn du khách.

1.2. Tài nguyên du lịch

1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

*** Địa hình**

Được hình thành chủ yếu do sự bồi đắp phù sa của sông Mê Kông, dạng địa hình châu yếu của ở vùng này là đồng bằng châu thổ tương đối bằng phẳng, bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi chằng chịt. Chỉ có một số nơi dọc biên giới với

Campuchia xuất hiện các ngọn núi thấp. Bên cạnh đó, vùng còn có bờ biển dài và hệ thống các đảo. Tác động qua lại giữa quá trình bồi tích của sông và biển đã tạo nên cảnh quan giao thoa giữa đồng bằng châu thổ với núi rừng, biển đảo vô cùng đặc sắc và khác biệt so với các vùng khác ở nước ta.

Bộ phận đồng bằng châu thổ vười những dải đất phù sa phì nhiêu màu mỡ được bồi đắp bởi hệ thống sông Tiền, sông Hậu chiếm phần lớn diện tích, gắn liền với những cánh đồng lúa mênh mông bát ngát, đem lại ấn tượng về vùng đất phương Nam rộng lớn, thanh bình. Bên cạnh đó, những cù lao (cồn) với cảnh quan thiên nhiên trong lành như cồn Phụng, cồn Ốc, cồn Quy, cồn Tiên (Bến Tre); cồn Mĩ Phước (Sóc Trăng); cồn Thới Sơn (Tiền Giang); cù lao Ông Hồ (An Giang) đã góp phần tạo nên những nét chấm phá trong bức tranh sông nước Nam Bộ. Mặt kahcs, địa hình tương đối thấp, không có nhiều đê như vùng Đồng bằng Sông Hồng, làm cho nơi đây có một “mùa nước nổi” từ tháng 7 đến tháng 9 âm lịch hàng năm, gắn với hình ảnh cánh đồng được bao phủ bởi những biển nước mênh mông, với những cánh rừng tràm xanh tươi bạt ngàn tạo nên sức hấp dẫn riêng đối với du khách.

Địa hình biển đảo là điểm nhấn quan trọng trong việc khai thác phát triển loại hình du lịch biển của vùng. Trong số đó, đáng chú ý là hệ thống đảo và các khu vực lấn biển. Hệ thống đảo của vùng khá đa dạng, tập trung chủ yếu ở địa phận của tỉnh Kiên Giang, điển hình như đảo Phú Quốc, đảo Nam Du, đảo Hòn Sơn, đảo Hòn Tre,... với vẻ đẹp hoang sơ, nước biển trong xanh, nhiều bãi tắm đẹp. Đảo Phú Quốc- “đảo Ngọc” đang được chú trọng đầu tư trở thành một điểm du lịch chủ lực của vùng và cả nước. Bên cạnh đó, một số khu vực lấn biển ở Kiên Giang được quy hoạch phát triển thành đô thị biển hiện đại.

Một bộ phận có dạng địa hình đá vôi như khu vực quần thể núi đá vôi Hòn Chông tại Kiên Giang sang Campuchia, đang được khai thác để phát triển một số loại hình du lịch tham quan. Núi đá vôi ở đây phân bố riêng lẻ dọc theo bờ biển và đồng bằng, cách xa các khu hệ núi đá vôi khác từ 300 đến 1.000 km. Chính trong môi trường phức hợp nước biển, nước ngọt và nước lợ, trên cạn, ngập nước hoặc nửa ngập nước, nửa khô đã hình thành những dạng “ốc đảo” đa dạng. Điển hình như núi Hòn Chông cao 211m, trong núi có hang Giếng Tiên với dòng nước suối trong và ngọt, với các thạch nhũ hòa lẫn vào nhau thành những khối hình phức hợp, khơi gợi trí tưởng tượng của du khách khi tham quan.

Giữa vùng đồng bằng châu thổ, sự xuất hiện của một số ngọn núi tạo ra điểm nhấn độc đáo về cảnh quan tự nhiên. Đồi núi tập trung chủ yếu ở địa phận An Giang và Kiên Giang, trong đó một số được đưa vào khai thác du lịch như núi Sam, và núi Cấm (An Giang). Núi Sam có diện tích khoảng 280ha, với độ cao vừa phải 241m, là loại núi trẻ, với những hang động kỳ thú. Bên cạnh đó còn có cả một hệ thống kênh rạch bao quanh, cùng với hệ thống đền, chùa cổ kính trên sườn núi tạo nên một phong cảnh đẹp, hữu tình giữa vùng đồng bằng trù phú. Núi Cấm có độ cao 750m, dáng vẻ hung vĩ, khí hậu mát mẻ, phong cảnh đẹp với nhiều danh thắng tâm linh. Tại đây đã hình thành khu du lịch núi Cấm với hệ thống cáp treo hiện đại thu hút đông đảo khách du lịch.

* Khí hậu

Vùng du lịch Đồng bằng sông Cửu Long có khí hậu mang tính nhiệt đới xích đạo, nóng ẩm quanh năm với hai mùa mưa và mùa khô rõ rệt. Nhịp điệu mùa thể

hiện rõ qua sự luân phiên giữa mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 25 – 27 độ C. So với miền Đông vùng du lịch này có độ ẩm cao hơn với mùa mưa kéo dài từ tháng 4 đến tháng 12, số ngày mưa trung bình là 189 ngày/năm. Thêm vào đó, hệ thống sông ngòi và kênh rạch cũng góp phần làm tăng độ ẩm của khí hậu. Mặt khác, vùng ít chịu tác động của hiện tượng thời tiết khắc nghiệt như bão, dông. Điều kiện khí hậu và thời tiết tạo thuận lợi để tiến hành các hoạt động du lịch cũng như đảm bảo sức khỏe của con người.

Tuy nhiên tính phân mùa của khí hậu gây khó khăn đối với một số hoạt động và loại hình du lịch. Từ tháng 9 đến tháng 11, mùa mưa kéo dài tác động đến việc khai thác du lịch biển, hoạt động tham quan ở các điểm du lịch.

** Thủy văn*

Nguồn nước cung cấp chủ yếu cho sinh hoạt trong vùng là từ sông Mêkông và nước mưa. Cả hai nguồn này đều tính mùa vụ một cách rõ rệt. Chế độ thủy văn của hệ thống sông ngòi Vùng du lịch Tây Nam Bộ là có 2 mùa là mùa khô và mùa nước nổi. Vào khoảng từ tháng 8 đến tháng 11 hàng năm, nước lũ từ thượng nguồn sông Mêkông tràn về, gây ngập lụt toàn bộ các tỉnh Tây Nam Bộ. Chỉ còn một số ốc đảo nhỏ giữa biển nước mênh mông, về nguyên tắc, đây là điều kiện không thuận cho hoạt động du lịch, tuy nhiên, ngành du lịch các tỉnh Tây Nam Bộ đã biến khó khăn này thành một sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng là du lịch mùa nước nổi. Vùng cũng có một số hồ có phong cảnh khá đặc biệt như hồ Thoại Sơn, một trong những hồ đẹp cách thành phố Long Xuyên 29 km theo đường tỉnh lộ 943, hồ Búng Bình Thiên (còn gọi là Hồ nước trời) là một hồ nước ngọt đặc biệt tại huyện An Phú, màu nước quanh năm xanh ngắt cho dù nước của các kênh rạch xung quanh đục màu phù sa.

Vùng có trên 700km đường biển, tuy độ dốc thềm đáy nhỏ nhưng nước biển không trong vì lượng phù sa lớn, vật liệu đáy chủ yếu là đất sét, cát pha bùn nhão nên không thuận lợi cho du lịch tắm biển. Riêng vùng biển Kiên Giang, đặc biệt là ở khu vực Hà Tiên và Ba Hòn có độ dốc đáy ven bờ rất nhỏ, sóng không quá lớn, cát khá mịn, chế độ bán nhật triều với biên độ giao động khoảng 1m khá phù hợp cho du lịch tắm biển. Bên cạnh đó, tại vùng biển huyện Kiên Lương, có đến 40 hòn đảo lớn nhỏ trong tổng số khoảng 100 đảo của Kiên Giang. Đây là nơi duy nhất ở phía nam có các đảo đá vôi, tạo nên vùng biển này những phong cảnh ngoạn mục. Chính vì vậy mà người ta còn gọi vùng biển quần đảo Bà Lụa này là Hạ Long của phương Nam.

** Động thực vật*

Trong vùng có 5 trên tổng số 31 vườn Quốc gia của cả nước, đó là vườn Quốc gia U Minh Thượng, vườn Quốc gia Phú Quốc tỉnh Kiên Giang, vườn Quốc gia U Minh Hạ, vườn Quốc gia Mũi Cà Mau - tỉnh Cà Mau, vườn Quốc gia Tràm Chim - tỉnh Đồng Tháp. Hệ sinh thái chủ yếu ở các vườn Quốc gia này là hệ sinh thái đất ngập mặn. Rừng ngập mặn có những quần xã thực vật hình thành ở vùng ven biển và cửa sông, những nơi bị tác động của thủy triều ở vùng nhiệt đới và á nhiệt đới.

Các miệt vườn và các sân chim

Trên những giồng đất, gò đất ven sông Tiền, sông Hậu thuộc tỉnh Sa Đéc. Vĩnh Long, Mỹ Tho, Cần Thơ... có những vườn cây ăn trái, những vườn cây cảnh

rất hấp dẫn khách tham quan. Những vườn cây trái đó được gọi là miệt vườn. Miệt vườn không chỉ là một vườn cây bình thường, mà là một vườn cây của các nghệ nhân trong nông nghiệp với nhiều loại cây trái sum suê như vườn cây cảnh của nghệ nhân Nguyễn Thành Giáo (ông Sáu Giáo) ở ấp Bình Thuận, xã Bình Hòa, Vĩnh Long có hàng trăm loại cây cảnh quý như; mai vàng, mai chiếu thủy, bách xanh,... Ngoài ra, trong vùng còn rất nhiều sân chim, vườn cò nổi tiếng khắp trong và ngoài nước như vườn cò Thạnh Trị, sân chim Ngọc Hiến... Vườn cò Thạnh Trị nằm ở xã Tân Long - huyện Thạnh Trị - tỉnh Sóc Trăng. Đây là một điểm du lịch xanh nổi tiếng của Sóc Trăng hấp dẫn du khách. Vườn này có hàng vạn con cò thuộc nhiều loại như giang, diệp, cò, vạc,... đến sống đông đúc giữa các ao đầm tự nhiên. Chúng sống ở đây quanh năm. Sân chim Ngọc Hiến nằm ở cực Nam Cà Mau có diện tích 130 ha. Ở đây có thảm thực vật phong phú về số loài mằm, đước, vẹt, cóc, giá, chà là, ô rô, dừa nước,... xen kẽ với rừng ngập mặn. Trong vùng có tới 40 loài chim, nhiều nhất là cóc, diệp, vạc, cò trắng, cò bộ, cò quắm, cò rấn,... Mỗi loài làm tổ và đẻ trứng ở những độ cao, khu vực khác nhau.

Một số các cò, cù lao nổi tiếng với khách du lịch trong vùng là các cò Long, Lân, Quy, Phụng (bao gồm cả cò Thới Sơn) của 2 tỉnh Tiền Giang và Bến Tre; cù lao An Bình (Vĩnh Long); cù lao Ông Hồ, Mỹ Hòa Hưng (An Giang); cù lao Tân Lộc, cò Ấu, cò Sơn (Cần Thơ). Các vườn cây ăn trái trên các cù lao này đã và đang được khai thác phục vụ du lịch khá hiệu quả.

1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa

* Di tích lịch sử, văn hóa

Toàn vùng Tây Nam Bộ có trên 3.100 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 395 di tích cấp tỉnh, 178 di tích được công nhận cấp quốc gia và 6 di tích cấp quốc gia đặc biệt. Đó là di tích lịch sử chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút tại Tiền Giang, di tích lịch sử trại giam Phú Quốc tại Kiên Giang, di tích lịch sử chiến thắng Chương Thiện tại Vị Thanh và Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, di tích lịch sử và khảo cổ Gò Tháp lại Đồng Tháp, di tích khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật óc Eo - Ba Thê và khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại An Giang.

Các di chỉ Óc Eo về vương quốc Phù Nam ở các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Tiền Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau hiện đã bắt đầu là điểm tham quan hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là học sinh, sinh viên. Khu di tích Gò Tháp, khu di tích núi Sam và lăng Thoại Ngọc Hầu, tháp cổ Vĩnh Hưng, Bạc Liêu lại có tỷ lệ khách du lịch tâm linh chiếm đa số.

Là một trong những vùng mới khai phá nên so với nhiều địa phương khác, Tây Nam Bộ không có những di tích lịch sử lâu đời như vùng trung du và đồng bằng sông Hồng. Các di tích nơi đây liên quan nhiều đến những danh nhân có công khai khẩn đất đai, chiến đấu bảo vệ đất nước hoặc là niềm tự hào của vùng đất miền Tây như cụ Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Hữu Cảnh, Mạc Cửu, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Trung Trực, Bùi Hữu Nghĩa, Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Nguyễn Thị Định, Võ Văn Kiệt...

Một trong những đặc trưng của chùa chiền miền Tây là sự đan xen giữa chùa Việt và chùa Khmer. Những ngôi đình, đền, chùa, miếu Việt có rất nhiều ở đất miền Tây như chùa Vĩnh Tràng Mỹ Tho (Tiền Giang), chùa Tôn Thạnh (Cần Giuộc, Long An), chùa Áng - Ao Bà Om (Trà Vinh), chùa Ông (Cần Thơ), chùa

Tây An, đình Phú Lễ (Ba Tri, Bến Tre), đình Bình Thủy, đình thần Mỹ Phước, miếu Bà Chúa Xứ (An Giang), Quan Âm Cổ Tự (Cà Mau),... về Tây Nam Bộ, ngoài những ngôi đình, chùa Việt với phong thái kiến trúc miền Nam, khách du lịch sẽ được thấy rất những ngôi chùa của người Khmer với phong thái kiến trúc khác hẳn như chùa Mahatup, thường gọi là chùa Dơi tỉnh Sóc Trăng, với nét kiến trúc Khmer thể hiện ở điêu khắc Ăng - co với nhiều phù điêu và hoa văn trên hàng loạt cột đài ở chính điện cùng hàng vạn con dơi đang sống yên ổn trong vườn chùa là nét đặc sắc không khách du lịch nào có thể quên. Cùng phong thái đó có thể kể đến các chùa Nodol (chùa Cò), chùa Angkorajaberey (chùa Ăng), chùa Kompong Chray (chùa Hang) ở Trà Vinh, chùa Sà Lon (chùa Chén Kiêu), chùa Kleang ở Sóc Trăng, chùa Xiêm Cán, chùa Cù Lao ở Bạc Liêu...

Về với miền Tây Nam Bộ, khách du lịch còn được giới thiệu đi thăm những ngôi nhà cổ với nhiều câu chuyện lý thú như nhà cổ Bình Thủy, nhà Trăm cột (Long An), nhà cổ Tân Lộc (Cần Thơ), nhà cổ Đại Điền (Bến Tre), nhà công tử Bạc Liêu Trần Trinh Huy, nhà cổ Huỳnh Thủy Lê thị xã Sa Đéc, ĐồngTháp.

Khách du lịch cảm thấy đặc biệt cảm động khi được đến tham quan khu di tích Nguyễn Sinh Sắc ở tỉnh Đồng Tháp. Đây là nơi an nghỉ của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, một nhà nho yêu nước. Sau khi bị cách chức quan, cụ Nguyễn Sinh Sắc vào Nam Bộ làm thầy thuốc giúp dân nghèo, sống cuộc đời thanh bạch tại làng Hòa An cho đến khi qua đời năm 1929. Cảm phục trước tấm lòng yêu nước, thương dân của cụ, người dân địa phương đã góp tiền mua đất an táng cụ tại nơi này. Trong hơn 20 năm chia cắt, đồng bào ở đây vẫn giữ gìn, bảo vệ được di tích này trước bao hăm dọa của chính quyền Sài Gòn.

Là vùng đất cách mạng, ở Tây Nam Bộ, đi đâu khách du lịch cũng có thể gặp các di tích lịch sử cách mạng. Đó là di tích Hồng Anh Thư quán, di tích Long Mỹ, di tích làng du kích Đồng Khởi, tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển (Thanh Phú - Bến Tre, cồn Tàu - Duyên Hải - Trà Vinh, Vàm Lũng - Ngọc Hiển - Cà Mau), di tích Y4 Khu Ủy Sài Gòn - Gia Định (Mỏ Cày, Bến Tre), căn cứ xẻo Quýt (Đồng Tháp), khu di tích xứ ủy Nam Bộ - Trung Ương Cục miền Nam Thới Bình, Cà Mau, căn cứ U Minh Thượng (Kiên Giang), di tích chiến thắng Ấp Bắc (Cai Lậy, Tiền Giang), hòn Đất, huyện Hòn Đất (Kiên Giang). Cũng như nhiều vùng đất ở phía Nam, khách du lịch có thể đến tham quan các điểm du lịch đen tối (dark tourism) tại vùng du lịch miền Tây, tiêu biểu là di tích nhà tù Phú Quốc với bao nhiêu cảnh tượng tra tấn man rợ như “bó giò”, nhổ răng, bẻ xương sườn, đóng đinh lên đầu, lên xương chân...

Đối với vùng sông nước miền Tây, những cây cầu to lớn và hiện đại là những công trình đương đại không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn có sức hấp dẫn khách du lịch. Do đặc điểm là miền sông nước nên mật độ cầu lớn ở vùng này là cao nhất cả nước. Là người Việt Nam, ai ai cũng đã từng nghe thấy tên những cây cầu vùng này như cầu Mỹ Thuận, cầu Cần Thơ, cầu Rạch Miễu, cầu Hàm Luông, cầu Năm Căn, cầu Cỏ Chiên, cầu Mỹ Lợi,... Nếu cầu Mỹ Thuận là cầu dây văng đầu tiên ở Việt Nam thì cầu Cần Thơ là cầu dây văng có nhịp chính dài nhất Đông Nam Á (550m), cầu Hàm Luông được thiết kế bê tông cốt thép dự ứng lực có nhịp thông thuyền đục hẫng lớn nhất Việt Nam (150 m). Cầu Năm Căn dù không lớn về quy mô nhưng có ý nghĩa kinh tế - xã hội rất quan trọng, kết nối đường Hồ Chí

Minh về đến mũi Cà Mau, mở ra hướng liên kết phát triển của cả vùng đất cực Nam của Tổ quốc mà còn phá thế “ốc đảo” của huyện Ngọc Hiển.

** Làng nghề, sản phẩm nghề và đặc sản*

Tây Nam Bộ có trên 200 làng nghề gồm các loại làng nghề gạch gốm, làm đường, làm bánh kẹo, làm bột, nấu rượu, đan lát và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ. Đan lát là nghề phổ biến hơn cả. Vật liệu chủ yếu lấy từ địa phương như dừa (thân cây, vỏ khô, cọng và lá), cây lục bình khô (một loại một loài thực vật thủy sinh có ở mọi nơi của Tây Nam Bộ), bẹ chuối, cỏ bàng (loài thực vật thủy sinh sống ở các vùng nhiễm phèn), lác... Khách du lịch rất thích thú tham quan những xưởng đan lát thủ công và mua những sản phẩm thủ công truyền thống rất thân thiện với môi trường này. Làng nghề mang tính đặc trưng ở các địa phương nổi tiếng trong khu vực có thể kể đến là làng dệt thổ cẩm An Giang, làng gốm Vĩnh Long, bánh pía Sóc Trăng, kẹo dừa Bến Tre, gốm sứ Khmer ở An Giang, gốm Hòn Đất ở Kiên Giang, gốm Mỹ Hoà ở An Giang, gốm đỏ ở Vĩnh Long, hoa kiếng Sa Đéc, Đồng Tháp...

Là vùng đồng bằng màu mỡ, ngoài lúa gạo, Tây Nam Bộ có khá nhiều hoa quả. Vào mùa, khách du lịch có thể thỏa thuê thưởng thức các loại trái cây nhiệt đới, đặc biệt là bưởi da xanh Bến Tre, chôm chôm Vĩnh Long, dâu U Minh, dừa sáp cầu Kè Trà Vinh, sơ ri Gò Công, trái quách Trà Vinh, vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim, Châu Thành, Tiền Giang, xoài cát Cao Lãnh Đồng Tháp, xoài cát Hòa Lộc, sầu riêng... Ngành du lịch các tỉnh Tây Nam Bộ đã biến những nông sản của mình thành sản phẩm du lịch khá hấp dẫn thông qua các hội chợ hoa quả được tổ chức hàng năm... Một trong những đặc điểm ẩm thực của người miền Tây là tính thiên nhiên. Hầu như bất cứ loài cây cỏ nào cũng có thể trở thành món ăn trên mâm cơm. Nhiều loại “cây cỏ” đã trở thành món ăn nổi tiếng của miền Tây như đuông dừa nướng, dưa xoài non An Giang, hoa điên điển, bông súng, cọng súng, năn bộp... Ngoài ra còn có thể kể đến các món như mắm Châu Đốc An Giang, mắm chua Vĩnh Hưng, gỏi cá trích Phú Quốc, nem Lai Vung - Đồng Tháp, nem nướng Trà Vinh, tôm khô Vĩnh Kim huyện cầu Ngang, Trà Vinh, bánh pía Sóc Trăng, bánh phồng Phú Mỹ, An Giang, kẹo dừa Bến Tre, đường thốt nốt An Giang, Kiên Giang...

** Bảo tàng*

Tây Nam Bộ có 7 bảo tàng, trong đó có 1 bảo tàng tư nhân. Khách du lịch về miền Tây thường không bao giờ bỏ lỡ viếng thăm bảo tàng Khmer và bảo tàng rắn Đồng Tâm. Có thể nói đây là hai bảo tàng đặc trưng của Tây Nam Bộ.

Có hai bảo tàng Khmer, một ở tỉnh Sóc Trăng, một ở tỉnh Trà Vinh. Bảo tàng Khmer Sóc Trăng được xây dựng năm 1938, là bảo tàng văn hoá Khmer lâu đời nhất và trưng bày nhiều hiện vật nhất tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

Bảo tàng rắn đầu tiên ở Việt Nam là Trung tâm được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ bảo tồn các loại động vật quý hiếm, nghiên cứu khoa học, sản xuất thuốc y học cổ truyền dân tộc và cấp cứu điều trị rắn độc cắn ở đồng bằng sông Cửu Long. Trại rắn Đồng Tâm là nơi cung cấp những kiến thức và hình ảnh thực tế, sống động về loài bò sát đặc biệt này. Vì thế, bảo tàng rắn đặc biệt hấp dẫn những người thích nghiên cứu, tìm hiểu về bò sát.

** Lễ hội*

Vùng Tây Nam Bộ có rất nhiều lễ hội, có thể kể đến một số lễ hội như lễ hội miếu Bà Chúa Xứ, lễ hội Gò Tháp, hội Nghinh ông, lễ hội cúng biển Mỹ Long ở Trà Vinh, lễ cầu mưa ở Long An, lễ mừng năm mới Choi – chơ – nam - th'mây của đồng bào các dân tộc Khmer, lễ Ok – om - bok và hội đua ghe ngo, hội Thác Côn (lễ cúng Dừa, Lễ hội cúng phước biển Sóc Trăng), lễ Đôlta và hội đua bò, hội đền Bảo Sơn, hội đền Long Phú ở An Giang, hội đền Nguyễn Trung Trực, hội đình Bình Thủy ở Cần Thơ, hội đình Định Yên ở Đồng Tháp, hội đình Phú Lễ ở Bến Tre, hội đình Tân Phú Trung, hội miếu Bằng Lang, hội tứ kiệt ở Tiền Giang, hội Vàm Láng, lễ hội đình Châu Phú, lễ hội Nguyễn Đình Chiểu, lễ Kỳ Yên ở Kiên Giang...

Lễ hội Bà Chúa Xứ là lễ hội dân gian lớn nhất ở Nam Bộ. Lễ hội được tổ chức hàng năm và bắt đầu từ đêm ngày 23 đến 27 tháng tư âm lịch tại miếu Bà Chúa Xứ ở núi Sam, tỉnh An Giang. Lễ hội Chol Chnam Thmay là lễ hội năm mới, lễ tết lớn nhất của người Khmer Nam Bộ, được tổ chức vào các ngày 12, 13, 14, 15 tháng tư âm lịch tại chùa và gia đình. Những lễ hội này luôn thu hút sự tò mò và tạo hứng khởi cho khách du lịch trong và ngoài nước khi đến miền Tây.

** Nghệ thuật*

Một trong những tài nguyên du lịch phi vật thể đặc trưng của Tây Nam Bộ là loại hình nghệ thuật dân gian đờn ca tài tử, một dòng nhạc dân tộc của Việt Nam đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể có vùng ảnh hưởng lớn, với phạm vi 21 tỉnh thành phía nam là An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, TP. Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Long An, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long. Trong đó, Bạc Liêu, Bình Dương, Tiền Giang và TP. Hồ Chí Minh là những tỉnh, thành phố có nhiều người hát đờn ca tài tử nhất.

1.3. Hệ thống đường giao thông

- *Đường bộ*: Các quốc lộ: 1A, 30, 80, 91, 62, nối các tỉnh trong vùng và với TP. Hồ Chí Minh; Đường Hồ Chí Minh nối với các tỉnh không gian Đông Nam Bộ và các tỉnh khác thuộc đồng bằng sông Cửu Long.

- *Đường thủy*: Hệ thống sông Tiền Giang và sông Hậu Giang, sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây các kênh rạch dọc ngang tạo nên hệ thống sông dày đặc phù hợp các tuyến du lịch trên sông. Đây là đặc thù về giao thông của các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra còn tuyến giao thông thủy trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, tuyến đất liền ra đảo. Giao thông đường thủy giữ vai trò quan trọng nhất.

- *Đường không*: Vùng có các sân bay Rạch Giá, Phú Quốc Kiên Giang, Cần Thơ Cần Thơ, Cà Mau Cà Mau, trong đó sân bay Cần Thơ, Phú Quốc đang được đầu tư nâng cấp thành sân bay quốc tế.

2. Các loại hình du lịch đặc trưng và các địa bàn hoạt động chủ yếu

2.1. Các loại hình du lịch đặc trưng

- Du lịch sinh thái (miệt vườn, đất ngập nước),
- Du lịch biển và du lịch văn hóa lễ hội

2.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu

- Tiền Giang - Bến Tre gắn với du lịch miệt vườn Thới Sơn.
- Cần Thơ - Kiên Giang gắn với iền đảo Phú Quốc, Hà Tiên.

- Đồng Tháp - An Giang gắn với Tứ giác Long Xuyên, VQG Tràm chim.
- Cà Mau gắn với U Minh - Năm Căn - Mũi Cà Mau.

3. Hệ thống khu, điểm, đô thị du lịch

Căn cứ đặc điểm tài nguyên du lịch và thực tế nhu cầu phát triển, định hướng quy hoạch phát triển hệ thống khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia như sau:

- 4 Khu du lịch quốc gia:

- + Khu du lịch quốc gia Happyland;
- + Khu du lịch quốc gia Thới Sơn;
- + Khu du lịch quốc gia Phú Quốc;
- + Khu du lịch quốc gia Năm Căn.

- 7 Điểm du lịch quốc gia:

- + Điểm du lịch quốc gia Láng Sen;
- + Điểm du lịch quốc gia Tràm Chim;
- + Điểm du lịch quốc gia Núi Sam;
- + Điểm du lịch quốc gia Cù lao Ông Hổ;
- + Điểm du lịch quốc gia TP. Cần Thơ;
- + Điểm du lịch quốc gia TX. Hà Tiên;
- + Điểm du lịch quốc gia Lưu niệm Cao Văn Lầu.

Ngoài ra, định hướng phát triển một số khu, điểm du lịch quan trọng khác như Ba Động (Trà Vinh), thành phố Vĩnh Long và phụ cận Vĩnh Long.

Giới thiệu một số điểm du lịch quốc gia tiêu biểu

+ Điểm du lịch thành phố Cần Thơ

Cần Thơ, được mệnh danh là Tây Đô, thủ phủ của miền Tây Nam Bộ, là một trong 4 đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Cần Thơ có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh – quốc phòng, là cửa ngõ và đầu mối của nhiều tuyến giao thông quan trọng. Cần Thơ cũng được xem là một trong hai trung tâm du lịch trọng điểm của Đồng bằng Sông Cửu Long, với tài nguyên du lịch đa dạng và đặc thù, có sự liên kết với nhiều tuyến du lịch trong nước và quốc tế. Đến với Cần Thơ, du khách được trải nghiệm không khí của khu đô thị sầm uất của miền Tây, vừa có thể cảm nhận vẻ đẹp bình dị từ thiên nhiên cùng với con người và cuộc sống của vùng sông nước qua nhiều điểm du lịch hấp dẫn.

Du khách có thể đến tham quan một số điểm du lịch tiêu biểu sau đây:

- *Bến Ninh Kiều*: nằm ven sông Cần Thơ, từ vàm rạch Cái Khế đến nhà lồng chợ cổ Cần Thơ. Đây là nơi giao thoa giữa sông Hậu và sông Cần Thơ. Trên sông tập nập ghe thuyền xuôi ngược qua lại chở đầy sản vật của miệt vườn sông nước Cửu Long. Bến Ninh Kiều là nơi các du thuyền neo đậu để đưa rước du khách tham quan sông nước, miệt vườn. Nơi đây, trở thành điểm tham quan của du khách trong và ngoài nước và là biểu tượng của vùng đất thủ phủ sông nước.

- *Chợ nổi Cái Răng*: cách bến Ninh Kiều khoảng 6km, một hoạt động sinh hoạt đặc trưng văn hóa của người Nam Bộ. Thời gian hoạt động của chợ nổi từ 5 giờ đến 9 giờ sáng, các mặt hàng chủ yếu là nông sản, trái cây các loại, hàng hóa, thực phẩm...Người ta qua lại trên sông bằng các phương tiện như xuồng, ghe với các điểm nhấn là “cây bèo” treo mặt hàng kinh doanh. Đây là một nét văn hóa rất đặc sắc ở vùng sông nước, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước.

- *Vườn cò bằng lăng*: Vườn cò Bằng Lăng – một trong những sân chim lớn nhất nơi miệt vườn chín dòng sông. Trên đường từ Cần Thơ về thành phố Long Xuyên (An Giang), qua khỏi thị trấn Thốt Nốt chừng 5km là đến vườn cò Bằng Lăng. Vườn cò rộng khoảng 2 ha, có trên 20 loài chim, 10 giống cò với hàng ngàn con trú ngụ. Đến vườn cò Bằng Lăng, du khách sẽ trải nghiệm trong không gian yên bình với những cánh đồng cò bay lượn và khung cảnh làng quê hiền hòa.

- *Chùa Ông*: Chùa Ông là nơi sinh hoạt tín ngưỡng và văn hoá của người Hoa tại Cần Thơ. Chùa được Bộ Văn hóa – Thông tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia năm 1993. Chùa Ông có lối kiến trúc độc đáo được giữ gìn gần như nguyên vẹn từ thuở ban đầu. Chùa được xây dựng năm 1894 – 1896 trên một khu đất có diện tích chừng 532m². Mái chùa lợp ngói âm dương với các gờ bó mái bằng những hàng ngói ống men xanh thẫm, trên bờ nóc có vô số hình nhân đủ màu bằng gốm sứ, lưỡng long châu nguyệt, cá hoá long, chim phụng, ở hai đầu đao là hai tượng người cầm mặt trời, mặt trăng. Trong chùa thờ Quan Công, một vị tướng thời Tam Quốc, tấm gương về lòng trung hiếu tiết nghĩa và các vị Quan Âm Nam Hải, Thái Bạch tinh quân, Thổ Địa, Đông Vĩnh...

- *Nhà cổ Bình Thủy*: Ngôi nhà cổ năm gian hai mái, kiến trúc kiểu Pháp được gia đình họ Dương xây vào năm 1870. Kiến trúc nhà kiểu Pháp với nền nhà cao hơn mặt sân 1m; có bốn bậc thang hình cánh cung tảo nhã, nối kết nhà với khoảng sân rộng, trần cao, trang trí hoa văn, mở nhiều cửa lớn nhỏ với khung sắt khá đơn giản giúp nhà thông thoáng, mặt tiền trang trí phù điêu đắp nổi... Toàn bộ gạch bông hoa hồng đỏ – đen lát nền nhà với hàng rào sắt đúc bảo vệ khuôn viên đều được đặt và chở từ Pháp sang. Đây là mẫu nhà cổ hiếm hoi còn sót lại khá nguyên vẹn giúp các nhà nghiên cứu tìm hiểu đời sống sinh hoạt, văn hoá cũng như tiến trình phát triển dưới tác động khác nhau lúc giao thời giữa hai thế kỷ của cư dân ĐBSCL.

- *Chợ đêm Tây Đô*: Chợ Tây Đô là trung tâm buôn bán lớn của các tỉnh Nam Bộ đồng thời cũng là điểm vui chơi giải trí, du lịch hấp dẫn. Chợ Tây Đô trước đây là một chợ đầu mối trung chuyển các mặt hàng với nhiều địa phương trong và ngoài nước. Bên cạnh chức năng trao đổi hàng hoá, tại đây còn có các dịch vụ ẩm thực, giải trí... Do quy mô hoạt động và tầm quan trọng đối với khu vực nên chợ Tây Đô là một trung tâm buôn bán lớn của các tỉnh Nam Bộ.

+ Điểm du lịch lưu niệm nhạc sĩ Cao Văn Lầu

Được xây dựng tại phường 2, thị xã Bạc Liêu. Di tích được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu xếp hạng là Di tích lịch sử cấp tỉnh năm 1997. Nhạc sĩ Cao Văn Lầu (1892 – 1976) là người sáng tác bản “Đạ cổ hoài lang” nổi tiếng, tiền thân của bản Vọng cổ ngày nay. Di tích lịch sử - văn hóa khu lưu niệm nhạc sĩ Cao Văn Lầu được xây dựng tại phường 2, thị xã Bạc Liêu (tại nơi mà gia đình an tang cố nhạc sĩ khi tạ thế - 1976).

Khu di tích này vừa được trùng tu tôn tạo mở rộng trong một khuôn viên có diện tích 2772 m² với tổng kinh phí hơn 6,3 tỉ đồng, bao gồm 10 hạng mục. Từ trung tâm thị xã Bạc Liêu qua cầu Kim Sơn (hay còn gọi là Cầu Quay), đi trên con đường mang tên Cao Văn Lầu thêm khoảng 1km lại rẽ phải, đi vào khoảng 300m là đến khu di tích. Di tích được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu xếp hạng là Di tích lịch sử cấp tỉnh năm 1997.

Khu di tích bao gồm 10 hạng mục, nhưng điểm nhấn rõ nhất là đài nguyệt cầm, khu mộ gia đình và nhà trưng bày hiện vật.

- *Đài Nguyệt Cầm*
- *Khu mộ gia đình*
- *Nhà trưng bày hiện vật*

4. Một số tuyến du lịch đang phát triển trong vùng

4.1. Tuyến Tiền Giang – Bến Tre – Vĩnh Long

4.1.1 Các điểm du lịch ở Tiền Giang

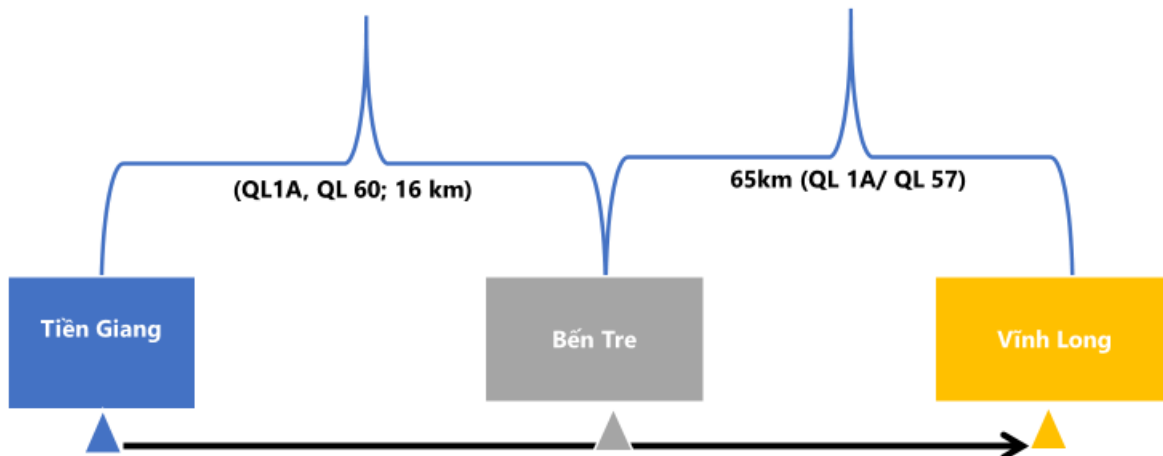
- Di tích văn hóa Óc Eo - Gò Thành.
- Di tích Rạch Gầm -- Xoài Mút.
- Chùa Vĩnh Tràng.
- Chùa Hội Thọ.
- Chùa Sắc Tứ Linh Thứu.
- Chùa Thanh Trước.
- Đình Long Hưng.
- Di tích Ấp Bắc.
- Lăng Trương Định.
- Mỹ Tho Đại Phố.
- Cồn Thới Sơn.
- Trại nuôi rắn Đồng Tâm.
- Đồng Tháp Mười,
- Chợ nổi Cái Bè và cù lao Tân Phong.

4.1.2. Các điểm du lịch ở Bến Tre

- Chùa Hội Tôn.
- Chùa Tuyên Linh.
- Làng du kích Đồng Khởi.
- Mộ Nguyễn Đình Chiểu.
- Cồn Phụng.
- Cồn Qui.
- Cồn Ốc.
- Cồn Tiên.
- Sân chim Vàm Hồ.
- Làng cây trái Cái Mon.

4.1.3. Các điểm du lịch ở Vĩnh Long

- Văn thánh miếu.
- Đình Long Thanh.
- Chùa Phước Hậu.
- Chùa Tiên Châu.
- Cù lao An Bình và Bình Hòa Phước.
- Khu du lịch Trường An.
- Khu du lịch Vinh San.
- Cầu Mỹ Thuận.



Hình 8.1: Sơ đồ cung đường tuyến Tiên Giang – Bến Tre – Vĩnh Long

4.2. Tuyến Cần Thơ – Sóc Trăng – Bạc Liêu – Cà Mau

4.2.1. Các điểm du lịch ở Cần Thơ

- Chùa Nam Nhã.
- Hội Linh Cổ Tự.
- Chùa Ông.
- Bảo tàng Cần Thơ.
- Đình Bình Thủy.
- Chùa Khánh Quang.
- Mộ danh nhân Phan Văn Trị.
- Mộ thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa.
- Nhà cổ Bình Thủy.
- Khu du lịch Phù Sa.
- Làng đan lợp Thới Long.
- Xóm lưới Thom Rom.
- Chợ cổ Cần Thơ.
- Bến Ninh Kiều.
- Vườn cò Bằng Lăng.
- Chợ nổi Cái Răng.
- Chợ nổi Phong Điền.
- Vườn du lịch Mỹ Khánh.

4.2.2. Các điểm du lịch ở Sóc Trăng

- Chùa Khleang
- Chùa Dơi,
- Nhà bảo tàng Khmer Sóc Trăng.
- Căn cứ tỉnh ủy Sóc Trăng.
- Chùa Đất Sét.
- Chùa Sà Lôn.
- Cồn Mỹ Phước.
- Hồ Nước Ngọt.
- Vườn cò Tân Long.
- Khu du lịch Bình An.

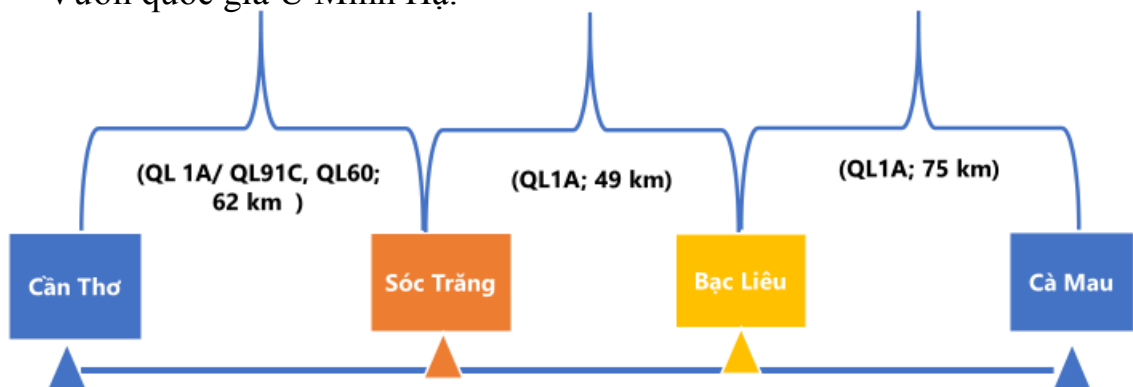
4.2.3. Các điểm du lịch ở Bạc Liêu

- Tháp cổ Vĩnh Hưng.
- Chùa Bang.
- Chùa Xiêm Cán.

- Chùa Quan Đế.
- Chùa Mới Hòa Bình.
- Chùa Minh.
- Di tích đồng Nọc Nạng,
- Mộ nhạc sĩ Cao Văn Lầu.
- Di tích nhà Công Tử Bạc Liêu.
- Quần thể nhà Tây ở Bạc Liêu.
- Sân chim Bạc Liêu.

4.2.4. Các điểm du lịch ở Cà Mau

- Chùa Quan Âm.
- Chùa Hưng Quảng.
- Đình Tân Hưng.
- Hồng Anh Thư Quán.
- Lâm viên 19/5.
- Đảo Hòn Khoai.
- Đất Năm Căn.
- Mũi Cà Mau.
- Hòn Đá Bạc.
- Rừng Sác.
- Sân chim Ngọc Hiển.
- Sân chim Chà Là.
- Sân chim Đầm Dơi.
- Nhà bác Ba Phi.
- Bãi biển Khai Long.
- Vườn quốc gia U Minh Hạ.



Hình 8.2: Sơ đồ cung đường tuyến Cần Thơ – Sóc Trăng – Bạc Liêu – Cà Mau

4.3. Tuyến An Giang – Kiên Giang

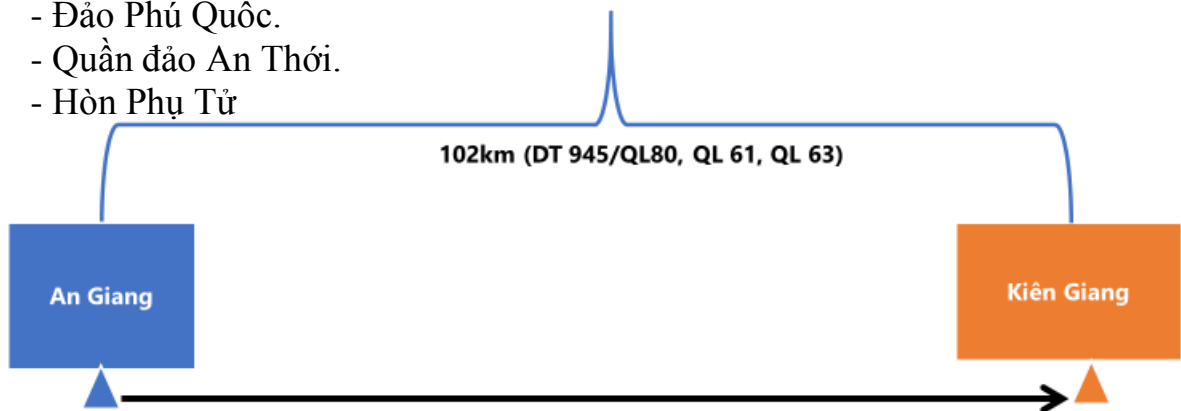
4.3.1. Các điểm du lịch ở An Giang

- Cù lao ông Hồ và nhà lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng.
- Khu di tích lịch sử Tứ Dụ
- Thành cổ Óc Eo.
- Làng Chăm Châu Giang
- Miếu Bà Chúa Xứ.
- Lăng Thoại Ngọc Hầu.
- Chùa Tây An.
- Chùa Giồng Thành.

- Thánh đường hồi giáo Mu'Ba Răk (chùa Chấm).
- Khu du lịch Núi Sam.
- Nhà mồ Ba Chúc
- Chợ Châu Đốc

4.3.2. Các điểm du lịch ở Kiên Giang

- Đền thờ Nguyễn Trung Trực.
- Chùa Tam Bảo (Rạch Giá).
- Nhà thơ, lăng mộ dòng họ Mạc.
- Chùa Phù Dung.
- Chùa Tam Bảo (Hà Tiên).
- Nhà tù Hà Tiên.
- Cảnh đẹp Hà Tiên.
- Đảo Phú Quốc.
- Quần đảo An Thới.
- Hòn Phụ Tử



Hình 8.3: Sơ đồ cung đường tuyến An Giang – Kiên Giang

CÂU HỎI ÔN TẬP

- Câu 1: Trình bày vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và điều kiện nhân văn của vùng?
- Câu 2: Trình bày các tài nguyên du lịch của vùng?
- Câu 3: Trình bày hệ thống đường giao thông của vùng?
- Câu 4: Trình bày các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu của vùng?
- Câu 5: Vẽ sơ đồ một số tuyến điểm tiêu biểu của vùng?
- Câu 6: Xây dựng một số chương trình du lịch cho khách các đối tượng khác nhau?
- Câu 7: Viết bài thuyết minh cho một số chương trình du lịch tiêu biểu?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), Địa lý du lịch, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007.
- Tổng cục Du lịch, Non nước Việt Nam, NXB Văn hóa thông tin, 1999.
- Bùi Hải Yên, Tuyển điểm du lịch Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo Dục, năm 2006
- GS - TS. Nguyễn Văn Đính, Giáo trình nghiệp vụ lữ hành, NXB Đại học kinh tế quốc dân, năm 2007.